

Thư Quán Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH BẤT ĐỊNH KỲ

Chủ đề về Người Cha



● *Những sáng tác độc
đáo viết về người Cha*

● *Giới thiệu một nhà
văn của thế hệ chiến
tranh: Lê văn Thiện*

DƯƠNG NGHIÊM MẬU:

*THANH TÂM TUYỀN VÀ
NHỮNG NGƯỜI BẠN -
TRƯỚC KHI CÓ TẠP CHÍ
SÁNG -TẠO...*

Số 43
tháng 8-2010



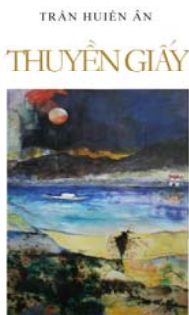
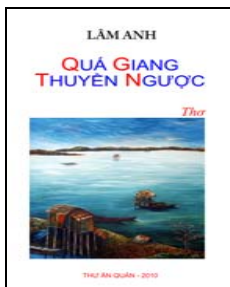
Tranh Trúc Hiền

Những tác phẩm mới xuất bản của Thư Ân Quán:

Sách tặng (khi có yêu cầu)

Lâm Anh (VN):
Quá giang thuyền ngược
(thi tập)

Trần Huyền Ân
Thuyền Giấy, thi tập
Bách Khoa xb, 1967
(tủ sách Di sản văn chương miền Nam)



**Tuyển truyện Lê văn Thiện
(trước 1975)**

Tái bản hai tập truyện trước 1975
Một cách buồn phiền (Văn, 1969)
Sao không như ngày xưa (Côi Sơn, 1971)

Ô CỬA

Thơ tuyển toàn tập của Trần Hoài Thư
Tái bản, thêm phụ lục, bản đặc biệt bìa Hardcover

NGƯỜI GIỮ NHÀ THỜ HỌ

Tập truyện của Khuất Đầu

ĐAN TÂM

Thi tập của Phạm Ngọc Lư, tái bản

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 43, THÁNG 8, NĂM 2010
Tuyển tập Thơ Văn

MUC LUC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và Viết / 5:

Lê văn Thiện, Trần Hoài Thư, Hoài Ziang Duy

Chủ đề viết về Cha

Võ Hồng: Một bông hồng cho cha (26)

Văn Lệ Thiên: Âm thầm (33)

Nguyễn thị Từ Huy: Một nền hương cho ba (40)

Lê Cận Thơ: Bộ ngựa gỗ của ba tôi (44)

Nguyễn Kim Tiến: Truyện thật ngắn (59)

Alexi Zentner: Chạm (61)

Phan Nhiên Hạo: Năm này tôi bằng tuổi ba tôi (81)

Trần Hoài Thư: Tìm cha (85)

Giới thiệu nhà văn Lê văn Thiện

Phạm Ngọc Lư: Gặp gỡ Lê văn Thiện (99)

Nguyễn Lệ Uyên: Đọc Lê văn Thiện (111)

Trần hữu Thực: Đọc Một Cách Buồn Phiền (122)

NGU & KĐ: Nói chuyện với LVT (129)

Sáng tác của Lê văn Thiện (136)

Mục thường xuyên

*Dương Nghiễm Mậu: Thanh Tâm Tuyền và những người
bạn ... (154)*

Hoàng Xuân Sơn (thơ) / 172

Nguyễn Trung Dũng: Đọc thoại (truyện) / 173

Nguyễn Thanh Khiết (thơ) / 176

Khuất Đầu: Trong suốt như khí trời (truyện) / 178

Nam Huân: Như chỉ là giấc mơ thôi (truyện) / 187

Phạm văn Nhân: Giới thiệu sách báo / 207
Giữa tòa soạn và thân hữu /215

Tranh bìa: Trúc Hiền (14 tuổi)
Phụ bản dùng trong tạp chí này được trích từ "Ngẫu hứng" tranh ký họa của Lữ Kiều, Ý thức Bản thảo 2001.

Chủ trương biên tập: THT

Tòa soạn:

P.O Box 58
South Bound Brook
NJ 08880

Email: tranhoaitu@verizon.net

\\



Thư Tòa Soạn

Số báo kỳ này chúng tôi dành nhiều trang viết về NGƯỜI CHA .

Trong phần thường xuyên, gồm sáng tác thơ văn, còn có phần giới thiệu tác giả, di sản văn chương miền Nam. Kỳ này chúng tôi sẽ đi phần đầu của bài viết của nhà văn Dương Nghiễm Mậu từ trong nước về nhà thơ Thanh Tâm Tuyền trong thời kỳ tiền Sáng Tạo mà đến bây giờ ít ai biết đến.

Riêng về phần giới thiệu tác giả, chúng tôi đặc biệt giới thiệu nhà văn Lê văn Thiện. Trước 1975, ông có 2 tác phẩm được xuất bản. Giới thiệu về ông, như những tác giả mà TQBT từng giới thiệu trước đây, chúng tôi muốn giúp bạn đọc thấy lại một nền văn học lấy lòng, đầy tình người, sáng tạo, và tự do. Thứ hai, chúng tôi muốn đóng góp vào việc bảo tồn, và gìn giữ một nền văn học đã bị truy diệt.

Trong những tháng qua, cơ sở Thư Ấn Quán đã cho ra đời một số tác phẩm. Quý bạn nào cần, xin cho chúng tôi biết. Những tác phẩm đã được in thành sách là : *Cúi Mặt*, truyện dài của Bùi Đăng (Tủ sách Di Sản văn chương MN), *Người giữ nhà thờ họ* tập truyện của Khuất Đầu, *Quá Giang Thuyền Ngược* thơ của Lâm Anh, *Thuyền Giấy*, thơ của Trần Huyền Ân (do Bách Khoa xuất bản 1967 - Tủ sách Di Sản văn chương MN), *Những Con Mưa Mùa Đông* truyện dài của Lữ Quỳnh (Tủ sách Di Sản văn chương MN) , tái bản tập thơ *Đan Tâm*, do chính tác giả Phạm Ngọc Lư trình bày bìa, *Mây khói quê nhà*, thơ Phạm Cao Hoàng, *Bốn Ngàn năm Chen Lấn*, tập truyện của Hoài Ziang Duy, và *Ô Cửa*, thơ của Trần Hoài Thư, tái bản thêm 20 trang phần phụ lục và đóng bìa cứng.

Nhân đây, chúng tôi xin được cảm tạ các bạn bè thân hữu đã lo lắng hỏi thăm tình trạng sức khỏe của chúng tôi. Hy vọng mọi điều sẽ được tốt đẹp, để TQBT không còn ra bất định kỳ nữa.

Số tới (44), TQBT sẽ đặc biệt giới thiệu các tạp chí văn học nghệ thuật miền Nam trước 1975 qua số báo đầu tiên (số 1) gồm bìa và chủ trương của mỗi tờ báo.

Cuối cùng, xin được gửi đến quý bạn đọc và thân hữu những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

Hẹn gặp lại vào số 44 dự trù phát hành vào tháng 11, 2010.

*Trân trọng
Thay mặt Nhóm chủ trương
Trần Hoài Thư*

Sống và Viết



* **Lê văn Thiện**

Một thời

* **Trần Hoài Thư:**

Rong bút/4

* **Hoài Ziang Duy:**

Như nắng còn vương /13

Lê văn Thiện

MỘT THỜI...

Trước kia tôi đọc hầu hết các truyện ngắn của Trần Hoài Thư, nhưng nay chỉ còn giữ được ba truyện: *Qua bao dâu bể*, *Trong cuộc chơi lớn quay cuồng* và *Giông bão*. Những cuốn sách, tờ báo khác gì những chiếc lá. Nhưng trong số đó tôi thích nhất truyện *Một chiều cuối năm*, đăng trên Bách Khoa số 361, ngày 15.1.1972. Tôi thích, do nó nói đến một thị trấn miền núi giống Kontum vào thời kỳ 1968-1971 lắm biến động.

Truyện như vở kịch ngắn. 4 nhân vật. Một hồi 3 cảnh. Bối cảnh là một thị trấn cao nguyên. Chàng, nhân vật chính, rời khỏi thành phố biển (giống Tuy Hòa) với hai tay trắng, không địa vị, danh vọng, tình yêu; chỉ đem theo vài cuốn sách, một khăn lau mặt và một bàn chải đánh răng. Anh bạn thân tặng chàng ít tiền, một cái áo ấm và tiễn chàng ra bến xe. Anh dặn dò: “Lên trên ấy mày sẽ thấy, gió, mưa và đất đỏ. Những ngày cuối năm lạnh tàn bạo... Mày ráng giữ mình. Nay là giai đoạn cuối của cuộc chiến. Tao nghe tin hòa bình sắp đến. Thế nào sang năm cũng hòa bình”. Chàng muốn ứa nước mắt: “Tao nhớ lời mày... Nhưng biết làm sao bây giờ?”. “Ít nhất mày nên nghĩ rằng phải sống, phải còn lại sau khi ngưng tiếng súng”. Đơn giản, dễ hiểu, chân tình và buồn, cảm nhận được nỗi trống

vắng hoang mang của những người trong cuộc. “Chàng liên tưởng đến vị trí của mình trong những ngày sắp đến. Trước mặt chàng, thành phố chưa mở mắt. Màu tranh tối tranh sáng lấp lờng trên những khóm bàng. Gió xào xạc. Mấy con chó tìm ăn bên những thùng rác”. Trước mặt chàng là phố núi.

Cuối năm 1968, lần đầu tôi đến Kontum... Còn tám ngày nữa hết năm. Lạnh, mới 4 giờ chiều đã lạnh. Bầu trời lúc nào cũng đen đặc mây, ngầu đục như nước sông mùa lũ. Tuần vừa qua chúng tôi nằm trong rừng sâu, gần Pleime. Chẳng đánh đấm gì, nhưng mệt, bần thần, băng lảng như xem một phim đen, vừa quái đản, vừa ảo... Nằm vòng ngoài, giữ an ninh cho một tiểu đoàn khác thu dọn chiến trường. Nơi này vừa diễn ra một trận đánh lớn, mùi đạn bom chưa phai. Chiến trường có gì đâu để thu dọn? Không còn tiếng súng. Mũ sắt mũ vải lẫn lóc bên suối, cạnh những hốc đá. Hai chiếc trục thăng nằm chổng gọng giữa trắng tranh. Những chiếc ba lô rách bươm. Dây điện thoại giăng mắc chằng chịt. Một hang đá đầy bông băng, máu khô. Những chiếc cẳng thương đan bằng dây mây vấy máu. Những mảnh vụn súng Nga súng Mỹ vương vãi... Cây cao trên dưới hai chục mét, mới 3 giờ chiều đã hết nắng, 5 giờ đã tối. Đêm dài. Dài nhưng không mộng mị. Ngủ chập chờn nên khó gặp mộng. Vắng lặng, như chỗ không người. Lâu lâu lại nghe một cành cây bị thương chuyên mình, rơi ào xuống đất. Gần sáng, ở đồi bên cạnh, có con chim lạ kêu to, thẳng thốt, như người ngủ mơ: “Yêu dấu, yêu dấu”. Bọn lính nói chim Lào đấy, nó kêu: Xương máu, xương máu! Mê muội, xương máu gì? Đứa nào vay máu xương?

Nhiều ngày tôi không tắm giặt. Tối bữa thì ăn, không biết đói. Đánh nhau, không lạ. Tôi đã thấy tận mắt hàng trăm cái chết, kiểu chết của hai bên, của dân thường. Nhưng đây, trên vùng rừng cháy nám đặc sệt mùi khói bom này, cảnh tượng dữ dội kinh dị vẫn làm tôi choáng. Xong việc, trục thăng bốc chúng tôi ra Kontum, chờ xe đưa về Cheo Reo... Sắp tết, nhưng thị xã đìu hiu này

chẳng có tí chút dấu hiệu xuân nào. Chợ đồ nát từ đầu năm Mậu Thân vẫn đứng đó, còn nguyên đồ nát, tường xám đen, cột chẳng chịt dấu đạn, mái tôn cong vênh. Người đi đường vật vờ. Xe nhà binh chạy trong bụi. Tiêu điều như các thị trấn hoang dã trong những phim cao bồi Mỹ... Vào tiệm sách nhỏ gần chợ, tôi mua một tập thơ Phạm Thiên Thư, một cuốn sách dịch Krishnamurti. Lại, sau những gì đã thấy trên núi, mình vẫn ăn uống, nói cười, đi dạo phố, đọc sách triết! Tôi và hai người bạn vào quán cà phê, ngồi ở đó đến 2 giờ sáng. Lạnh ác, về nằm ở hiên trường không ngủ được đâu. Hai chiếc xe tăng bắn cầm canh xuống lòng sông dưới chân cầu ở đầu nam thị xã.

Cái máy cũ phát ra: “Hát trên những xác người” lạnh lẽo như kinh cầu, nghe thê thiết. Đùng, đùng, xe tăng bắn xuống sông. Một anh bạn bảo em tiếp viên: “Thay bài khác đi em ơi, thảm quá! Không ai còn nước mắt đâu...” Bất hạnh cho ta. Ta thấy, ta biết nhiều quá. Thấy và biết những thứ lẽ ra không nên có trên đời. Ai sản xuất, đạo diễn vở kịch lớn này? Trời chăng? Có phải là kịch? Ta làm diễn viên trong thời gian dài, mệt mỏi, chán ngấy... Bom đạn, tang tóc, máu xương. Những con người an phận, bắt lực, cam chịu. Những đôi núi tanh bành, lở loét. Những xóm làng thất thần, xơ xác... Có người gọi đây là cuộc chơi. Hơi lạ. “Cuộc chơi” rộng lớn, đậm máu, đậm đặc mùi tử khí, nửa hư nửa thực. Mà ta và bạn ta thì trẻ, trong sáng, hầu hết chưa vợ, chưa đến tuổi 25. Gọi là “chơi” nhưng chết là thực, mất mát là thực, đau đớn là thực, thương tật là thực. Có điều, mãi về sau, hai ba mươi năm sau, những kẻ sống sót mới rõ: Những hình ảnh ta thấy hôm nay sẽ cứ còn mãi, mới nguyên trong trí ta... Đó là bất hạnh lớn nhất.

Chàng của truyện ngắn Một chiều cuối năm, còn trẻ, cỡ tuổi tôi dạo ấy, 21. Chàng kể chuyện, giọng buồn, bình thản, dừng dừng như nói về người khác. Qua đó, tôi thấy lại Kontum của mình nhìn lại bóng hình xưa của mình, vốn đã lặn sâu vào trong ký ức... Đến thị trấn núi, hai ngày cuối năm, chàng ở khách sạn. Bơ vợ, không bạn bè, không

người thân, túi chỉ còn ít tiền. Khi xài hết số tiền đó, chẳng đỏi. Đói, thèm cái ăn trong đêm giao thừa. “Chàng chẳng còn xu nào để ăn một bữa cơm lót dạ. Suốt ngày chàng ôm bụng đói, nằm trên giường nệm, thờ dài... Thị trằn lên đèn. Tiếng hát từ rạp chiếu bóng văng đến với bài hát quen: Anh sẽ ra đi về miền cát nóng, nơi có quê hương mịt mù thuốc súng. Anh sẽ ra đi về miền mênh mông. Con gió cao nguyên từng đêm lạnh lùng”. Giọng vẫn nhẹ nhàng, nhiều lúc như những lời thầm thì trữ tình, nhưng truyện bị vây bọc trong một không gian u ám, tù đọng, xám ngoét.

Có một thời như thế, và thời ấy đã qua từ khuya. Nó để lại gì? Nó đem đến gì? Đã hai thế hệ, vẫn còn hàng ngàn vấn đề, câu hỏi chưa giải quyết, chưa trả lời; cứ nằm ì ra đó, tươi rói, mới tinh. Chúng nằm trên mặt đất, vắt vẻo trên ngọn cây, giăng mắc trong mây trời trông dị hợm, đen đúa, quái đản như một loại Na Tra suy dinh dưỡng, không thay đổi, tột nguyên, không lớn... Tột nguyên là bất hạnh...

Vật đổi sao dời (nói theo giọng xưa), đã hơn 40 năm tôi và Trần Hoài Thư không gặp nhau. Nghe đâu, qua Mỹ, Thư học thêm, có bằng cấp, sống ổn định. Ở đây, tôi làm nông, gắn bó với ruộng đồng, ổn định. Tôi không than van, oán trách (oán trách ai đây, trời chăng?). Than thở vô ích, nó chỉ làm suy nhược con người. Điều quan trọng (và kỳ quặc), tôi luôn nghĩ mình may mắn... Tôi nằm trong cái ao làng. Tôi ngao du, ca hát, bơi lội thỏa thích ở đó. Đúng hên. Như lời người bạn của Trần Hoài Thư căn dặn trong Một chiều cuối năm, tôi đã sống, trụ lại tới ngày ngưng tiếng súng, thấy tự do hòa bình, được biết mặt mafia mới ranh ma, vô liêm, quỷ quyệt, biết hồ hởi xóa đói, biết phát triển xuất khẩu lao động túi nhục... Cuối năm 2007, kỷ niệm trong 30 năm vật vủ, tôi làm thơ:

*Sau 30 năm về cầm cuốc
Ta đã thành Nhân Dân*

Đây là kiểu nói bóng bẩy thực ra “ta” đã nhân dân từ 60

năm trước. Thế đấy, “nhân” là người, thành người dân Việt chân chính! Tốt, nói gì thì nói, trước hết phải là con người, đừng biến tướng thành thứ chó hai chân biết mang giày, đeo cà vạt, đau lòng tổ tiên! (Lời bình của Kim Thánh Thán: Chó mang bộ óc và đôi mắt chó, nên lắm lúc nó không biết nó chó. Thương lắm thay!)... Gay go. Nhiều người thích bàn về vô thường, chính tà, trầm luân, nhân quả, hư không, cơ duyên. Phần khởi và xóa đời. Hồn ai nấy giữ. Gian manh và đề hèn. Gieo gì gặt nấy... Đã ngoài ba mươi năm, trong tiềm thức tôi, chim Lào vẫn khắc khoải: Xương máu, xương máu! Lẽ nào đổi máu xương lấy mọi rợ bản hàn?

Điều đáng nói: Làm sao để khi ra đời là người, đến chết vẫn người, đừng thành mafia cướp ngày, thành chó hai chân biết mang giày đeo cà vạt.

LVT

(tháng 2.2010)

Trần Hoài Thư
Rong bút

1.

Đầu tháng bảy, mấy ngày thăm cháu ở xa. Ông bà nội ngồi máy bay, vượt dặm trường. Thuê xe ở phi trường, lái về nhà. Bấm chuông. Thằng cháu 5 tuổi chạy ra, đôi mắt sáng như hai vì sao. Đứa em gái của nó ở đằng sau nhảy lên reo mừng. Sau đó, chưa kịp để ông bà ôm hôn, cả hai đã đưa đôi mắt như thám tử nhìn chăm chăm mấy bọc nilon đồ chơi, đòi mở ngay để chúng khám xét.

Như vậy ông có mấy ngày trở thành kẻ thua trận. Lúc nào hai đứa cháu nội của ông cũng trở thành kẻ chiến thắng, là anh hùng, "good guy". Lúc nào chúng cũng cười khanh khách khi bắt ông nội làm ngựa để chúng cưỡi, làm

kẻ địch để chúng tấn công, làm kẻ xấu để chúng làm cảnh sát còng tay... Một ngày căn phòng dành cho ông bà đã trở thành bãi chiến trường ngập tràn tiếng la, tiếng hét, tiếng cười giòn như trong một sân chơi đang hồi phần khích giữa hai đứa bé và ông bà nội của chúng.

Rõ ràng, đối với anh em chúng, ông bà là hai người bạn nhỏ không hơn không kém. Chúng không cần biết cái chức ông nội trong giòng tộc của chúng là lớn lao như thế nào. Chúng chỉ cần có bạn cho những trò chơi bất tận của chúng. Chúng tạo ra những cuộc chơi. Ngay từ khi mở mắt thức dậy, hai anh em đã tự động mở cửa phòng ông bà, rồi ào vào như cơn gió lốc. Để rồi, chiến trận bắt đầu. Phe ta phe địch dàn chào. Trên đôi mắt lóng lánh ấy là niềm vui tươi rói. Ông cũng vậy, lòng ông cũng hơn hờ lạnh canh.

Niềm vui đã đến lúc cái bóng của tuổi đời đã theo vàng nhạt nguyệt từ từ ngã dần ở cuối chân trời. Niềm vui khiến tim ông cảm thấy trẻ lại, như đứa trẻ lên 5. Ông và cháu trở thành bạn trốn bắt. Ông và cháu trở thành một *team* để lắp chiếc phi thuyền không gian bằng những miếng nhựa Lego. Ông là phi hành gia phụ. Cháu ông là phi hành gia chánh, trong Star War mà ông chẳng biết mô tê. Có khi ông cháu ôm nhau. Cháu vật lộn ông. Ông giả vờ thua, đưa tay đầu hàng.

Có khi trò chơi trở thành trò đánh bong bóng. Đó là trò chơi mà đứa cháu gái của ông thích nhất. Nó bắt ông bà chơi với nó. Khi chiếc bong bóng tung lên cao, bay là là trên đầu ai, thì kẻ ấy phải đánh tiếp, không cho nó rớt xuống đất. Cứ thế, con bé bắt ông bà trở thành cầu thủ bắt đắc dĩ. Ngày ngày chiếu qua khung cửa kính, thấy đôi mắt cháu sáng, thấy chiếc áo đầm màu đỏ thắm, thấy gương mặt trẻ thơ luôn luôn nở nụ cười rục rỏ. Ông thương cháu ông. Ông cảm tạ Ông Trên. Ông ôm xiết đứa cháu như ôm lấy báu vật. Bàn tay, cánh tay, thân hình, mái tóc... Mùi da thịt. Đó có phải là huyết thống, là một ân điển mà Thượng Đế đã ban xuống cho ông trong tuổi già ?

Khi ông ôm hai đứa cháu vào lòng mình, ông nghe lòng mình cảm động. Cuối cùng, đây là phần thưởng lớn nhất dành cho một đời người. Đây là ân điển kỳ diệu nhất, có thật, hiện hữu chứ không phải mong manh như một thời nào đó xa xưa mà hạnh phúc chỉ là chiếc bong bóng ngoài tầm tay với của cá nhân.

Buổi sáng ông rời chúng, để trở lại nhà, chúng vẫn còn ngủ. Bà thút thít khóc. Ông nhặt lấy chiếc bong bóng nằm vương vất đâu đó, lòng buồn rười rượi.

Mấy ngày vui đùa với cháu như còn in động lại trên chiếc bong bóng đỏ xanh. Chúng trở nên mềm nhũn hơn, vì hơi đã cạn dần. Như cuộc vui nào cũng vậy. Nhưng đối với ông, chúng luôn luôn căng đầy, bay là là trên cao, chạm lấy trần nhà, để đôi mắt cháu ông cũng ánh lên xanh hồng, và để niềm hạnh phúc vẫn còn rục rở trong tim ông bất diệt.

II.

1. Nói đến nền văn học miền Nam là nói đến nền văn học thời chiến, vì miền Nam bị bao vây, bị trút xuống bởi hỏa tiễn, bị động đất bởi tấn tấn bom đạn. Không phải một tháng, vài tháng mà triển miên năm này qua năm khác. Nhưng có điều nghịch lý là người ta lại chẳng tìm ở những tác phẩm của những tác giả tiêu biểu này những trận hồng thủy, chẳng đọc được những lò lửa chiến tranh, những khúc lộ kinh hoàng, những ruộng vườn tan hoang, những đoàn người bỏ làng lếch thếch về phương trời vô định. Mà chỉ tìm thấy những trang giấy câm lặng, quay mặt vô tình, được sáng tác trong phòng có máy điều hòa, trong một không gian an ổn thoải mái, hay theo đơn đặt hàng của chủ bút cho mỗi kỳ Tết, hoặc hồi hả chạy đua theo báo ngày, hay trong tòa soạn máy in chạy ầm, sồ nổi, phấn khích....

2. Nói như vậy, có nghĩa là trong thời chiến không có tác giả nào sống tiếp cận với bom đạn, xứng đáng để được nhắc đến. Hay là vì cuộc chiến quá tàn khốc đã làm tàn rụi tài năng?

Tôi không nghĩ vậy. Bằng chứng là hầu hết các sáng tác đóng góp đáng trên các tạp chí miền Nam là của các tác giả trẻ sống ngoài vòng đai. Bằng chứng là tạp chí Văn cứ vài tháng lại ra số báo chủ đề Những cây bút trẻ. Bằng chứng tạp chí Bách Khoa vẫn thường đi sáng tác của những tác giả trẻ...

Khi chúng tôi sưu tập để thực hiện bộ Thơ và Văn Miền Nam, chúng tôi phải choán ngợp trước sự đóng góp rất tích cực này. Một ví dụ rất cụ thể là nhà văn Lê văn Thiện. Năm 1969, Văn xuất bản tập truyện đầu tay của anh: Một cách Buồn phiền (1). Năm 1971, Cối Sơn xuất bản thêm tập truyện "Sao Không Như Ngày Xưa" (2). Hãy nghe anh kể lại thời gian anh viết Một cách buồn phiền:

... Đêm dài. Dài nhưng không mộng mị. Ngủ chập chờn nên khó gặp mộng. Vắng lặng, như chỗ không người. Lâu lâu lại nghe một cành cây bị thương chuyển mình, rơi ào xuống đất. Gần sáng, ở đồi bên cạnh, có con chim lạ kêu to, thẳng thốt, như người ngủ mơ: “Yêu dấu, yêu dấu”. Bọn lính nói chim Lào đấy, nó kêu: Xương máu, xương máu! Mê muội, xương máu gì? Đứa nào vay máu xương?

Nhiều ngày tôi không tắm giặt. Tới bữa thì ăn, không biết đói. Đánh nhau, không lạ. Tôi đã thấy tận mắt hàng trăm cái chết, kiểu chết của hai bên, của dân thường. Nhưng đây, trên vùng rừng cháy nám đặc sệt mùi khói bom này, cảnh tượng dữ dội kinh dị vẫn làm tôi choáng. ..

(trích Một Thời của Lê văn Thiện)

Đến nổi nhà văn Trần Phong Giao, chủ trương cơ sở xuất bản Văn đã phải viết vì quá lo cho tác giả trong phần giới thiệu tiểu sử trong Một Cách Buồn Phiền:

"sinh thủ duy nhất (của Lê văn Thiện) là viết văn, nên nguyện vọng thật đơn giản: đỡ phải đi hành quân để có nhiều thì giờ hơn dành cho việc sáng tác..."



Lê văn Thiện nhà văn của thế hệ chiến tranh (sinh 1947)
(nguồn Tập truyện Một Cách Buồn Phiền, Văn 1969)

Nhưng chẳng ai nghe tiếng kêu ấy. Có lẽ chỉ có Ôn Trên mới nghe, mới gìn giữ anh, cho anh còn sống sót sau hàng trăm chiến trường dữ dội nhất, khốc liệt

nhất.

3. Số báo này, viết về LVT như là chia sẻ niềm vui vô biên dành cho một người bạn/ người viết văn đã còn sống sót sau những cơn hồng thủy. Thứ hai là để giúp bạn đọc biết thêm về hoàn cảnh và điều kiện sáng tác của những người viết trẻ miền Nam bấy giờ. Và thứ ba, để chứng minh về một nền văn học phong phú, tự do và đầy tình người mà LVT là một tác giả tiêu biểu.

Thế hệ chúng tôi đã bị mất mát quá nhiều, nhưng có một thứ không hề bị mất mát. Đó là tình văn nghệ giữa những người cầm bút trẻ trước 1975.
Phải không Thiện ?

(1) (2) Chúng tôi đang đánh máy hai tập truyện của LVT xuất bản trước 1975 rất hiếm quý mà chúng tôi may mắn sưu tập được, và sẽ gom lại thành một lấy tên Tuyển truyện Lê văn Thiện trước 1975, xem như là món quà của anh em chúng tôi về một người bạn xa và quý bạn đọc giả (nếu có yêu cầu)

Như nắng còn vương
HOÀI ZIANG DUY

Không biết bắt đầu từ đâu để nói lại chuyện cũ. Không biết nói sao nổi xúc cảm trong đời khi chúng tôi gặp lại. Cho dù mấy năm qua đi, trong tôi hình ảnh những ngày hội ngộ anh em chung cùng đơn vị, là lần đáng ghi nhớ nhất. Cái khoảng thời gian xa xưa tứ tán giang hồ.

Những người không quen biết sống chết có nhau hồi trước, bây giờ tự lại.

Một thời xa xưa, một thời trai trẻ. Nghĩ lại đôi khi thấy nao lòng. Một đời người với biết bao nỗi thấm thía, một thời điêu linh. Một đời người với niềm vui sống trong xã hội miền Nam, nghĩ như một tất yếu của miền đất dân tộc cội nguồn. Mãi cho đến khi mất đi, xa rời tất cả. Từ đọa đày cho đến lưu vong nơi xứ người, chúng ta mới thấm thía cái tình người cách chia, cái vùng đất là chốn quê nhà là những hồi tưởng với kỷ niệm, với một thời quá khứ qua đi. Không bao giờ, không bao giờ còn có không gian ngày cũ lập lại. Ngày mai rồi sẽ ra sao? Đâu có câu trả lời chắc nịch cho thời thế. Có chăng là tuổi già với đời sống phải tự lo, tự liệu cho mình trước tiên. Nói, nghĩ là vậy, chắc gì hôm nay chúng ta còn sống được theo ý mình.

Tôi gặp lại anh em, người cũ, chính nhờ chữ nghĩa. Ở xứ người biết được tông tích, là một niềm vui, là một tình thân kéo gần lại. Từ một bài truyện trên tạp chí Văn Học, anh em biết tôi đã có mặt, đoán già đoán non vùng đất Cali, anh em văn nghệ, chung cùng đất sống. Từ một bài viết trên net có đoạn văn đề cập đến trận đánh An Lộc, là có hồi đáp. Tôi nhận email, bồi hồi xác nhận cái bút hiệu là mình, để trả lời câu hỏi có phải là tôi không, ở đơn vị tham chiến ngày xưa. Cũng từ đó, từ đầu mỗi năm thêm người, nhắn gọi ở các tiểu bang khác. Một tháng sau, thu xếp hẹn gặp.

Tôi từ Virginia đến, người từ nam, bắc Cali sang, và Minosota xuống. Điểm hẹn ở Houston. Gặp nhau lần đầu ở phi trường, nhận ra nhau trong nỗi xúc động để thấy mình già đi cả rồi. Nhưng điều quan trọng là chúng ta còn sống, còn nhìn nhau sau bao năm tù đầy, mỗi người một nơi. Không ai tưởng có một ngày chúng ta có duyên lành hội ngộ. Không ai ngờ được, anh em chung cùng tiểu đoàn hầu như còn đủ đầy. Bạn tôi, bạn học, bạn tù Nhưng bạn cùng một đơn vị chiến đấu ngày nào lại là một thứ bạn trời đất, biết nói sao cho vừa. Nói nhau nghe, là nói về một cuộc chiến đấu gian nguy, hung hiểm, nói về những trận

đánh, mà nói ra người nào cũng thuộc lòng bỏ sung chi tiết. Chuyện đã cũ, từ một thời anh em chúng ta còn độc thân như nhau, còn nhiệt huyết một thời tuổi trẻ. Năm ngày đêm chúng tôi sống trong một ngôi nhà, sống lại tháng năm với rừng núi, sinh lầy, có tiếng pháo gầm, nghe tiếng trực thăng tản thương, tiếng rên của đồng đội nằm chờ sáng.

Nhắc về những người đã khuất trong cuộc chiến. Nói lại tên tuổi anh em chết trong trại tù. Rồi một số người còn biệt tăm hơi. Sao biết hết người đi, kẻ còn kẹt lại. Nhắc lại nhiều thời trung đoàn trưởng, từ đại tá Lăng, đại tá Cần, trung tá Anh (chết trong tù), trung tá Thường (không biết tin tức), Đại tá Diêu. Rồi lại không thể không nói về đại tá Hồ ngọc Cần. Ông về nhận chức trung đoàn trưởng, với cái may mắn đủ đầy những đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng già dặn kinh nghiệm, những sĩ quan leo lên từ cấp bậc chuẩn úy, thiếu úy, cho đến đại úy, thiếu tá tiểu đoàn trưởng chỉ ở một đơn vị. Di sản này từ đại tá Lăng để lại. Chuyện cái chết của đại tá Cần, anh em người cũ biết và được nhắc đến hàng năm cùng các vị tướng tuần tiết, đi vào lịch sử như một huyền thoại những người hùng. Anh em muốn nghe ít chuyện lúc còn sống. Nhưng nói thật nghe. Chuyện tôi nói ra, nghe có vẻ khó tin, nhưng mười mấy năm qua mỗi lần viết về những gì liên quan đến Đại tá Cần là y như rằng, tôi có nhiều điều không may, nhiều tình huống bất ngờ xảy ra. Có lúc đang viết nửa chừng chưa kịp giữ lại (save) thì bị mất, lúc đang đánh máy bài, quay đi quay lại thì bài bị rớt đi đứt đoạn, hay tệ hơn nữa là máy bị hư nhiều ngày. Nên nói ra có thể bạn không tin. Nhưng bản thân tôi, chính tôi nhiều lần bị vấp phải. Tôi đâm ra sợ. Cái tình hình này ở mười mấy năm trước, bây giờ vẫn xảy ra, nếu không có trong bài viết, thì lại có phiền toái trong công việc làm. Cho nên mỗi lần có liên quan, hay theo đòi hỏi để viết về Đại tá Cần. Tôi hay né tránh bằng cách chỉ viết về người từng đoạn ngắn, từng ý một. Chuyện tình cảm, yêu thương, những mối tình đi qua đời anh, tôi biết. Bạn muốn biết về chuyện tình ái ngày cũ? Chuyện riêng tư ở mỗi người, tôn trọng một tình cảm

tốt hơn, nhất là đối với người đã khuất. Nói chi thêm bận lòng, không vui cho người trong cuộc. Cuộc đời anh không suôn sẻ, hạnh thông. Đừng nhìn con đường công danh lên nhanh mà tưởng chính họ sung sướng tự hào. Anh cũng có những nỗi đau khó nói của người cô kỵ trên đường binh nghiệp. Nói chuyện gần nhất là chuyện anh mang lon đại tá. Ngày chiến đoàn hoàn tất ở mặt trận An Lộc. Trung tướng Minh tư lệnh quân đoàn 3 báo tin vui. Anh được thăng cấp đặc cách đại tá tại mặt trận, theo như lời hứa trong buổi họp ở quân đoàn 3 trước khi đổ quân xuống.

Trở về vùng 4 chiến thuật. Một tháng sau bộ chỉ huy chiến đoàn Bravo (tức trung đoàn 15 BB) đặt căn cứ hành quân tại Vĩnh Nhi nằm trên quốc lộ 4, gần Cai Lậy). Trung đoàn đánh vào khu vực chôn dấu vũ khí của địch, gần Long Khốt thuộc Kiến Tường (trên bản đồ hành quân, tọa độ là ngay lằn ranh giữa hai tỉnh) Trục thẳng bốc súng thu được từ 4 giờ chiều cho đến suốt đêm mới hết . Chiều đó trung đoàn phải điều động thêm một tiểu đoàn đến tiếp ứng vì sợ đến đêm, địch sẽ tập trung giành lại. Toàn bộ từ súng phòng không, súng cối, lớn nhỏ được triển lãm tại căn cứ Vĩnh Nhi, gần một ngàn súng đủ loại. Với tầm vóc chiến thắng quá lớn. Hai ngày sau Tổng thống Thiệu xuống thị sát, kê bên có đại tướng Cao văn Viên, trung tướng Vĩnh Nghi tư lệnh vùng 4, thiếu tướng Di tư lệnh sư đoàn 9, thiếu tướng Nam tư lệnh sư đoàn 7. Tại đây đại tướng Viên gắn cấp bậc đại tá thực thụ cho trung tá Hồ Ngọc Cẩn.

Tướng là xuôi chèo mát mái, đầu vào đó. Nhưng không. Thấy vậy chứ không phải vậy. Một tháng sau, hai tháng sau. Trên cổ áo mang ba mai bạc gạch dưới, nhưng quyết định thăng cấp đại tá từ Bộ quốc Phòng vẫn không có. Phòng Tổng quản trị quân đoàn cho hay là quyết định bị ngưng lại, vì bên đơn vị bạn, sư đoàn Dù khiêu nại.(Một lon đại tá, nhưng một người là trung đoàn trưởng, một người là tiểu đoàn trưởng, thuộc đơn vị tăng phái) . Sự trì trệ này, tôi thấy đại tá Cẩn có vẻ bất mãn và nản. Hình chụp đại tướng Cao văn Viên gắn cấp bậc cho đại tá

Cần, tổng thống Thiệu chứng kiến còn đó, là lá bùa trong hồ sơ chạy thẳng cấp hợp thức hóa. Phần vụ này Đại tá Cần liên lạc tin từ thiếu tá Ph ở Bộ quốc phòng (người mang thiếu tá duy nhất ở khóa ông). Chờ đến hai tháng sau mới có quyết định thăng cấp thực thụ.

Có lẽ xuất thân từ một người lính gian khổ trong chiến đấu đi lên, cái giá phải trả ở anh là xương máu chiến trường. Có thể một thân một mình không hề phải nâng đỡ, nên anh muốn mọi người cũng như anh trước đây. Cho nên ở thời Đại tá Cần làm trung đoàn trưởng, sĩ quan bổ sung đến đơn vị, đều được đưa xuống từng tiểu đoàn lợi theo hành quân, rồi qua tiểu đoàn khác, kể cả cấp bậc trung tá, thiếu tá... đều đi thực hành quen biết với mùi hành quân của đơn vị trước cái đã, khi nào có lệnh mới trở về bộ chỉ huy, nhận lệnh về đơn vị. Cho đến khi đại tá Phan thông Trảng (trước là giám đốc trường sinh ngữ quân đội) đưa về trung đoàn 15BB, cho xuống lợi theo tiểu đoàn, chừng đó tôi thấy thiếu tướng Di tư lệnh sư đoàn (Ông xuống từng trung đoàn ngồi một mình ở phòng thuyết trình, theo dõi mỗi ngày) đề nghị với đại tá Cần là từ cấp trung tá trở xuống cho theo làm quen với tiểu đoàn hành quân, nhưng ở cấp đại tá, một phần đã có tuổi, cho ở lại bộ chỉ huy trung đoàn.

Sau lần đại tá Cần bị bắn rớt trực thăng, cùng với trung tá Johnson và tôi. Không lâu sau đó, một đêm từ Mỹ Tho về căn cứ Vĩnh Nhi. Xe jeep đến khu vực xã Nhị Quí (trên quốc lộ 4) thì bị phục kích bằng B40. Trên xe có hạ sĩ Trang tài xế, đại úy Thịnh ngồi băng sau (ghế băng sau quay mặt ngược, có gắn đại liên). Trái đạn bắn xéo xuyên thành chắn xe dưới khung kiến. Tài xế Trang ráng cầm cự cho xe tiếp tục chạy một đoạn, rồi từ từ chân ga buông ra, gục chết. Đại úy Thịnh chồm lên cầm lái, máy gọi về BCH/ TrĐ xin tiếp ứng. Lần đó, lần thứ hai đại tá Cần cũng bị thương nơi miệng như lần rớt máy bay trước đó. (đoạn văn này tôi viết lại lần thứ hai, tự dung bị mất).

Tôi có đọc đầu đó, của một tác gia(PPD?) , khi hỏi Đại tá Cần về tham vọng chỉ huy sau này. Ông nói

khiểm nhường lên tới cấp tá là quá mức rồi, chỉ muốn về làm ở quân trường. Không đâu, một người đeo đuổi ở đường binh nghiệp, làm sao không có tham vọng đi lên, nhất là ở tuổi 32, 33 (tuổi Dần) đã là đại tá. Khi đã cầm nắm chức tỉnh trưởng rồi, ông nhìn thấy chức tư lệnh sư đoàn là lẽ đương nhiên. Có điều cuộc đời binh nghiệp của ông, khi chết hiên ngang vẫn không được phong cổ chuẩn tướng. Điều này thiếu tá Đào Văn Điển, người coi tử vi cho ông lúc sinh thời nói đúng “trong lá số này, không thấy đại tá lên tướng nghe.

Ông ở đơn vị trung đoàn 15, hai lần bị thương. Sau đó về làm tỉnh trưởng Chương Thiện cho đến ngày cuối. Người hùng cô độc tử thủ, đi đến cái giá phải trả là bị xử bắn. Rồi đến trung tá Đường, chỉ huy trưởng CSQG, đại úy Bé chỉ huy đơn vị thám sát tỉnh bị xử bắn tại miếu đầu cầu Trịnh hữu Nghĩa, xã trường Miên bị xử tại xã Hoà Lựu. Còn biết bao người không được nhắc đến, những người tự sát không chịu nhục, trải đều ở mọi miền đất nước, và những ngày cuối ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng đất chưa thua, chưa mất một phân lãnh thổ, nhưng rồi tức tưởi nghe lệnh buông xuôi mất hết. Cái giá tiếp theo là quân dân cán chính tỉnh Chương thiện, phải chịu nhiều điều kiện trả thù khắc nghiệt, khổ ải từ địa phương, cho đến lúc chuyển vào trại tập trung, thất tha thất thểu, đi chân trần (không cho mang giày, dép) nhập vào trại Chi Lăng.

Chúng tôi, bằng hữu, tình đồng đội sống bên nhau tụ lại. Cái không khí chắc hẳn khác đi không khí của anh em văn nghệ sĩ hội họp, hay những lần ra mắt sách. Ở đây chúng tôi sống lại đời sống thực. Nói rất nhiều, kể lại rất nhiều, để rồi cuối cùng câu kết thúc. Mất hết, mất tất cả. Còn chẳng là một tấm lòng. Còn chẳng sự gần gũi khi nhìn về quê hương ngút ngàn xa khuất. Ba mươi lăm năm qua, mọi người đã yên đã già trong quá khứ cũng như thực tại, đàn con đàn cháu lớn lên nơi xứ người. Chia sẻ với người ở lại, vật đổi sao dời. Mọi sự đã đổi. Những đổi thay có thể nào đi nữa, cũng không quên cái thân phận cha ông, cái ngày trở về, những năm tháng ở quê hương tù

đầy. Đúng như câu nói. Mất nước là mất tất cả. Chúng tôi không có căn cước, không được chấp nhận nơi cư trú. Không biết nhìn nhận ở đâu là nhà, để mỗi tuần cầm sổ tay đi trình diện đồn công an, gọi là làm việc. Cái danh xưng hoa mỹ làm việc, như một công chức, công hưởng bổng lộc quyền lợi. Làm việc ở đây là ngồi đó, nghe hạch hỏi. Ngồi đó báo cáo, muốn được về sớm về muộn tùy thuộc vào buồn vui ở anh chàng công an đồn. Việc trình diện, gọi là thời gian quản chế, tùy theo một năm hay hai năm. Chúng tôi chưa có quyền công dân, chưa có quyền được làm người. Mất nước là mất tất cả. Họ nói. Các anh còn nước đâu mà mất. Như vậy rõ là có hai quốc gia, hai dân tộc.? Nếu nói tôi không phải là người Việt nam? Người gì? Sống trên đất nước của ai, tên gì? Điều này không quan trọng, khi sau đó là làn sóng cả triệu người tiếp tục bỏ nước ra đi.

Bạn tôi ngồi đây, sau cuộc chiến. Bạn tôi đến đây từ diện HO, người tù cải tạo trên 3 năm được đi bằng máy bay. Bạn tôi đến đây kể lại chuyện vượt biên hải hùng, từ những màn kịch giả danh ẩn náu vượt thoát. Từ những hăm hiếp trấn lột cướp giật nhìn thấy, trên đường vượt biên. Thảm cảnh của hàng trăm ngàn người chết ngoài biển khơi, đói khát có, bị đắm thuyền có, chết đói có. Trong lịch sử nhân loại thế giới, chưa có một cuộc di dân bỏ nước ra đi nào đông đảo như thời kỳ này, xuất phát từ Việt Nam. Trong trại tù, trong một lúc ngẫu hứng ở hội trường, họ tuyên bố cho các anh nói thật ý nghĩ của mình. Chúng tôi sẽ trả lời thành thật. Không sao, không ai cùm các anh lúc này. Và đây là câu hỏi thật từ một người tù cải tạo. Nếu là một nhà nước tốt thì tại sao cả trăm ngàn người bỏ nước, mặc cho sống chết ra đi. Câu trả lời cũng thành thật không kém. Nước ta là một nước tự do, nên người dân ai muốn đi đâu thì đi, trong khi ở Mỹ là nước kèm kẹp, người dân Mỹ muốn trốn, muốn vượt biên sang Việt Nam cũng không làm sao đi được. Câu trả lời làm mọi tù viên dưới này vỗ tay rần rần gọi là hết ý kiến. Nghe vỗ tay nhiều, anh cán bộ lên lớp an ủi. Đừng lo, khó khăn bây giờ là khó khăn tạm thời. Bây giờ nước ta đang khai

thác mỏ dầu. Sau này chỉ cần chèo ghe, chèo xuống ra đó, lấy thùng lấy thau múc dầu về đổ vô bình xăng xe là chạy ngay, khỏi phải tốn kém, không cần phải nhập xăng dầu nước ngoài. Lại thêm một lần vỗ tay, chào thua.

Đã nói về họ phải nói về mình. Còn nhớ Được quê ở Mỹ Tho, bụng với nhiều vết chỉ may từ mấy lần mổ nhiều lần lẹo ruột trước đây, thấy mà thảm. Lần này trong trại, lại bị nữa. Qua một ngày xin đưa ra bệnh viện, nhà trại không cho. Đến ngày thứ hai bụng Được trưởng hơi lên. Bác sĩ Đỗ lên xuống nhiều lần, quả quyết nếu không mổ kịp thời là không cứu được. Nhà trại hỏi nào tới giờ đâu có cho ai đi bệnh viện. Chỉ có nặng quá, cho về để chết ở nhà, kèm theo giấy chứng nhận học tập tốt. Trong thế cùn mới lòi ra sáng kiến. Bác sĩ Đỗ, bày cách lấy dây nước biển thọc từ mũi qua miệng xuống phần dưới. Ở ngoài dùng ống chích rút thực phẩm trong bụng ra, lúc đầu còn chất bã, về sau là nước trong bao tử, kể đến không còn gì. Anh em trong phòng thay nhau kéo ra, đẩy ống vào rút ra, động tác như vậy liên tục không ngừng nghỉ. Chỉ có cách rút hơi này, ruột mới không hoại tử. Qua ngày hôm sau cho phép đưa bệnh viện, chuyển Được đi, cái dây nước biển, cái ống chích vẫn đi đôi với người theo, rút ống ra đẩy vào để ruột khỏi sinh. Lần đó Bác sĩ Đỗ trở về khoe, các bác sĩ cũ nhà ta khen tởm quá, làm sao nghĩ ra được cách này khi hơn bốn ngày qua. Sau này được thả về, mấy tháng sau, bác sĩ Đỗ chết ở Sa dec, là nơi ông làm Y sĩ trung tá tiểu đoàn 9 quân y). Còn phần Được mổ xong trở về, cho đến mùa nước, cơn suyễn lại hành hạ, thuốc suyễn dùng nhiều tháng nhiều năm cũng lụn tàn. Không biết ai bày kể xuống nước bắt đĩa, (lúc này ao hồ đĩa lội như bánh canh). Ai không sợ thì bắt dùm. Đĩa thì quá quen thuộc với anh em lội hành quân sinh lầy. Đĩa đeo vào người, khó mà gỡ. Biết cách thì không khó, giản dị bằng cách nhổ nước miếng vào lòng bàn tay (có lẽ nhờ hơi ẩm), chụp vào mình đĩa kéo ra. Anh em bắt một lần cả chục con. Làm gì? Làm sạch, lấy dũa lộn thân trong ra ngoài, cạo nhớt sạch, bằm như nấu cháo cho Được ăn trị suyễn Vụ ăn này không có anh em nào dám ăn theo. Bài

thuốc độc đáo này không biết của sư phụ nào. Ăn thì ăn, nuốt vẫn nuốt. Khi cơn nước ròng, qua mùa trăng nuốt cũng hạ theo. Nói chuyện làm đĩa, dao chặt đầu, chặt thân, băm nát còn thừa, hất xuống nước là đĩa sống lại, lợi lưng tung tức thời. Muốn trị dứt nọc, chỉ có cách lấy muối rắc lên mình đĩa, thoáng chốc tan thành vũng máu.

Bạn tôi, chúng tôi sống gần nhau nói về chuyện cũ. Coi như nhớ gì nói vậy, thỏa cái tình bạn lính, bạn tù. Đâu ai muốn nói về chuyện đã rồi. Ai không muốn nhìn về phía trước, sống hạnh phúc như mọi người trên đất nước này. Chuyên muốn quên, nhưng mỗi lần gặp lại không thể không nhắc. Nói về lần họp mặt, không thể không nhắc nhớ đến thiếu tá Thảo (tiểu đoàn trưởng 93 pháo binh, kẻ bên trung đoàn trưởng ở An Lộc). Thiếu tá Hiệp (tiểu đoàn trưởng 3/15), sau này theo Đại tá Cẩn về làm quận trưởng quận Kiên Long thuộc Chương Thiện. Trước một ngày cuối tháng 4 anh bị thương khi địch tấn công quận. Không trình diện, cho đến mấy năm sau bị chỉ điểm bắt lại, đưa vào trại ở tù muộn, sau anh em. Đến Mỹ cũng muộn màng. Cuộc sống anh cô độc, lặng lẽ qua ngày tháng ở xứ người. Các anh trong số đông những người sống thâm lặng, mệt mỏi của anh hùng ngã ngựa. Chúng tôi cùng đơn vị, chịu chung những bầm dập đau thương trong cuộc chiến. Ở An Lộc, tiểu đoàn phó chết, tiểu đoàn trưởng Hiệp bị thương ở bọng đùi do miếng pháo. Rồi các sĩ quan đại đội trưởng trong tiểu đoàn bị thương, chỉ còn mình tôi là người cử đến phút cuối của mặt trận. Tôi không quên, lần cố gắng cho mấy người lính nâng anh lên cao, đẩy vào sàn phi cơ tấn thương ra khỏi An Lộc. Lúc chờ máy bay, dưới ánh nắng gay gắt, bị thương không biết sống còn. Anh thì thảo nói với tôi. Khó lắm chưa xong đâu, ở đây rồi còn đổ xuống đánh phía bắc Lộc Ninh nữa. Anh chỉ tôi con đường rút, nếu ở thể đường cùng. Nghe mà thấy bùi ngùi, chúng tôi liệu có sống mà trở về không?. Chỉ có điều, lần hồi khi tất cả rời đi khỏi mặt trận. Tôi thấy mình với cảm giác đơn độc, không chỗ dựa đầu lưng, vững một niềm tin như trước.

Bây giờ sang xứ người. Rất nhiều anh em trải qua

lao tù Cộng sản, sống với nhiều điều không muốn nói, hay bày tỏ. Họ sống như một người lính bình thường, giữ lấy cái danh dự nguội lạnh, sống không muốn nhắc nhớ. Vậy mà bây giờ tôi nhắc, lôi họ vào cuộc, trân quý kỷ niệm, gìn giữ cái tình anh em ngày xưa. Tuổi tác và thời gian, làm chùn bước tương lai, mệt mỏi nếu phải bắt làm lại từ đầu. Tất cả chỉ còn cuộc sống thực tại trước mắt, thực tế bên cuộc sống riêng tư gia đình. Chúng tôi không quên những người nằm xuống. Chúng ta có lỗi, cái lỗi khi chúng ta còn sống sau, không gìn giữ được cái chung, những gì họ đã trả giá bằng sự hy sinh nằm xuống. Cho tôi phải nêu tên một ít người, để tránh nói điều không thực. Viết lại một thời quá khứ, không phải để nhìn lại một trận đánh, không phải cao ngạo chiến thắng hy sinh, mà nhìn lại chính chúng ta, thân phận những người trong cuộc, biết đau, biết thấm thía cho một sự hy sinh cả một thời thanh xuân, bản thân, tình ái. Để rồi hôm nay có gì? được gì?

Ba mươi lăm năm, khoảng thời gian dài của nửa đời người. Những bí mật ngày xưa được giải mã, công bố. Những áp lực buộc phải thua về phía miền Nam, để người Mỹ rút đi trong danh dự, có điều kiện bắt tay với Trung quốc. Về phía Liên Xô, nhìn nhận phi công của họ lái máy bay Mig 19,21 không chiến với máy bay Mỹ, chứ không có anh bộ đội phi công Bắc Việt nào cầm lái. Điều này tôi tin, tin là thực. Bởi trong cuộc chiến tranh qua, không có sĩ quan bộ đội nào biết gọi, điều chỉnh pháo binh cả(Ngày Miền cộng tràn qua biên giới, đơn vị trung đoàn họ vào trại tù cải tạo để mượn sĩ quan bị tập trung đi chấm điểm tác xạ phản pháo dùm, hướng hồ chỉ nói đến chuyện không chiến. Tôi tin Liên Xô không giao hẳn phi đội Mig nào, (nếu có phải kèm theo cơ xưởng bảo trì, phụ tùng, sửa chữa , giám định. Điều này rất tốn kém và đòi hỏi huấn luyện trình độ kỹ thuật chuyên môn.) . Trong lúc miền Bắc thời đó chưa có kỹ nghệ làm thuốc âu dược, người dân uống thuốc “lá cây rừng”, chỉ có bộ đội mới có thuốc viên Trung quốc, thì làm sao có kỹ thuật cơ khí hàng không thiết lập.

Cuộc đời chác vì quyền lợi chính trị, kinh tế của

người Mỹ. Rõ ra, miền Nam chỉ là một con cờ thí trên bàn cờ quốc tế, thì trách chi giới lãnh đạo thời cũ. Có muốn không thua cũng không được. Muốn thắng, tập đoàn chiến lược Hoa kỳ không ưng. Họ đã định sẵn vận mệnh miền Nam. Sau 35 năm, mọi việc đã phơi bày. Từ tin tức đến những cuộn băng ghi âm phát lại. Nổi đấng cay, đành thôi chấp nhận phần nào. Có điều thời buổi bây giờ, không có gì ngớ ngẩn còn thấy trong sách giáo khoa, chuyện dùng cái chân cần được súng pháo tuốt dốc. Lấy cái lưng người mà lấp lỗ hồng sức công phá của súng đạn. Chưa kể đến chuyện đặt cho một cái tên Lê văn Tám nào đó, tự tâm xăng cháy thành đuốc, chạy luôn tới 200 m, vào phá kho đạn Mỹ. Dịch đoạn văn này cho người ngoại quốc nghe, họ vô cùng thán phục, thế giới loài người chưa từng thấy ở đâu, thật trân trọng cái nghĩa anh hùng.

Nghe tới đây, trẻ thời bây giờ kể lại rằng. Hôm đó đi ăn cắp xăng, Tám buồn ngủ quá, hút thuốc liệng tàn, nên bị cháy phồng. Chứ có thằng nào bị thiêu mà chạy quá bốn bước. Từ đó về sau, chuyện ngoài đời. Thằng nào nỏ quá, nói dốc không cần thì đặt tên Lê văn Tám. Có điều trùng hợp là ở thập niên 60, danh từ “bỏ đi Tám” người dân miền Nam hay nói ngoài miệng để bài bác, diễu cợt một vấn đề không tin, không đồng ý.

Lần này, tôi phải viết đôi điều về Đại tá Cẩn là do anh bạn nhà văn, đề nghị tôi viết về những trực trặc khi đề cập đến đại tá Cẩn. Chỉ một câu ngắn gọn gợi ý. Nhận lời rồi, nghĩ lại mới thấy khó cho tôi. Nói chuyện gì hay tóm gọn, chỉ chừng một câu như thế, thì làm sao hình thành một bài viết. Tôi cũng định một lần này rồi thôi. Tôi không muốn quay lại nói nhiều về một cá nhân. Người miền Nam chúng tôi có điều dờ dỏ. Không thấy thoải mái ở chỗ xưng tụng người khác. Tôi lại thêm cảm giác, không muốn có điều trực trặc cho máy computer mình. Cho nên buộc lòng tôi phải thêm mấy chuyện riêng tư dính liếu đề tài. Lần này computer không hư giống lần trước, nhưng cái máy xe hơi lại khó tìm bệnh (không nỏ sau khi đổ xăng ở giữa đường về, nửa đêm).

Tôi đã đi ngược lấy thời gian, trở lại những năm,

tưởng rằng đã quên. Cái vòng lẩn quẩn, như ở cuộc đời là một vòng tròn, một vòng tròn xoay của luân hồi, một vòng tròn xoay ở kiếp người không bao giờ dứt, chấm hết rồi lập lại. Tai kiếp của Việt Nam bao giờ mới hết. Đôi khi tôi tự hỏi điều đó.

Mới đây, đọc bài báo trên net, chuyện trong nước. Chuyện kể từ anh tiến sĩ hiệu trưởng ở Đồng Tháp, nói về thời còn sinh viên ở thành phố Vinh, được học tập thi đua ném đá gây thương tích, khi đoàn xe chở tù cải tạo từ trong Nam ra Bắc. Ai gây cho tù thương tích nhiều thì được chấm điểm, ghi công, khen thưởng. Đọc qua. Tôi thấy thật buồn, buồn chua xót ở cội nguồn dân Việt. Không tưởng được đó là một chính sách, một sách lược đối xử nhau ở con người với người. Người Việt chúng ta quả là một kẻ thù phải giết bỏ. Trước đây, dù người lãnh đạo, đơn vị miền Nam tốt hay không tốt. Không bao giờ những người chỉ huy đơn vị, trong đó có chúng tôi, hay dân chúng nhận được lệnh phải làm gì đối với địch. Buồn thay cái tâm địa xấu xa kia, trở thành một chính sách, một bài công dân dạy dỗ cách hành xử làm người.

Miền Nam đã không còn, quân đội đã không còn. Nhưng chắc một điều cái tâm của người lính, người dân miền Nam, không ai nghĩ đến cách hành hạ người khác. Bởi quốc gia không có bài học, kế hoạch nào huấn luyện con người phải nhẫn tâm, tàn ác trong cuộc sống. Năm xưa, trong cuộc chiến. Những thi sĩ, những bài thơ hay của người miền Bắc, chúng tôi vẫn học qua sách giáo khoa, phổ biến rộng rãi trong văn học, tôn trọng cái hay cái đẹp ở nghệ thuật, không phân biệt bạn thù. Nếu so với miền Bắc thời trước, hay xã hội mới bây giờ. Vẫn như cũ, cấm đoán.

Ba mươi lăm năm, một đoạn đường dài. Miền Nam vẫn với hai mùa mưa nắng. Biết bao đổi thay ở nhân tình thế sự. Biết sao sống được với một tấm lòng. Còn chẳng chỉ là tiếng thở dài ai oán.

MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA

VÕ HỒNG

Trong thời hồng hoang của lịch sử, con người chỉ biết có mẹ. Khởi cần tìm hiểu đâu xa, cứ nhìn các con vật thì biết: gân gù và hiền lành là con chó, con gà, xa xôi và hung bạo như con beo, con cọp. Sinh ra và lớn lên chỉ biết có mẹ, lúc thúc quanh mẹ. Bởi một lẽ đơn giản: khi biết mình mang thai, con cái thường sống cách ly con đực, thậm chí còn cắn đuổi con đực không cho lại gần.

Con người sau này thì không. Cha săn sóc mẹ khi mẹ mang thai, cha đỡ đẻ mẹ, cha giúp tay mẹ pha bình sữa, giặt giũ tã lót khi cha mẹ cùng nghèo. Khi cúng đầy tháng, cha châm hương đốt đèn thành kính cầu xin Mẹ Bà và tham lam cầu khắp thần linh phù hộ cho con mau ăn, chóng lớn. Có lẽ đó là lần đầu tiên, lần trọng đại nhất trong đời mà cha trọn lòng nghĩ đến những vị thần linh. Vì con mà tin, mà khẩn, mà cầu... cho đứa mang tiếng mê tín cũng xin sẵn sàng vui nhận.

Con lên hai tháng, ba tháng, nằm ngửa hươu chân, hươu tay, mở to đôi mắt ngơ ngác, xoay đầu nhìn vu vơ sang trái, sang phải. Rồi con biết hé miệng cười, cái cười vô nghĩa nhưng đủ cho cả nhà mừng rỡ reo vui. Rõ ràng là nụ cười của con làm nở những nụ cười xung quanh, làm rạng rỡ những khuôn mặt, xóa mờ những nếp nhăn nơi trán. Lần lượt biết lật, biết bò... rồi con ngồi vững, rồi vịn tay đứng được, rồi bước những bước rụt rè. Tiếng reo vui, tiếng khuyến khích vang lên rộn ràng đầm ấm, trong đó có lẫn tiếng của cha.

Cha được phân công ngồi bón cho con những muỗng

cơm đầu tiên, cha phải la: “Ủi ừi! Coi chừng con chuột kia. Ăn mau chớ nó ăn hết”, rồi thừa lúc con ngơ ngác đưa mắt tìm, cha dứt nhanh muỗng cơm vô miệng. Hồi ời, từ ngày có con, cha trở thành nhảm nhí đáng thương. Con mới mở miệng ngáp, đôi mắt mới khép hờ mà cha đã vội vàng ru, ru cái kiểu nửa ngâm nửa hát vụng về và chọn những câu nhảm nhí phù hợp với trạng thái tâm hồn của cha lúc đó.

À ời, con gà cục tác lá chanh...

Có thể cha giỏi nhạc, cha hát hay nhưng cha ngượng không dám nghiêm trang cất giọng, sợ người khác nghe biết cha đang trần trề niềm vui, no nê hạnh phúc. Vả chẳng mặt con ngây ngô thế đó thì cha biểu diễn nghệ thuật để chi? Cha phải ngây ngô theo, con duỗi chân thì cha nói: “Chà! Bộ định về thăm ngoại hả?” Rờ cái đít nung núc thịt, cha bế chạy vừa nói nựng: “À, con heo ú đây? Ai ra mua!” Quả là những giây phút hân hoan cực độ. Nhưng phải chột dừng lại. Sợ người khác nghe. Phải che giấu hạnh phúc để tỏ rằng mình không tầm thường. Khi có học, cha thường phải tạo vẻ mặt nghiêm trang. Dưới thời Nho giáo, cha được gọi là nghiêm đường. Hai mươi tuổi đậu cử nhân, đậu tiến sĩ thì phải mang bộ mặt lạnh lùng của một quan hoạn. Chỉ có người cha quê mùa mới thông dong công con bốn, năm tuổi đi chơi ngêu ngao khắp xóm bứt lá chuối quán kèn. Lớn lên cha con cùng làm lụng cạnh nhau trên sân lúa, giữa rẫy khoai. Xã hội hôm nay trí thức hơn, văn minh hơn, trong cuộc sống cha một nghề, con một nghề, ai lo phần nấy, rốt cuộc tình thương cha con trở nên lợt lạt. Tình quần quít cha con chỉ thể hiện khi con còn nhỏ: quá bậc tiểu học, con bắt đầu lớn, bắt đầu chọn bạn là bắt đầu xa cha. Từ đó cha thường chỉ đóng vai nguồn cung cấp tiền cho con ăn học, may sắm, nguồn kinh nghiệm khôn đại để đưa lời chỉ bảo khuyên răn. Tất cả đều chỉ là lý trí lạnh lùng.

Chớ mẹ thì không. Nghĩ đến mẹ là một chuỗi hình ảnh êm ái hiện ra: mẹ mang nặng đẻ đau, mẹ vạch vú cho bú, mẹ bông ru ngủ, mẹ ôm hôn nựng, mẹ tập đứng tập đi. Khỏi cân lý luận, khỏi nhìn đâu xa, cứ nghĩ đến mẹ là như

thấy rõ hồi nhỏ mình nằm như thế nào trong vòng tay mẹ, ia đái tự do trên mình mẹ và mẹ lo giặt, lo thay, quen thuộc với mùi khai, mùi thúi. Với cha thì phải suy nghĩ mới thấy, bởi mọi sự thương yêu chỉ hiện rõ khi mình còn nhỏ. Bây giờ nếu may mà biết được là nhờ ngẫu nhiên thấy một người cha nào đó đang thương yêu săn sóc đứa con nhỏ của họ.

Tim trong văn chương thì thường chỉ gặp loại:

Công cha như núi Thái Sơn.

Núi này nhất định là phải lớn lắm và công cha cũng lớn như vậy. Không thấy ghi một nét cảm động về người cha mà chỉ phác qua một hình ảnh uy nghi, nhưng xa cách, gọi sự tôn sùng. Mọi người đều thuộc, đều đọc lầu lầu, nhưng mà thần nhiên như đọc khẩu hiệu.

Người cha quen thuộc, cha của Mẫn Tử Khiên, thì đã vẽ ra là một người biết làm bốn phận: bốn phận cưới kẻ thiếp khi vợ cả chết và bốn phận đuổi kẻ thiếp vì Mẫn Tử Khiên bị ngược đãi. Mà cũng ngẫu nhiên mới biết được con khổ khi thấy con mặc áo rách run rẩy đẩy xe cho mình.

Người cha trong cuốn *Luân lý giáo khoa thư* dễ thương hơn. Truyện kể: Mẹ đi chợ mua về cho con trái cam. Con nghĩ đến cha làm lưng nắn nôi, liền cầm trái cam chạy ra đồng đưa tặng cha. Cha nghĩ đến mẹ đầu tắt mặt tối ở nhà, liền cầm trái cam đem về tặng mẹ. Trái cam đi một vòng, dài và rộng hơn sợi dây tình cảm con thương cha, rộng gấp ba lần vì thêm tình mẹ thương con, tình chồng thương vợ.

Cổ văn thường nặng nghĩa lớn, nhẹ tình riêng. Phạm Trọng Yêm, tể tướng đời Tống, sai con là Thuần Nhân chờ năm trăm thùng thóc về quê. Đến Đan Dương, Nhân gặp Thạch Man Khanh là bạn cũ của cha đang khốn quẫn vì bị ba cái tang dồn dập. Nhân tặng hết năm trăm thùng thóc. Lại nghe hai cô con gái của Thạch Man Khanh đến tuổi mà đang ế chồng, liền tặng luôn cái thuyền. Về kể lại chuyện cha nghe. Nghe tới chỗ hai cô con gái của bạn ế chồng, Phạm liền ngắt lời hỏi:

– Sao con không cho luôn cái thuyền?

Cuộc sống bắt cha hướng mắt ra ngoài đời, nhìn đời, lẫn

lộn với đời. Mẹ thì nhìn vào trong nhà, nhìn vuông sân chái bếp, con gà con chó, cây ổi, cây xoài và bầy con của mẹ. Con gần mẹ hơn cha là vậy. Cha lặng lẽ đi làm kiếm tiền, con đâu biết bao nhiêu gian lao cực nhọc, lo toan đối phó làm mệt mỗi gân cốt và trí óc cha. Về đến nhà tìm sự yên nghỉ, nhiều khi mang cái bực bội, cái cáu gắt từ ngoài xã hội mang về theo. Con phải len lén bỏ ra nhà sau, im lặng, càng xa càng tốt, gần như muốn xóa bỏ cái hiện hữu của mình. Sự cách xa giữa cha con thường bắt đầu nhẹ nhàng như vậy. Càng thêm xa cách bởi sao cạnh mẹ con thấy êm đềm. Ai làm ra tiền không cần biết, chỉ biết muốn nhai viên kẹo, muốn cắn trái ổi là chỉ cần thở thè với mẹ. Mua cây viết mới, sắm đôi dép mới... thấy thấy mẹ đóng vai bà tiên. Tội thân cha, cạnh bà tiên hiền, cha thành Thiên Lô; bà tiên càng hiền, cha càng thành La Sát.

Không, cha không muốn vậy. Cha thương con nhưng cuộc sống phân công mỗi người mỗi việc. Mẹ như cọng mảnh, nhánh thấp cành gần để trái non xúm xít bầu quanh. Cha như thân vững chắc, bám rễ thật chặt, hút nhựa nuôi lá, nuôi hoa, nuôi trái. Thân chia những cành lớn đâm ngang, thân vươn những nhánh cao phủ trên đầu che mưa che nắng. Cha cân nhắc lời nói, chỉ nói khi cần, con lòn mẹ thì cha cần phải nghiêm. Mẹ là tình cảm, cha là lý trí, mẹ lạt lòng cha phải giữ kỷ cương. Mẹ chín bỏ làm mười, cha phải cầm cân nảy mực. Đi vào bước trưởng thành từ mười ba, mười bốn tuổi, con càng ngày càng ngại cha, tránh cha rồi xa cha là vậy.

Nhưng đừng đơn giản bắt công, quên cái thời ta lên năm, lên mười, kéo trở thành bội bạc. Hãy nhìn những đứa ba tuổi làm nũng với cha. Bắt cha bế chạy nhong nhong. Bắt phải dắt ra cổng đứng nhìn xe cộ. Bắt phải có cha nằm cạnh quạt cho mới chịu ngủ. Lên tám, lên chín thì hay chạy tới nơi cha làm việc để đón cha cùng về. Trên đường đi phải nắm tay cha, thỉnh thoảng nhìn lên mặt cha, dấu là khuôn mặt tầm thường hay xấu xí.

Tuổi già chiếc bóng, mẹ để sống theo con, dâu, rể. Lúc thức sớm hôm, chăm chút tỉ mỉ, mẹ uốn mình theo nếp sống, mềm mỏng ung dung như nước. Thường cha thì

không, cha ít cam khuất phục rẻ dẫu. Chịu sống hắt hiu, thiếu thốn, cố tránh trước cái giả bộ nặng tai của dẫu, cái im lặng cố ý của rẻ. Mẹ biết ý nên khi phải nhắm mắt vĩnh biệt, mẹ thường thỏn thức dặn dò: “Anh ở lại nuôi con. Gắng kiếm một người hiền lành giúp đỡ. Chớ đàn ông không chịu khổ được lâu”.

Phải, tuổi càng cao, khổ càng chồng chất, dẫu rẻ không ăn hiếp thì có con muỗi, con kiến ăn hiếp thay. Cứ cắn, cứ chích, nạn nhân nghe đau dẫu đập đó, chớ mắt mờ dẫu còn thấy rõ. Nhìn lên bầu trời dẫu còn thấy chòm Bắc đẩu mà mới ngày nào lững thững dắt con đi trong sân cha chỉ cho con nhìn.

Con nay đang tuổi trung niên, bận theo quyền lực, vui với vợ con, bè bạn, việc báo hiếu cho cha thường tỏ ra bủn xỉn. Nếu có ai trách hững hờ chênh mảng thì thiếu chi lý lẽ dẫn ra: “Được vậy còn đòi gì nữa?... Trời ơi, thì giờ dẫu!”

Phải, thì giờ dẫu? Người xưa hay nhắc phạm con kíp lo báo hiếu bởi “*từ dục dưỡng nhi thân bất đãi*”, con muốn nuôi mà cha mẹ không chờ.

Khi con ở tuổi trung niên thì cha vào giai đoạn già yếu. Bề ngoài ngó dẫu phương cương nhưng nội tạng thường đang rệu rã. Dễ hiểu thôi mà: một đồ vật dùng đã sáu chục năm rồi thì dẫu lạc quan đến đâu cũng chỉ có thể tạm nói: “Cũng còn khá”. Cha thỉnh thoảng cảm thấy hơi đau nơi này, chột nghe có cái nhéo nơi kia. Đòi hỏi bỗng một vô cớ. Nhưng cha thường im lặng không nói. Những câu nói không còn cần thiết, êm ái cho con nữa như khi con còn nhỏ. Bây giờ, những câu nói đều quấy rầy con. Đánh âm thầm nghĩ đến câu Vạn vật vô thường.

Sách xưa dạy: “*Hôn định thần tĩnh*”, ta dịch: “*Tối viếng sớm thăm*”, lật lẽ nghèo nàn nếu không có người giảng cụ thể rằng cha mẹ già thường cần đôi mắt và bàn tay con, trước và sau giấc ngủ. Đã nằm trong mùng thì lười đứng dậy để khép bớt cánh cửa, để lấy cái mền, để tìm lọ dẫu. Ngủ một đêm sáng dậy, trong mình có gì thay đổi, đó là lúc con cần hỏi han mẹ cha mới dám giải bày.

Gần như mọi người con, cuối cùng đều âm thầm tự

trách, lặng lẽ xót xa. Cha biết trước tâm trạng đó, phòng xa ngày nào mình từ trần con mới chợt ân hận muộn màng, nên trong mỗi bức thư gởi con, cha đều kết thúc bằng sự bằng lòng, rằng con đã học hành thành đạt và cha mãn nguyện, cha vui. Lòng vị tha, lòng hy sinh cho con kéo dài mãi sau khi nhắm mắt.

Bảo hiều đâu chỉ món quà, mà có thể đôi tháng gởi một bức thư. Nội dung đâu đòi hỏi cao siêu, chỉ cần mười dòng lược kể một chuyện đã nghe, một điều vừa thấy. Thì cũng như bè bạn gặp nhau, chào nhau một câu rất nhảm mà vẫn rất cần. “Đi đâu đó? Mạnh giỏi?” Sinh nhật cha, tặng một cành hoa. Nếu ở thành phố xa, hai ba đứa con gởi về hai, ba bức điện chúc mừng, tốn không bao nhiêu mà tạo được sự rộn ràng tới tấp. Niềm vui tinh thần đâu thua bữa tiệc cao lương?



Ngày Vu Lan, nhiều chùa tổ chức lễ hội Bông hồng cài áo. Hoa hồng tượng trưng cho mẹ. Để tỏ lòng thương nghĩ tới cha, nhiều nơi buộc thêm dải nơ tượng trưng cho cha. Cha còn: nơ xanh. Cha mất: nơ trắng. Lễ đường xếp thành bốn dãy, dãy cha mẹ song toàn: hoa hồng nơ xanh. Mẹ còn, cha mất: hoa hồng nơ trắng. Mẹ mất, cha còn: hoa trắng, nơ xanh. Mẹ cha đều mất: hoa trắng, nơ trắng. Người dự lễ đứng theo hoàn cảnh của mình. Có lần, một em nhỏ tuổi chừng lên tám đứng trong hàng hoa trắng nơ trắng. Em nhìn quanh, tủi thân khóc òa và cả lễ đường cùng khóc òa theo.

Cha cũng như mẹ, rồi sẽ một ngày:

*Đinh hoa biểu từ khơi bóng hạc*¹

nên mỗi người con đều phải vội vàng. Trả hiếu không bao giờ đủ, không được coi là dư bởi tình cha thương con là “cho” chứ không phải “cho vay” để có thể gọi là trả đủ.

¹ Cha mẹ mãi phần (Nhị thập tứ hiếu)

(Nguồn: <http://vietsciences.free.fr/>)

VĂN LỆ THIÊN

Âm Thầm

(Văn số 97 ngày 1-1-1968)

Kéo tấm mền đắp lên ngực ba, vặn ngọn đèn dầu cao thêm chút nữa rồi Đoan ra khỏi buồng. Chị Trâm ngồi nơi bàn, hai tay chống cằm, cúi gằm đầu như đang chăm chú ngắm một cái gì. Đoan đẩy cửa ra trước thềm. Gió lay vườn chuối ào ào, ào ào. Trời đất đen hầm. Những khóm cây bên gò chùa to sẫm, thu lu như những đồng đất cao. Ban đêm ít khi Đoan dám ra ngoài. Ba nói thổ ngại gò ấy hiển linh lắm. Trước kia có một ngôi chùa xây nơi đó, trụ trì là một ông sư già. Ngày nọ ông sư tìm được trong mảnh vườn nhỏ mấy chiếc hủ sành đựng đầy vàng. Ông đem về chôn kỹ sau liêu. Rồi hàng ngày thừa lúc vắng vẻ lại ra moi lên ngắm nghía. Ông ra vào thăm nom hoài nên có người thấy được sinh nghi. Họ theo dõi nhà sư và ít lâu sau lên tới khuôn vàng đi mất. Nhà sư tiếc của, ngơ ngẩn suốt mấy tháng rồi lâm bệnh mà chết. Ngôi chùa bỏ hoang, bây giờ dấu tích chỉ còn cái nền gạch cây cỏ phủ đầy. Người ta nói ban đêm thường trông thấy có nhiều diêm la hiện ra quanh vùng đó. Khi thì vài đốm lửa xanh đỏ chập chờn, nhảy múa lờn vờn. Khi thì một ánh đuốc sáng lờ mờ xuất phát từ cái nền chùa cũ bay vút lên cao, kéo theo chiếc đuôi dài ngồng tím thẫm. Dân chúng cho là hồn thiêng của ông thầy chùa hiển hiện hoặc những hủ vàng vẫn còn sót dưới đất, và đêm tối hơi vàng bay lên “đi ăn”. Lắm người mò tới moi móc tìm kiếm, và lúc trở về tất cả đều bị bệnh một cách kỳ dị. Họ bị vàng “bắt”. Thế là sau ấy không ai dám mon men lại gần chôn u linh ấy nữa.

Cây cối ngày một lên cao, cỏ dại mọc tình sinh sôi. Ba nói thỉnh thoảng ba cũng thấy được các hiện tượng lạ, thường là vào lúc nửa đêm thanh vắng trong những ngày đầu tháng, rằm lớn, giỗ kỵ. Đoan nghe và để tâm kinh sợ.

Lào rào, gió rít mạnh thêm. Đằng xóm giữa có tiếng chó sủa. Ban đầu một hai tiếng lẻ tẻ, rồi lan ra, xôn xao. Chắc là chó đánh hơi có người đi ngang. Lạ, nửa đêm thế này mà ai đi đâu. Đoan quay vội vào nhà, hình như có một luồng gió nhẹ bay vờn sau gáy, cọ sát vào da lạnh buốt, Đoan rùng mình.

Chị Trầm tới giường ngồi, ngọn đèn trên bàn được chị vặn to từ lúc nào. Ba rên mỗi lúc một lớn hơn, kéo dài ồ ồ. Chị Trầm bảo nhỏ:

- Mày vô xem ba thế nào ?

Đoan giương mắt nhìn chị. Chị lớn sao chị không đi trước coi. Con gái thường hay nhát nhớm. Ngày má còn mạnh không đêm nào chị rời má. Thế mà hôm má sắp chết chị sợ hãi bỏ ra ngoài, không hề bước lại gần chỗ má nằm.

Cánh vật vắng tanh, người ta có thể nghe tiếng tàu chuối xô nhau bên ngoài rõ mồn một. Cánh cửa thiếc sau chuồng heo bị giạt đập lèng kèng. Phải chi lúc này có dựng Hanh thì yên tâm biết mấy.

- Đập thẳng Chử dậy chị Trầm.

- Biểu nó dậy làm gì ?

Đoan gắt:

- Cho vui.

Ba rên đều đều, chắc bây giờ ba mở miệng rộng ra mà tổng hơi thở chứ không phải rên như thường nữa.

Đời ba thật khốn khổ. Từ nhỏ đến giờ ba chỉ hưởng được một thời gian thanh thoi ngắn ngủi. Đó là quãng ngày ba đi lính, hồi xa xưa. Đoan nhớ những buổi chiều ba dẫn tốp lính mới ra bãi cỏ sau luyện tập đi, “ồn đơ, ồn đơ”. Ba mặc cái quần ka ki vàng ống dài tới trên đầu gối, áo vàng ngắn tay, đội chiếc mũ thon thon như cái thuyền nan. Ba ngậm còi thổi từng chập, tốp lính bước đi rập rập coi lạ mắt. Ba làm xếp. Người ta kêu bằng thầy đội. Tuy lúc ấy

còn nhỏ lắm nhưng Đuan vẫn nhớ được trong đồn huyện có nhiều ông Tây cao ngồng, đen thui và rất thương trẻ con. Ba nói chuyện với các ông Tây đó một cách ngon lành. Dân ở ngoài cũng nể ba, nên chỉ mỗi khi bắt tay ba họ thường cúi mọp mình xuống đây về cúi rúm kính cẩn. Sau này, những lúc nhớ thời gian hiển hách đó là thường giờ xem lại những bức hình xưa, mân mê, nhìn ngắm hàng giờ. Những bức hình chụp ba ăn mặc binh phục oai nghi, áo gấn huy chương, lưng đeo súng lục, và tay cầm batong. Ba gìn giữ nâng niu những tấm hình như người ta quý trọng vật gia bảo.

Còn những tháng năm về sau toàn là những ngày gian lao. Ba làm lụng tới tấp mắt mũi cũng không đem lại cho gia đình một cuộc sống no đủ. Trời đất gặt gẫm không cho ba sung sướng. Có lần ba đã liều lĩnh mò qua gò chùa tìm vàng. Gặt sang một bên những lời đồn đãi, ba mang cuốc xẻng đi đào xới trong nhiều đêm liền. Kết quả không có gì, ba lại bị đau. Đau nặng tưởng chết. Thiên hạ được dịp phao rùm lên là ba bị vàng bắt. Người bị vàng bắt thì nước da xanh mướt, trông mắt vàng chói.

Thời xưa những người hiền thường gặp sự lạnh. Dù trước có khổ sở lận đận bao nhiêu chừng kết cục vẫn xum họp, giàu sang. Vân Tiên bị kẻ tiểu tâm hãm hại đui mù hoạn nạn, gian truân, nhưng sau vẫn đậu Trạng, làm vua. Xuân Nương có đau túi nhọc nhằn, chết đi sống lại rồi cũng là Hoàng hậu, đoàn viên cùng Lâm Sanh. Ba đọc thơ và nói ba cũng hiền lành thôi, mà sao tới giờ vẫn còn khốn đốn.

Đuan vô buồn tới gần giường, ba nằm yên, chân tay thẳng đơ. Đầu ba hơi ghéch lên cao để chiếc cổ chuôn dài cho hơi thở dễ lưu thông. Ngoài này chị Trâm đập bép bép lên mông bé Chữ, chị kêu khe khẽ:

-Dậy Chữ, dậy.

Thằng nhỏ lặn qua phía khác ú ớ trong miệng.

-Dậy đi em, dậy em.

Và chị lại đập bép bép.

Hồi sẩm dương Hạnh tới thăm, chị em Đoàn năn nỉ dưỡng ở lại ngủ cho có bạn. Ba mê man đã mấy hôm nặng quá sợ khó qua, ba chị em chỉ biết chúm chụm lại mà lo sợ.

Nói thì nói nhưng Đoàn biết không thể cầm dưỡng Hạnh ở ngủ. Đêm nào như đêm ấy, chiều vừa chập xuống làng xóm đã im lìm. Trai trẻ đàn ông kéo lên xã ngủ từ sớm. Những người còn lại lo rút êm vô nhà, đóng cửa tắt đèn. Tiếng chó xủa ban đêm rớt vào bầu không khí về dọa dẫm, nặng nề. Dưỡng Hạnh vệt mền sợ bụng ba. Cái bụng mấy hôm cương chang bang nay xẹp xóp, như dính sát tận xương sống, hai lớp xương sườn tranh nhau nhô ra ngoài trơ trên. Dưỡng đặt lên trán, lên cái mũi tím ngắt đón hơi thở. Quay ra dưỡng thở hắt buồn rầu :

- Yếu quá.

Mấy đứa cháu nhìn nhau lo ngại. Dưỡng Hạnh ngồi rần lại một hồi lâu, uống nước, nhấp nhòm ngó ra cửa. Quả đất lặn lẹ. Vườn chuối đã nhuốm màu thâm thẫm. Chợt dưới cuối xóm một con chó xủa lên rông rông, rồi chỉ trong khoảnh khắc đã có thêm nhiều con khác phụ họa rầm rộ. Dưỡng Hạnh bật dậy, nhảy tới hiên lấy xe, dưỡng dặn với mấy câu rồi lật đặt ra ngõ. Tiếng chó xủa từng hồi, từng hồi gấp rút tổng mạnh dưỡng Hạnh chạy khỏi làng. Trong nhà không khí lạnh lẽo trùm lên những người còn lại. Tiếng rên của người bệnh giờ một lớn thêm, như muốn lặn át tiếng gió bên ngoài.

Bé Chữ bị đập thức ngồi dậy ngo ngoá, nó toác miệng ngáp và đưa tay dụi mắt. Chị Trầm nhìn nó, rồi chị cũng dụi mắt, và ngáp. Trông chị có vẻ bơ thờ mệt mỏi,

chị từ từ vén mảng tóc rồi ngà phủ trên má-, nhưng chị vừa bỏ tay ra nó lại ngã xòa xuống, chị để yên không vén nữa.

Đoan lật quyển sách trên bàn, liếc những tấm hình. Mới về hơn một tuần mà thấy như đã lâu lắm. Ngày giờ sao bỗng nhiên chạy qua thật chậm. Bữa nhận được thư chị Trầm gửi về, Đoan linh cảm là lần này có cái gì khác khác với những lần về thăm nhà trước đây. Đoan thu xếp sách vở mang theo, trả hết tiền trọ, từ giả mọi người, ra xe, lưu luyến. Chị Trầm viết “ Ba đau nặng quá Đoan ”. Chỉ một câu đó cũng đủ báo cho Đoan biết là mình chắc không còn dịp trở lại nhà trường. Đoan mân mê tấm bảng danh dự kẹp giữa sách. Những dòng chữ bay bướm đậm nét. Tấm này chưa đưa ba xem. Sợ ba sẽ không còn thời giờ để xem nữa. Năm nay con chỉ kiếm được có hai lần danh dự, con cố gồng hết sức rồi đó. Mấy tháng gần đây tiền chị Trầm gởi lên thất thường, còn những lá thư kể lể sự túng thiếu thì dài và đều đặn. Nhiều bữa Đoan không ghé lại quán cơm học sinh mà lủi ra bên xe đồ mua một ổ bánh về nhai đỡ bụng. Đến trường không còn thấy vui. Tối tối cái buồn ở đâu ập xuống. Và từ đó những trang vở bỗng toát ra sự lạt lẽo, Ba nói :

-Mỗi năm mày mỗi kém đi, thích chơi rồi hả con ?
Tao còn sức moi gạo ra cơm mà.

Đoan chối bay :

-Dạ không đâu ba. Tại trên tỉnh nhiều nhân tài chớ, dân tứ xứ tụ lại đông lắm. Dưới trường quận mình chỉ có một năm người xoàng xoàng để qua mặt, ở trên thì khó vượt hơn.

Ba không thắc mắc thêm. Chỉ có những tấm giấy khen mang về là làm cho ba vui. Mấy năm ở lớp dưới Đoan kiếm được khá nhiều giấy khen, về sau ít dần, ít dần đi. Ba mỗi năm một già xạm, gầy mòn. Cơm gạo chạy vào

thúng ba thừa thớt, cũng như những tấm bảng danh dự ngày càng tránh xa tay Đoan. Đoan có lư do bào chữa cho sự kém cỏi của Đoan. Còn ba, không thấy ba nói tới việc xuống dốc của mình.

Chẳng khi nào ba xem xét bài vở của con, vì ba có biết gì đâu mà xem. Đoan thường kể những sinh hoạt ở trường, ba chịu khó nghe và đôi khi cũng tò vè thích thú. Học trò bây giờ nghịch lắm ba. Thầy giáo, cô giáo trẻ thường bị chúng quấy chọc. Vào một lớp xô xào, học trò lúc ngủ nói chuyện, cô giáo bèn đập bàn bảo im, cô nói : - “ Các em im lặng, học đi rồi cuối giờ cô cho chơi ”. –Im lặng ngay. Và đến cuối giờ “ các em ” nhao nhao : “ Gần hết giờ rồi, cô cho chơi đi cô. Cho chơi chút đi cô ”. Tiếng cười cợt , tiếng tán thưởng ầm ĩ. Giờ vạ vật vài đứa tìm đủ cách để xuyên tạc các bức vẽ của thầy trên bảng, chúng tìm những u nghĩa khôi hài gán cho những hình ảnh đó, để hiểu ngầm và cười với nhau.—“ Thừa cô vì sao nhũ hoa đàn ông không nẩy nở như đàn bà ? ” Thừa cô thế này, thừa cô thế nọ, rồi lại xô xào, rúc rich. Nghe qua ba lắc đầu. Hồi trước đâu có tình trạng đó. Học sinh sợ thầy như sợ cọp. Trên bàn thầy nạt một tiếng là dưới chiếu cả bọn nín khe và run. Chữ nghĩa được quý trọng, sách vở không dám lót dít mà ngồi. Ba nói :

-Thời đại bây giờ có nhiều cái bại quá hỉ. Nhưng mà này, mầy đừng bắt chước bọn nó nghe, trước học lễ sau mới học văn các cụ ta ngày xưa nói vậy đó.

Ba cố gắng chịu cực khổ cho con theo học để may ra sau này nó làm được một cái gì, lạ hơn, vẻ vang hơn là tưới mồ hôi xuống ruộng cát, tưới mồ hôi xuống rừng rẫy để kiếm cơm, như cha ông nó. Đời ba đen đủi, cho tới ngày gần chết rồi ba cũng chưa biết mặt mầy ông cha bà mẹ ngang dọc thế nào, đừng nói chi đến chuyện học hành.

Gà gáy lê tè dưới xóm. Gió vẫn còn rít vun vút.

Vườn chuối bị vắn xơ xải, tàu lá le bầm rách mướp. Bé chữ khom mình mân mê chơi với mấy ngón chân của nó. Chị Trâm ngồi gục đầu xuống gối. Hình như ba đã ngủ hoặc mê đi, không còn nghe tiếng rên. Có lẽ trời sắp sáng. Mùa đông đêm dài hơn ngày. Đoan thấy đôi mắt mình muốn cụp xuống, mấy đêm liền thức trắng làm con người rã rời.

Cót két, cóc két, tiếng kêu dọc đường của những chiếc xe đạp già nua vang lên ngoài ngõ, rồi lớn dần, chạy vào tới sân. Dượng Hạnh ho đánh tiếng. Đoan mừng rỡ chạy ra mở cửa. Dượng Hạnh hỏi lớn :

-Ba có bớt chút nào không cháu ?

Gió mạnh đánh bạt tiếng nói. Đoan long ngóng không nghe rơ. Dượng Hạnh đi ngay vào buồng. Chợt nghe dượng kêu :

-Ừa...trời !

Đoan giật mình, dượng Hạnh quay lại :

-Tụi mày không canh chừng, ảnh bỏ đi tự lúc nào.

Đoan bước lên. Ba nằm đó, cặp mắt trợn trừng, cánh mũi đen kịt như bị ám khói. Dượng Hạnh vuốt mắt ba, xếp đặt tay chân ngay thẳng, xong dượng dẹp bỏ những chai thuốc trên đầu giường. Đoan sừng sốt, chị Trâm thút thít ngoài cửa. Dượng Hạnh kéo mền phủ mặt ba, rồi dượng xuống nhà sau lấy một lưỡi dao cùn đem bỏ lên bụng người chết. Dượng làm nhẹ nhàng, lặng lẽ.

VĂN LỆ THIÊN tức Lê văn Thiện sinh năm 1947. Hiện sống tại Khánh Hòa. Bài văn này được xuất hiện trên Văn khi tác giả 21 tuổi, vào lúc tiểu đoàn của anh đang có mặt ở chiến trường Phú Yên..

VIẾT VỀ NGƯỜI CHA

Một nén hương cho ba

NGUYỄN THỊ TỪ HUY

Ngày ba mất, tôi nghĩ rằng không cần phải cầu cho linh hồn ba siêu thoát, dù mẹ đã làm tất cả những gì có thể. Bởi lẽ, thật đơn giản, ba đã siêu thoát ngay khi còn sống. Ba, người không vẫn đục bao giờ. Thầy Lê Thái Phong, bạn ba và thầy tôi, đã nói như vậy. Ba có thể âu lo, đau đớn, đắng xé, cay đắng, tức giận, sợ hãi nữa, nhưng không vẫn đục. Thanh khiết. Thanh khiết cả nơi nét mìa mai, vừa có gì ngọt ngào, vừa có gì xót xa, còn đọng lại trên nụ cười mơ hồ trong khung ảnh.

Không còn ba. Cần phải làm quen với cảm giác rằng từ nay chúng tôi sẽ vĩnh viễn thiếu bàn tay run run của ba, thiếu những câu đùa tếu, thiếu giọng đọc thơ truyền cảm, thiếu những bình luận đau đầu về thể sự, thiếu nụ cười và đôi mắt tinh anh thỉnh thoảng vẫn ngân ngấn nước của ba. Một năm qua, ngày nào tôi cũng nói chuyện với ba, điều lẽ ra tôi phải làm khi ba còn sống. Ngày của tôi bắt đầu cùng với cái nhìn của ba, cái nhìn có rất nhiều sắc thái trộn lẫn vào nhau trong sự nổi trội của nét nhân hậu bao dung.

Giờ đây trong những ngày không ba, tôi hình dung lại những tháng năm ba đã sống để hiểu ba. Ba đã dùng toàn bộ cuộc đời để viết, dù viết không nhiều. Chỉ để lại một số tác phẩm ít ỏi. Nhưng cuộc đời ba chính là một tác phẩm, theo nghĩa ba dùng nó để bảo vệ những giá trị quan trọng đối với ba. Ba đã dùng chính cuộc đời luôn thua thiệt, cuộc đời thanh sạch, tinh khiết (không có từ nào chính xác hơn những từ đó) để bảo tồn và tạo dựng các giá trị. Ba đã sống như một giá trị. Bằng lối sống của mình, ba chống lại sự băng hoại và tan rã xung quanh. Giống như một cái cây chống lại sự ô nhiễm của môi trường bằng màu xanh của mình và bằng cách toả ra khí oxy. Ba đã sống đúng như

những lý tưởng của ông: nhân ái, thẳng thắn, trung thực, liêm khiết, trọng danh dự, bao dung, cao thượng. Chúng tôi đã đi khắp nơi, rồi quay về nhà để thực sự hiểu ý nghĩa của hai từ “cao thượng”. Cách mà ba đã sống, đã hành xử với con người, với đời, phải được gọi là như thế: cao thượng. Có những điều ba ghét cay ghét đắng: tham lam, giả dối, nịnh bợ, hèn hạ... Ở ba không có sự thù hận, không có sự đố kỵ. Ba chịu thiệt thòi. Có những thiệt thòi tự nguyện, đó là khi ba chủ động từ chối các quyền lợi mà ông cho rằng nếu nhận sẽ tự làm hạ thấp nhân cách của ông, làm ảnh hưởng đến phẩm giá của ông. Ba đã sống đúng như cái tên của mình: Chính Tâm, một tấm lòng cương trực, trung thực. Ba hoàn toàn xa lạ với những nhỏ nhen tầm thường, ba không biết tới sự ganh tị, hiềm khích và thù hận càng không. Ba đã sống cuộc đời của một người bình dân, một người thường dân, một cách đặc biệt. Ba là một minh chứng cho sự kết hợp giữa tính chất đặc biệt và tính chất bình dị. Ba đã kiên quyết thực hiện các nguyên tắc sống của mình, đến mức người đời có thể cho là ông gàn dở. Ba hoàn toàn hiểu rõ và sử dụng sự gàn dở ấy như một phương thức bảo tồn nhân cách và phẩm giá, như một phương thức để giữ gìn sự trong sạch. Và chúng tôi tự hào về sự gàn dở của ba. Bạn bè ba đã nhìn sự gàn dở đó như một giá trị. Nhờ nó mà ba có những người bạn tri kỷ: những người giống như ba, những người lặng lẽ làm một cái cây bình dị dùng màu xanh để chống lại sự ô nhiễm. Ba đã không thoả hiệp, chịu đựng rất nhiều nhưng không thoả hiệp. Ba thoát tục ngay giữa cõi đời này. Ba trôi qua cuộc đời, thanh đạm như một làn hương trinh bạch. Cần có bao nhiêu can đảm để có thể sống được như ba? Nhưng có lẽ câu hỏi không phải được đặt ra theo cách ấy. Bởi vì ba đã sống như vậy một cách tự nhiên, không phải cố gắng, như chính ba vốn vậy. Vào thời kỳ khốc liệt nhất của bệnh tật, có lúc ba đoán biết được những nỗi lo âu của chúng tôi, những nỗi lo âu rất đời thường về một mối quan hệ giữa cá nhân tôi và một người nào đó, ba nói: “Hãy cứ xử sao cho đáng là một con người!” Giờ đây tôi hiểu rằng ba chọn cách sống ấy, ẩn mình lặng lẽ trong

thua thiệt và cách xa vật chất, là để làm một con người theo quan niệm của ba. Ba đã sống với một ý thức đầy đủ rằng cần phải sống như thế nào cho ra một con người. Ba không thể thoát khỏi những hệ lụy của cả một thời đại, nhưng luôn ý thức đầy đủ về việc LÀM NGƯỜI. Ba muốn chống lại rất nhiều điều: sự giả dối (đầu tiên là nó), bất công, ngang trái, bạo lực, sự độc đoán, sự suy thoái về đạo đức, sự tàn lụi về văn hoá. Và rồi ba hiểu rằng, tôi đoán vậy, ba chỉ có thể chống lại chúng bằng một cách duy nhất: bằng cách tạo ra một hình ảnh đối lập lại với chúng, tạo ra một lối sống đối lập lại với tất cả những thứ đó. Và ba đã làm điều ấy với sự can đảm tự nhiên của mình, can đảm mà không cần phải cố gắng. Tâm hồn ba lan toả một năng lượng huyền bí trong khu vườn của chúng tôi, khu vườn khiêm nhường nơi mỗi cành lá, mỗi gốc cây phả ra sự trong sạch tự nhiên của chúng.

Tính cách đặc biệt của ba có lẽ được di truyền từ ông nội, một người cũng hết sức đặc biệt trong sự bình dị của mình. Một người cũng hết sức cao thượng trong cuộc sống nghèo nàn cơ cực của mình. Ông nội đã vì công việc chung mà đem các con gửi lại cho anh em, sau một đêm “rũ áo” ra đi nhận nhiệm vụ được giao. Một tinh thần trách nhiệm như thế, sự vô tư và hào hiệp như thế chỉ có thể là phẩm chất của núi, những ngọn núi tạo thành một vòng tròn xa xa bao quanh ngôi làng đã sinh ra ông nội và ba.

Đám tang ba, những người nông dân có bộ mặt của đồng ruộng, những bộ mặt của cánh đồng ngày hạn hán, họ đứng đón ba, họ chờ đưa tiễn ba. Họ biết ba suốt đời nghĩ về họ, day dứt vì các vấn đề của họ, họ biết ba đã muốn làm nhiều điều cho họ dù không thể. Họ hiểu tấm lòng ba, họ hiểu ba sống là để viết về họ. “Đồng đất thân quen”, đó là cái tên ba đã đặt cho cuốn tiểu thuyết của mình. Sau khi lập gia đình, chủ yếu ba sống ở Vinh, một thành phố nhỏ ở miền trung, nhưng tâm hồn ba bay bổng qua nhiều thế giới nhờ kho sách vở mà ba không ngừng bổ sung. Nhưng dù có bay tới những miền đất nào đi nữa thì ba vẫn bị kéo về cái góc làng ấy, nơi đã đón ba vào đời. Cái làng mà từ đó

nhìn ra bốn phía đều thấy núi. Núi phải chăng là cội nguồn của sự chính trực và bao dung nơi ba?

Nhân giỗ đầu ba, 25 tháng 5 Canh Dần

(Nguồn : Tạp Chí Da Màu www.damau.org)

VIẾT VỀ NGƯỜI CHA

LÊ CẦN THƠ

BỘ NGỰA GỖ CỦA BA TÔI

Vậy là bộ ngựa gỗ của ba tôi vĩnh viễn không còn trong ngôi nhà của ba nữa - bộ ngựa mà ba trân trọng giữ gìn như một báu vật trong đời, kể từ khi ông bà ngoại cho ba má “làm cửa hồi môn” lúc cưới nhau đầu thập niên 1930 - khi đó ba vừa tròn 25 tuổi và má nhỏ hơn năm tuổi. Bộ ngựa gỗ gồm có ba miếng ván gỗ mun ghép khít nhau, mỗi tấm có độ dày đến một tấc hai phân, đặt trên hai con bộ ngựa cũng bằng gỗ được trổ mộng rất nghệ thuật, không thấy bất cứ dấu đinh nào. Mặt bộ ngựa có viền khảm xa cừ xung quanh thật đẹp, được lau chùi thường xuyên nên lên nước bóng ngời, những buổi trưa nắng mà nằm lên đó cảm thấy mát lạnh. Ông ngoại tôi trước đây làm trong ban viên chức hội tề của xã và có dịp mua bộ ngựa đó về đặt ngay trong phòng khách của ngôi nhà ba gian hai chái, mà giàn cột kèo bằng gỗ tốt, các cột đều bào tròn bóng lộn. Mái nhà thay vì lợp ngói âm dương, ngoại tôi lại lợp bằng lá tàu tách bẹ chứ không phải lá chàm. Ngoại nói cách lợp đó trong nhà mát mẻ quanh năm và cũng vài ba năm mới lợp lại một lần. Đúng ra khi cưới vợ thì ba tôi vào ở rể như nhiều gia đình khá giả vào thời đó, nhưng ông bà ngoại tránh những điều tiếng không hay nên cho cất một căn nhà nhỏ phía bên kia con mương để con gái và rể ra riêng liền sau đám cưới, trên vuông đất hai công có thể trồng trọt đôi ba cây ăn trái, nên ba má không đem bộ ngựa về, phải gởi lại nhà của ông bà ngoại. Ban đầu ông bà ngoại rầy, cứ đem về nhà, vì đó là “tài sản” mà ba má tặng vợ chồng con. Nhưng ba má cứ nài nỉ gởi lại,

nêu lý do chờ khi nào “ăn nên làm ra”, có nhà lớn sẽ đem về. Bởi vậy bộ ngựa gỗ vẫn còn ở lại nhà ông bà ngoại đến nhiều năm sau đó. Rồi chiến tranh xảy ra, nhất là lúc quân đội viễn chinh Pháp chiếm đóng nhiều nơi, tổ chức những cuộc càn quét Việt Minh trong vùng nông thôn, thì nhà của ông ngoại trước sau bị đốt đến ba lần. Mặt bộ ngựa gỗ bị cháy sém nhiều chỗ, và ngôi nhà ba gian hai chái của ông bà ngoại không còn nữa, phải cất lại căn nhà nhỏ hơn để ở, ba má mới khiêng về đặt bên nhà nhỏ của mình.

Như trên tôi có nói, bộ ngựa như một báu vật trong đời của ba, bởi hai lý do, thứ nhất là suốt cuộc đời trai trẻ cho đến ngày lập gia đình, ba là một thanh niên nghèo, trôi giạt từ miệt Ba Vát Mỏ Cày ở Bến Tre qua tới làng Trường Long “khỉ ho cò gáy” ở đậu đặc để làm thuê làm mướn sinh nhai thì làm sao có đủ khả năng để mua nổi một bộ ngựa gỗ quý giá đó; hơn nữa chưa có gia đình nhà cửa thì mua để làm gì. Trong một buổi chiều mưa dầm tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm, cái năm mà bom B52 ném sập ngôi giáo đường của nhà thờ Ông Hào bởi tiểu đoàn Tây Đô của Việt cộng đặt khẩu pháo phòng không tại ngay tháp chuông bắn phi cơ bay qua đó, tôi ngồi hỏi chuyện ba tôi về nghề đăng cá để viết bài cho nhật báo Miền Tây trên mục **“Tắc Đất Ngọn Rau”** do thi sĩ Kiên Giang phụ trách, vui miệng ba tôi kể luôn chuyện lưu lạc từ Bến Tre qua Cần Thơ rồi cưới được vợ với bộ ngựa gỗ làm “của hồi môn” như vậy... Thứ hai là, nhờ bộ ngựa gỗ “làm vật che thân” cho cả gia đình tôi trong một đêm đạn pháo binh mà thời đó tuổi trẻ chúng tôi gọi là “ô buýt” từ chợ Phong Điền bắn vào miệt Trường Long rớt ngay căn chòi che ngoài bờ vườn của gia đình gồm có Má, anh trai, tôi và đứa em gái đang nằm ngủ trong “trăng xê” năm 1953, tức là trước năm đình chiến. Đêm đó ba đi đăng cá trong kinh Chệt Thợ, sáng ra chèo ghe về, nhìn cảnh tượng kinh hoàng mới thất vía kinh tâm. May mắn là tất cả gia đình tôi vẫn còn sống sót nhờ ngủ trong hầm “trăng xê” bên trên lót bằng bộ ngựa gỗ dày một tấc hai, đắp đất vun cao cả thước. Trái đạn chạm xuống nổ tung,

hắt hết lớp đất phía trên để lộ mặt ngựa gỗ ra ngoài, trong hăm má con chúng tôi như bị hắt tung lên nhưng chẳng thương tích gì, thật là điều kỳ diệu. Bộ ngựa gỗ quá nặng, mỗi tấm ván tới mấy người khiêng mới nổi. Có lẽ nhờ nặng như vậy nên suốt nhiều năm chiến tranh, bao nhiêu lần lính Tây lính ta cùng vô bổ ráp quē tôi vẫn “tha” không thềm chở đi, trong khi những tô chén đĩa kiêu của ông bà ngoại cho mỗi lần “chạy Tây” ba má tôi đều bỏ xuống ruộng vườn để giấu, hoặc bị xom bể, hoặc bị mò lên lấy đi mất tiêu, mỗi lần một số cho đến sau này chẳng còn cái nào cả. Mười lăm cái lu mái dầm dùng đựng lúa giống và nước mưa để uống, nếu không bị lấy đi thì cũng bị giộng báng súng lũng dít hết, ba má tôi phải tìm cách trét vá lại để xài. Thuở đó, chạy Tây liên tục như ăn cơm bữa, và giống như chuyện đùa giỡn, vì lính chỉ đi dọc theo con đường đất hai bên bờ sông chứ không đi lũng sục ngoài ruộng như thời chiến tranh sau này. Cứ mỗi đêm, khoảng ba bốn giờ sáng, dân làng ai nấy đều thức dậy nấu nồi cơm với kho nồi cá rồi thức giục con cái xuống ruộng chèo chống vào Kinh Mới, Chệt Thợ, Hội Đồng Quý... chỉ cách bờ sông ngã cái chùng ba bốn cây số đường chim bay, xuống đậu ken nhau trên dòng kinh bề ngang chưa đầy mười mét để “trốn Tây”. Phần đông chạy Tây là đàn bà và trẻ con, còn trai tráng và đàn ông thì ở lại chạy sau cùng bằng đường bộ, hoặc theo vào khu vực trốn Tây với đoàn xuống ghe đi trước, hoặc “chém vè” ngoài bờ ruộng hay lưng đìa nơi đồng trống có nhiều sậy, để chẳng chịt, vì biết chắc lính Tây chẳng bao giờ bén mảng lục soát ngoài đó. Dòng kinh Chệt Thợ cũng như kinh Hội Đồng Quý đều băng qua cánh đồng trống bạt ngàn thỉnh thoảng mới có bóng mát của rừng tràm bầu. Buổi trưa nắng chang chang như thiêu như đốt cũng ráng chịu đựng và mong đợi có cơn gió hiếm hoi vụt thổi qua cho đỡ oi bức. Theo dõi bước chân của lính Tây bằng cách nhìn những bụng khối với các tàn tro bụi lá quện lên cao do những căn nhà bị đốt là biết chúng đã đi tới đâu. Thường thì khoảng ba bốn giờ chiều lính đi bộ ráp bắt đầu rút về Phong Điền. Bà con lại lục tục chèo chống trở về căn nhà

của mình thì trời chạng vạng tối. Không phải nhà nào cũng bị đốt, nhưng chắc chắn một điều, cuộc bỏ rập nào cũng có một vài căn nhà làm mồi cho “bà hoả”, và dĩ nhiên “màn trời chiếu đất” sẽ đến với những gia đình bất hạnh đó. Bây giờ nhắc lại chuyện “chạy Tây”, tôi cảm thấy buồn cười cho sự hiểu biết hết sức ngây ngô của bà con quê tôi thời đó. Bởi vì, tôi còn nhớ có lần đoàn ghe xuồng chạy Tây của dân làng đậu dọc dài trên Kinh Chết Thợ, giữa trưa nắng thì trên đầu có máy bay “đầm già” - mà sau này lớn lên tôi mới biết đó là máy bay quan sát L19 - bay qua đảo lại trên đầu. Dưới này nhiều tiếng kêu hú inh ỏi của người lớn, bảo chúng tôi hãy im lặng, đừng cười giỡn lớn tiếng trên máy bay nghe sẽ bỏ bom chết hết! Chúng tôi còn nhỏ, xem chạy Tây như là chuyện chơi chẳng biết gì là nguy hiểm, nên cứ cởi quần áo nhào xuống dòng kinh lặn hụp, đùa giỡn bởi trời quá nóng, rồi vò đất sét chọi nhau khiến người lớn phải từng chập rầy la, hết đầu này tới đầu kia... Sau này hiểu ra, máy bay quần trên đầu quan sát thấy hết, biết bên dưới là thường dân trẻ nít nên chúng để yên không huy hiếp, chớ nếu cần thì đã giết hết chúng tôi rồi. Một hôm chạy Tây trở về, bà con ai về nhà nấy. Má và mấy anh em tôi đậu xuồng tại mương ranh đất giáp nhà thím Ba Xuồng, sau khi cột dây cần thận, mẹ con lục tục bước lên bờ với nôi niêu và tấm đệm, đi vào nhà. Mới vừa tới sân trong bóng tối chập chờn thì nghe tiếng hét lơ lơ giọng “Việt Minh... phơ” cùng lúc với tiếng lách cách (về sau mới biết đó là tiếng kéo cơ bấm lên đạn). Lập tức có tiếng người Việt Nam la lên: “*Đứng lại, đứng lại, giơ tay lên đầu, đừng đi nó bắn!*”. Mấy mẹ con chúng tôi hoảng quá làm theo lời của người kia. “*Tất cả ngồi xuống*”. Rồi người đó bước tới trước mặt chúng tôi, bấm cái đèn xẹt qua xẹt lại hỏi: “*Có tất cả mấy người? Đàn ông đâu?*”. Má tôi nói: “*Bốn người, tôi với ba đứa con*”. “*Còn chồng bà đâu? Có làm Việt Minh không?*”. “*Dạ hồng có. Chồng tôi đi đăng cá vài bữa mới về một lần*”. “*Thiệt vậy không?*”. “*Dạ thiệt mà*”. “*Nhà bà ở đâu?*”. “*Dạ nhà này của tôi*”. Vừa nói, má vừa đưa tay chỉ vào căn nhà trước mặt. “*Cứ ngồi đó, chờ tôi thưa lại*

cho quan biết”. Người lính Việt Nam bước lại nói gì với thằng Tây mà anh ta bảo là quan. Chút sau quay lại nói: *“Quan Một bảo cho vô nhà nhưng ở trong đó không được mở cửa ra ngoài sẽ bị bắn chết. Để sáng ra quan tập họp bà con lại nói chuyện, nhớ chưa?”*. “Dạ nhớ!”.

Đó là lần sau cùng của những trận đốt nhà do lính Tây đi bố ráp vào làng Trường Long của chúng tôi, bởi vì bà con làm tường là Tây đi bố rồi rút về như những lần trước, nào ngờ chúng ở lại để đóng đồn tại vàm Ông Hào. Tôi nhớ đó là đầu mùa đông năm 1953. Những ngày kế tiếp cả lính Tây lẫn lính Việt đi tới đi lui, kêu gọi đàn ông thanh niên phải đến tham gia phát quang xung quanh chỗ nền làm đồn trên đất mợ Năm Hơn phía bên kia sông thuộc ấp Trường Thọ. Phía bên này sông cái đối diện nền đồn thuộc ấp Trường Thuận có đám cây bồ dày đặc của đất cậu Sáu Đường Láng thì phải dùng dao phay chặt hết để nhìn ra tới cánh đồng. Nói chung là tất cả cây cối xung quanh chỗ đóng đồn phải san bằng cho tầm nhìn được xa. Đàn ông thanh niên khoẻ mạnh thì đào đất đắp nền, làm bờ thành của đồn, rào kẽm gai...; nhà nào không có đàn ông thì đàn bà phải làm thế nhưng công việc nhẹ. Ba tôi ở trong kinh Hội Đồng Quỳ gần một tuần, thấy tình thế quá kẹt, phải chèo ghe đặng trở về đậu dưới mé sông. Buổi chiều đó người lính Việt Nam dẫn ba tôi tới chỗ quan Một của Tây nói gì đó, hắn ta gục gặt đầu bảo *“Nông Việt Minh, tre-ven, tre-ven”*. Người lính Việt giải thích cho ba hiểu, Quan Một nói *“Không phải Việt Minh, tốt lắm, tốt lắm”*. Và anh ta dặn ba, mỗi ngày phải đến làm đồn với bà con trong làng cho mau rồi, lính sẽ rút đi chỉ để một đơn vị ở lại giữ đồn, bảo vệ cho bà con làm ăn, không cho bọn Việt Minh về phá phách và vợ vét thuế má nữa! Bởi tới lui đóng đồn suốt mấy tuần lễ, ba mới thấy cái đĩa kiểu con cá thật lớn của ông bà ngoại cho khi trước chỗ thằng Tây quan Một ở mà lúc chạy Tây ba đã ném giấu dưới nương phía sau vườn. Có một lần ba nói với người lính Việt Nam: *“Cái đĩa con cá của tôi, nhờ Ông đội hỏi xin lại giùm tôi”*. Người lính Việt Nam nói với thằng Quan Tây, nó gục gặc đầu, khiến ba mừng thầm trong bụng nghĩ là

nó bằng lòng trả. Nhưng người lính Việt mà có lần ba nghe có người gọi thầy đội cho biết: “*Quan nói để khi đóng đồn xong rút đi quan sẽ cho lại!*”. Ba tin là sẽ xin lại được nên không nhắc tới nhắc lui nữa. Một hôm, thầy đội Việt nọ lại nói: “*Quan rất thích bộ ngựa gỗ nhà anh, nhưng nó nói nặng quá chắc không đem đi được đâu!*”. Ba lại chùng hững, vì “*nếu thắng quan Tây mà lấy bộ ngựa gỗ thì vật kỷ niệm quý báu của ông bà ngoại tặng cho xem như mất tiết mà chắc gì trong đời ba mua lại được*”. Rồi ba thăm van vái trong bụng “*ba má sống khôn thác thiêng, phù hộ cho vợ chồng con, xui khiến cho thằng Tây đừng lấy mất bộ ngựa gỗ quý báu đó!*”.

Đồn làm xong. Hôm lính rút đi, ba có nhắc cái đĩa kiêu con cá, thầy đội Việt nói là khi đưa ra tới chợ Phong Điền, quan sẽ trả lại. Ba chèo ghe chở đồ đạc linh kinh, chẳng biết của quan Tây hay của thầy đội Việt Nam, có nhiều đồ kiêu, mà cái đĩa con cá thật lớn nằm lẫn lộn trong đó. Ra tới cầu tàu Phong Điền, chỗ mà lính Tây thường giết người ném xuống sông trôi lênh bênh những năm trước, thầy đội Việt bảo ghé lại và tiếp chuyển đồ lên bờ. Ba tôi nhắc lại cái đĩa, thầy đội bảo: “*Anh cần thì tìm mua cái khác. Quan nói rất thích muốn giữ cái này!*”. Từ lúc dọn đồ xuống xuống cho đến khi ra tới bến Tàu này, ba chẳng thấy mặt thằng quan Một của Tây lần nào cả. Ba tiu nghỉu bước xuống xuống chèo về mà không dám quay lại nhìn, với lòng vừa tức vừa buồn rười rượi.

Đất nhà ba cách đồn mấy trăm thước phía bên kia sông, nhưng lại nằm trong tầm súng phúng lựu của đồn. Bởi vậy rất sợ ban đêm Việt Minh về bắn phá, lính sẽ bắn trả nguy hiểm, ba mới đắp đất tu bổ lại cái hầm “trảng xê”, nhưng sau đó lính đồn bảo phải phá bỏ, lý do tội Việt Minh có thể núp trong đó đánh phá đồn.

Sau ba lần ông bà ngoại bị Tây đốt nhà, rồi vì tuổi già cũng lần lượt qui tiên, ba má đem bộ ngựa về nhà mình. Đồn Ông Hào cất xong, việc đi lại chợ búa dễ dàng, bởi cái trạm của Việt Minh đặt chỗ vằm Ông Hào đâu còn nữa. Hồi trước, ai muốn ra chợ Phong Điền hay Cái Răng, khi bơi xuống ngang phải ghé trình giấy cho phép của ủy

ban kháng chiến địa phương. Khi đi chợ về phải ghé cho cán bộ gác trạm xuống kiểm soát đồ đạc mới được đi. Nhiều khi họ gởi mua món này món kia.... nhưng ít khi đưa tiền. Mà đi chợ thì phải xài tiền xanh (tiền đồng dương, tiền giấy con voi?), trong khi trong vùng thì xài tiền của kháng chiến, tiền có in hình Cụ Hồ, giá trị xài như lăm chuối. Ai có nhiều tiền phải đựng bằng bao bố tời! Bộ ngựa bây giờ đã loang lổ vết cháy sém trên mặt, mấy hình khảm xa cừ chỗ chỗ còn chỗ mất, ba mới muốn ghe lớn chờ ra trại cura ở Cái Răng muốn cura xẻ làm ba bộ, mỗi bộ có bề dày khoảng hơn 3 phân. Như vậy nhà ba má bây giờ tới ba bộ ngựa gỗ chó không phải một bộ. Thấy không có chỗ kê, phần vì gia đình cần phải mua sắm đồ đạc trong nhà, ba má kêu người ta bán đi một bộ, có người lại đòi mua bộ có mặt khảm xa cừ dù đã bị cháy sém. Suy đi nghĩ lại, ba bằng lòng, vì để lại chắc ba không thể có khả năng muốn người “phục chế” lại đẹp như xưa được. Còn lại hai bộ kê tại phòng khách, từ ngoài bước vô nhà, bên trái kê một bộ, bên phải kê một bộ, chính giữa là bàn thờ gia tiên và có một bàn tròn với mấy cái ghế đầu để ngồi uống nước.

Năm 1965, khi nhà thờ Ông Hào bị máy bay B52 ném bom sập thủng đường và gác chuông, cả họ đạo trong rạch Ông Hào nhà nào cũng có người chết, bà con lần lượt bỏ xứ để ra chợ sinh sống. Ba má thấy không khí chiến tranh bắt đầu tái diễn trên quê hương mình nên cũng bàn nhau gồng gánh ra Xóm Chài Cần Thơ tìm chỗ cất nhà để ở. Ba đã khiêng một bộ ngựa gỗ ngâm dưới một cái mương sau vườn, hy vọng hết chiến tranh thì về lại moi lên xài, chắc không bị mục đâu? (Ba nghĩ đơn giản là chiến tranh không kéo dài). Còn một bộ thì chờ theo ra Cần Thơ. Sau đó, vùng quê Trường Long trở nên địa bàn hoạt động của tổ chức mệnh danh là mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Đồn bót bị phá sập không còn nữa, nên ba má cũng không có dịp đặt chân trở lại vườn quê. Sau biến cố Mậu Thân, quân lực VNCH phát triển mạnh khi luật tổng động viên ban hành, nhiều đơn vị địa phương quân tân lập được hình thành tại các tỉnh thì đồn bót được dựng lên khắp nơi. Trường Long cũng có mấy đồn. Đầu

thập niên bảy mươi công cuộc cải tổ hành chánh công vụ của chánh quyền diễn ra, các viên chức xã ấp lần lượt được bầu lên. Dân chúng tản cư những năm trước rủ nhau trở về ngày càng đông. Ba Má cũng theo dòng người đó trở về quê cũ. Công việc đầu tiên sau khi cất lại cái nhà một gian một chái để hai ông bà ở (vì lúc đó mấy anh em chúng tôi đã đi lính và lập gia đình hết rồi) mà chăm lo sửa sang vườn tược với mấy công ruộng. Việc thứ hai là vét nương để mang bộ ngựa gỗ lên, nhưng tìm hoài không thấy đâu. Sau này biết được là trong thời chiến tranh, nhiều gia đình ở lại trong đó có một gia đình “bám trụ” đã giúp đem lên giùm! Ba má dò la hỏi thăm, thì được biết, họ không xài mà đã bán rồi lấy tiền chi tiêu “giùm” từ lâu. Ba má tôi chẳng biết phải làm sao, đành tiu nghỉu lặng thinh như hồi thầy đội Việt Nam nói thẳng quan Tây bảo cần thì mua cái đĩa kiêu con cá khác xài vậy.

Sau cùng thì ba còn một bộ ngựa gỗ duy nhất đã mang ra Cần Thơ trong lần tản cư năm 1965 để ở Xóm Chài. Ba chở về quê cũ kê trong căn nhà nhỏ trên phần đất của ông bà ngoại cho năm xưa. Sau biến cố tháng tư đến 1975, hai người anh của tôi - một đi BCH 3 Tiếp Vận, một đi Quân Vận 412 và đưa em gái tôi có chồng đi lính quận Phong Phú cũng lục tục từ thành phố trở về quê nhà. Gia đình hai người anh được ba má tôi chia cho cái nền nhà với mấy bờ vườn, công ruộng, xúm xít nhau cấy trồng mà sống. Đưa em gái thì về quê chồng ở Rạch Nhum Ô Môn làm ruộng. Thằng em trai Út của tôi có vợ là gia đình người Hoa ở chợ Cần Thơ, được “*chánh quyền cách mạng*” cho đi vùng kinh tế mới ở Ngã Tư Cây Dương sau khi bị đánh tư sản mại bản. Còn tôi thì quá nhẹ dạ, tình nguyện vào trường “*đại học tổng hợp*” đến sáu bảy năm trời, học hỏi quá nhiều điều đắng cay tủi nhục của kiếp con người mà bọn cán cối nói là “tay sai Mỹ Ngụy”. Tôi lưu lạc từ trại này đến trại khác của thời quân quản, nghe biết bao lời mắng nhiếc của cán bộ quân giáo, những tên lính vệ binh cầm AK lăm le chỉ bằng tuổi con cháu mình, mà mỗi khi mở miệng là muốn lên lớp dạy cho “tay sai Mỹ Ngụy” những bài học nặc mùi chủ nghĩa Mác Lê rập

khuôn nhau, như đã nói sẵn trong một cuộn băng cát sét. Rồi đến khi bọn Pôn Pốt hoành hành ở vùng biên giới Tây Nam, các trường “*đại học tổng hợp*” được chuyển đi và giao cho chế độ “quản lý trại giam” của ngành công an. Và, thời điểm này, những tên nhệ dạ “trình diện mang theo một tháng tiền ăn” như tôi mới biết là mình ở tù chẳng có bản án ngoài danh từ hết sức hoa mỹ “cải tạo không giam giữ”.

Tôi đã “trình diện” tại trường Phan Thanh Giản Cần Thơ trong hai tháng, chuyển lên trung tâm huấn luyện Chi Lăng Châu Đốc để học 10 bài, làm tổng kiểm thảo xong để nghe cán bộ chủ nhiệm lên chủ xuống có lúc thấy mình như đã chìm xuống tận cùng của đáy xã hội; sau đó đưa đi lao động ở trại Mê Linh Long Xuyên; lại trở về Chi Lăng học tiếp 8 bài nữa, bởi họ nói học chưa tốt. Học thêm 8 bài vàng ngọc rồi lại cho đi lao động ở Nông trường Thắng Lợi tại Ngã Ba Lò Gạch Trĩ Tôn. Khi bọn Pôn Pốt tấn công rồi đốt phá làng Ba Chúc một thời gian, tình hình quá phức tạp, chúng gom bĩ lại, chuyển hết lên trại Mỹ Phước Tây ở Vườn Đào Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Mấy năm sau thấy chế độ quân quản không đủ sức “tẩy nã” tội “nguy quân ngoan cố” như chúng tôi, bọn chúng thấy qua cho ngành công an quản lý trại giam. Thế là chúng tôi chánh thức được “hành quân” (nói theo danh từ CS mỗi khi chúng cho tù cải tạo chuyển trại)... tới tận rừng sâu Xuyên Mộc, chính khu rừng này lúc chúng tôi được chuyển đến, trước đó đã chôn 81 người tù cải tạo, trong số có nhà văn Nguyễn Mạnh Côn mà thời chưa đi lính tôi đã biết tên trên báo chí.

Hồi còn ở Vườn Đào, ba lặn lội đi thăm tôi. Hôm đó ba đi với đứa em trai út của tôi, nhưng vì thằng em bỏ vùng Kinh Tế Mới trở về tánh hơi ngang tàng, khi cán bộ kiểm soát giấy tờ gạn hỏi nó điều gì đó (có tính cách điều tra để biết thêm về tôi), nó bảo “không biết”, cứ hai chữ “không biết” mà nói nên nó dành cho thằng nhỏ... đứng ngoài rào chơi suốt hai tiếng đồng hồ ba được vào gặp tôi. Năm đó ba tuổi cũng gần thất thập rồi, tóc muối nhiều hơn tiêu, con người gầy xuống trông thật đáng thương. Có lẽ

ba đã thức quá nhiều đêm, trần trọc lo lắng đủ điều. Tôi nói, “*ba đừng lặn lội đi thăm con nữa. Một vài tháng, vợ con đi một lần gặp con cho biết tin tức gia đình cũng được rồi, ba đi làm chi*”. Ba cứ chớp mắt nhìn tôi như muốn nói điều gì đó mà nghe chừng trong cuống họng ông nghẹn lại. Chợt nhiên, hai hàng nước mắt lã xuống đôi gò má nhăn nhoe của ba, tôi sững sờ. “*Trong người ba thế nào? Ba có bị bệnh gì không?*”. “*Nhớ con quá, ba cố gắng đi để gặp mặt con. Thành Tâm đi theo ba, nhưng họ không cho nó vô. Con cố giữ gìn sức khỏe, ba biết con có nghị lực nên ba luôn luôn tin con sẽ vượt qua được. Ba bị bệnh... nhưng chắc không sao đâu. Con đừng lo cho ba...*”. Bàn thăm nuôi xếp dài trong lán trại, dây bên này là tù cải tạo, dây đối diện là thân nhân, ngồi đối mặt nhau nói chuyện qua lại như vậy. Mấy anh cải tạo viên làm trật tự thì đi tới đi lui nhắc nhở sắp hết giờ thăm để chia tay, dành chỗ cho đợt khác vào. Các cán binh mang súng đi tới đi lui nghe ngóng để “răn đe” không cho “phát biểu linh tinh” và dặn “nói chuyện phải lớn tiếng, không được xàm xì”...

Khi đưa ba ra tới khu vực “cách ly” gần cổng trại, tôi nhìn ra hàng rào thấy thằng Út Tâm đứng ngoài đó, đưa tay vẫy vẫy, tôi ứa nước mắt rồi cũng vẫy tay lại với nó, vừa nhìn dáng ba đi liêu xiêu qua đoạn đường bị ngập của mùa nước nổi năm 1978 tại trại Vườn Đào Cai Lậy. Tôi mãi miết nhìn dáng ba và thằng em phía ngoài cổng rào thì tên vệ binh hét lớn: “*Anh kia, trở về đội, hết giờ thăm nuôi rồi! Muốn kỳ sau bị cúp không cho thăm hay sao?*”.

Chuyến ra trại Xuyên Mộc mỗi tháng cán bộ của trại thông báo cho viết thư về thăm nhà và báo ngày được thăm nuôi với dặn dò “qui định” số kí lô đồ được mang vào thăm. Nhiều tháng liên tiếp tôi đều dặn gia đình đừng đi thăm nuôi vì biết đường sá quá xa xôi, nhất là vào rừng sâu không tiện lợi chút nào. Qua năm thứ hai ở Xuyên Mộc, đột nhiên có một hôm cán bộ trực trại xuống gọi tôi đi gặp thân nhân không phải vào ngày trại tổ chức cho thăm. Tôi quá bất ngờ chẳng biết ai đến thăm mình, nhưng cũng phải đi theo tên cán bộ. Bước vào khu thăm nuôi, tôi

sừng sốt thấy người anh cả của tôi trước làm ở đại đội tổng hành dinh Bộ chỉ huy 3 Tiếp Vận căn cứ Long Bình ngòi bên túi đồ, nhìn tôi mỉm cười. Cán bộ bảo tôi ngồi bên này, anh tôi ngồi bên kia rồi bảo anh mở túi đồ moi ra từng món để kiểm tại chỗ, xong đâu đó anh ta bảo bỏ trở vô, anh tôi đẩy gói đồ sang cho tôi khi cán bộ trực trại bước ra đứng ngoài cửa canh chừng. “*Anh chị có khoẻ không? Mấy đứa nhỏ ra sao rồi? Ba Má sức khoẻ năm nay có tốt không? Hai năm trước khi đi thăm em, trông ba yếu lắm...*”. Tôi cứ hỏi dồn dập, mà anh tôi thì cứ ngồi lắng nghe, muốn nói điều gì, nhưng đôi mắt cứ đảo qua lại sợ cán bộ đứng kia nghe. Anh nói lớn tiếng “*Chị với các cháu của chú cũng khoẻ. Ba Má năm nay già rồi, nay đau mai ốm, nhưng chẳng sao đâu... Chú yên tâm đi, anh nghe lên đài BBC nói thành phần như chú chắc sẽ có nhiều thuận lợi...* (mấy câu đó anh lại nói rất nhỏ). *Ba bệnh sạn thận, bác sĩ ngoài bệnh viện khám và cho toa mua thuốc. Hiện ba đang uống thuốc... Ba nhớ chú muốn đi thăm nhưng đường xá xa xôi, má không cho đi. Ba bảo anh thay ba lên thăm chú để về kể lại cho ba nghe...*”. “*Mấy năm nay về quê có làm ăn được gì đâu mà có tiền đi thăm em như vậy? Cả anh nữa, mười mấy năm lính, con đùm con đề, quen sống ở Sài Gòn, đừng một cái về vườn có ai quen đâu, rồi làm sao sống?*”. “*Thời gian và thực tế tập cho tụi nó thói quen chớ biết sao chú*”. Ngừng một chút, anh tôi nói: “*Nhiều đêm trần trọc, ba đi đến quyết định là bảo anh kêu người bán bộ ngựa gõ sau cùng để đi thăm chú, anh không chịu, nhưng Má bảo, ba con muốn con bán để lấy tiền mua chút ít đồ lên thăm thằng V., con cứ làm theo, đừng để ba con buồn. Ông đau nhiều lắm, ông sợ ngày nó về không gặp được mặt ông?*”. Nghe anh tôi nói, mắt tôi bỗng hoa đi bởi những dòng nước mắt tự nhiên lăn dài xuống má. Vậy là một phần ba của món quà vô giá mà ba tôi nâng niu gìn giữ suốt cả đời mình, mãi tới thời điểm này ông mới chịu buông xuôi, chịu để mất đi... chỉ vì thằng con trai mà ông từng nói là “*ba biết con có nghị lực*” như tôi. Thời gian thăm nuôi không nhiều, anh em cũng chẳng dám nói gì bởi sợ cán bộ nghe ngóng. Anh tôi nói

nhỏ: *“Thằng Tâm vượt biên thất bại, đang bị giam ở trại Cải Tạo Cà Mau”. “Ba biết không?”. “Không, gia đình đang giấu, vì bệnh ba trở nặng. Anh lo cho ba...”. “Sao không để dành tiền lo thuốc men cho ba, đi lên đây làm chi cho tốn kém như vậy?, ở nhà mình còn gì quý giá để bán có tiền nữa đâu?”. “Không đi ba đâu có chịu. Ba nói bán hết gia sản để lo cho chú ba cũng vui lòng...”*. Câu nói mà tôi nghe đó, có lẽ là câu nói được lặp lại sau cùng của ba đối với thằng con tù tội như tôi. Bởi vì, nhìn dáng anh tôi lúi thủi bước ra đường mòn để đón xe rời khỏi trại Xuyên Mộc trong buổi xế chiều hôm đó, tôi có linh cảm là tôi đang mất tất cả những tình thương trân quý nhất của cuộc đời mình.

Mấy tháng sau, tự nhiên có một đêm ngủ chập chờn, tôi chợt thấy ba. Lúc thì ông đang lặn ngụp dưới lòng rạch sâu để trải đăng, đặt từng chiếc lợp bắt cá. Lúc thì tôi thấy ông đang cầm phàng phát cỏ trên cánh đồng ruộng nước lên tới ông quỳn để chuẩn bị cho mùa cấy sắp tới. Lúc thì tôi thấy ông đang cầm gàu tát nước trên mấy bờ vườn trồng quýt đang hồi ra bông trắng xoá. Lúc thì tôi thấy ba đang đi liêu xiêu từ chỗ thăm nuôi băng qua đoạn đường ngập nước tại trại giam Vườn Đào Cai Lậy mà ngoài kia hàng rào kẽm gai, thằng Út Tâm em tôi đang đứng vẫy tay... Lúc thì tôi thấy ba đang lặn mò bộ ván ngựa gỗ dưới chiếc mương vườn mà cách đó mấy năm ông đã giấu bên dưới... với vẻ mặt buồn bã tuyệt vọng. Lúc thì tôi thấy ông hai tay cầm cái đĩa kiêu con cá thật to, với vẻ mặt tươi cười mừng rỡ... rồi đột nhiên ông buông tay rớt xuống đất bị bể nát, mặt ông tái đi, biến dân, biến dân trong màn sương trắng... Tôi giựt mình khi anh bạn tù kẻ bên thờ tay qua lay nhẹ tôi: *“Làm gì mà ú ớ vậy”*. Tôi mở mắt định thần một chút rồi thờ dãi. *“Nằm chiêm bao, thấy ba tôi, nhớ ông già quá chừng...”*.

Trong một lá thư gửi cho tôi báo tin tức gia đình, bà con và cuộc sống ở quê nhà để tôi an tâm, vợ tôi có viết mấy chữ mà tôi cứ suy nghĩ mãi: *“Ba bây giờ ít nói. Tụi con cháu làm gì, la lối ồn ào ba cũng ngồi nhìn mà lặng thinh, ba thương tụi con cháu lắm. Ba thương anh nhiều*

nhứt, ngồi đâu, nói chuyện với ai ba cũng nhắc anh, ba nói nhớ anh. Ba cứ kể, hồi trước anh có ý định hết chiến tranh anh sẽ học cái nghề đăng cá của ba, ba bảo, đừng học nghề này lạnh lẽo lắm, lo học chữ đi, làm thầy làm thợ với người ta, theo nghề hạ bạc này làm gì. Ba nói...". Tôi suy nghĩ hoài, vợ tôi viết "ba bây giờ ít nói" rồi tự dung lại "*ba cứ kể, ba nói, ba nói...*" liên tục, phải chăng có điều gì xảy ra? Tháng đó viết thư gửi về, tôi chỉ hỏi thăm bệnh tình của ba tôi ra sao? Nhưng... câu hỏi về ba cũng không được vợ tôi hay bất cứ người thân nào trả lời.

Ngày tôi ra trại về tới quê nhà thì đúng là ngày cả gia đình anh em chúng tôi gom lại để cúng tuần 49 ngày cho ba. Nghe kể, ba tôi mất, chôn đúng một tuần thì thằng Út Tâm được thả ra từ trại giam Cái Nước. Nó lập tức cùng hai anh và đưa em gái út của tôi lo xây cho ba tôi một cái mả xi măng đàng hoàng trước khi nó tiếp tục làm một chuyến vượt biên khác. Tôi về để quán vảnh khăn tang và lạy ba tôi trong ngày cúng tuần đó, mới ngẫm nghĩ câu văn đơn giản của vợ tôi viết mà lúc còn trong trại tù tôi ngờ ngợ không nghĩ ra được: "*Ba bây giờ ít nói. Tụi con cháu làm gì, la lối ồn ào, ba cũng ngồi nhìn mà lặng thinh...*". Và, tôi đột nhiên cúi mọp lạy ba tôi rất nhiều lạy, khi nhớ đến bộ ngựa gỗ mà ba bảo anh tôi bán để lấy tiền đi thăm nuôi tôi, một thằng con ở tù mà những ngày cuối đời ông muốn đi thăm tận mặt cũng không thể nào đi được, bởi, ngày anh xách đồ đi thăm tôi, căn bệnh sạn thận và tiểu đường đã hoành hành ông đến cực độ, ông chỉ nằm một chỗ chờ đợi anh tôi đi Xuyên Mộc trở về, kê cho ông nghe những gì thấy được về tôi. "*Ba ơi, xin ba tha lỗi cho con. Cả đời, con không bao giờ quên được tấm lòng của ba dành cho con*". Tôi đã quỳ lạy ba tôi với những câu chữ trên suốt mấy thời kinh mà thầy cúng đã đọc trong ngày cúng tuần thất thứ 7 sau ngày ba tôi vĩnh viễn từ giã cõi đời năm 71 tuổi.

Nỗi ân hận và dày vò trong lòng tôi khi được nghe kể chuyện về ba những ngày sau cuối. Trước khi biết mình không còn sống bao lâu, ba đã lục lạo tất cả hồ sơ giấy tờ, lấy ra những tấm ảnh mà ông đã chụp trước đây đốt hết.

Má tôi hay được giựt lại nhưng không kịp. Ba nói, “*chết là hết, để lại hình ảnh làm gì cho con cháu nhìn thấy mà nhớ thương, tội nghiệp tội nó. Nhất là thằng V. ở tù trở về chẳng gặp mặt tôi mà thấy tám hình thờ chắc nó đau xót lắm, nằm sâu dưới ba tấc đất tôi cũng chẳng yên lòng!*”.

Ba thật đơn giản, nghĩ sao là làm vậy. Ông đâu nghĩ rằng, không phải hình ảnh của ông từng cất giữ đem đốt hết thì con cháu sẽ nhanh chóng quên đi. Cũng có thể suy nghĩ này đúng một góc độ nào đó, nhưng “*ba của con ơi, không có hình ảnh nào của ba bị xóa mờ trong chính trái tim con đâu - ít nhất cũng là trong thời gian con còn điếm phúc được hít thở không khí trên cõi dương trần này*”. Hôm nay khắp đất nước Hoa Kỳ có ngày kỷ niệm “father's day”, các báo và chương trình phát thanh đều nhắc đi nhắc lại ý nghĩa “**ngày của cha**”, nói về công ơn người cha và họ cố tìm một chữ nào đó để dịch cho đúng nghĩa: **hiền phụ, nghiêm phụ** như ngày “mother's day” là ngày **hiền mẫu...v.v...**; nhưng dù dịch bất cứ chữ nào thì hình ảnh người cha vẫn ngồi sáng trong câu ca dao bất hủ “*công cha như núi Thái Sơn*” mà người Việt Nam nào thời thơ ấu đều có học. Chỉ còn hai tháng nữa là đến ngày cúng giỗ ba, con viết mấy dòng này để kính dâng vong linh ba trong cõi vĩnh hằng. Con nhớ thuở ba còn sinh tiền và con còn đi học, vào mỗi khuya giao thừa hằng năm, ba đều hỏi “*con đã viết khai bút đầu năm chưa?*”. Giao thừa năm Mậu Thân 1968 tôi đã khai bút để sửa lại bài thơ viết hồi ngày 10 tháng 10 năm 1967 rồi đưa ba xem. Bài thơ **Về Sông Ân Cá** mới sửa xong:

*Tết này ba có về quê cũ,
Thăm mả mộ xưa viếng xóm làng.
Hưu chiến đôi ngày ôi ngắn ngủi.
Làm sao níu lại được thời gian?*

*Ví dầu về rẫy ăn còng sữa.
Ăn cá về sông thương tuổi thơ.
Ba hồi điều tàn vương xóm nội.*

Tìm đâu đường nét đẹp bây giờ?”.

Con thấy ba đọc xong bài thơ dài 32 câu, mà tám câu cuối con viết như vậy, nét mặt ba buồn buồn rồi buông chuỗi thở dài”.

Houston, 15 tháng 6 năm 2003 - Father's day

(trích từ Trôi ngang phận mình, tập truyện, Bản thảo lưu lại xuất bản 2009)

VIẾT VỀ NGƯỜI CHA

NGUYỄN KIM TIẾN

Truyện thật ngắn

Niềm vui

- Hạ ơi, ra đây chơi cò cò với tao đi!
- Không được đâu, ba tao bệnh, tao phải trông chừng. Chơi gần đây thôi, lỡ ba có kêu, tao còn nghe được.
- Hạ ơi, đi chơi với bạn đi con, ba không sao đâu.
- Ba à! Ở bên cạnh ba, vui hơn!

Bây giờ niềm vui nhỏ bé ấy cũng không còn!

Mất mát

Tôi lang thang dưới mưa, không dám về nhà, mãi đến khuya, không biết đi đâu...

- Mất hết tiền rồi hả con?
- Đa.
- Thôi đừng buồn. Còn sức khỏe là còn tiền mà! Đi thay quần áo đi kéo nước mưa thấm vào rồi bệnh đó!
- Đạ.
- Tiền bạc chỉ là phương tiện thôi con ạ. Lòng nhân ái là cứu cánh!

Hành trang bước vào đời của tôi là thế!

Ước mơ

- Lớn lên con muốn làm gì?

-Làm bác sĩ để khám bệnh cho ba.
-Sao lại chỉ mình ba? Cho mọi người chứ?
-Ừ, hén! Sao con không nghĩ ra.
-Con à, làm gì cũng được, miễn sao lúc nào cũng nghĩ đến người khác là tốt rồi.

Bây giờ tôi làm nghề đúc bê tông!

Vô thường

-Ba muốn ăn gì hôm nay?
-Ba đã ăn cả đời - 89 năm - đủ rồi.
-Thì cũng phải ăn cái gì hôm nay chứ?
-Có con bên cạnh là ba no rồi

Ngày xưa, tôi ở bên cạnh ba
Tôi vui!
Giờ đây, ba ở bên cạnh tôi
Ba no!

Nguyễn Kim Tiến
29 tháng 03 năm 2010

VIẾT VỀ NGƯỜI CHA

CHẠM

Tác giả: Alexi Zentner
Nguyễn thị Hải Hà dịch

Đám thợ thả gỗ xuống sông khá sớm, vào tháng Chín, những thân cây bị cắt ngọn thả liên tiếp dồn dập xuống sông, trôi xa mút mắt trên tầm nhìn tôi và đám trẻ con. Bố tôi, là trưởng toán, đứng trên đầu dốc của đường gỗ trượt, không ngừng la hét đám thợ và vung vẩy cái bàn tay bị dập nát đã lâu, hối thúc họ nhanh lên. “Toàn là tiền ở dưới sông đấy, chúng mày,” ông lại hét to, “đẩy tiếp, đẩy tiếp.” Mùa hè năm ấy tôi lên mười, trong trí nhớ của tôi bố to lớn như một ông khổng lồ, mặc dù mẹ tôi bảo rằng ông không mấy cao chưa đủ để phải cúi đầu mỗi khi bước vào ngưỡng cửa, căn nhà của công ty cung cấp cho trưởng toán có cái hàng hiên được che kín, nằm phía sau nhà máy.

Ông đã từng “chạy nước” khi ông còn trẻ, dùng sào chống đẩy gỗ ra khỏi vùng nước xoáy hay những chỗ có dòng nước chảy xiết và tách rời những thân cây bị dồn chung lại với nhau đến độ tất nghẹn không trôi được, phụ trách việc chuyển gỗ trên sông cả ba chục dặm từ Sawgamet đến Havershand. Khi đến nơi những thân cây cụt đầu này sẽ được đưa lên xe lửa nhưng ông không cần phải hộ tống chúng: hoặc là chúng sẽ xuôi nam để người ta cưa thành khối vuông để làm đường rầy xe lửa hay là chúng sẽ được chở đi hai ngàn dặm về hướng đông cho đến Toronto, và sẽ được chở bằng xe vận tải đến Boston hay New York. Ở đây những thân cây khổng lồ này sẽ được cưa xẻ biến thành xà nhà hay làm khung nhà ở các thành phố của những người xa lạ. Mỗi cuộc thả gỗ như thế mất nhiều

ngày mới đến Havershand, bố nói. Những người thợ thả gỗ ngủ rất ít và luôn luôn mỏi mệt. “Cẩn thận, trông chừng bàn chân, chúng mày. Những thân cây đang xoay tít có thể nghiền nát hay cán chúng mày bẹp dí đấy.” Nước lạnh chìm dưới khối gỗ luôn luôn gọi mời. Đám thợ dựng lều ngay giữa những khối gỗ đan nhau chặt đến nỗi chúng biến thành một nền tảng vững vàng, như mặt đất, trên đó người ta có thể ngủ một vài giờ, ăn một vài miếng bánh bích qui nguội cứng ngắc và uống một tách trà.

Mặc dù có một bàn tay bị dập nát, bố tôi vẫn có thể đảm nhiệm một đầu của lưới cưa dài. Ông giữ phần đầu cưa của ông bắt nó ca hát ngân nga xuyên qua khối gỗ cũng nhanh nhẹn như những người thợ có đầy đủ hai bàn tay. Nhưng một người thợ gỗ có một bàn tay không còn dùng được sẽ không thể chống gỗ trên sông; khi đám thợ thả những thân cây xuống sông bố tôi đứng điều khiển công việc ở nơi đám gỗ đan vào nhau, nơi đó những thân cây đã chen chúc một cách an toàn và tránh xa những khối gỗ đang lặn ngụp, ngăn ngừa sức phá hoại của gỗ và những khối cây nặng nề nằm ở mép ngoài.

Tôi không biết bố tôi có cảm giác thế nào về cái bàn tay bị dập nát của ông, và tôi sợ không dám hỏi. Bố tôi không hề nói về những hiểm nguy; những dòng sông chảy xiết và dài vô tận, nhưng ở chỗ đón cây, giữa rừng, ngày nào cũng có thể là một ngày cuối cùng – người ta nắm vào tay cầm của cái cưa đã nhẵn bóng, đẩy cái cưa chạy qua chạy lại, ca hát trong lúc làm một chuyện bình thường như việc nhà, như bà nội trợ đang nhồi bột – lúc ấy là khi bọn thợ hay lơ đãng nhất. Tôi biết nhiều người đã bị chết vì cây đổ, hay bị chảy máu đến chết chỉ vì một cái riu cùn dẹt ra từ khúc gỗ và cắm vào chân của họ, bị đè nát nghiền vì gỗ lăn ra khỏi xe, hoặc chết đuối khi thả gỗ dưới sông. Năm nào cũng có người chết hoặc trở nên tàn tật.

Hai năm trước lần thả gỗ ấy, vào ngày sinh nhật năm tuổi của Marie, em gái tôi, tôi đã hỏi mẹ tôi về bàn tay của bố.

“Mẹ rất mừng,” bà nói. Chúng tôi ngồi trên đầu dốc của đường gỗ trượt, nhìn ra hướng bờ sông, phe phẩy đuôi đám ruồi đen một cách tuyệt vọng. Bố đã đưa em vào rừng, nơi chỉ dành riêng cho đàn ông, làm quà sinh nhật tặng em.

“Mẹ mừng à?”

“Mừng vì chỉ có mỗi bàn tay của bố bị dập thôi,” mẹ tôi trả lời và điều này cũng đúng.

Buổi sáng mùa hè hôm ấy, Marie đã mang phần ăn trưa của em vào chỗ cưa gỗ, tất cả được gói và cột lại trong một cái khăn tay: hai lát bánh mì blueberry, hai củ khoai tây luộc, khoai dẻo bị đào lên hơi sớm; và một miếng thịt nướng nho nhỏ. Bố để em mang cái riu của bố, vẫn còn bén và sáng ngời, bởi vì kể từ ngày bị tai nạn bố chưa dùng đến nó, và khi hai người rời nhà, tôi phân bua là bố nên cho tôi cùng đi, đám trẻ trong vùng đã đi giúp bố chúng nó ngày thứ Bảy và suốt mùa hè. Tôi đã đủ lớn để chặt bỏ những cành nhỏ, giúp săn sóc ngựa, và kiếm tí tiền tiêu vặt.

“Con đã đi nhiều lần rồi,” mẹ tôi nói, mặc dù bà biết là tôi chỉ được đi có hai lần vào ngày sinh nhật của tôi. “Ồ chỗ ấy rất là nguy hiểm.” Chắc chắn mẹ đã nghĩ đến cái cảnh khúc gỗ đã lặn lên bàn tay của bố tôi, đè nó bẹp dí đến độ nó chẳng chảy máu cho đến khi đám thợ đến cắt đứt để giải cứu cho ông. Có lẽ là tôi đã nhản mặt, bởi vì mẹ dịu dàng nói. “Tháng sau con sẽ được đi, vào ngày sinh nhật của con.”

Hôm ấy Bố và em tôi về trễ, mặt trời mùa hè vừa mới lặn, Marie vẫn còn mang cái riu, lặng lẽ khóc, bước đi khập khiễng, máu nhỏ lấm tẩm trên vớ của em khi chỗ phồng bị dộp da và chảy máu, bố tôi đi chậm chậm bên em. Mẹ tôi bước ra khỏi hiên nhà đến với Marie, nhưng em tôi tăng lờ, đi qua khỏi mẹ, leo lên ba bậc thềm bước vào cửa. Bố tôi lắc đầu.

“Con bé chẳng chịu để tôi bế nó.”

“Không cho cầm giúp cái riu?”

“Tôi đã thử hỏi nó.”

“Rồi sao?”

Bố hôn Mẹ rồi lại lắc đầu. “Một ngày thật nhọc nhằn cho con bé. Sang năm nếu nó vẫn còn muốn thì cho nó sẽ được đi.” Mẹ tôi gật đầu và đi vào trong để xem chỗ phòng dệt của Marie, để cho em ăn tối và cho em một lát bánh.

Tuần sau, Charles Rondeau, đang đốn cây, không nghe tiếng kêu báo động của đám thợ, thế là ông bố Rondeau phải bể xác chết đầm máu của đứa con từ trong bụi cây. Charles chỉ lớn hơn tôi vài tuổi lúc ấy, và một tháng sau, khi tôi được tám tuổi, Mẹ mua cho tôi một bộ đồ com lê mới, để mặc đi lễ ngày Chủ nhật, vừa nóng bức vừa khó chịu, và bố tôi đi vào chỗ đốn gỗ không cho tôi theo.

Mặc dù cái chết của Rondeau làm mọi người buồn bã, năm tôi tám tuổi mùa gỗ rất thuận lợi, mùa đông đến trễ hơn mọi năm. Bố tôi cho thợ tiếp tục đốn gỗ cho đến tháng Mười. Khi gỗ được thả từ đường gỗ trượt xuống sông trời vẫn chưa đông giá.

Khi thân gỗ cuối cùng được thả xuống sông, bố tôi đứng giữa chỗ gỗ đan chặt vào nhau vẫy tay từ giả. Marie và tôi cùng với trẻ con của những gia đình khác chạy dọc theo bờ sông chừng một hay hai dặm, hò hét với bọn thợ. Ba tuần sau, bố tôi, cũng như mọi người, từ Havershand quay về cười vui vẻ. Tất cả đều cởi áo khoác ngoài, vác trên vai những thanh sào sắt mũi nhọn để làm gỗ, và kẹp dưới nách những gói quà nho nhỏ mua cho vợ con. Mùa đông năm ấy rất dễ chịu. Khi con sông đóng băng vào tháng Chạp, trễ nhất từ trước đến nay, Marie và tôi đều được quà là đôi giày trượt băng mới toanh. Giấy gói quà vẫn còn nằm trong hộp. Giáng sinh đã đến sớm hơn thường lệ.

Mặc dù chúng tôi muốn được đi với Bố vào nơi đốn gỗ lúc mùa hè, mùa đông thì vui hơn, bởi vì ít nhất chúng tôi được có bố riêng cho chúng tôi. Những ngày có lớp học,

bố đến xưởng gỗ, mài cưa mài riu, kiểm soát sổ sách giúp Pearl, người phụ tá của ông, chăm sóc ngựa. Bố về nhà trước khi chúng tôi về, ngồi trước lò buổi tối, cùng chúng tôi nghe mẹ tôi, cựu giáo viên của trường Sawgamet, đọc sách. Bố khắc một món đồ chơi bằng gỗ cho Marie - cái còi có hình con ngựa – dùng cái tay bị đập kẹp khỏi gỗ lên bàn. Tuy nhiên, thường thường là bố kể chuyện cho chúng tôi nghe thay vì khắc đồ chơi.

Tôi biết, ở chỗ đồn gỗ bố là một người rất khác. Bố phải làm như thế. Bố phải khó và nghiêm để đám thợ nề trọng bố, và đáp lại, đám thợ tiếp tục cho những lưỡi cưa ngân nga qua thân cây xanh tươi. Trong khi riu của họ vạt gỗ thành hình như những môi cười và phạt những nhánh nhỏ từ cái cây bị hạ xuống, hay khi họ quấn dây xiềng chung quanh thân gỗ, bố tôi băng qua rừng cây, la hét, nói chuyện, diều cọt, phụ cưa gỗ nếu cần. Bố bắt đám thợ làm việc chăm chỉ, và nhiều khi họ chống lại, bố về nhà đầy những vết bầm, một con mắt sưng vù nhắm kín, những đốt tay chỗ cung lại thành năm đám bị trầy trụa chảy máu. Bố bắt đám thợ phải vâng theo.

Ở nhà, Bố là người rất dịu dàng. Bố kể chuyện về Bố và đó là những câu chuyện có thật. Bố kể bụi mạt cưa đã mọc cánh và bay xuống áo của đám thợ như muỗi bay, chuyện một thân cây tự đứng dậy chạy trốn những lưỡi cưa bén ngọt như thế nào. Bố kể chuyện chẻ toát một cái cây ra rồi thấy cả một vương quốc thần tiên, chuyện chỉ một nhát riu của bố có thể hạ gục cả cánh rừng, chuyện gia đình của một cái cây bố tìm thấy đã quấn quít lấy nhau, vươn lên đến trời, kết lại thành bím bằng lòng yêu thương.

Câu chuyện chúng tôi yêu thích nhất, là câu chuyện chúng tôi luôn xin bố kể lại, về cái năm bố đã thuyết phục mẹ kết hôn với ông. Lần cuối cùng bố kể câu chuyện này tôi nhớ là vào mùa xuân trước khi tôi lên mười.

“Người nào cũng bị đuổi đi ngoại trừ bố và Pearl Gasseur,” Bố nói.

“Già Pearl?” Marie cười khúc khích, nghĩ đến Pearl cũng như tôi nghĩ về ông ta, cười lên trên giữa đám gỗ trôi, mắt nhắm tít, tóc bạc mọc dựng đứng tua tủa trên đầu, cái áo lót màu vàng thông ra khỏi tay áo.

Bố tôi đã kể câu chuyện này rất nhiều lần, đến độ Marie thuộc lòng từng chữ, nhưng em cũng như tôi, yêu mẹ lắm, nên em vẫn vỗ tay và cười nắc nẻ.

“Già Pearl? Già Pearl?” bố tôi reo to, hàm răng lấp lánh. “Già Pearl lúc ấy chưa già, bố nói rộn ràng vui vẻ. “Già Pearl có thể nhận chìm bất cứ người nào và sẽ cười chế nhạo hần trong khi ông ấy lặn gỗ.”

“Và Bà Gasseur sẽ thích chí kể các con nghe chuyện này,” mẹ tôi nói. Bà sung sướng như những trái dâu mùa đông nhìn ông ấy chìm đắm thợ xuống nước.” Mẹ tôi mỉm cười khi nghe thế. Mẹ luôn luôn mỉm cười.

Lặn gỗ ở Sawgamet là trò chơi truyền thống. Hằng năm cả làng cùng ra bến sông trước ngày thả gỗ. Họ mang theo mền và những giỏ chứa đầy thức ăn như gà, củ hành nướng và khoai tây, bánh mì, bánh blueberry, rượu dâu. Bố tôi – và trước Bố là ông Trưởng toán Martin – sẽ lặn ra vài thùng bia to tròn, và đám đàn ông sẽ dùng chân để lặn gỗ. Họ, mỗi người đứng một đầu, dùng chân lặn khỏi gỗ, ban đầu chậm rồi nhanh dần và nhanh hơn, dừng lại lặn theo hướng khác, cho đến khi một người, đôi khi cả hai người một lúc, lặn xuống nước lạnh trong tiếng reo hò cổ vũ của đám đông trên bờ.

“Pearl luôn luôn thắng cuộc kể từ khi bố có trí nhớ,” Bố tôi nói. “Ông ấy chưa bao giờ bị chiếm chỗ, nhưng lần ấy Bố cần phải thắng.” Bố vỗ lên cái bàn bằng gỗ thông đã sòn bằng cái bàn tay bị tật và nháy mắt với Mẹ. “Ồ. mẹ của con là một người rất khôn.” Bố đứng dậy và vòng tay ngang hông kéo Mẹ sát vào người và nhìn Marie với tôi qua vai của mẹ. “Mẹ vẫn khôn khéo như thuở nào.”

Rồi Bố hôn Mẹ, và tôi ngạc nhiên là má của mẹ đỏ bừng. Trước khi đấy Bố ra Mẹ nói nhỏ cái gì đó vào tai Bố và

Bố cũng đỏ mặt, ngập ngừng giây phút trong khi mẹ bung đĩa ra khỏi bàn.

“Papa,” Marie nói, đòi nghe tiếp.

“Ô, nhưng mà con đã biết chuyện này rồi. Mẹ đã kết hôn với bố,” Bố nói, quay lưng lại với bố và vẩy tay, “và các con ra đời.”

“Papa,” Marie lại nói, lúc lắc ngón tay như là một cô giáo.

“Bố phải kể cho đúng,” Tôi nói.

Bố cười và nghiêng người phía bên trên lưng ghế. “Mẹ không chịu lấy bố.”

“Nhưng mẹ ạ,” Marie hỏi, “tại sao mẹ không yêu bố?”

Bố tôi ngừng và nhìn mẹ tôi. Phần này không nằm trong câu chuyện. “Tại sao em không chịu lấy anh?” Bố hỏi.

“Anh đã hỏi cưới tất cả mọi cô gái trong Sawgamet,” mẹ tôi trả lời.

“Nhưng anh chỉ hỏi cưới họ một lần,” Bố nói, lưng quay về phía Marie. “Còn mẹ của con thì bố xin cưới mỗi ngày. Tất cả những người đàn ông đã xin hỏi cưới mẹ, có cả vài người trong số ấy cũng đã có vợ, nhưng bố vẫn tiếp tục xin cưới. Hằng ngày và suốt ba năm ròng, Bố gọi cho mẹ đang đi học ở xa, xin kết hôn với Mẹ.”

“Và mẹ luôn luôn từ chối.” Marie thò tay ra và ôm bàn tay có những ngón khô héo của bố trong đôi bàn tay nhỏ bé của em. Bố ngồi xuống cạnh em. “Mama,” em hỏi lại, “tại sao Mẹ không yêu Papa?”

“Mẹ luôn luôn yêu Bố, cưng ạ,” mẹ trả lời, rót nước nóng từ trên lò vào chậu rửa chén. Mẹ nghiêng người hướng về hơi nước nóng để nó xông ngang mặt. “Mẹ chỉ chưa biết đấy thôi.”

“Thế là Bố tiếp tục hỏi cưới mẹ, cho đến một ngày, mẹ hết trả lời không.”

“Thế mẹ nói gì?” Marie không thể tự ngăn mình.

“Mẹ nói là ngày nào mà Bố có thể cho Pearl xuống nước là ngày đó mẹ sẽ đồng ý kết hôn với Bố.”

“Mẹ nghĩ là đây là một cái đánh cuộc khá an toàn,” mẹ nói. “Bố của con dường như không thể nào giữ người của Bố được khô.”

Bố tôi dựa người vào ghế và nhìn đắm đắm mặt trăng

ngoài cửa sổ. Bố đã rút bàn tay của bố lại từ tay của Marie, và bố dùng những ngón tay của bàn tay còn nguyên chà sát lên mu bàn tay bị đập, như thể là nó đau nhức vậy.

Tôi muốn nghe về cuộc chiến thắng của bố, về cái năm mà khúc gỗ lẩn quá nhanh đến độ Bố không nhìn thấy bàn chân của Bố như thế nào, và mãi cho đến khi bố nghe tiếng nước tung tóe, và tiếng la ó từ trên bờ sông, thì bố mới biết là bố đã chìm Pearl Gasseur xuống nước. Tôi muốn nghe Bố kể cái lạnh của nước lạnh khi bố từ trên khúc gỗ chúi xuống nước rồi bơi lên bờ, nước sông từ quần áo của Bố nhều long tong khi bố tiến đến gần Mẹ. Tôi muốn nhìn cái nheo mắt Bố dành cho chúng tôi khi Bố nói ông linh mục, Cha Hugo, đang ngủ gục với ly rượu ở chỗ mấy thùng bia. Tôi muốn nghe Cha Earl, mới dọn đến Ottawa hôm trước theo đạo Anh và còn trẻ hơn Bố, đã thực hiện phép cưới ngay lúc ấy trên bờ sông Sawgamer. Rồi Bố sẽ phải kể lại cho chúng tôi nghe Bố đã phải đi chuyển thả gỗ ngay sáng hôm sau, và Bố đã, từ Havershand, chạy bộ về với vợ của ông như thế nào, tuy thế, tôi hỏi Bố. “Bố có nhớ tiếc công việc thả gỗ không? Bố có nhớ chuyển thả gỗ ấy không?”

Bố nhìn tôi giây lâu, như thể ông không nghe câu hỏi của tôi, rồi Mẹ lên tiếng, “Con và Marie rửa mặt rửa tay chuẩn bị đi ngủ.”

Khi tôi đứng dậy ở chỗ bàn, bố ngăn tôi lại. Bố giờ bàn tay bị hỏng, những ngón tay cong queo như một cái vấu. “Bố nhớ lắm chứ,” Bố nói.

Bố đã chẳng có cơ hội kể chuyện nhiều vài tuần sau đó, và khi tuyết tan vừa đủ cho bọn đàn ông lấy cưa và rìu vào rừng, bố tôi lại đốc thúc họ làm việc chăm chỉ, như thể Bố biết mùa đông sắp đến sẽ khắc nghiệt như thế nào. Bố bắt họ làm việc từ hừng sáng cho đến tối không cho nghỉ ngày nào cho đến đầu tháng Chín, khi những thân cây được chặt đống và xếp hàng bên cạnh xưởng gỗ.

Những khúc gỗ này phải được thả trôi sông, lẽ dĩ nhiên là để làm ra tiền, và cái mùa đông năm kia ông trưởng toán Martin vì đoán sai thời tiết và chần chừ quá lâu nên gỗ bị đóng băng trong lòng sông. Mùa đông ấy thật khổ vì không tiền và nợ đòi. Khi mùa đốn gỗ bắt đầu trở lại lúc vào xuân, tuyết vẫn còn đóng trên mặt đất, bố tôi bị dập tay ngay trong tuần đầu tiên, và cũng trong tháng ấy trưởng toán Martin chết khi một cái riu đi lạc cắm trúng phía sau đầu của ông. Sau đó Công ty giao cho nhiệm vụ trưởng toán cho Bố tôi.

Năm tôi mười tuổi, băng vẫn đóng trên hai bên bờ sông ngày bắt đầu thả gỗ, và đám thợ liếc nhìn bố tôi về như thăm cảm ơn, biết rằng không mấy lâu nước sẽ đóng băng. Mùa đông đến sớm và dữ dội, làm bận tâm một số rất ít người vẫn còn nhớ lần đầu Sawgамет trở nên khổ sở túng thiếu, cái thị trấn phồn thịnh trở nên tiêu điều và người ta đồn là những người tuyệt vọng đã ăn thịt lừa của họ để sống sót. Suốt mùa đông bị tuyết bao vây cũng không khổ bằng nghe những lời thì thầm to nhỏ là họ ăn cái thứ gì đó còn độc địa hơn thịt lừa.

Bố tôi hối thúc thợ thả gỗ xuống đường trượt, hò hét, giúp sức với họ khi họ cần có thêm người dùng sào đẩy gỗ và đến giờ ăn tối, cả hai linh mục, cha Hugo và cha Earl đều chúc phúc cho chuyến thả gỗ; đám đàn ông đã lên đường và những thân gỗ cũng đi theo cùng với họ.

Đám đàn ông từ Havershand trở về trong cơn tuyết rơi, lạnh nhưng cười hớn hở, mặt đỏ bừng và sẵn sàng đi bắt thú và đi săn; đây là cơ hội cho họ mài lưỡi cưa lưỡi búa, và bán một ít lông thú. Nhưng vào cuối tháng Mười, cái lạnh nuốt chúng tôi, gió làm chúng tôi chảy nước mắt, đóng băng ngay trên má chúng tôi liền lúc ấy. Đám đàn ông chất ba lớp gỗ dùng để đốt sưởi chung quanh nhà, và

tiếng riu chặt nghe thùm thụp luôn luôn. Các bà nội trợ giữ cho bếp lò cháy suốt ngày, nước rửa bát họ đổ ra ngoài đóng băng ngay khi nó đọng mặt đất.

Dòng sông đóng băng từ ngoài vào trong, những chỗ bằng phẳng và gần bờ trước, nhưng vào tháng Mười Một ngày cả chỗ nước chảy mạnh ở giữa sông, chỗ tiếp giáp rất nguy hiểm của sông Sawgamet và sông Bear cũng đóng băng. Ánh sáng ban ngày nhạt dần, chúng tôi trượt băng trên sông sau khi ở trường về trong khi lửa đốt ngoài trời gần bờ sông thành những đồng cháy thật to, để chúng tôi có chỗ sưởi ấm đôi tay. Bọn con gái chơi nhảy dây trong khi nhóm đàn ông kể cả những thằng bé chơi khúc côn cầu trên một khoảng băng rộng sạch không có tuyết.

Chủ Nhật, trước khi ăn tối, chúng tôi thường xuống bờ sông. Tuy nhiên Chủ Nhật hôm ấy, mẹ tôi ở nhà để nướng bánh cho xong, vì thế chỉ có Bố đi với chúng tôi, mang theo giày trượt băng của bố và của Marie vắt ngang cây gậy khúc côn cầu Bố vác trên vai. Với cái lạnh này, đã làm vỡ cái hàn thử biểu của trường hồi tuần trước, ngay cả Bố cũng phải quấn cái khăn quàng quanh mặt. Mẹ đã quấn tôi và Marie không biết bao nhiêu lớp quần áo khiến chúng tôi xoay trở rất khó khăn. Thế mà cái lạnh vẫn xuyên vào người chúng tôi như nước thấm vào bên trong, vì thế chúng tôi nôn nóng bắt đầu trượt băng cho ấm người lên.

Phía dưới sông, chúng tôi ngồi trên những khối tuyết ở trên bờ sông và bố tôi giúp Marie mang giày trượt băng. Bố cột dây giày rồi cho em xuống phía sông. Lúc bố đang cột dây giày của bố, Em trượt chậm chậm về cạnh của dòng nước, đi dần dần xa chúng tôi với những bước rụt rè, như một con moose mới ra đời chân còn run rẩy. Mặt trời đã bắt đầu lặn, nhiệt độ sụt dần và trời trở nên lạnh hơn, nếu như chuyện này có thể xảy ra.

Tôi đang cầm cúi với đôi giày trượt băng của tôi và kéo

dây giày cho chặt hơn, nón nóng mang gậy và tham gia đám con trai đang chơi đánh cầu bằng gậy móc, thì bất thành linh Bồ nhảy từ đông tuyết dọc bờ sông, một chiếc giày vẫn chưa cột xong. Bồ la hét gọi tên Marie, lười giày ăn sâu vào nước đóng thành băng, bay lướt về hướng lớp băng mỏng nơi hai dòng sông gặp nhau. Chỉ có một lỗ nước đen ngòm nơi Marie đã làm thủng một lỗ băng và mất ngóm vào trong ấy.

Những người đàn ông khác cũng phóng theo bồ, nhưng bồ là người đầu tiên đến chỗ thủng, kêu hét tên em. Một đôi giây, bồ dừng ở mép của chỗ nứt. Bất thành linh, chúng tôi nhìn thấy em – tất cả chúng tôi đều nhìn thấy em – sắc súa, trời ngуп, cố gắng lấy hơi lần cuối ở trên mặt của khoảng băng vỡ chùng bằng cái bàn, quá lạnh hay quá sợ đến độ không thể la hét được, và khi tôi đến gần mép nước, tôi thấy đôi mắt em tôi đang dán chặt vào bồ tôi.

Bồ phóng vào trong nước.

Rồi cả hai cùng biến mất.

Tôi đứng ngập ngừng ở cạnh hồ, nhìn trần trối mặt nước, ngạc nhiên tại sao nó phẳng lặng quá. Pearl chộp vai tôi lay mạnh tay. “Đừng,” ông ta nói, giữ tôi lại và tôi chợt nhận ra là tôi đã chẳng nghĩ đến việc lao theo bồ tôi.

Hồ nước đen Marie đã mở ra bắt đầu đóng băng lại ngay cả lúc Pearl đang giữ vai tôi. Đám đàn ông kêu mang dây đến, nhưng rồi, không thể chờ, họ bắt đầu đan kết cánh tay lại với nhau. Pearl là người đầu tiên vào trong chỗ nứt. Tôi có thể nhìn thấy nét thẳng thốt trên mặt ông khi ông vừa chạm nước. Chỉ đâu chừng cao tay lắm là một phút là đám đàn ông kéo ông ra khỏi nước, da trên bàn tay ông biến thành màu trắng vì lạnh. Ông không thể đứng khi người ta kéo ông lên, hai chân ông run bắn và trở nên vô dụng phía dưới ông.

Mặt trời dường như rơi ra khỏi bầu trời, mang độ ẩm theo với nó. Trong bóng tối, tôi chỉ lờ mờ nhìn thấy cái lỗ bắt đầu đóng băng trở lại như cái mồm há ra để ngáp bây giờ khép lại. Mặc dù đã quá trễ, hết người đàn ông này đến người đàn ông khác, vói vào trong nước quờ quạng mò mẫm tìm bố tôi và Marie. Lúc mà người cuối cùng được kéo ra khỏi nước, băng hầu như đóng kín chung quanh chân ông ta, như thể dòng sông còn đòi ăn nữa.

Cha Earl là người đưa mẹ tôi xuống sông, và Mẹ tìm thấy tôi đang ngồi cạnh đồng lửa nhóm trên bờ, cạnh những người đàn ông môi tím xanh run lập cập. Nhựa cây của những khúc gỗ bị đốt cháy sôi sục rồi nổ, bụi lửa bay tung tóe lên trời; vài mảnh than cháy bay chơi vơi xuống sông trước khi chết ngấm trong đêm.

Sau đó, các bà vợ và mẹ của đám đàn ông, xúm xít lại thì thầm to nhỏ. Pearl ngồi cạnh tôi, đã thay quần áo khô nhưng đang khóc lặng lẽ, và rồi, cuối cùng, mẹ tôi và tôi đi về nhà.

Chút xiu ẩm áp nào còn sót lại từ tháng Mười và tháng Mười Một đã hoàn toàn rơi rớt mất, và ngay cả lửa lò luôn luôn được giữ cho cháy, mẹ tôi và tôi phải mặc áo choàng ở trong nhà, đội mũ và đeo găng tay khi đi ngủ. Tuy là không có thi thể người chết, vẫn có đám tang, và sau đó mẹ tôi nói một đôi lời với những người đàn bà mang thức ăn, nói ít lời với bà Gasseur, với Pearl, đôi lời với Cha Hugo hay Cha Earl, người đến thăm chúng tôi cho dù chúng tôi không phải giáo dân của ông. Mẹ không nói chuyện với tôi, ngay cả khi tôi nâng cái riu của Bố từ cái giá gỗ treo trên đà cửa đá và mang nó ra phía sau nhà. Tôi chẻ củi mỗi buổi sáng, và tiếng riu chạm vào gỗ dường như dài hơn lâu hơn, trôi bồng bềnh xuyên qua nhà rất lâu ngay cả sau khi tôi đi học về. Mỗi chiều tôi mài lưỡi riu. Tiếng kim loại chạm vào đá làm mẹ tôi rùng mình.

Mùa đông trường phạt chúng tôi vào tháng Mười Hai. Tuyết rơi nhiều, mái nhà của chúng tôi kêu răng rắc cho đến khi những cơn gió giận dữ thổi tạt bụi trắng xuống đất. Cũng những cơn gió này đã dọn sạch một mảng tuyết rất lớn trên sông Sawgamet, mãi rồi cũng đến lúc, giữa Giáng sinh và Tết Dương Lịch, mặt trời lại mọc và đám đàn ông cùng với trẻ con, quần đùm quần đụp chống cái lạnh, mang giày trượt băng, lại hướng xuống sông. Nếu không có tiếng gió quật và tiếng củi cháy lách tách trong lò, nhà chúng tôi hoàn toàn im lặng.

Tiếng gõ cửa nghe như tiếng súng.

Pearl đưa chúng tôi xuống sông, giúp mẹ tôi đi xuống những bậc tuyết cắt vào trong đồi bên cạnh đường gỗ trượt, nắm cánh tay mẹ lúc chúng tôi đi trên mặt băng đến chỗ những người đàn ông đứng thành vòng tròn. Mặt băng phẳng phiu và sạch sẽ sau một tháng trời bị gió bão mòn.

Những bàn tay không chạm nhau. Ngay cả xuyên qua lớp băng che phủ hai người, chúng tôi thấy rõ ràng có một khoảng cách lớn hơn chiều rộng của lưỡi rìu ngăn cách hai tay của Bố và một tay của Marie. Một tay có ngón bị đập nát còn bàn tay kia có những ngón trơn tru trắng bệch, tất cả đều vói đến tay của Marie. Nước đóng băng giống như thủy tinh phía trên bàn tay của hai người, dày cứng khi chúng tôi cố nhìn chiều sâu, để thấy thân hình và khuôn mặt của hai người. Những đường nét mờ dần, chỉ còn thấy bóng tối, những đường nét màu tối sẫm.

Có người bàn là nên lấy rìu, đập vỡ băng, nhưng mẹ tôi ngăn cản điều này như thể cố tránh không cho phép người ta kéo Bố và em tôi ra khỏi mộ phần của hai người, và khi họ lướt đi, rời xa chúng tôi, trên những đôi giày trượt băng của họ. Pearl sờ lưng tôi và hướng về phía bờ sông, để mẹ tôi và tôi đứng đó bên trên hai bóng ma. Khi mặt trời lặn

xuống dưới đỉnh đồi, chúng tôi rời mặt băng và lùi thúi trở về, leo bậc thang, vịn vào cạnh đường trượt gỗ để giữ thăng bằng.

Sáng hôm sau, khi tôi thức giấc, mẹ tôi ngồi bên cạnh bếp lò, người lắc lư chậm chậm, nhìn những ngón tay lửa xuất hiện giữa những kẽ hở của kim loại. Tôi thay quần áo thật chậm chuẩn bị đi lễ, chờ cho mẹ quấn tóc lên, thay cái áo màu xám mẹ thường mặc đi lễ. Nhưng mẹ ngồi yên trên ghế.

Mãi một lúc lâu mẹ ngược lên rồi bảo tôi. “Thôi con đi đi.”

Tôi nghĩ đến lễ rửa tội, miếng bánh lễ tan trong mồm tôi như một mảnh nước đá, và rượu vang, được Cha Hugo pha loãng, nhiều nước là hơn máu đào. Nhưng thay vì đến nhà thờ, tôi đi xuống sông, băng và tuyết nghiêng rít rào rào dưới đôi giày ủng của tôi. Trong nắng, dường như mùa đông đã bay đi, và tôi thoát mồ hôi khi đi bộ chỉ một khoảng ngắn.

Tôi quì bên trên hai người, chờ cho bố và em cử động. Tôi đặt bàn tay lên mặt băng bên trên ngón tay của bố. Tôi tự hỏi không hiểu Marie có biết bàn tay của Bố gần bàn tay của em đến mức độ nào không. Tôi chờ cho có việc gì đó xảy ra, cho bố tôi rướn tới chút nữa và nói liền cái khoảng cách ở giữa Bố và Marie, nhưng chẳng người nào di chuyển. Cuối cùng, khi tôi nghe tiếng kêu hò của bọn trẻ con đang chạy xuống sông sau khi tan lễ nhà thờ, tôi đứng lên và trở về nhà.

Mẹ tôi đã chẳng rời ghế bên cạnh bếp lò. Mẹ tiếp tục run rẩy, ngay cả với tám mền quấn chung quanh bà, ngay cả với hơi ấm của ngày hôm ấy, vì thế tôi cho thêm củi vào lò. Và rồi, khi những tiếng reo hò và nói cười từ dưới sông bay lên, tiếng gậy nện trên mặt băng, mẹ tôi giật mình với từng tiếng động. Đôi giày trượt băng của tôi được cột dính

vào nhau treo trên một cái đỉnh rỉ sét đóng nửa chừng vào cây cột ở góc xương gỗ, và tôi nghĩ tôi sẽ lấy chúng xuống và ra sông, trượt lên trên mảng băng phía trên bố và Marie, nghĩ đến cạo mòn lớp băng ấy, nhưng tôi không muốn phải trả lời câu hỏi của mẹ tôi là tôi đi đâu.

Tôi thức giấc giữa đêm, nghĩ rằng tôi nghe tiếng Marie đang gọi tôi. Bên ngoài cửa sổ, có cái gì đó không bình thường, như thể cả thế giới đang ở dưới nước cùng với bố tôi và Marie, và tôi chợt nhận ra là một màn mưa mỏng đang rơi, băng đóng trên cây, biến tất cả mọi thứ trên sông Sawgamet thành một dòng sông đóng băng. Tôi đến thăm chũm lửa cháy trong lò, nhớ đến mẹ tôi đang run rẩy, và tôi thấy cây riu không còn máng bên trên đà cửa nữa.

Những bậc thang bên cạnh đường gỗ trượt rất trơn, và con mưa lâm tẩm sáng như sao, không phải nước mà cũng chẳng phải đá băng – kim cương rơi từ trên trời xuống. Khi tôi xuống đến sông, mẹ tôi đang vung riu. Băng chiếu sáng dưới chân Mẹ, như thể là con sông đã nuốt chửng mặt trăng, và âm thanh của cái riu bổ vào mặt băng nghe vang vang trong trẻo, như kim loại va vào kim loại.

Tôi đi đến gần mẹ tôi và tưởng như con sông sẽ vỡ nát dưới lưỡi riu bóng dầu bén ngót, còn băng sẽ dính cứng vào chân chúng tôi. Dòng sông sẽ nhận chìm chúng tôi và chúng tôi sẽ đóng băng cùng với Bố và Marie. Hoặc là bố tôi sẽ bước lên từ chỗ băng mở ra, mang theo Marie ở phía sau Bố, nắm tay em, và cả bốn chúng tôi sẽ đi về nhà, chúng tôi sẽ ngồi trước lửa và bố có thể kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về loại cá làm bằng băng tuyết.

Mẹ tôi tiếp tục vung riu, và giữa những tiếng nện binh binh của lưỡi riu dội ra từ mặt băng, tôi nghe tiếng Mẹ khóc. Mẹ ngừng khi nhìn thấy tôi rồi quì sụp xuống run rẩy. Tôi quì xuống bên cạnh mẹ. Mặt băng vẫn phẳng lì và sạch bóng, như thể mẹ chưa bao giờ dùng riu nện vào đấy,

và khi tôi đặt bàn tay lên mặt băng tôi cảm thấy nó ấm so với bàn tay tôi, như thể bánh mì lấy ra khỏi lò đang nguội dần. Rồi ánh sáng dưới dòng sông cũng biến mất, bỏ chúng tôi lại trên mặt băng, một lớp mưa mỏng bao trùm chúng tôi.

Vào nhà, Mẹ lấy chăn trùm cho tôi và hôn lên trán tôi. “Mẹ xin lỗi,” Mẹ nói, thật nhỏ nhẹ đến độ tôi không biết là mẹ có thật sự nói hay là tôi chỉ tưởng tượng.

Tôi lên giường nằm rồi ngủ thiếp đi tai nghe tiếng mẹ đang mài lưỡi rìu, tiếng mài nhịp nhàng của kim loại chà xát trên đá.

Sáng hôm sau, khi bà Gasseur, thường là người đầu tiên đi lễ cầu kinh buổi sáng, tìm thấy Cha Hugo chết cứng trên băng ghế ở ngoài nhà thờ, thoát tiên bà không ngờ là ông đã chết.

“Tôi hỏi sáng nay đi bộ ông có khỏe không,” bà nói, “vì tôi đã vất vả với trận mưa băng, và khi ông không trả lời, tôi sờ tay ông.”

Tôi không nhìn thấy Cha Hugo, nhưng Pearl bảo tôi về sau là ông già nhìn giống như ông vẫn còn sống dưới lớp đá trong ngăn bao phủ ông, tay vẫn còn cầm một cái ly dùng làm lễ rửa tội chứa đầy máu của Chúa. Đàn ông phải nhóm một ngọn lửa nhỏ trước nhà thờ, chờ cho lớp đá tan để kéo ông ấy ra khỏi băng ghế. Pearl cho là Cha Hugo có thể đã chết trước khi ông chết vì đông đá, nhưng với ly rượu vang ông không chắc là ông nghĩ đúng.

Người ta cố gắng đào một cái huyệt, nhưng ngay cả với những cái rìu nhọn bén đặc biệt cũng không đào được vì mặt đất cứng quá. Cha Earl đọc lời cầu nguyện trên thi thể rồi Cha Hugo ở suốt mùa đông trong một cái nhà nhỏ bằng gỗ phía sau nhà thờ, được bao bọc cẩn thận bằng nhiều lớp vải tẩm dầu.

Ban đêm, khi trời lạnh biến bầu trời trở nên trong trẻo đến độ những vì sao rất gần tay với, nhựa cây đông cứng trong cây, làm cây nứt nẻ vỡ ra như tiếng băng trên sông vỡ vụn. Rất nhiều những ngày như thế đàn ông không thể đánh bẫy hay bở củi, gió làm cháy da của họ, lạnh quá tay không thể cầm cán rìu. Suốt mùa đông năm ấy Cha Earl đến thăm mẹ tôi và tôi thường xuyên và có nhiều buổi tối ông ở lại dùng cơm. Ông là một người nhỏ thó. Trông ông giống như tôi lúc tôi mặc cái áo khoác của cha tôi, và tôi không thể nào hình dung ông đốn ngã một cái cây. Mẹ tôi bảo ông chẳng nhỏ thó đến thế trước khi vợ ông chết cùng với thai nhi trong bụng, một mùa đông trước khi tôi ra đời.

Một đêm, đáng lẽ là tôi đã ngủ, tôi nghe ông hỏi mẹ tôi bà dự định làm gì khi mùa xuân đến, khi công ty sẽ lấy lại căn nhà, vì họ sẽ đưa căn nhà thường dành riêng cho trưởng toán, cho hai vợ chồng ông Pearl.

“Tôi có thể đi dạy học trở lại,” mẹ tôi nói, dù chúng tôi đều biết là Sawgamet không cần thêm một giáo viên.

“Tôi có nhà,” Cha Earl nói, nhưng giọng ông lạc đi. Ông cố gắng tiếp tục: “Tôi biết, tuy chỉ mới có vài tháng nhưng nếu bà cho phép.”

Tôi không thể nghe câu trả lời của mẹ, nhưng chỉ vài phút sau tôi cảm thấy hơi lạnh vào từ cửa, và nghe tiếng then cài cửa. Và khi ông đến thăm chúng tôi sau đó cũng trong tuần, ông và mẹ tôi nói chuyện thời tiết, sách vở, kịch, về những chuyện đồn về người sẽ thay thế Cha Hugo như thể Cha Earl chưa hề bàn chuyện hôn nhân với mẹ tôi.

Đôi khi tôi nhìn thấy ông đi trên sông, tay ông cho vào túi, và có một lần, tôi thấy ông đi trên cái vòng tròn băng trong veo phía trên Bồ và Marie. Ông dừng lại rồi quì xuống, đặt một bàn tay lên mặt băng cũng giống như tôi đã làm trong đêm có mưa đông thành băng.

Mùa lạnh rồi cũng bỏ đi khi tháng Năm đến, dòng nước nhỏ chảy rì rì dưới tuyết trở nên dòng chảy lớn đều, tiếng nước chảy là lời nhắc nhở trong gia đình tôi chuyện chia ly sắp đến. Con sông rên rỉ, và tiếng băng trở mình thay thế tiếng va chạm của giày trượt băng và gậy chơi côn cầu.

Buổi sáng, con sông bắt đầu mở ra, tôi lấy cây rìu từ trên đà cửa xuống.

Mẹ tôi đang may, ngược nhìn tôi, kéo kim chỉ xuyên qua vải quần của bố tôi, khâu vá lại chỗ sờn rách mà mẹ đã chẳng có thì giờ làm khi bố tôi còn sống, để dành cho tôi như thể tôi sẽ mặc chúng khi tôi lớn lên. “Con đi đâu thế?”

“Vào chỗ đón cây,” Tôi chờ cho mẹ nói thêm nhưng mẹ tôi im lặng. “Minh cần tiền.”

Mẹ tiếp tục may, không nhìn tôi. Tôi muốn đi. Tôi phải đi. Pearl và bà Gasseur chưa thấy nói gì, nhưng đây là căn nhà của công ty. Bây giờ nó trở thành nhà của họ.

“Con không đi đâu cả,” mãi một lúc lâu mẹ nói.

Tôi rà ngón tay cái lên lưỡi rìu và xoay bàn tay vạt một chút móng tay cái. “Mẹ không thể ngăn con.”

Mẹ tôi đứng lên và đi về hướng tôi, và không nói một lời, mẹ tát tôi. Rồi, cẩn thận, mẹ lấy cây rìu đặt lên trên đà cửa trở lại.

Tôi quay người đi ra cửa.

Ở chỗ đón cây, Pearl nhìn tôi một hồi lâu rồi đưa cho tôi cây rìu của ông. Tôi ngã cây, tĩa cành, và cảm thấy cái đau nhức quen thuộc như khi tôi bỏ củi. Giờ trưa, Pearl cho tôi vài miếng bánh bích quí và chia sẻ vài ngụm nước.

Sáng hôm sau, mẹ tôi bảo tôi tắm rửa, và mặc bộ đồ Chủ Nhật, và sau đám cưới, thay vì đi vào nơi đồn cây, tôi giúp mẹ tôi và Cha Earl – ông bố dượng mới của tôi – mang tài sản của chúng tôi đến nhà ông.

Bàn ghế vật dụng thuộc về công ty, vì thế chỉ có quần áo của chúng tôi, sách vở của mẹ, nồi cháo, đồ chơi bố tôi khắc bằng gỗ, đôi giày trượt băng và gậy chơi khúc côn cầu của tôi được mang đi. Mẹ tôi bỏ lại những đồ của bố mà bà đã khâu vá. Cho Pearl, mẹ nói, nhưng tôi biết bà Gasseur sẽ chẳng giữ quần áo của người chết. Sau ba lần đi và về, chỉ còn lại vài lọ dầu ngâm nước đường và vài gói quần áo, Cha Earl vói lên đà cửa lấy cây rìu của Bố xuống.

“Đừng.” Ông ngừng lại khi nghe giọng tôi, tay ông sắp chạm đến cán rìu. Ông đứng qua một bên và tôi bước qua khỏi chỗ ông đứng. Cái rìu có vẻ nặng hơn ngày hôm qua. Khi tôi kéo nó xuống, lưỡi rìu chạm phải cái đà cửa bằng đá, tiếng ngân trong trẻo, như tiếng mẹ tôi chặt vào trong băng.

Nhưng âm thanh cuối cùng tôi nghe là tiếng của mẹ tôi. “Từ bây giờ con không được đi đồn cây nữa,” mẹ nói.

Vài mùa hè sau – sau khi Pearl và bà Gasseur chết trong trận cháy đã tiêu hủy xưởng gỗ, và căn nhà của công ty – đường rầy nối liền với Sawgamet, và tôi biết là tôi sẽ chẳng bao giờ có cơ hội tham gia thả gỗ như bố tôi. Tôi lủi thủi chơi một mình nhiều mùa hè, bên sông, câu cá và hái những trái blueberry mọc hoang.

Gần cuối mùa hè tôi đi dọc theo bờ sông chừng một giờ hay hai giờ, hướng về Harvershand, không chú ý đến nơi nào, chỉ muốn xa rời Sawgamet. Những hòn đá đã không còn giữ hơi nóng khi mặt trời lặn, và tôi biết là lúc phải trở lại trường. Đó là năm cuối của tôi trước khi tôi vào

trường dành cho tu sĩ ở Edmonton, là trường mà cha kế của tôi đã học.

Buổi ăn trưa hôm ấy, tôi ngừng lại lấy bánh mì ra ăn khi ngồi trên một tảng đá nhỏ, bàn chân tôi khuấy động đưa trong một chỗ nước cạn gần bờ sông. Ăn xong, tôi nghiêng người xuống, lấy lên một hòn đá hình bầu dục từ trong nước, và ném nó vào chỗ nước sâu chảy xiết. Viên đá biến mất không để lại chút dấu vết nào, và khi tôi thò tay xuống lấy thêm một hòn đá nữa tôi nhìn thấy nó. Chiếc giày trượt băng.

Ngay cả khi lưỡi giày đã rỉ sét, chỗ da màu đen đã bị mòn nhiều chỗ, rõ ràng đây là chiếc giày trượt băng của trẻ con. Tôi ngắm soi nó trong tay, nước chảy ròng ròng lên chân tôi. Không có dấu trầy trên lưỡi giày, tôi cảm nó một hồi nhìn vào trong nước.

Tôi tự hỏi nếu tay của hai người gặp nhau, nếu cái tan vỡ của băng, nếu sự tàn phá của mùa đông, đưa bố và Marie lại gần với nhau, hay đẩy hai bố con xa nhau. Tôi muốn tin rằng cha tôi đã nắm được tay em tôi, và khi dòng nước chảy xuôi dòng Sawgamet, tay ông, cả hai bàn tay trở nên lạnh lặn, nắm tay em thật chặt, chống lại sức chảy của nước.

Tôi đặt chiếc giày trở lại vào trong nước và bắt đầu đi về nhà, nghĩ đến bố tôi ngày còn trẻ, từ Havershand đi về, sau khi thả gỗ, đi đến Sawgamet.

(Trích trong tuyển tập truyện ngắn The O. Henry Prize Stories – The Best Stories of the Year 2006 do Laura Furman biên soạn.)

VIẾT VỀ NGƯỜI CHA

PHAN NHIÊN HẠO

Năm này tôi bằng tuổi ba tôi

Một buổi chiều tháng 3 năm 1975. Phi trường Kontum loang lổ cháy, đám cỏ khô dưới chân úa vàng, mặt trời đỏ bầm đang lặn xuống sau núi. Tiếng pháo kích vẫn tiếp tục nổ rất gần. Tôi có một con dế than trong vỏ hộp quẹt. Con dế duy nhất còn lại sau những trận thư hùng với dế của lũ trẻ trong cư xá. Tôi mở hộp, thả con dế xuống đám cỏ khô. Mặt đất đã bắt đầu tối, chỉ một chớp mắt, con dế lẫn mất. Nhiều năm sau tôi thường tự hỏi tại sao tôi đã hành động như vậy vào lúc đó. Có lẽ tôi đã linh cảm sự chấm dứt tuổi thơ và những ngày khổ đau phía trước, và vì vậy đã thôi không muốn cầm tù một con dế nhỏ.

Ba tôi trong buổi chiều ảm đạm đó là một hình ảnh vừa rõ ràng vừa nhập nhoạng trong trí nhớ tôi. Ông mặc quân phục thẳng nếp, dáng điệu bình tĩnh nhưng buồn rầu. Mọi người đều hoang mang và vội vã. Rồi mẹ và ba anh em tôi lên máy bay, chỉ với một chiếc valise. Hai em của tôi còn quá nhỏ và chắc chúng đã chẳng nghĩ ngợi gì. Cả tôi cũng vậy. Tôi chỉ linh cảm một điều gì không giống những cuộc chia tay trước đó, khi anh em chúng tôi bay về nhà ông bà nội ở Đà Nẵng những kỳ nghỉ hè. Chiếc phi cơ quân sự bốc lên cao, tôi còn nhìn thấy những đốm lửa cháy đỏ cuối đường phi đạo.

Tôi không nhớ ba tôi có nói những lời cuối cùng nào với tôi lúc đó, tôi đã có ôm hôn từ biệt ông không. Ông đã dặn dò gì mẹ tôi. Chúng tôi đi. Ông ở lại, rút lui theo đoàn quân ra khỏi cao nguyên, bị chặn đánh và bắn chết trong một cánh rừng gần đèo Mang Giang.

Một cuộc rút quân kinh hoàng và đẫm máu. Đó là tất cả

những gì gia đình tôi biết được từ những lời kể lụn vụn, những phỏng đoán và suy luận từ nhiều nguồn tin khác nhau sau nhiều năm chờ đợi. Không có ai chứng kiến những giây phút cuối cùng của ba tôi. Tôi luôn hình dung ông chết vào buổi tối. Một cái chết chậm chậm, đau đớn vì những vết thương mất máu. Chúng tôi không bao giờ tìm thấy xác ông.

2.

Tôi đã lớn lên trong nỗi chờ đợi đặng đặng và tiếng khóc thầm lặng của mẹ tôi. Một người không bao giờ thôi chờ đợi và hy vọng. Rồi tôi cũng lớn lên. Tôi tưởng tôi đã quên. Tôi tưởng chiến tranh không đụng chạm gì đến tôi. Tôi đã không đánh nhau và tôi cũng đã không bị tù đày. Nhưng ba tôi thì đã bị bắn chết vào những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến. Một người đàn ông nho nhã, đọc tạp chí Văn, thẳng thắn và tận tụy với công việc. Ông đã từng đặt tôi lên bàn tiệc để tôi đọc thơ, giữa những người bạn bắt đầu ngà ngà của ông. Những câu thơ chủ tôi dạy, tôi không biết tác giả: “Thừa Phủ ơi lòng ta hồng biển lửa. Khi mùa đông rớt xuống vai người. Chiếc lá vàng khô chết hồn vui...”, Ông đi vớt từng con lăng quăng cho tôi nuôi cá, dẫn tôi ra bờ sông Dakla chỉ cho thấy cây lúa, để lần đầu tiên tôi biết lúa và gạo không phải là hai loại khác nhau.

Chúng tôi đã từng sống ở đồn Mangbuk, trong căn phòng xây ngầm dưới đất. Buổi chiều những người phía bên kia chia loa vào kêu đích danh tên ba tôi. Linh của ông trả lời họ bằng những phát đại bác. Không có đường bộ tiếp tế vào Mangbuk. Sân bay phía trước đồn lót bằng những tấm gi sắt đã chiến bốc đỏ bụi mù vào những ngày khô, Một người lính làm việc trên bãi đáp bị cánh quạt máy bay chém đứt đầu. Bụi mù đã khiến ông bước thẳng đến cánh quạt trong khi cố gắng nhặt lại chiếc mũ bị gió thổi bay. Tôi gọi ông là chú Tùng. Ba tôi nói những người lính trong đồn đã dùng xôi nếp ráp đầu chú Tùng vào người lúc khâm liệm.

Khi chúng tôi dọn về ở trong thị xã Kontum, chúng tôi

cũng có một hầm nổi đắp bằng bao cát như tất cả những nhà khác trong cư xá sĩ quan. Tôi đã từng thấy trực thăng Chinook cầu những quan tài kẽm trắng bạc lủng lẳng bay ngang nhà. Tôi chưa từng thấy tận mắt người chết. Sự thật thì tôi không bao giờ dám đến nhìn những người bị xe cán như những đứa trẻ khác. Tôi sợ thấy máu.

Nhưng tôi biết thế nào là sự mất mát mà cái chết mang lại cho những người sống. Những người bạn của ba tôi bỗng lâu không thấy đến nhà, rồi thì ba tôi nói họ đã tử trận. Một người em gái của ba tôi không bao giờ lấy chồng sau khi người yêu của cô, một sĩ quan trẻ, chết vì xe cán phải mình.

Cái chết đối với tôi là sự vắng mặt vĩnh viễn của những người thân, không phải những con số trên giấy tờ, không phải mô tả tiểu thuyết hay tưởng tượng thơ ca. Tôi không can dự vào chiến tranh, nhưng cũng giống như nhiều người Việt Nam khác, chiến tranh đã can dự đến tôi.

3.

Trong nhiều năm trời sau 1975, người ta đã dạy những đứa trẻ như tôi cách nhục mạ cha mẹ chúng. Người ta muốn trong trí óc tôi, ba tôi chỉ là một phần tử của cái tập hợp những kẻ bại trận. Ông chỉ là một con số trong tổng số những địch quân bị tiêu diệt. Và bằng cách đó, người ta muốn những đứa trẻ như tôi nhìn cuộc chiến tranh với con mắt biện chứng ráo hoảnh như thể cái chết của cha mẹ chúng là một tất yếu lịch sử. Người ta không chịu hiểu rằng chẳng có một tất yếu lịch sử nào hàn gắn được những đồ vỡ trong lòng một đứa trẻ đã bị cướp mất tuổi thơ. Tôi biết tôi không phải là trường hợp duy nhất. Tôi biết có hàng trăm ngàn, có lẽ cả triệu những đứa trẻ miền Nam sớm mồ côi cha như tôi. Một thế hệ lớn lên trong những xung đột không ngừng giữa cố gắng lãng quên và các ám ảnh ký ức, giữa sự kinh tởm chiến tranh và tinh thần bạo động, giữa ý muốn tha thứ và lòng căm thù.

Trong nhiều năm tôi cũng đã tự dạy tôi quên lãng. Nhưng tôi vẫn thường mơ thấy ba tôi. Người ta nói mơ thấy một người thân bị mất tích mà người đó không nói cười gì

trong giấc mơ thì đó là một người đã chết. Khi còn nhỏ mỗi lần tôi mơ thấy ba, mẹ đều gắng hỏi xem ba tôi có nói cười gì trong giấc mơ không. Bao giờ tôi cũng nói có. Sự thật thì trong những giấc mơ, ba tôi là một người rất trầm lặng, vẻ mặt buồn rầu. Một người mà ngay cả trong những giấc mơ tôi cũng biết là đã ở quá xa, và không bao giờ còn trở về với anh em chúng tôi nữa.

Chúng tôi còn giữ vài tấm hình cũ của ông, nhưng khuôn mặt trong những tấm hình đó không có gì giống với người đàn ông trong những giấc mơ tôi, nơi ông có vẻ là một biểu tượng hơn là một con người thật.

Sau cái chết của ba tôi, tôi đã không bao giờ còn tin vào một hạnh phúc vẹn toàn. Tôi luôn nhìn thấy cái kết thúc buồn bã ngay cả trong những giờ phút tươi sáng nhất, giống như cái kết thúc của tuổi thơ tôi ở phi trường Kontum một buổi chiều tháng 3 năm 1975.

4.

Ba tôi mất khi ông mới 35 tuổi. Ông đã hành động như tất cả những người đàn ông đang hoang và có trách nhiệm trong thời buổi ông cần phải làm. Một người đàn ông thời chiến vẹn toàn. Bây giờ tôi đã bằng tuổi ba tôi. Ông không còn sống để cùng tôi già, nhưng tôi sẽ không bỏ ông lại sau lưng. Cho đến tận bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn còn nằm mơ thấy ba tôi. Ông không chỉ là người đã sinh ra tôi mà còn là dấu ấn của chiến tranh và những mất mát tôi mang theo suốt đời.

Tôi luôn hãnh diện về ba tôi, cho dù lịch sử đã phản bội ông.

Phan Nhiên Hạo sinh 1967 tại Kontum, Việt Nam, sống ở Hoa Kỳ từ 1991. Hiện làm việc trong một thư viện đại học ở Illinois .

Viết về người cha

TRẦN HOÀI THU

Tìm cha

Có một người tôi phải nhớ dưới mái nhà của những đứa trẻ không cha không mẹ ấy. Đó là cô Hồng Ân, hiệu trưởng của trường Bết Lê Hem. Mái tóc cắt ngắn, màu da trắng, mũi cao và mắt sáng. Cô đẹp, cái đẹp của một người con gái vừa khuê các vừa lãng mạng.

Cô dạy chúng tôi Việt Văn. Cô không dạy bằng sách vở theo chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục mà dạy bằng một đường lối riêng. Cô bắt chúng tôi phải những tác phẩm do cô chỉ định có sẵn trong thư viện trường. Cô đã giúp tôi đến với Tô Hoài, Nguyên Hồng thay vì Con Tàu Máu, Bàn Tay Máu, Đẳng Đâu Lâu Máu của Phi Long...Cô giảng cho chúng tôi về bài văn như Nhật Lá Bàng của Nhất Linh.. Cô kể cô biết cả những nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận hay Lưu Trọng Lư...Nhất là Xuân Diệu. Ông ta có mái tóc dài bành bồng...

Chính cô đã nuôi dưỡng mầm yêu thích văn chương vào tâm hồn tôi lúc còn thơ ấu. Khi hỏi các đứa học trò về ước mơ sau này, có đứa kể được trở thành bác sĩ, kỹ sư, người lính, người thám hiểm, cầu thủ đá banh... Còn tôi thì mơ ước làm chủ một đồn điền cam vàng để mỗi năm cười ngửa trở về thăm như một truyện ngắn nào đó của Nhất Linh.

Cô Hồng Ân cười vui trước lời mơ ước của tôi. Cô bảo: Cô nghĩ em sẽ trở thành thi sĩ...

Nhưng tôi vẫn thích nhất là lúc cô nhắm mắt cầu nguyện.

Lúc ấy, gương mặt của cô tỏa ra một sự thánh khiết và hiền dịu làm sao. Khi cầu nguyện cô luôn luôn cầu xin cho chúng tôi được học giỏi. Riêng đứa bệnh thì được chóng lành. Tôi vẫn hay thâm lén ngắm cô lúc cô nhắm mắt. Cả lớp im lặng, chỉ có chẳng là tiếng sóng biển từ phía Hòn Chồng vọng về, khi thì xa vắng, khi thì ì ầm. Những sợi tóc mây rủ trên vàng trán, đôi mắt nhắm nghiền, như thành khẩn van xin Chúa ban ơn đấng học trò bất hạnh của cô. Có khi cô lại bắt chúng tôi hát thánh ca, sau khi cầu nguyện. Mỗi đứa đều có một cuốn sách hát. Cô bảo các em lật trang ... và hát với cô nhé.

Lúc ấy tôi nghĩ cô không phải là người trần tục nữa. Trái lại cô đến từ một cõi nào, để ban xuống những phận đời bất hạnh những cơn mưa ân sủng.

Lớp học rất ít ỏi. Khoảng 12 đứa học trò là cùng. Lớp thường hay nghỉ vào những giờ như Toán, Lý Hóa, Sử Địa hay Anh Văn...Bởi vì hầu hết các thầy đến từ Nha Trang. Các thầy dạy trên tinh thần tự nguyện không lãnh lương. Có lẽ vì tự nguyện cộng thêm việc di chuyển khó khăn nên các thầy ấy hay vắng mặt chẳng.

Chỉ có giờ Việt Văn thì được xem là ít khi được nghỉ. Bởi cô Hồng Ân có mặt ngay tại Viện.

Vì vậy, chúng tôi tuy là học trò Đệ Thất hay Đệ Lục, nhưng so với các trường công hay trường tư trong thành phố, giờ học những môn Toán, Lý Hóa, Anh Văn thì rất ít ỏi.

Có phải nơi này là viện mồ côi nên trường cũng được xem như côi cút ?

Dưới mái trường của những kẻ bất hạnh ấy, người ta thường dạy chúng tôi rằng, chính tình yêu thương của

Chúa mới giúp chúng tôi có được ngày hôm nay. Hãy gõ cửa, cửa sẽ mở. Để đổi lại chúng tôi phải mến yêu Chúa như lời bài thánh ca: *Mến yêu Jesus đêm ngày... vì Chúa đã mến tôi đây...* Nhưng thú thật, tôi hát để mà hát, và cầu nguyện chỉ để mà cầu nguyện. Có lẽ tôi không sống thật sự dưới mái nhà thương yêu mà Chúa đã bảo bọc, mà trái lại dưới một mái nhà đầy những thù hằn nhỏ nhen, những nghi kỵ, những con mày con tao... Tôi đã có lần cầu nguyện như thế này: *Lạy Chúa cầu xin Chúa giúp đỡ cho mẹ con để mẹ con khỏi khổ*, bởi vì tôi tin những gì mà vị mục sư đã dạy trong giờ Giáo lý: Hãy gõ cửa thì Chúa sẽ đến. Vâng, con cũng gõ cửa đây, Chúa ơi. Hôm ấy tôi vừa cầu nguyện vừa khóc òa. Tôi không hiểu sao lại khóc trước mặt đám bạn và cô Hồng Ân nữa. Có lẽ vì tôi không thể chịu nổi cảnh em Thương bị mẹ vất xuống đất, khóc ré lên, cùng với tiếng la dậy trời của mẹ như xé cả buồng tim của tôi. Tại sao bà lại chịu cái cảnh khổ nạn như thế này. Tôi làm sao cứu bà ra khỏi bóng tối ảm đạm buồn thảm như thế này. Chỉ có Chúa, vì tôi được dạy như thế. Vì nếu không thì tại sao cô hiệu trưởng, vị mục sư, ông giáo sĩ lại kêu chúng tôi phải nhắm mắt cầu nguyện. Cứ xin thì Chúa sẽ cho. Vâng, tôi chẳng cần xin bất cứ cái gì cho tôi. Quần áo đẹp. Cơm đầy thịt cá. Bom nho sữa bột mà các cơ quan từ thiện đã dành cho đám cô nhi, nhìn bắt thèm thuồng. Tôi không xin những thứ ấy. Tôi chỉ xin cho mẹ. Tôi van lơn tha thiết, mong Chúa sẽ phải cảm động vì lời thống thiết của tôi.

Mất cô hiệu trưởng đồ hoe sau lần cầu nguyện ấy. Cô kêu tôi lên văn phòng hỏi thăm hoàn cảnh của tôi. Cô bảo: Hoàn cảnh mẹ em thật tội nghiệp. Em hãy luôn luôn cầu nguyện Chúa giúp đỡ cho mẹ em nhé.

Rồi cô nói thêm:

Nếu em thích, cô sẽ xin mẹ em để em sống luôn ở đây. Thấy em phải đi học quá xa cô thương quá.

Ngay cả ông giáo sĩ người Gia Nã Đại kia nữa. Ông giáo sĩ luôn luôn bắt đầu bằng câu : "*I am thinking of something*" trong giờ Anh văn. Nói xong, ông chỉ tay một

đưa trong bọn chúng tôi. Và chúng tôi phải trả lời mau mắn:

I am thinking of a dog hay I am thinking of my mother I am thinking of my friend v.v...

Chắc có lẽ ông nghe cô hiệu trưởng nói về hoàn cảnh của tôi nên ông ngó ý muốn xin tôi làm con nuôi. Tôi sẽ được qua Gia Nã Đại...

Cô Hồng Ân đã chuyển lời của ông giáo sĩ, và tôi đã kể lại cho mẹ. Nhưng mẹ lạnh lùng nói:

- Mày khỏi cần đi đâu hết. Mày về với ba mày.

Về với ba mày. Tôi không thể tin ở lời nói của mẹ. Có phải ba tôi vẫn còn sống sao. Sao bà luôn luôn dặn tôi là ba tôi đã chết. Thì ra bà đã nói dối tôi. Bà đã bắt tôi phải chịu cái ô nhục thay cho bà. Ôi chữ ba lần đầu tiên tôi được nghe. Chữ mà trước đến nay, thiên hạ cứ dùng nó để mà chế diễu. Cái chữ còn sót lại, để bắt cứ thằng bé nào phải tự hãnh diện. Không phải mày là kết quả của một mối tình vụng trộm, hay có một người cha hèn mạt, dù dỏ mẹ mày, rồi quất ngựa truy phong. Ai có thể trả lại cái nợ nhục nhã mà tôi đã chịu đựng suốt cả thời thơ ấu lẽ ra phải đẹp nhất của một đời người. Ai hả ? Trời ơi. Bà ham gì ở cái kiếp làm hầu như thế này, hả ?

Bà đã khổ lại còn muốn níu tôi khổ theo hả ?

Về với ba mày. Câu trả lời lạnh lùng, như vết dao cứa đau tim tôi. Lạnh lùng như kẻ từ bây giờ, mày thuộc về một người khác. Tao không còn được làm mẹ của mày nữa.

Có lẽ vì mẹ đã biết trước cái ngày này, nên từ khi tôi vào lớp Đệ Thất, bà đã ít đánh đập hay ít để ý đến tôi như trước nữa. Tôi cứ nghĩ là do mình đã lớn, bước chân vào trung học. Có đôi lần tôi thấy bà nhìn tôi rất lâu, mà đôi mắt có vẻ gì xa xót u uẩn lắm. Và khi tôi nhìn bà, muốn hỏi tại sao, thì bà đã quay mặt đi. Bây giờ tôi mới hiểu.

Tôi mới hiểu là một ngày tôi sẽ biết rõ lời nói dối của bà. "Có ai hỏi về ba mày, thì bảo ba chết rồi nghe không". Rõ

ràng bà đã sợ dư luận, đã mang cái mặc cảm phạm tội, khi giọt máu của ba và mẹ vẫn rành rành ra đổ. Và cũng vì thế, bà muốn sống tôi càng sớm càng tốt.

Tự nhiên nước mắt lại chảy. Tôi đã thú thật là tôi bị bệnh khóc đêm mà. Cái phản rộng mênh mông. Trong bụng, tôi nghe bước chân của Dượng. Tôi biết rồi. Tôi biết hết cả rồi. Không thể giấu tôi. Không thể đẩy tôi ra một bên để nhường chỗ cho người đàn ông không phải là ba tôi. Không thể dối tôi là ba tôi đã chết. Tôi đâm hận mẹ. Hận dượng. Thù ghét mọi người. Bây giờ tôi sẽ không sợ bất cứ một ai nữa.

Mẹ hiểu tâm trạng của tôi nên bà ít khi la rầy tôi như mọi lần.. Chỉ có dượng thì buồn. Dượng nói rất nhỏ nhẹ với tôi. Tôi phải thú thật, dượng là một người đàn ông tốt. Chưa bao giờ dượng rầy tôi một câu. Nhưng tôi ghét dượng. Ông đã chiếm đoạt mẹ của tôi.

Bắt đầu từ đây, tôi sống như một kẻ ở nhờ tạm. Tôi chờ đợi ngày tôi bỏ nơi này. Tôi vẫn đi bộ đến trường và về nhà mỗi ngày 20 cây số, và thui thủi cùng nỗi chờ đợi đến mòn mỏi. Mẹ đã mua cho tôi một chiếc áo mới thay vì nhờ chị Nhung hàng xóm may bằng vải bao bột mì viện trợ. Chiếc áo Chim cò. Thêm chiếc va ly thiếc. Mẹ đối đãi với tôi không còn hằn học như trước nữa. Nhưng tôi cảm thấy có cái gì đó quá đối buồn bã trên đôi mắt, cái dáng gầy ốm hiu hắt ấy. Tôi muốn khóc khi nhìn đôi vai của bà dưới chiếc đòn gánh nặng trĩu. Một người đàn bà nói tiếng Tây như đầm, hơn nữa có bằng Primaire, lại là cô giáo, như vú Bầy từng tiết lộ, lại như thế này ư. Câu hỏi ấy tôi đã tra vấn hoài trong quảng đời còn lại của tôi, nhưng tôi bất lực. Dù thời gian là lời giải nhưng đối với một người đàn bà như mẹ tôi, thời gian khó có thể cạy miệng bà ra. Tại sao. Phận làm con cái, làm sao để có thể hỏi mẹ mình như vậy. Hơn nữa, từ khi tôi xa bà để lá rụng về cội, thì bà đã xem tôi không còn liên hệ gì đến bà nữa.

Ngày tôi rời khỏi Rộc, tôi vẫn còn nhớ, nhằm vào buổi sáng. Rộc trùng đầy sương sớm. Những ruộng rau bát ngát chìm trong sương. Dượng bảo mẹ nên đưa tôi đi, nhưng mẹ không chịu. Tôi ra khỏi nhà, lên dốc, cả xóm cũng chẳng biết.. Tôi chưa hề đi máy bay, nhưng hôm ấy, tôi đã đi một mình, chẳng nhờ ai hướng dẫn. Năm ấy tôi 12 tuổi. Học lớp Đệ Lục trường Cô Nhi Viện Hòn Chồng. Tôi đi, với chiếc vali thiếc và chiếc áo chim cò. Chẳng có gì để mà lưu luyến. Ngay cả mẹ mà mẹ cũng không chịu đưa tiễn thì trên đời này còn ai nữa mà đưa tiễn, hờ Trời ? Nhưng mà không sao. Tôi đã quen, quen cái cay đắng, tủi nhục, tủi thân. Quen như quen cả những vùi máu đỏ lôm chày tuôn lai láng. Làm kiếp người, nói như nhà Phật, đã là một nghiệp khổ. Làm người VN, sinh ra và lớn lên trong chiến tranh thù hận, thì phải khổ gấp bội. Và làm cái kiếp con riêng thì phải khổ gấp trăm ngàn lần.

Tôi đã rời xóm Rộc, đi bộ lên chỗ trạm hàng không Air Vietnam gần rạp Tân Tân. Quên nữa rồi. Tôi mang gì theo trong valy thiếc. Chai dầu nhĩ thiên đường mà mẹ đã bỏ vào. Và cuốn truyện Đế Mèn Phiêu Lưu Ký của Tô Hoài do cô Hồng Ân tặng. Trang sách bằng giấy bồi, còn thấy cả cọng rơm ép trên mặt giấy.

Tôi sẽ nhớ gì. Chẳng có gì để mà lưu luyến ở đằng sau. Nhưng tôi sẽ nhớ đến cô Hồng Ân, đến đám trẻ trong cô nhi viện Hòn Chồng. Nhớ đến thằng Maroc, da đen tóc quăn. Nó là bạn thân. Luôn luôn dấu những thẻ kẹo cao su hay những hộp trái cây. Có khi cả quần áo nữa. Hôm nay là ngày thứ ba, có giờ Việt Văn của cô Hồng Ân. Chắc cô Hồng Ân đã cúi đầu nhắm mắt để cầu nguyện cho tôi đi đường được bình an. Và nỗi buồn của thằng Maroc khi nghe tin tôi bỏ học.

Vâng, tôi bước đi, trên những con đường tuổi thơ hằng bước. Đây là đường số một, tới đầu Ty Thông Tin, gặp

đường Độc Lập, rẽ phải. Độ chừng một cây số nữa là trạm hàng không. Vé ba đã mua sẵn. Ngồi trên chiếc ghế chờ đợi để sau đó chiếc xe buýt mang về phi trường Nha Trang. Không ai hướng dẫn, không ai chỉ bày. Không ai đằng sau. Và cũng không biết ai ở đằng trước. Không biết ba thế nào, hình dáng ra sao, mập hay ốm.

Không biết ông có nhận ra con ông không. Nhưng mà thôi, chủ đề mền của xóm Rộc bắt đầu một chuyến phiêu lưu đây.

Máy bay đáp xuống phi trường Phủ Bài vào buổi xế trưa. Nắng chói chang. Xung quanh tôi là bãi cát trắng mênh mông. Trên sân bay, tôi thấy một người đàn ông mặc áo lương đen. Ông đến bên tôi, hỏi: Con có phải là Tý không. Tôi trả lời dạ. Tôi thấy đôi mắt ông long lanh nước. Bàn tay ông bóp chặt vai tôi. Ông hỏi: Con đi máy bay có bị mệt không. Tôi cố gắng hiểu âm thô nặng của ba. Sau đó, ba dẫn tôi vào nhà khách. Tôi hơi ngượng trước chiếc áo lương đen của ông. Từ trước đến nay, tôi ít thấy người ta mặc chiếc áo này. Ông ôm, nhỏ con. Khác xa với dượng, cao ráo, đẹp người như Tây.

Như vậy, kể từ nay, tôi có cha thật sự. Người cha bằng xương bằng thịt nhưng hơi lạ lẫm ngoài sự ước đoán của tôi. Tôi cứ nghĩ là ba phải mang áo quần Tây, phải cao ráo, ít ra cũng như dượng, và phải khá giả. Vì nếu không cao ráo thì làm sao mẹ tôi lại ưng và nếu không khá giả thì ông có tiền đâu để mua vé máy bay cho tôi.

Nhưng sự thật trái ngược. Ba rất nhỏ con. Tôi đứng gần bằng ông rồi. Có lẽ tôi giống mẹ. Tôi nghe hơi thở nồng nặc phả lên mặt mũi tôi. Ông là ba tôi hay sao. Tôi tự hỏi. Tôi muốn hỏi thật nhiều điều nhưng ông im lặng quá. Đôi mắt ông đỏ. Tôi biết ông đang róm lệ.

oOo

Nơi ba ở là một xóm nghèo mà hầu hết là những người di cư từ Quảng Bình vào. Người ta gọi là xóm Trương Định. Lý do nó nằm bên cạnh con đường mang tên Trương Định. Hầu hết nhà đều lợp bằng tôn viện trợ Mỹ. Ba ở trọ tại nhà của một người đồng hương. Nhà nhỏ, nền đất thịt đen láng, mái lợp tôn. Chủ nhà đã dành cho ba một chỗ vừa đủ kê chiếc giường ở ngay gian giữa, gần cửa sổ. Ở cạnh giường kê chiếc rương gỗ. Và trên vách treo chiếc áo lương đen, chiếc mũ Tây và chiếc dù. Và dưới đất là đôi sán đan. Sản nghiệp của ba chỉ có bấy nhiêu.

Bỗng nhiên tôi nhớ Nha Trang quá đỗi. Nhớ những cuộc vui bất tận. Nhớ những bạn nhỏ. Nhớ cô Hồng Ân. Và nhớ cả mẹ tôi. Dù sao, ở đây tôi không cô độc. Nhưng bây giờ, hai chân tôi tròng trụ, bên một người cha – không, một ông đồ đang bị đảo thái bởi xã hội - đang thay người đàn bà làm gà trống nuôi thẳng con từ lâu biệt tích của ông..



Những ngày đầu tiên ở Huế, thì quá lam lũ. Huế có những ngày mưa dầm, có những buổi trời lạnh căm căm, và gió thì cắt bầm da thịt. Và ba đã đứng ở giữa Huế, đi ở giữa Huế, chống đỡ cùng đời sống ở Huế. Vẫn chiếc áo lương đen bạc màu. Vẫn chiếc áo tơi nylon màu sậm rêu đã rách. Và vẫn chiếc dù đen. Ba đã không những chống cự cùng cơn áo mà còn chống cự cùng cái nền văn minh đang mỗi ngày một lần áp xã hội. Nhưng nếu cơn áo đã làm ba lao

đao lặn độn, thì cái nền văn minh kia đã làm ba cô độc hàng vạn lần. Ở đâu người ta cũng quay mặt. Ở đâu, khói bụi, và sản phẩm của những luồng gió từ phương Tây vẫn cuốn lốc, vẫn vùn vù. Ba đã đi tìm lại những người thân chủ cũ. Mong đợi họ để ba nắm tay xem lại kinh mạch, để ba kê toa thuốc, và cuối cùng là ít tiền công. Ba cũng đã đi qua những phòng mạch bác sĩ chen chúc người. Ba nhìn người ta đang bị đầu độc bởi khói xe, dầu mỡ, nước đá, trụ sinh. Và càng đau hơn nữa, ba phải nhìn những trang giấy kính diễn, những dòng chữ hiền nhân, những suy nghĩ vụn vặt từ từ bay cuốn hay vùi dập dưới bước chân người không thương tiếc. Khi ấy ba chỉ biết cúi đầu, lưng khom xuống, và lợm và nhặt. Khi ấy ba buồn bã nhìn về phía Đại Nội, trường Quốc Tử Giám, nơi mà ngày xưa ba đã từng học những dòng chữ của thánh hiền. Huế vào những ngày đầu tiên, mây thì màu chì, và sông nước. Những con quạ đen in bóng trên thành quách cũ, từ Thượng Tứ qua Đông Ba. Huế vào những ngày đầu tiên, đêm thắp thoảng những ngọn đèn lu mờ giữa dòng sông Hương, và tiếng hò Nam Ai thỉnh thoảng cất lên ử dật. Huế, học trò Đồng Khánh, Quốc Học, bãi học qua cầu như cả một đàn bướm. Huế có đài phát thanh bên cầu, còn nghe âm vang tiếng đôi song ca Ngọc Cẩm và Nguyễn hữu Thiết. Huế có tiếng rao hàng rong nào nuốt trong bóng tối âm u từ đường Trương Định về Hàng Đoát. Và Huế có một mình ba, đứng lại, còn lại một mình. Nhưng ba không bao giờ chịu làm kẻ thua cuộc. Ba vẫn mặc chiếc áo lương đen, mang chiếc dù đen, chiếc áo tơi màu rêu sậm, và đi bộ, đi mãi, đi miết. Từ Morin về Đập Đá. Từ Morin lên Phủ Cam. Từ Morin qua cầu Trường Tiền, qua Đông Ba, Thượng Tứ, vào Hồ Tịnh Tâm, ngược lên Bến Ngự. Dáng ba nhỏ, gầy. Hai chân ba khẳng khiu, vai hơi khom xuống. Đôi khi một chiếc xe phóng qua vũng nước, và cả người ba bị nước bắn tung tóe. Đôi khi những con chó hung dữ sẵn sàng nhảy bổ vào người ba, nếu không nhờ cây dù bên người, chắc ba sẽ phải bỏ cuộc. Rồi ba trở về cùng con. Mái nhà tôn nào bên đường Trương Định, nền nhà đất thịt, chiếc giường tre nương tựa cơ hàn. Những đêm mùa đông năm

ấy, Huế trở trời, lạnh căm căm da thịt. Vì lạ lắm, và vì hơi lạnh buốt bốc lên từ nền đất, thấm qua tấm chiếu, qua cả chiếc mền dạ nhà binh, khiến tôi không thể nào ngủ được. Và ba cũng vậy, nằm bên tôi, mắt mở. Chúng ta đã không thể tưởng tượng có một ngày ba phải nương thân tại nhà của một người khác, trong khi ở quê nhà, ba có cả ngôi nhà gạch kang trang, có nền xi măng, giường rộng, chiếu hoa. Chắc ông không thể tưởng tượng một ngày ông dẫn đứa con của ông đi tìm quán ăn nghèo nàn bên chợ Đông Ba, để nghe mẹ chủ quán bĩu môi nói trắng trợn: *Quán tôi dơ bẩn, ông nên tìm chỗ khác*, chỉ vì ông cẩn thận lấy tờ giấy mang trong mình lau đôi đũa, cái chén. Mắt ông đã mở trong đêm, nhìn lên chiếc mùng, hay đang trở về cùng quá khứ. ông, tôi biết, lệ thầm ấy là quá khứ. Và với tôi, lệ thầm ấy là mền không đủ ấm, là khoảng đêm dày đặc, là gió bên ngoài hú từng cơn, đập vào mái tôn kêu âm ỉ, là cả thân thể co rúm lại trước cái lạnh bốc xuống từ mái tôn, bốc lên từ đất...Phải, với ba, lệ thầm ấy là quá khứ. Con người ba đã nặng trĩu quá khứ. Ngay ở hiện tại này, ba cũng là ngọn đèn của quá khứ.

Ngày xưa, mỗi lần ba ngủ không được, ba vẫn trở dậy pha trà và đọc sách thánh hiền, hay ngâm những vần thơ cổ. Bây giờ không ai cho phép ba trở dậy, để ngồi độc ẩm cùng bóng đêm. Người ta đang ngủ. Nếu có thức chẳng là những hồn ma từ những thành quách rêu rong. Chúng thức để mà khóc cho một thời đại. Nhưng dù sao, chúng vẫn là hồn ma. Còn ba, ba lại là con người thật. So với chúng, ai khổ hơn ai? Vâng, ai khổ hơn ai. Dù sao những hồn ma kia cũng vẫn còn bầu bạn. Còn ba, một người còn sót lại cuối cùng, quá chừng lẻ loi, và cô độc. Nếu có bạn chẳng là con quạ đen trên nhánh cây phượng gầy bên Thành Nội hay tiếng dế khóc than dưới mấy tầng gạch cổ.

Từ một xóm nghèo bên Morin, ba lại dẫn tôi đi nương nhờ tại Đập Đá, rồi qua Bến Ngự, rồi về Phủ Cam, rồi qua Thành Nội. Cơm áo cuối cùng cũng xong. Những bà chủ nhà nghiệt ngã cuối cùng cũng xong. Những dốc lên dốc xuống cuối cùng cũng xong. Những ngày hừng hực nóng và những đêm buốt tận xương tủy cuối cùng cũng xong.

Dòng sông Hương vẫn xanh lơ. Đêm Nam Ai, Nam Bình vẫn bèn bồng trên những chuyến đò côi cút. Người di cư bắt đầu hòa nhập vào cuộc sống mới. Ông Bá đã trở thành một người thân tín của chế độ, và được giao một nhiệm vụ cao cấp của đảng chính quyền. Anh Trinh được lên Trung sĩ nhất. Bác Cán được phong trung sĩ nhất hậu cần. Ông Phán lên làm Phó Tỉnh trưởng hành chánh. Bây giờ những người di cư mới tìm lại ba như ngày xưa họ đã tìm đến. Thân chủ của ba đã không còn bao gồm trong thành phố Huế mà đã được bung ra đến Đà Nẵng, Hội An. Người ta cuối cùng đã tìm đến một vị thầy sau bao năm ngoảnh mặt. Và trong lòng chiếc xe hàng Phi Long, Tiến Lực màu vàng da cam ấy, ba vượt đèo Hải Vân, xuống bến xe, và lại đi bộ, đi hoài đi mãi. Áo lương đen, chiếc mũ dạ, chiếc dù đen. Và cái túi áo mỗi lúc mỗi đầy những trang giấy thánh hiền. Phở lâu cao che mái ra bờ lẽ, bóng ba lẻ loi giữa chợ người. Ngày mưa cũng như ngày nắng. Ngày lạnh căm căm cũng như ngày lửa oi nồng, một mình ba đông tây nam bắc, bước tới, đi tới. Để làm gì. Hai trăm đồng học phí một tháng cho lớp Đệ Ngũ của trường Việt Hương. Ba trăm đồng học phí cho lớp Đệ Tứ của trường Bán Công, để tôi tiếp tục đến trường. Và đêm đêm, ba ngồi viết hàng trăm verbe qui tắc hay bất qui tắc, những demander à hay demander pour, thành ngữ, văn phạm trên cuốn sổ tay bìa đỏ để dạy tôi. Ba hãnh diện nhắc lại ngày ba cứu dân làng thoát khỏi lần bỏ rấp của Tây bởi vì ba là người nói và viết được tiếng Pháp. “Ông quan ba đọc xong thơ của ba, bèn kêu ba tới và bắt tay kêu ba là monsieur”. Ba nói về cuốn tự điển Larousse dày cả ngàn trang mà ba thuộc lòng. Người ta thường nói về một người mẹ như một hình ảnh yêu quý nhất, dịu hiền nhất, nhưng với ông, cho tôi được ngừng lại một giây, một phút, để cho nước mắt cứ tuôn, để đôi mắt mờ nhạt, để hiểu rằng tôi được tự hào có một người cha còn tuyệt vời hơn cả vạn lần một người mẹ nữa. Có lần tôi thấy con gà trống dẫn đàn con đi kiếm mồi, con vật sao cô đơn quá. Nó có mỏng, cựa, bộ lông sặc sỡ, uy dũng hiên ngang làm sao, thế mà cứ mỗi lần tìm được mồi, nó lại kêu tục tục, gọi

đàn con đến... Cũng như ba. Tục tục hoài. Hết tay này quạt lại đến tay kia quạt trong những đêm mùa hè dưới mái nhà tôn. Chiếc mền đắp lại trên người tôi, trong đêm giá buốt. Và đôi khi, giữa đêm, tôi còn nghe tiếng ba nằm mơ. Ú ớ. Một ác mộng cũng nên. Tại sao ba không bao giờ kể cho tôi nghe về cái ác mộng ấy để tôi hiểu thế nào là lịch sử, những biến cố của đất nước hay cái thảm kịch của chính ba?

Phải, ba đã giấu tôi. Nhưng ba không thể giấu nổi những tiếng mớ u uân trong đêm. Rằng, nỗi buồn câm nín mà ba mang theo trên hai vai gầy guộc của một ông đồ, một người đàn ông, một người cha hẩm hiu đã trở thành tiếng ú ớ buồn thảm.

MỖI KỲ MỘT TÁC GIẢ MIỀN NAM

LÊ VĂN THIỆN



Lê văn Thiện sinh ngày 10 tháng 5 năm 1947 tại Giã, tỉnh Khánh-hòa. Sinh trưởng trong một gia đình rất nghèo, trồng cây tất cả ở người cha. Nhưng thân phụ ông mất sớm vì làm lụng quá cực nhọc, mắc bệnh ngặt mà không tiền chạy thuốc.

Sau khi cha chết, Lê văn Thiện phải bỏ học vào năm 1962, khi vừa học xong chương trình trung học đệ nhất cấp.

Nhập ngũ ngay sau đó vì đỡ dần mẹ già cùng em gái nhỏ.

Làm lính hơn một năm, sau theo học khóa 47-HSQ/TB tại Đồng-đế, Nha-trang, phục vụ tại Tiểu-đoàn 1/47. Sau đó theo học khóa Sĩ quan đặc biệt tại trường Bộ Binh Thủ Đức. Ra trường được chuyển về trung đoàn 14/ Sư đoàn 9 BB tại miền đồng bằng sông Cửu Long cho đến ngày 30-4-1975.

Đã tham dự nhiều trận đánh khốc liệt trên chiến trường

Phú Yên, Bình Định, rừng núi Trung-phần, và miền Tây với những nhiệm vụ "dễ chết nhất" trong bất cứ một đơn vị tác chiến nào mặc dù ông có 2 tác phẩm do hai nhà xuất bản có tầm cỡ bấy giờ là Văn và Côi Sơn xuất bản.

Sau tháng 4, 1975, Lê văn Thiện vào trại tù "cải tạo" một thời gian như mọi sĩ quan của chế độ cũ. Và sau khi ra khỏi trại, ông làm nhiều nghề lam lũ để kiếm sống. Hiện tại ông là nông dân thứ thiệt tại Ninh Hòa. Và vẫn tiếp tục viết.

Truyện ngắn đầu tiên, Ngoại lệ, đăng trên tập san VĂN số 47, tháng 12.1965, ký bút hiệu Văn Lệ Thiện. (lúc ông 18 tuổi) Nhưng truyện sau đó đã đăng trên nhiều tạp chí khác nhau ở SG.

Tác phẩm đã xuất bản:

- Một cách buồn phiền (tập truyện, Văn, 1969).
- Sao không như ngày xưa (tập truyện, Côi Sơn, 1971)
- Chuyện đời, 2004
- Mưa lạ, 2006
- Quê, 2007

PHẠM NGỌC LƯU

Gặp gỡ Lê Văn Thiện

tạp bút

1.-

Tôi không ngờ mình có chuyến đi Tuy Hòa hồi cuối tháng giêng âm lịch sau nhiều năm dài bó gối chôn chân một chỗ.

Chọn “gia trang” của vợ chồng Nguyễn Lê Uyên để lưu trú, để tha hồ tiêu dao cùng ruộng vườn cây cỏ tre pheo...Giữa tiết xuân mát mẻ, được nằm ngời trong ngôi nhà ngói ba gian hai chái hít thở mùi cỏ kính, được thờ thần trước sân cùng cây cảnh non bộ, được dong ruỗi giữa cái vườn mênh mông năm ngàn mét vuông với rau cỏ mướp cà bắp đậu, hoặc nằm vông nghe gió lao xao nghe chim riu rít trong lũy tre già, chiêm diều thuốc nhấp hớp cà phê chuyện trò với bạn đồng thanh đồng khí quả là điều vô cùng thích chí (*Nhân sinh quý thích chí*. Tuyệt !)

Nguyễn Lê Uyên và tôi mấy lần gọi Lê Văn Thiện nhưng chỉ có tiếng chuông reo. Tác giả *Một cách buồn phiền* có lẽ đang ở ngoài vườn hoặc dưới ruộng. Cuối cùng, hủ vía, cũng gặp được người “nội bất xuất ngoại bất nhập” ấy. Tôi nói qua điện thoại, “Sao? Liệu có vượt đèo Cả ra chơi được không ? Hay tụi tôi sẽ đèo nhau vào thăm anh. Dịp này, sát bên lưng rồi mà không gặp nhau thì chẳng biết đến bao giờ nữa. Bọn mình đều già cả rồi...”

Chín giờ sáng hôm sau Thiện ra Tuy Hòa bằng xe đò, ghé nhà anh Trần Huyền Ân trước.

Bắt tay nhau, Thiện la lên, “Gặp anh một lần hồi 1969, tôi nhớ anh đưa tôi vào ăn cơm ở quán Mỹ Châu Thành đường Trần Hưng Đạo.” Tôi không còn nhớ chi tiết đó, cái quán cơm quen thuộc ấy cũng tiêu ma từ lâu. Gặp nhau, bốn chúng tôi rôm rả chuyện trò, chuyện xưa chuyện nay, chuyện thời Mậu Thân, chuyện năm Ất Mẹo. Gặp nhau, sau 41 năm đằng đẳng, tôi cũng không mấy ngạc nhiên hay quá bất ngờ trước một Lê Văn Thiện khô khốc hóc hác cần cỗi, giọng nói thì nặng, nghe hơi quê quê. Bởi ba mươi mấy năm qua anh cam chịu ở lại làng quê nghèo khó của mình, chai mặt cùng mấy mảnh đất đám ruộng bạc màu, bầu bạn với những người dân quê ít học, quanh năm suốt tháng nhốt mình trong làng, họa hoằn lắm mới ra chỗ thị tứ vài giờ đồng hồ. *Sau 30 năm cầm cuốc / Ta trở thành nhân dân* (thơ của Thiện). Biết mình biết ta, biết thời biết thế, anh giữ mình để sống và kiên trì chịu đựng cảnh sống đó, cố gắng nuôi đàn con ăn học như ngày xưa cha anh đã gian khổ nuôi anh.

Thiện nhớ lại: năm 1960 anh trúng tuyển kỳ thi vào Đệ Thất (sau này gọi là lớp 6) trường Trung học Võ Tánh ở Nha Trang. Gia đình nghèo túng khó khăn nhưng ba anh lòng thầm hãnh diện và quyết tâm cho anh về thành phố ở trọ ăn học. Vào thời điểm đó, chưa có gia đình nào ở vùng quê anh dám cho con vào Nha Trang học trung học, kể cả những gia đình giàu có khá giả. (Sau này Thiện viết truyện ngắn *Con kiến bò trong tai* để dâng lên hương hồn cha mình như một lời tạ ơn; trong truyện này, nhân vật ông Sáu Canh chính là hình ảnh thân phụ anh, một người bị cả làng ganh ghét vì nhà nghèo mà ngông, chơi cao, dám cho cả hai đứa con vào Nha Trang học!)

Buổi chiều, dưới bóng cây mạn ở nhà

Nguyễn Lệ Uyên, ngồi quanh cái bàn đá hình tròn có bày sẵn rượu và ít đồ nhắm cây nhà lá vườn do Nguyễn phu nhân pha chế, chúng tôi tiếp tục chuyện vãn. Hỏi về quãng đời quân ngũ, Thiện vẫn tất: nhập ngũ năm 1966, ra trường Hạ sĩ quan Đồng Đế, lên chiến trường Pleiku, có lúc theo đơn vị chuyển xuống Tuy Hòa, năm 1969 đi học khóa Sĩ quan đặc biệt Thủ Đức, ra trường mang lon chuẩn úy về Sư đoàn 9 bộ binh ở miền Tây Nam bộ băng sông vượt rạch cho đến ngày chiến tranh kết thúc. Sau 30 – 4 – 1975, đi học tập cải tạo hai năm rồi về quê cày đất lật cỏ làm ruộng cho đến nay, gian lao vất vả như một nông dân thực thụ nhưng chẳng thêm than oán, kêu ca, bi quan.

Đành vậy, Tạo hóa chưa hề cho không ai một cái gì cả, ông ban phát cho anh một văn tài thì cũng lấy đi của anh một cái gì đó, bắt anh gánh vác một nỗi đau nào đó. Còn sống đến hôm nay mà tay không nhúng chàm tâm hồn không vấy bẩn ăn dơ là quý rồi. Thiện không biết rằng có vài người bạn viết lách ngày xưa của chúng ta đến tuổi răng long tóc bạc này vẫn còn nhi nhô hí hớ giương danh và bon chen lập công để được kết nạp vào hội văn học tỉnh này hội nghệ thuật thành phố kia!

Thôi, hãy để lòng Thiện bình an với cái không-biết ấy.

“Có điều này anh biết chưa ? Tên anh đã được Trần Hoài Thư trang trọng khắc vào tấm bia văn học Miền Nam”. Tôi mở cuốn Văn Miền Nam tập 1 trang 532 đưa cho Thiện. Quá bất ngờ, Thiện dướn mắt thốt lên “Ồ, *Một lối tiện lợi*” rồi gấp sách lại để xem cái bia, hồn nhiên nở một nụ cười thật đẹp, có lẽ còn đẹp hơn nụ cười của *Ngự*, nhân vật nữ ế chồng trong truyện ngắn này !

Nếu như anh Trần Hoài Thư tìm được

truyện *Một cách buồn phiền* để in vào sưu tập này chắc Thiện sẽ còn xúc động gấp bội. Bởi đó là đứa con chữ nghĩa đầu lòng. Cũng bởi sau đó tên tuổi Thiện gắn liền với bốn từ này như là ý đồ của Định mệnh.. Tôi có ước hỏi một số bạn bè ở Huế, Đà Nẵng: “Trước đây anh (chị) có đọc Lê Văn Thiện không ?” Hầu hết đều trả lời gần giống nhau: *lê-văn-thiện-một-cách-buồn-phiền* chứ gì !

2.-

Năm 1966, khi đang đồn trú ở Pleiku, Thiện viết truyện ngắn đầu tay *Một cách buồn phiền* (ký bút hiệu Văn Lệ Thiên) gửi vào tạp chí Văn và được chọn đăng ngay. Hạnh phúc thật! Thời đó, đối với đa số những cây bút trẻ chúng tôi, tạp chí Văn vẫn là “cửa ải” ngất ngưỡng khó vượt qua nhất, nên khi bài thơ hay cái truyện đã lọt vào mắt xanh của ban Tuyển đọc bài lai cáo để sau đó tên tuổi mình lần đầu xuất hiện một cách trang trọng trên Văn, chúng tôi vui lắm, một niềm vui tuyệt diệu (đại ngôn một chút: hết như mới đổ bằng Cử nhân văn chương!) và càng vững tin vào năng khiếu viết lách của chính mình để tiếp tục cuộc chơi chữ nghĩa với lòng đam mê nồng nhiệt.

Được ông Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn, viết thư khích lệ, Thiện viết tiếp các truyện khác, bỏ bút hiệu Văn Lệ Thiên (có vẻ hơi Tàu ?), ký tên thật. Ba năm sau, tin rằng cây bút trẻ mới được phát hiện này có khả năng tiến xa trên đường văn chương, ông Trần chủ động gom các sáng tác đã đăng báo của Thiện in thành tập truyện ngắn *Một cách buồn phiền* (nhà xuất bản Văn), phát hành khắp Miền Nam. Ngoài nhà văn Y Uyên đã thành danh ra, cho tới thời điểm đó, chưa có cây bút nào hưởng được sự ưu ái đặc

biệt của ông Trần như Lê Văn Thiện cả, một cây bút tuổi đời chỉ mới ngoài 20, đang mặc áo lính ở chiến trường Vùng II mà ông chưa hề gặp mặt nhưng rất “chịu” cái viết già dặn, cứng cỏi, lạ, đặc thù, từ bút pháp cho đến cách dựng truyện và cấu tạo nhân vật. Chính nhà văn Võ Hồng, một người rất thận trọng, đã không ngần ngại viết bài giới thiệu *Một cách buồn phiền* với nhiều lời khen trung thực.

(Thiện băng khuâng nói, “Mãi mãi tôi mang ơn ông Trần Phong Giao. Chỉ ân hận một điều là cho đến ngày ông mất tôi vẫn chưa một lần tìm đến thăm ông.”)

Qua ngưỡng cửa Văn, con đường lập danh đã mở, Thiện viết tới, các tạp chí Bách Khoa, Trình Bày, Ý Thức lần lượt đăng truyện của anh. Năm 1971, nhà xuất bản Côi Sơn in cho anh tập *Sao không như ngày xưa*. Các năm tiếp theo, dù đang lội sinh cùng chiến hữu ở miền Tây Nam bộ, Thiện vẫn viết đều đặn, chưa kịp gom lại để in tập thứ ba thì... 1975 !

“Anh còn giữ được các truyện ngắn của mình trước 75 ?” Thiện lắc đầu, “không giữ được cái nào cả. Tập *Sao không như ngày xưa* cũng tiêu tán. Hồi đi cải tạo, gia đình sợ quá, bao nhiêu sách báo đều đem đốt hoặc giao nộp hết. Năm kia NLuyên tặng lại cuốn *Một cách buồn phiền*, lâu nay một thằng bạn mượn đọc, không biết hần còn giữ không.”

Xưa, tôi đọc khá nhiều truyện của Lê Văn Thiện. Tôi khoái cách viết của anh, từ truyện này qua truyện khác anh vẫn trung thành với lối văn kể chuyện tự nhiên bộc trực, không ẩn dụ ám dụ, cũng không “ý tại ngôn ngoại”. Văn anh hơi khô khan, câu văn thường ngắn, gãy gọn., dùng chữ thì dè xén nhưng khá độc đáo, sắc bén, hàm súc, đặc biệt các hình dung từ. Nhưng Thiện đã viết cái gì trong ba bốn chục cái truyện

thời đó ? Tôi cũng chẳng còn nhớ nữa (và bây giờ cũng chẳng biết tìm đâu ra để đọc lại) nhưng chắc chắn đó chỉ là những câu chuyện đời thường, đôi khi chỉ là chuyện tầm phào, xảy ra hàng ngày hàng giờ ở các vùng quê hoặc thị trấn. Từ đó nhân vật của anh cũng quanh quẩn những con người hăm hiu vô danh ở nông thôn hay mới thoát nông thôn ra phố chợ. Là quân nhân nhưng Thiện không hề viết về chiến trận, bom đạn, khói lửa. Các vùng quê trong truyện hầu như đều nằm trong vành đai an ninh cả, bởi chẳng thấy cảnh nhà tan cửa nát, đồng khô vườn cháy, người dân quần quai giữa hai lần đạn. Chẳng có nhân vật nào của anh là ông to bà lớn là tiểu thư khuê các, trí thức thành thị hoặc sinh viên phản chiến. Không, chúng ta không đòi hỏi Thiện những cái đó, bởi nếu vậy thì không còn Lê Văn Thiện nữa.

Chỉ là những chuyện đời tũn mùn đôi khi chúng ta chẳng thèm để ý nhưng qua cách viết, cách dẫn chuyện sinh động của Thiện, qua những nhận xét tinh tế, những so sánh ví von khá bất ngờ, những lời thoại ngộ ngộ có chút bông lơn dí dỏm đã một thời lôi cuốn tôi và nhiều độc giả khác. Thử đọc lại đoạn mở đầu *Cho kẻ khuất mặt* tình cờ tìm được trong tuyển tập *Một thời Ý Thức* (Thư Án quán xb 2006) :

Lúc sống, trong một năm Thị không biết bỏ ra một đồng cho công việc lễ bái. Bây giờ đưa hấn lên ngôi trên bệ này chắc hấn không vừa bụng. Trên bệ gạch cao sơn xanh đỏ, vẽ hoa hộc chóis mắt, đặt ngót hơn trăm khung hình người chết. Đủ đàn ông đàn bà, già, trẻ. Hình nào cũng lớn. Các đôi mắt trong hình đều như mở to, nhiều khuôn mặt tái mét. Thân nhân các người này đem hình họ đến đây nhờ nhà chùa cho hưởng chút đỉnh nhang khói hương hoa, nghe đôi câu kinh, tiếng chuông mõ, mong hồn họ

thoát được ra khỏi cội trần u trệ này.

Trong hình Thị mặc chiếc áo trắng cổ hơi rộng, tóc tai bờm xờm. Thị nhìn thẳng, miệng hé một tí, mím cười. Không ra cười duyên, cũng chẳng phải cười gương. Lúc này cái cười ấy bỗng trở nên đặc biệt. Quanh hẩn ai cũng nghiêm, có kẻ còn mím môi nhẩn mặt, vài cặp mắt còn trợn dọc như muốn dọa người xem. Tiềm ngắm hình bạn, nói với cha:

- Được ngồi chỗ này y thích lắm, y cười đó cha.

Cha của Tiềm là người đàn ông bình thường, bỏ tiền ra xây một ngôi chùa lớn và trở thành thầy tu, rất đông thiện nam tín nữ đến chiêm bái, cả bà Ấn Minh giàu có lẫn lừng trong vùng cũng bỏ nhà đến ở hẩn trong chùa.

Một đoạn khác:

- Cháu có thằng bạn mới chết, nhờ mợ cầu cho nó được... nhẹ nhàng. Nó chẳng có nhà cửa, anh em cha mẹ chi hết. Nó cũng lung tung, tội lỗi ngập tràn, đủ thứ. Mặt nó đây, cái hình này, mợ xem.

- Thế à. Mới chết...được, được.

- Hiện giờ, cháu nghĩ là ở nơi nào đó, trên cao hay dưới thấp, nó đang buồn, đói khổ, vất vưởng. Cháu thương nó ghê lắm. Cháu tin nó đang khổ, cô độc thì khó mà vui sướng.

Mợ Ấn Minh lại “thế à!”. Tiềm nói rõ cho bà nghe, người chết đó khi còn sống rất dễ mến, hiền hậu, mỗi tháng “nó” ăn chay bốn ngày, nó đáng thương. Xin thương nó, tụng niệm nguyện cầu sao cho nó được vui sướng ở đời sống bên kia...

“Vào chùa mà ta vẫn nói láo” – Tiềm nghĩ thầm – Đành vậy thôi, chẳng lẽ lại khai toạc Thị là một đứa không chịu nhớ trên đời ngoài con người ra còn có Trời Phật, thánh thần.

Trong truyện này, nhân vật Tiềm còn có

một người bạn khác là Nghệ, đi lính, đã giết trên sáu chục người. “Đóng vai trò này thì phải giết chó. Không giết mới là có tội” Nghĩ thế, nhưng rồi hẳn lại nghe trong bụng bút rút, lo âu.. Lúc này thì Nghệ đang nằm bẹp dí trên cái giường sắt của quân y viện chờ chết. Tiềm đến thăm.

“Anh làm được gì cho tôi, Tiềm? (...) Tôi đã bắn hạ nhiều người. Có sao không... anh biết là tôi cũng hiền, bắn chúng nó nhưng tôi ghét cái hành động... Bốn phận thôi. (...) Một lúc Tiềm hỏi; : “Ở chùa nha?”. Nghệ lắc đầu: “Tôi ít vào chùa hay nhà thờ, không nhìn đến hang động am miếu, hình tượng...kỳ há ?”. “Vậy cầu hồn mày tại mấy quán nước tiệm kem nghe ?”

Và ta hãy nghe Lê Văn Thiện lý luận khi nhắc lại chuyện Nghệ giết 9 mạng người lần chót:

“Trong bản tin đọc buổi sáng, buổi trưa, đọc hoài hàng ngày, người ta nói đến 80 tên địch phơi thây, 50 địch bị hạ, phe ta vừa chết vừa bị thương 25, đọc thần nhiên, nhàm tai, buồn bã. Mãi rồi người ta quen, đến nỗi quên mất 80 là lớn hơn 50, và quen, một hai người chết khác 80 người chết thế nào. Mới giết chín tên một lúc là Nghệ đã mất bình tĩnh... Chín tên, là không phải một tên. Một hai người nằm chết còn là một hai người, lúc nhiều quá thì...”

Bút pháp của Thiện 40 năm trước như thế đó. Độc đáo chứ !

3.-

Có lẽ Lê Văn Thiện bắt đầu viết lại khoảng đầu thập niên 1990, tôi chỉ đoán vậy vì các truyện sau này không thấy ghi năm viết. Hồi 2003, đọc vài ba truyện của anh trên Thư Quán Bản Thảo, thú lắm. Năm 2004 Hội văn học nghệ thuật

Khánh Hòa hỷ xả in cho Thiện tập truyện *Chuyện đời*, anh dò hỏi địa chỉ gửi tặng tôi một cuốn kèm theo lá thư. Sách văn học vào thời điểm đó layout ấn loát như vậy là tệ, cái bìa quá xấu. Chắc cũng nhận ra điều đó, anh viết trong thư “có còn hơn không” và cho biết: “tôi viết tùy hứng, 3 hoặc 4 bài một năm. Có năm chả có chữ nào.”. Đọc hết cả 11 truyện, tôi rất mừng: Lê-Văn-Thiện-Một-Cách-Buồn-Phiền đã không tự đánh mất mình, không cúi rạp theo thời thế uốn cong ngòi bút để phục dịch. Văn bút pháp của ba mươi mấy năm trước, vẫn cú pháp ngôn ngữ của riêng anh, vẫn cách dẫn chuyện mạch lạc, hồn nhiên, vẫn những nhân vật bình thường, vô danh ở đâu cũng gặp, và những mẫu chuyện thường ngày sáng mở cổng ra là thấy là nghe. Nói chung, chẳng có gì mới hơn, khác hơn. Nhưng công bình mà nói: bút lực không bằng ngày xưa. Tôi vẫn tin anh thừa tài năng để viết hay hơn những gì đã viết ngày xưa. Nhưng bất khả ! Giai do vì sao thì tôi dư biết, biết để tự thương cảm chính mình và thông cảm bạn mình, để xót xa cho con chim trong lồng con cá trong chậu.

Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Bất ngờ* (Chuyện đời, trang 152 – 170) Lê Văn Thiện đã nhờ nhân vật nhà văn Duy Lực nói hộ giùm mình: “*lắm lúc mình **chẳng viết rõ được** những điều mình nghĩ, diễn tả **không khúc chiết, sáng gọn** các tình huống của chính mình tạo ra. Người ta khuyên, nên đưa vào tác phẩm những mẫu người độc đáo, có cá tính, và đan cài vào đó các chi tiết nổi, đắt. Phong cách viết phải sinh động, tự nhiên, không giả tạo... Biết thế, nhưng khi cầm bút lên thì lạng quạng, ngắc ngứ!...Rõ ràng có viết đến trăm năm ta cũng chỉ nói được về một góc nhỏ, thật nhỏ của cuộc sống”.* (Tôi nhấn mạnh). Tôi không bình phẩm gì về quan điểm viết lách này nhưng đoán biết

Thiện đã lúng túng quanh co mãi mới tìm được mấy từ tương đối “an toàn” này: *chẳng viết rõ được / không khúc chiết, sáng gọn*. Lẽ ra phải viết thẳng thắn : *mình **chẳng dám viết** những điều mình nghĩ / phải diễn tả **một cách trung thực, minh bạch** các tình huống...* Cái cách tránh né đó lâu nay người ta hay gọi là “lách” trong từ “viết lách” (viết phải biết cách lách). Than ôi, chính vì cái sự khôn đốn đó nên “nhà văn Duy Lực” nếu có 3 cái đầu để suy nghĩ và 6 cái tay để ngồi viết liên tục một trăm năm hay ba trăm năm đi nữa thì cũng... *rúa và rúa thôi !* .

Nhưng hãy thông cảm cho Lê Văn Thiện, bởi các truyện anh viết ra đều *nhắm mục đích đăng báo văn nghệ trong nước*. Nên, ta cũng đừng thắc mắc vì sao chẳng thấy nhân vật của anh có chút ray rứt ưu tư nào về lịch sử, về cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn, về “*một vũng tang thương nước lộn trời*” và bao thứ tội tệ đáng nguyên rửa khác. Có điều này làm tôi rất thất vọng (có lẽ chỉ riêng tôi thôi, bởi tôi hay khắt khe khó tính) : Thiện đã đồng ý viết lại truyện *Con gió mát*, nếu không, sẽ không được in vào tập *Chuyện đời ! Con gió mát* là một truyện ngắn hay, đã đăng trên Thư Quán Bản Thảo số 11 tháng 7 – 2003, trong đó nhân vật chính xưng “tôi” là một sĩ quan cấp úy quân đội Việt Nam Cộng Hòa, sau tháng 4 – 1975 phải đi cải tạo tại Tổng trại 6 Lam Sơn. Khi *Con gió mát* được Hội văn học nghệ thuật in ra, “tôi” lại biến thành Thức, một kẻ “*đi buôn bán vụn vặt, làm những “phi vụ” nhỏ trên tuyến Nha Trang – Ban Mê Thuột – Sài Gòn*”. Năm 1976 Thức cũng đi ở tù nhưng vì cái tội tham gia một trận ẩu đả, đập chai búa vào đầu đối phương khiến người này mất trí vĩnh viễn do chấn thương sọ não. Chỉ có cô gái lang bang Hiền Chi là không thay đổi, vẫn thủy chung với mối tình, vẫn lặn

lội đi thăm nuôi Thức y như trước đó thăm nuôi “tôi”.

Vâng, tôi thất vọng và rồi cứ cảm thấy tiêng tiếc... Dù sao đi nữa, tôi vẫn quý trọng tài năng của Thiện. Có thể sẽ mịch lòng anh, nhưng tôi nghĩ, chỗ bạn bè cứ thẳng thắn với nhau để anh suy gẫm, còn hơn để sau này độc giả nặng lời...

4.-

Sáng hôm sau, cũng dưới bóng cây mận đang rơi hoa lún phún, xong cữ cà phê và vài tuần trà, Lê Văn Thiện ngỏ ý cáo biệt ra về. Dù Nguyễn và tôi hết lời thuyết phục và nài nỉ nủu Thiện ở lại để sáng mai còn gặp nhà văn Khuất Đầu nhưng anh cứ nại ra chuyện này chuyện nọ ở nhà để khăng khăng ra đi. Lẽ nào ruộng vườn đang réo gọi anh ? Thê tử đang mời mồn chờ anh ? Hay là gặp lại tôi anh chẳng hài lòng lắm vì nhiều lúc vui miệng, tôi hay nói năng ba hoa, hoang ngôn lộng ngữ ? Cuối cùng, sức nhớ, tôi nhắc: “À, chiều nay Huỳnh Ngọc Tấn sẽ mời anh đi uống và... có lẽ sau đó đi hát karaoke để cảm ơn anh đã tặng *Quế*. Anh phải ở lại chơi, không thì Tấn buồn lắm”. Karaoke là cái tôi dậm vào để đùa. *Quế* là tập truyện mới nhất của Lê Văn Thiện cũng do Hội văn nghệ Khánh Hòa xuất bản, anh chỉ mang theo độc nhất một cuốn để tặng tôi nhưng rồi đành ký tặng Tấn vì cảm phục người bạn trẻ tình cờ gặp gỡ này ngày xưa đọc rất kỹ tác phẩm của mình.

Vậy nhưng Thiện vẫn cười trừ, dứt khoát về thôi.

Đưa anh xuống phố Tuy Hòa, ghé anh Trần Huyền Ân uống tách cà phê tạm biệt pha thêm vài hồi chuyện văn rồi hai đứa ra quốc lộ 1.

Thiện quay mặt về hướng núi Chóp Chài để chờ xe đồ miệt ngoài vào còn tôi thì nhìn về hướng nam. Ban mai trời trong xanh, nắng tươi sáng, núi Đá Bia nhìn rõ mồn một, chợt nhớ mang máng câu ca *trèo lên đèo Cả ngó xuống Vạn Giã, Tu Bông...* Nghe nói làng quê của anh nằm lưng chừng giữa hai địa danh đó. Quay lại nhìn bạn, tôi chợt nghĩ “nếu như bây giờ Thiện hứng khởi rủ mình vào thăm quê anh thì... sao nhỉ?”

PHẠM NGỌC LƯ

5 - 2010

NGUYỄN LỆ UYÊN

Độc Lê Văn Thiện

Lê Văn Thiện sinh ngày 10 tháng 5 năm 1947 tại thị trấn Giã, Khánh Hòa trong một gia đình nông dân nghèo. Sau khi cha chết vì làm lụng cực nhọc, Thiện phải bỏ học lúc mới xong chương trình trung học đệ nhất cấp tại trường Trung học Võ Tánh, Nha Trang, vào lính vì không biết một nghề nào để làm lụng đỡ đần mẹ già và em gái. Anh có thời gian 2 năm phục vụ tại Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 47, SĐ 22 Bộ binh, đóng tại Phú yên. Sau khi tốt nghiệp trường SQ trừ bị Thủ Đức, Thiện được chuyển về Trung đoàn 14 Sư đoàn 9, tham gia các trận đánh lớn nhỏ ở chiến trường miền Tây Nam bộ và Campuchia.

Truyện ngắn đầu tay, *Ngoại lệ*, đăng trên Văn số 47 lúc mới 18 tuổi, ra ngày 1.12.1965 dưới tên Văn Lê Thiện. Sau đó truyện của ông đăng đều đặn trên Văn, Bách Khoa, Trình Bày, Ý Thức...

Đến nay Lê Văn Thiện có 5 tác phẩm được phát hành, đều là truyện ngắn: *Một cách buồn phiền*, *Sao không như ngày xưa*, *Chuyện đời*, *Mưa lạ*, *Quế*.

Những năm đóng quân ở Phú Yên, qua giới thiệu của anh Trần Phong Giao, tôi đã tìm đến đơn vị Thiện hành quân giải tỏa thị xã Tuy Hòa sau tết Mậu Thân (đang đóng quân tại Liên Trì, Tx. Tuy Hòa). Chúng tôi nói chuyện gia đình, văn chương, chiến tranh bắt đầu “leo dốc”... Sau đó, thỉnh thoảng Thiện ghé nhà thăm tôi mỗi khi có dịp và rồi thân nhau lúc nào không hay, như anh em, kéo dài mãi tận ngày nay. Chỉ tiếc mỗi tình một bên của Thiện với cô em gái không thành, đã để lại mỗi bận tâm, khắc khoải không ít trong lòng, nên có lúc Thiện đã thầm trách tôi vô tâm, không đưa lời vun xới?!

Ngoài đời, Thiện không nhiều lời, ba hoa. Trong chốn trường văn trận bút cũng thế, chữ nghĩa luôn chừng

mực, chừng mực đến độ cô lại như nấu cao. Và như thế, cũng có thể gọi văn chương và cuộc đời Thiện là một?

Đời và văn của Thiện vẫn là những cảnh đời khôn khổ, bất trắc thường xuyên xảy ra trước mắt. Biết đấy, thấy đấy, nhưng không với tới được, không thoát ra khỏi. Nó cứ quán lầy, ôm chặt từ lúc còn cắp sách tới trường cho đến những ngày hành quân liên miên, những cái chết, những trận đánh lớn nhỏ và, sau này khi mãn tù trở về, là những nhác cuộc trên rẫy sản bạc màu, chỉ thấy toàn cát trắng và đá cuội, đến mức Thiện đã chống cuộc ngậm ngùi nhìn đất, nhìn trời, nhìn những củ sắn như bộ râu ông Quan Công mà không biết “kêu ai”(*)! Cuối cùng đánh liều “ngậm ngãi tìm trầm” trên vùng núi Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai... 2 năm đi “điều” cùng với muỗi mòng, rắn rết, sốt rét rừng... cũng chẳng hề làm thay đổi cuộc sống của gia đình lên chút nào. Vẫn cứ nghèo “rớt mòng tơi”, đổi lại Thiện giàu vô cùng giàu chữ nghĩa, tích lũy thêm vốn sống, vốn dĩ đầy đầy những nhọc nhằn, không phải chỉ riêng anh, mà còn cả những người dân sống quanh anh, một đời lam lũ...

Truyện ngắn Lê Văn Thiện có thể tạm chia hai thời kỳ rõ rệt: những truyện viết trong thời chiến tranh và truyện viết thời im tiếng súng (tôi không dùng từ hòa bình, bởi thật sự chưa hề có hòa bình trên đất nước này sau cái ngày u ám kia).

Hai tập: *Một cách buồn phiền* và *Sao không như ngày xưa*, một do Văn và một do nxb Côi Sơn ấn hành đều trước năm 1975. Và những truyện ngắn ấy có thể nói đã khắc họa tiêu biểu cho bộ mặt chiến tranh VN cùng với những Ngô Thế Vinh, Y Uyên, Trang Châu, Thế Uyên, Phan Nhật Nam, Nguyễn Bắc Sơn... Tuy mỗi người mỗi vẻ, cách chọn đề tài và viết với phong cách khác nhau, nhưng có nét chung: Họ đều là thế hệ trẻ lên đường cầm súng để bảo vệ nền tự do cho phần đất còn lại luôn bị dòm ngó, xâm xé từ những cường quốc lăm lăm súng đạn và thừa tiền bạc, như một trò chơi. Và những người trai trẻ bắt buộc phải lên đường, nhập cuộc trong cuộc chiến tương tàn, bần thiêu, đầy đầy hệ lụy...

Mỗi nhà văn trong thời kỳ này, khắc họa chiến tranh theo cái nhìn khách quan nhất, đơn giản bởi họ là những người trong cuộc, trực tiếp sống chết với nó để nhìn thấy quá nhiều cảnh bi thương, hiểu đến tận cùng về thân phận con người, về đất nước nghèo khổ bị dày xéo tàn khốc: Anh chỉ có quyền bước tới mà không có quyền được bày tỏ ý kiến. Chỉ hành động theo lệnh mà không có quyền chọn lựa... Kết quả: tan nhà nát cửa, chết chóc, chia ly, hận thù chồng chất!

Chiến tranh thời đó (và thời nào cũng vậy), không do người dân nghèo dựng lên mà do lũ người “rừng mỡ” sắp đặt. Và Thiện phải cầm súng như bao thanh niên khác. Suốt tuổi thanh xuân, Thiện sống trong đạn bom, cái chết đủ kiểu cho nên anh không thể viết theo phong cách Mai Thảo, Nguyễn Thị Hoàng và những nhà văn “máy lạnh” khác. Còi vãn chương của Thiện là lần ranh giữa sống và chết, là tiếng súng bắn tía, những đợt hành quân, những trận tấn công, giải vây, tháo chạy, cảnh lộn xộn, nhếch nhác nơi miền quê nghèo... Cho nên mỗi khi đọc truyện Thiện điều đập vào mắt, trí não tôi, trước tiên không phải là nội dung mà là những dấu phẩy, dấu chấm, chấm phẩy, ba chấm, hai chấm... Cứ một chữ có dấu phẩy, hai chữ buông dấu chấm. Chỉ một đoạn văn ngắn thôi đã kín đặc các dấu câu, khiến tôi phải tự đặt câu hỏi: Phải chăng nhà văn bị ám ảnh bởi những loạt đạn dài ngắn, bởi cuộc đời “lên bờ xuống ruộng” của mình, của những người dân nghèo, bởi cảnh sống “chụp giựt” nơi phố phường và cảnh đời khốn khổ nơi miền quê Thiện sống, mà có lần vui miệng kêu : “...bằng lòng sống trong cái ao làng này” và thêm, rõ hơn trong một bài viết ngắn về Trần Hoài Thư: “Ở đây, tôi làm nông, gắn bó với ruộng đồng, ổn định. Tôi không than van, oán trách (Oán trách ai đây, trời chăng?). Than thở vô ích, nó chỉ làm suy nhược con người. Điều quan trọng (và kỳ quặc): tôi luôn nghĩ mình may mắn. Còn sống sau 7 năm đi đánh nhau, 33 năm vật lộn với áo cơm là may mắn... Tôi nằm trong cái ao làng. Tôi ngao du, ca hát, bơi lội thỏa thích ở đó. Đùng hên”.

Có lẽ “hên” do không chết thảm ngoài chiến

trường, chưa chết trong nhà tù cải tạo và may mắn hơn là chưa chết khi phải vật lộn suốt từng ấy năm trời trên mảnh đất khô cằn, nghèo khó! Thiện không chết và chưa chết. Nhưng quanh anh, những người bạn, những chiến hữu của anh, bà con, đồng bào anh thì ngã vật ra chỉ sau một loạt đạn từ phía bên kia. Anh nhìn thấy tận mắt, chỉ cách mấy bước chân, nhưng bất lực nhìn bạn ngã gục một cách đau đớn, tủi nhục: *“Thối tha cây súng xuống đất. Người đừng sau lưng kêu “trời”. Anh ta quăng một trái khói. Khói tỏa xanh đặc một khoảng, che khuất Khắc, cái thùng rác và phần dưới cái cây bên đường. Chúng nó lại bắn vào đám khói. Khắc được lôi vào, chỉ còn là cái xác. Nhưng cái xác đã bị thêm hai viên đạn nữa. Trên lưng Khắc đóng rõ ba lỗ máu. Người can đảm trừng trừng nhìn xác bạn, rồi tự vuốt mặt mình”* (Trong lớp khói mờ).

Những cái chết như vậy, trong chiến tranh, là bình thường. Nhưng với với Thiện, thì sự bình thường kia lại vượt quá sức chịu đựng của con người nhạy cảm, như anh. Nội dung của truyện trên là cảnh Tiểu đoàn liên hoan sau trận thắng lớn. Thối được gắn huân chương như một anh hùng và được mời lên sân khấu đọc thơ, ca hát. Nhưng người anh hùng kia không đọc được, không hát được, bởi nỗi ám ảnh kinh hoàng về cái chết trước đó của đồng đội khi đơn vị về giải tỏa thành phố trong trận Mậu Thân: *“...Thối đấm trán, xốc lại quần. Mọi người lại cười rân. Thêm được hai câu nữa. Cảnh đường phố chập chờn, buổi chinh chiến... đạn xối sạt sạt, lúc nhanh, lúc như nước nhỏ giọt xuống mặt đường, bụi bay, một người ngã xuống mép đường, cây súng, cái mũ sắt... kìa nữa, khói xanh lan ra, chờn vờn. Không cố được nữa. Thối lắc đầu, nguy mất thật, hai chân thì vẫn dấy, nhưng cái đầu thì, coi kìa... sao lạ, mắt cứ thấy dâng lên, lan mãi ra một màn khói xanh”* (Trong lớp khói mờ).

Đọc đến đây, tôi bỗng nhớ đến đoạn văn sau: *“Qua máy truyền tin ông đại đội trưởng ra lệnh trung đội tôi bằng mọi giá phải chiếm ngôi lầu Ông Tề ở bên kia đường, sau trạm xăng (...). Rồi tôi hét: Chạy. Cả bọn cùng ào qua lộ. Đạn đuổi theo, sủi bọt trên đường nhựa. Vô sự.*

Chúng tôi đã băng qua đường vô sự. Tôi chạy đến phía dưới trụ xăng, ngồi núp đằng sau trụ. Người lính truyền tin chạy theo tôi ngồi bên cạnh. Những người lính của tôi cũng tìm chỗ núp chung quanh. Chỉ còn khoảng 15 thước là đến ngôi lầu. Định lại bắn rát. Đạn định sủi bọt trên đường, lỗ chỗ vào vỉa hè xi măng quanh mình. Đạn xuyên qua cây xăng, lửa tóe lên. Chưa kịp ra lệnh gì thêm cho những người lính xung quanh thì bỗng nhiên đầu óc tôi xây xẩm.

Một viên đạn nào đó dịu dàng quá đỗi, hôn lên da thịt tôi, như một cơn gió thoảng, như một nụ hôn của định mệnh, của tuổi trẻ, của chiến tranh, của ngăn chia, của con ngựa chứng..”. (Trần Hoài Thư – Nhà văn trẻ ấy bị thương).

Khắc của Lê Văn Thiện thì “trên lưng đóng rõ ba lỗ máu”, còn tôi của Trần Hoài Thư là “một viên đạn nào đó dịu dàng quá đỗi, hôn lên da thịt tôi...”, cả hai đều làm nhiệm vụ tái chiếm thành phố trong tết Mậu Thân!?

Dẫn hai đoạn văn trên, không có ý so sánh, mà hơn hết để chúng ta có cái nhìn rõ ràng hơn với ngôi bút Lê Văn Thiện. Cả cuộc đời quân ngũ của mình, Thiện luôn có mặt ngoài chiến trường với những trận đánh lớn nhỏ, từ miền Trung vào Nam bộ qua tận xứ Chùa Tháp. Thiện lẫn lộn và chứng kiến tận mắt những cảnh khủng khiếp của chiến tranh. Tuy nhiên viết như một số nhà văn quân đội thời bấy giờ, về những trận đánh có mình tham dự, Thiện lại viết rất ít, rất hiếm hoi mới đọc được vài đoạn, lồng vào những bối cảnh khác. Đây, có lẽ cũng là một đặc điểm của Lê Văn Thiện chăng? Chiến tranh trong truyện ngắn của Thiện chỉ lấp ló, đậm nhạt vài chỗ từ những ký ức xa gần, từ cảnh sống của bà con nông dân ở nông thôn. Trong truyện *Chúng mình ơi, đau buồn*, Thiện dẫn dắt người đọc từ một nhân vật đọc cho người khác nghe một đoạn về chàng tráng sĩ, đến cảnh rộn ràng, nhộn nhịp của bầy trẻ háo hức đi xem kịch: “*Một chiếc xe đạp chạy ngang qua cổng, bóp chuông. Tiếng trẻ con nói chuyện bỗng từ đâu trờ tới, xôn xao, rồi nhỏ ngay, mất hút. Có lẽ chúng nó đi mau, hay chậm lúp xúp. Chúng ra*

đình xem truyền hình.” , Nếu chỉ dừng lại ở đây, chúng ta dễ có suy nghĩ tưởng tượng cảnh lagf quên yên bình dưới ngòi bút của Lê Văn Thiện. Nhưng không phải vậy, sag đoạn sau thì nhà văn lại lồng vào cảnh mây anh nhân dân tự vệ đi gác đêm: *“Toán người gác đêm kéo đến, họ vào sân, nói chuyện xì xào. Nhà bác Tương có hai cái sân tốt, rộng, nằm không cần trái chiếu, nên toán gác này thường đến ngủ. Cũng có người bảo nhà này có một điểm khác quuyền rũ, hơn hẳn cái sân làng, là con dâu bác Tương. Họ đàn ông con trai, khó trách họ được. Với lại họ cũng đang hoàng, dễ thương (...). Ngủ chưa bác hai? Cô hai ơi, cho bọn này mượn chiếu chiếu. Cô hai ơi, sao cái sân...”* . Như vậy, trong cái làng quê yên ả kia, nguy cơ của chiến tranh đã lấp ló trong cảnh “chộn rộn, xôn xao” của lũ trẻ con đạp xe đi coi hát? Chiến tranh trong truyện của Thiện cứ nhả ra như vậy, đến với mọi người, với làng xóm một cách tự nhiên, thoải mái như thể tối phải ngủ, trưa chiều phải ăn uống, tóc dài phải cắt, rửa mặt, súc miệng... Nó (chiến tranh) có mặt như đề tô điểm cho làng quê chút “sinh khí”, chút tiếng động ồn ào vốn dĩ đã ngủ yên bấy lâu, nay choàng thức dậy?: *“Ông già ngồi gác bên chậu bông bỏ súng nằm xuống chân, nhip tay hát hay ngâm gì đó, chắc hẳn để khỏi buồn ngủ. Chiến tranh thật sự đã có từ lâu, nhưng mãi đến khi thấy những ông già lãnh súng, những đứa nhỏ ngày đi học đêm đến moi súng xách ra đình làng tập hợp, người ta mới trợn mắt, và lại còn ngạc nhiên. Chuyện giặc già đã tiến đến cái mức xa thế này rồi sao?”* (Chúng mình ơi, đau buồn).

Những cảnh huống như vậy, hẳn nhiên nhà văn đã từng sống với nó, chứng kiến tận mắt ở một cái xóm nhỏ heo hút nào đó không tìm thấy tên trên bản đồ cả nước, nhưng nó vẫn tiếp tục tồn tại với nhiều dạng thức khác nhau, và diễn ra ở từng mức độ cao thấp khác nhau mà thôi, bởi chiến tranh vẫn dòn dập, đạn bom vẫn thả xuống, vẫn tiếp tục nhắm vào nhau mà bắn... Cuối cùng là những hậu quả không thể tránh khỏi, cái hậu quả kia, lại chính những người dân vô tội phải gánh chịu: *“... anh lại nhớ đám mả những người dân chết vì đạn lạc trong trận đánh*

tháng trước, chôn như đập trên các bờ ruộng. Mấy gò đất mới đắp mọc lên hai ba bàn chân... Một chân mọc thẳng, lòng bàn chân ngửa lên trời, da vàng tái, móp khô, trông nhỏ và rất dơ...” (Quán vắng).

Những truyện ngắn của Thiện viết về chiến tranh chỉ chừng đó không ồn ào, hối hả, không dồn dập, tung bùng khói lửa, nhưng khi khép lại trang sách, nhắm mắt ta cảm thấy một chút đau nhói nhói tim gan, bởi anh đã “thực chứng” những tình cảnh thảm thương, để khi lòng “tĩnh” lại anh đưa nhân vật và câu chuyện một cách bình thản như chị nhà quê xách rổ ra chợ làng! Thản nhiên một cách bình dị mà đau!

Rất tiếc là trong tay không còn giữ tập truyện đầu tay của Thiện, *Một cách buồn phiền*! Tôi đã tặng lại Thiện cách đây mấy năm nhưng rồi anh cũng không giữ được (một người bạn nào đó tìm mượn rồi lấy đi luôn. Hành động này tôi thường gọi là lũ cướp giật). Tôi biết một người bạn vẫn còn giữ, tôi đến hỏi mượn làm tư liệu viết bài, anh hứa lục lại. Chờ. Gọi điện ba lần bốn lượt. Chờ. Và cuối cùng cũng chưa tìm thấy (tôi lại thất vọng lần nữa, và chưa tìm ra từ tương thích cho những lời hứa hẹn vồn vã!) để có thể viết một cách trọn vẹn về một Lê Văn Thiện với hai tác phẩm trước 75. Xin lỗi hẹn với tác giả và cả độc giả quý mến.

Có điều cũng cần nhắc ra đây: *Một cách buồn phiền* và *Sao không như ngày xưa* được anh Trần Phong Giao chăm chút in ấn, phát hành với cả tấm lòng dành cho một nhà văn trẻ. Sau khi Trần Phong Giao thôi giữ chân thư ký tạp chí Văn, ra làm tờ Giao Điểm rồi Chính Văn, có lần tôi hỏi anh Giao với thái độ rất dè dặt, khiêm cung: “Phải chăng anh sợ mất tiếp một Lê Văn Thiện như chúng ta đã mất một Y Uyên?”. Anh chỉ mỉm cười: “Thôi, cậu uống đi”. Tôi hiểu tấm lòng của anh Trần Phong Giao đối với anh em văn nghệ, đó là cách làm âm thầm của anh với anh em đang lâm vào “bước đường cùng”, như vụ Trần Hoài Thư với mấy lời nhắn tin của anh: “Người em Xương rồng... tôi sẽ tìm cách... đừng làm gì khác nữa...”.

Các nhà văn trẻ khoát áo lính, sau 75, số phận mỗi

người mỗi khác: Có anh chìm ngấm vĩnh viễn giữa lòng đại dương mênh mông, có anh chết trong nhà tù vì đói khát vì bệnh tật, có anh trở thành thương gia giàu có, anh lang thang xứ người và nhiều người khác thì cắm mặt xuống đất, chống dít lên trời để ngửi kỳ hết “mùi thơm tho đất mẹ”. Trường hợp sau rơi vào tay Lê Văn Thiện. Có điều Thiện đã chấp nhận nó và mỉm cười, “*ngao du ca hát trong cái ao làng*” như đoạn dẫn ở đầu trang.

Sau ngày ra tù cải tạo, Thiện không viết được gì nhiều; thỉnh thoảng thấy xuất hiện một hai truyện ngắn trên tờ Văn nghệ Sài Gòn. Có lúc Thiện viết thư than: “Có lẽ không thể viết tiếp được rồi, khó quá”. Đây cũng là cái khó chung của hầu hết anh em viết văn còn ở lại trong nước. Có thừa mứa đề tài để viết. Cảm hứng cũng chẳng thiếu, nhưng viết kiểu ngựa chạy phải đeo mã tría, đi đường phải nép vào lề phải; và viết như hô khẩu hiệu thì bỏ anh nhà văn còn chút liêm sỉ nào viết nổi, thà bỏ bút (ngoại trừ những nhà văn lươn chình!). Đó cũng là lý do tại sao khi Thiện viết truyện ngắn *Con gió mát*, gửi đăng trên Thư Quán Bản Thảo số 11 thì nhân vật Thức là một quân nhân có một mối tình đẹp với một cô gái qua đêm đã chung thủy với anh ta, đến nỗi khi nghe tin anh đi tù cải tạo, cô Hiền Chi đã lặn lội mấy trăm cây số thăm nuôi, trong khi người yêu của Thức, một giáo sinh trường Sư Phạm Qui Nhơn lại ngoảnh mặt quay lui! “*Chỉ có một điều khiến lòng Thức không yên, là Xuân Hà. Nàng cũng im lặng, biệt tăm. Lẽ nào Hà như vậy? Thức không người nghĩ về Hà. Ban đầu anh nhớ nàng như nhớ người yêu. Về sau, anh nhớ như một người quen...*” (Con gió mát). Đến khi truyện ngắn này được gom lại với nhiều truyện khác đưa cho Hội VNKH xuất bản thì anh quân nhân Thức biến thành một Thức đi buôn chuyến, và trong một bữa nhậu, không kèm chén, Thức cầm vỏ chai bia đập vào đầu bạn nhậu. Hậu quả là: “*...Được đưa vào bệnh viện kịp thời, nhưng anh ta nằm ì trong đó bốn tháng, và mất trí vĩnh viễn. Thức bị truy tố, ra tòa, bị phết cho bảy năm tù...*” (Con gió mát). Vì vậy trong giới anh em cầm bút cũ dùng

thuật ngữ: văn nghệ chính thống và văn nghệ chui! Chính thống là viết đầy đủ các “tính”, quan điểm rõ ràng. Còn chui là viết cho thỏa cơn khát, cơn ghiền và cất đầu đó trong đáy rương! Có nhiều người trách Lê Văn Thiện ở truyện ngắn đầy chất nhân văn này. Riêng tôi, tôi không trách và hiểu anh, hiểu thân phận của những người cầm bút cũ còn sống sót, còn ăn thóc Tần vương(!) và nhất là đang ở trong một cái làng nghèo, chưa ai học quá lớp 10?

Và điều này cũng có nghĩa rằng, 3 tập truyện ngắn xuất bản sau này, bắt đầu từ năm 2004: *Chuyện đời, Mưa lạ* và *Quế*, tổng cộng trên 40 truyện, nhà văn chỉ xoay quanh những chuyện đời thường, những truyện mà, nếu như mạnh tay một chút, có lẽ một chút, bớt né tránh đi một chút, tôi nghĩ sẽ hay hơn, sẽ làm người đọc phải tự đặt câu hỏi cho các nhân vật hơn.

Trong truyện ngắn *Chuyện vườn đào*, anh trai tên Tòng đem lòng yêu thương cô gái bán bia ôm Kim Châu, nhất quyết đòi cưới cô ta: “*Anh không muốn em làm ở Gió ngày nào nữa... Anh không thích cái mùi bia trong áo em/ Anh tưởng em thích sao?... Mà này, về đây, nếu về với anh em làm gì?/ Chẳng cần làm, chỉ anh làm là đủ... Ờ, thì em đi chợ, nấu cơm, quét dọn, nuôi heo gà... Anh chỉ xin em bỏ một thứ thôi./ Bỏ?/ Đừng tô vẽ móng tay móng chân... Không có em thì anh chết*” (Chuyện vườn đào).

Và rồi nhà văn dẫn giải: “*Trong lúc đó, ở nhà mình, ông Hiếu thay bộ đồ mới, thấp ba nén nhang đến khấn vái trước bàn thờ bà Hiếu, như ông thường làm trong ngày giỗ bà. Ông cầu xin bà khôn thiêng hãy phù hộ cha con ông, khai mở tâm trí cho Tòng, đưa con trai độc nhất kẻ nói dối tông đường... để nó biết chọn bạn, chọn vợ... không dính vào cạm bẫy bọn bất lương; thoát khỏi vòng tay tội lỗi của lũ yêu tinh mắt xanh mỏ đỏ*” (Chuyện vườn đào).

Bối cảnh trong truyện Lê Văn Thiện, trước kia và cả sau này, vẫn là những làng quê, những nơi chốn anh ghé qua, hoặc sống cùng năm tháng với chúng, hoặc chỉ một thoáng. Nhưng những nhân vật anh dựng lên thì

không hề xa lạ: Đó là những anh thầy giáo làng, những người buôn gánh bán bưng... và thi vị hơn một chút là những nghệ sĩ tinh nhỏ khoát lên mình chút lãng mạn tuổi trẻ ngày xưa, một chút hoài nhớ băng quơ...

Truyện *Một đời bay nhảy* của Thiện là nguyên mẫu cảnh sống hối hả của thời đại, của xã hội thiết lập trên dục vọng thấp hèn, của đạo đức xuống cấp, của trật tự vật chất và tinh thần bị đảo lộn. Nhân vật Mận trong truyện này là con người tinh khôn, lọc lõi, có những nhận xét bất ngờ ngay từ mới là cô học trò lớp 9: *“Thầy hỏi: Em chẳng thuộc câu nào cả. Em không học bài? Mận nói: Vần gì khô rúm, cạn cợt, nhạt phèo, đọc nghe lục cục như xe lu cán đá... Nếu hay, em học hai mươi phút xong ngay!”*.

Nền giáo dục *“khô rúm, cạn cợt, nhạt phèo, lục cục...”* là hệ quả tất yếu, không chỉ dành riêng cho nhân vật Mận mà còn cho các thế hệ học sinh trên đất nước này. Lớp trẻ ấy cứ lùng nhùng giữa chữ nghĩa trong nhà trường và thực tế bên ngoài, để cuối cùng cứ nhắm mắt lao bừa vào vũng lầy, không lối thoát. Nhân vật Mận là một điển hình như thế: *“Hết năm lớp mười Mận tuyên bố nghỉ học. Ông Năm Thủ nói: “Chán thì nghỉ., lớn rồi, , mày quyết định đời mày”*. Và Mận đã lao vào những chuyến buôn lớn nhỏ với nhiều cuộc tình lớn nhỏ khác nhau, nhưng không mối tình nào ra mối tình nào. Và để bào chữa cho sự mình bị lừa, Mận triết lý: *“Giỏi mấy, mình cũng là đàn bà!”* Vậy rồi con đường bay nhảy cuối cùng của cô gái làng là *“Mận uống thuốc ngủ tự tử. Vợ chồng ông Năm Thủ chết đuối”*.

Đó chỉ mới là một phần nhỏ, rất nhỏ trong bức tranh nguệch ngoạc Lê Văn Thiện phác thảo về cảnh đời trong xã hội hiện nay. Nó không gây ấn tượng mạnh, chỉ là những câu hỏi tra vấn nhà văn đặt ra cho mọi người, nhưng rõ ràng là không có phản hồi, không ai lên tiếng nhận trách nhiệm để có thể đưa ra những giải pháp cụ thể làm trong sạch cuộc sống lên chút đỉnh. Bởi nền giáo dục đang có, chưa hề và chắc không bao giờ có những bài giảng đạo đức cho các em như thời cha ông của chúng ta

tuần vẫn phải đọc và ghi nhớ những câu cách ngôn trên bảng đen: “*Cá không ăn muối... Gắt mực thì đen...*”, mà chỉ toàn nghe những nào là vĩ đại, kiệt xuất, ưu việt...

Còn trong giới có tâm hồn hơn, có học hơn thì sao? Trong truyện ngắn *Bàn tay ấm áp*, Lê Văn Thiện dẫn dắt người đọc một cách êm ái của đôi văn nghệ sĩ đi dự trại sáng tác do nhà nước tổ chức. Họ cầm tay nhau qua các phố Đà Lạt, cởi mở tâm tình, đọc thơ cho nhau nghe như một đôi tình nhân. Buổi dạo phố ấy đẹp, thơ mộng, lãng mạn... khiến cho nhà văn Quang đem về cứ chấp chờn bóng hình mới trôi qua trong đời mình: “*Cái bàn tay trắng, mềm mại ấm nóng ấy hiện ra ám ảnh anh. Thái Anh chưa nói gì, không hẹn hò, nhưng tay trong tay trên một quãng đường dài như thế... chẳng phải có tình ý là gì? Còn hơn một lời hò hẹn!*”. Khổ thay, “lời hò hẹn” do nhà văn Quang tự huỷ đã mở toạc ra: “*Lúc gần 4 giờ sáng, Thái Anh dựng ông trưởng đoàn dậy, nhờ giúp đỡ. Đến phòng cô ta, nhà văn thấy ông nhạc sĩ Bá Phước nằm thẳng đuột trên giường, mắt trắng nhợt, sùi bọt mép. Hoảng sợ, ông Nguyên hô hoán ầm lên!*

Cuộc chơi chấm dứt. Kết thúc một hành trình. Vỡ kịch hạ màn”.

Những truyện ngắn khác trong ba tập xuất bản sau 75 đều có chất giọng bình thản như vậy, xoay quanh nhiều cảnh đời khác nhau của những số phận làm người đầy dẫy những bất toàn. Đọc những truyện này, ta mới thấu hiểu hết tâm trạng một người cầm bút như Thiện, sống giữa một làng quê nhỏ bé, nghèo về mọi mặt, và hình như trong đó, trong những nhân vật Thiện dựng lên, thấp thoáng bóng hình nhà văn và những người thân quen trong đó.

Viết văn là một khổ lụy đời người. Lê Văn Thiện đã chọn nó như một định mệnh cột chặt, không cưỡng chống!

(*) Tên một truyện ngắn của Lê Văn Thiện trong tập Sao không như ngày xưa.

TRẦN HỮU THỤC

Độc **Một Cách Buồn Phiền** của Lê văn Thiện

(trích nguyệt san Tân Văn, tháng 5-1969)



Làm thơ là vượt lên thực tại và hủy bỏ thực tại. Viết truyện cũng là vượt lên thực tại, nhưng không nhằm và không thể hủy bỏ thực tại. Khi viết, nhà văn phải thiết yếu gắn liền với những chất liệu của thực tại để từ đó thiết lập những tương quan với thực tại. Tác phẩm (truyện ngắn, truyện dài) biểu lộ tương quan đó, có thể là những tương quan thật tình cò, có thể là những tương quan đã được sửa soạn, và cũng có thể là những tương quan mà chính người viết cũng không rõ nguồn gốc. Nói tương quan, nghĩa là nói người viết phải vượt bỏ mình hướng về thực tại - và do đó, khi ở trong tác phẩm, thực tại không còn là chính nó nữa, không còn ù lì, lù lù ở đó nữa. Thực tại và người viết cùng hòa trộn trong một khung cảnh hoàn toàn mới. Bởi thế mà tác phẩm không phải là mô phỏng thực tại - tác phẩm là một sáng tạo.

Một truyện ngắn là một công trình sáng tạo. Một truyện dài là một công trình sáng tạo. Nhưng truyện ngắn khác truyện dài. Không chỉ khác vì một bên là *ngắn* và một bên là *dài*. Truyện dài là một *câu chuyện*, có khởi đầu và có kết cuộc. Truyện dài trình bày đời sống với nhiều khuôn mặt, nhiều dáng vẻ, nhiều sắc thái. Nó đòi hỏi sự *kết cấu*,

sự liên hệ giữa các khuôn mặt, các dáng vẻ, các sắc thái nhằm đưa đến một sự giải quyết cho câu chuyện.

Trong khi đó, truyện ngắn trình bày những *hoàn cảnh vụn vặt* của đời sống. Những cái vụn vặt đó có thể bắt đầu bất cứ từ lúc nào, và trôi qua đi lúc nào. Chúng là những đoạn gãy khúc của đời sống toàn diện. Một tâm trạng, một khung cảnh, một nỗi xót xa, một thoáng buồn rầu... Truyện ngắn có thể chỉ như thế, nó không cần đòi hỏi phải mở đầu để nhắm đến một kết cuộc. Truyện ngắn cũng là một câu chuyện, nhưng một chuyện nhỏ - và đôi khi nó không có gì là một câu chuyện cả. Nhân vật trong truyện ngắn không cần phải được đặt một thời gian xác định, hay một hoàn cảnh xác định hay những liên hệ xác định nào đó như ở trong truyện dài. Trong truyện ngắn, người ta dễ dàng tìm thấy, cảm nhận những mảnh vụn lý thú của đời sống - những mảnh vụn mà nhiều khi trong truyện dài, người đọc (cũng như người viết) quên đi vì mãi lưu ý đến *câu chuyện* với các gút thắt của nó. Chính vì thế mà truyện ngắn dễ đưa người đọc đến sự bất gặp trung thực những xúc động - không phải xúc động vì *cuộc đời của một nhân vật*, mà xúc động vì chính *đời sống* xét như là đời sống.

oOo

“ Một cách buồn phiền” là tập truyện đầu tay của Lê Văn Thiện. Cũng như những người viết trẻ khác, Thiện đã khởi đầu nghiệp văn của mình bằng những truyện ngắn. “ Một cách buồn phiền” gồm bảy truyện ngắn (Bảy mảnh vụn đời sống) đã được đăng tải rải rác trên tạp chí *Văn* và *Bách Khoa*. Tuy sống trong khung cảnh chiến tranh, và hơn nữa là một quân nhân, Thiện không hoàn toàn viết về chiến tranh. Một vài truyện dựng nên khung cảnh chiến tranh, và một vài truyện dựng nên những khung cảnh khác của khuôn mặt đời sống. Có những truyện, hình ảnh chiến tranh chỉ thoáng qua không quan trọng. Những nhân vật trong truyện của Thiện đều có những tâm hồn giản dị,

bình thường, không thắc mắc, cầu kỳ. Vì thế mà những tác động, những cử chỉ, những ý nghĩ của họ không tạo nên những hình ảnh nặng nề. Những nhân vật sống sát trong thực tế, tâm thường, dễ thương. Những niềm vui đến với họ thật nhẹ nhàng. Và cả nỗi buồn vây bủa họ cũng không gây nên những cảm tưởng quá thâm trầm.

Có thể sau đó niềm vui và nỗi buồn sẽ dần dà tạo nên trong tâm hồn những tác động sâu xa hơn, thấm thía hơn. Nhưng lúc đó, họ không kịp biết và không kịp cảm nhận như thế. Có thể vì cốt cách bình dị, họ đã nhìn ngắm đời sống một cách bình dị. Cũng có thể vì tâm hồn của họ tỏa ra trên một đời sống nhiều sắc thái, phong phú, nên một nỗi tuyệt vọng do một phần đời sống đem lại dễ bị tan loãng bên cạnh một phần đời sống khác. Mặt khác, khi người ta ít có những suy tưởng rắc rối, phức tạp về cuộc đời - do đó, ít tự cô lập mình vào trong một trạng huống, thì sự tuyệt vọng bớt lớn lao và bớt ám ảnh.

Thiện đã xây dựng những nhân vật trong tác phẩm như thế. Đồng thời, Thiện thường chấm dứt (có phần đột ngột) truyện của mình khi một biến cố bắt đầu xảy ra. Như trong *Ngoại lệ*, truyện chấm dứt khi đứa bé chết. Trong *Một cách buồn phiền*, truyện chấm dứt khi một anh chàng vừa chợt biết cô gái bán hàng hôm sau đi lấy chồng.

Suốt các truyện của anh, Thiện viết một cách bình thản, giản dị. Thiện viết bằng những *hình ảnh* chân thực, dễ dãi của đời sống chung quanh. Từ một người lính, một anh chàng dạy học, một người đàn bà, một kẻ ăn xin..., không ai cảm thấy bị bủa vây *một cách nặng nề* bởi các biến cố, biến cố nội tâm hay biến cố ở bên ngoài. Và do đó nên ngay khi phải đối diện với một hoàn cảnh bi đát, nhân vật của Thiện cũng không đến nỗi nhìn ngắm đời sống thâm trầm méo mó đến độ tự đánh chìm mình trong những ám ảnh bệnh hoạn. Nỗi lo lắng, xao xuyến của nhân vật lúc nào cũng có vẻ chừng mực, tự nhiên. Trong *Ám thầm*, Thiện viết về khung cảnh đợi chờ cái chết của người cha

của mấy chị em. Cô gái tên Đoan, tuy xao xuyến, sợ hãi về cơn bệnh “nặng quá sợ khó qua” của người cha, nhưng vẫn có ý nghĩ ngò ngò.

“ Đó là quãng ngày ba đi lính, hồi xa xưa. Đoan nhớ những buổi chiều ba dẫn tốp lính mới ra bãi sau luyện tập đi “ôn đơ, ôn đơ”. Ba mặc cái quần ka-ki vàng ống dài tới trên đầu gối. Ba ngâm còi thổi từng chập, tốp lính bước đi rập rập coi lạ mắt. Ba làm xếp. Người ta kêu ba bằng thầy đội. Tuy lúc ấy còn nhỏ lắm nhưng Đoan vẫn nhớ được trong đồn huyện có nhiều ông Tây cao ngồng, đen thui và rất thương trẻ con”. (MCBP, trang 47-48).

Thiện viết về đời sống một cách gần gũi thân mật. Thiện không mô tả quá lâu lắc, dài dòng về trạng thái nội tâm của một nhân vật.

Anh cũng ít mớm vào các nhân vật anh những suy tư sâu sắc, dài dằng về hoàn cảnh chung quanh. Thiện viết về *hình ảnh*, rõ ràng, dứt khoát – những gì mà anh *thấy, nghe, trực nhận*. Thiện rất ít lý luận trong tác phẩm của mình. Đọc anh, người ta có cảm tưởng như đang được nghe anh kể lại những mẩu chuyện vụn vặt, tầm thường của cuộc sống. Những mẩu chuyện, nhiều khi chẳng có một ý nghĩa nào. Thực ra sự không-có-ý-nghĩa nào đó lại chính là một ý nghĩa. Mà ý nghĩa cao nhất của đời sống nằm ở trong những cái vụn vặt, tầm thường đó. Thiện không khoắc lên các nhân vật trong tác phẩm anh những hoàn cảnh thật độc đáo, đặc biệt – anh cũng không khoắc lên nhân vật những ý nghĩ triết lý thâm trầm, sâu sắc.

Những câu đối thoại giữa các nhân vật đơn giản, thành thật. Có nhiều nhà văn thường có khuynh hướng chỉ viết lên những câu đối thoại nhiều ý nghĩa, chặt chẽ nhằm diễn tả một ý nghĩ, tư tưởng nào đó liên hệ đến ý hướng của câu chuyện. Thiện không thế: Những lời đối thoại trong tác phẩm Thiện rất sống rất thực. Và người đọc, không cần tỉnh ý cũng thấy rất rõ ràng trong các truyện ngắn của Thiện, phần đối thoại rất nhiều - Thiện đã viết những lời đối thoại gần như anh nghe, anh thấy.

“Một tốp năm người đàn bà gánh thùng mừng bước đi nhanh.

- Ý, ông địa ơi !

Một bà đâm bổ tới sát xe đạp. Mấy bà khác dừng lại.

- Ai đứng kỳ vậy ?

- Dạ con.

Bà mặc áo dài đến nhìn tận mặt Kiên :

- À thằng Kiên. Tưởng ai.” (*Ngoại lệ*, trang 11).

Một đoạn khác :

“Mấy hôm sau nó về nhà, mẹ nó gắt gỏng, hạch sách :

- Mấy ngày nay thằng nào, con nào chứa mày, hở thằng ôn kia ?

- Không có ai chứa hết.

- Vậy mày ăn cứt à ? .

- Tui lớn rồi tui làm tui ăn.” (*Chợ tối*, trang 36).

Những lời đối thoại ở văn Thiện đều có vẻ dễ dàng như thế. Đó là điểm đặc biệt nhất trong các truyện ngắn của Thiện. Và lối mô tả nhân vật, cử chỉ, mô tả khung cảnh của Thiện cũng có vẻ dễ dàng không kém. Ngôn ngữ dễ hiểu, hình ảnh sống động, cách diễn tả đơn giản chân thật.

“ Vợ chồng thằng Mau trông tội nghiệp lắm. Thằng chồng trông thấy nhưng không đi được, con vợ đi được lại mù tịt cả hai mắt. Nên, khi ăn xin, thằng chồng lết trước, con vợ lặn mò theo sau. Một sợi nhợ cột ngang hông thằng chồng nối liền với cánh tay con vợ đằng sau, là sợi tơ hồng gắn bó cuộc đời hai vợ chồng thằng ăn xin.” (*Chợ tối*, trang 32).

Một đoạn khác:

“Trời đất, hấn lại bắt qua một đề tài khác ! Khang ngồi thẳng người dậy, nhìn hấn nói. Cái mặt trềng trẹt, mặt bánh đúc. Hai môi mỏng dính, thứ môi đàn bà thèo trọt, thóc mách, ăn hàng. Tên này ở đâu hiện ra vậy.” (*Một lần chiến bại*, trang 87).

Trong các tác phẩm của Thiện, ta cũng thấy thấp thoáng có hình ảnh chiến tranh. Có điều, qua ngòi bút của Thiện, chiến tranh như đã bớt phần thô thảm, cũng máu lửa, cũng chết chóc, cũng hành quân..., nhưng tất cả có vẻ chỉ như một hoạt cảnh trên sân khấu, đôi lúc chúng không khác chi một trò đùa. Thử đọc một đoạn ngắn trong “*Chiếc Phao*” :

“ Đoàn quân tới khoảng giữa đồng trống thì chợt có tiếng súng từ trong làng bắn ra, đuổi theo sau lưng, chan chất rịt qua đầu. Thôi rồi, phải quay lại. Quay lại bằng võ lực. Vào tóm một chị, đánh mấy cái lòi ra một cây súng trường. Tóm một thằng bé, đánh nó, lòi ra một khẩu tiểu liên. Đánh thêm mấy cái biết là chồng chị đàn bà còn trong rừng.” (*Chiếc Phao*, trang 66).

Cái cảnh như thế có khác gì một trò đùa ! Nhưng là một trò đùa thô thảm. Trong văn Thiện, cái thô thảm không hiển hiện rõ ràng. Nó không dễ gây trong chúng ta những xúc động sâu xa đột ngột, nhất là đối với những ai chưa từng chứng kiến cái cảnh đó. Nhưng nếu chúng ta đã từng chứng kiến, bây giờ đọc văn của Thiện, chắc không khỏi chua xót, buồn ngùi.

oOo

Bảy truyện ngắn trong “*Một Cách Buồn Phiền*” là bảy câu chuyện nhỏ. Chúng cũng là bảy mảnh vụn của đời sống có thể được tìm thấy bất cứ đâu đó. Những nhân vật trong “*MCBP*” có thể là ai đó trong chúng ta và chung quanh chúng ta. Một anh giáo viên có đứa con chết một cách “*ngoại lệ*”, người ăn xin với những kỷ niệm vui buồn, những chuyện tình vụn vặt... Thiện đã đưa người đọc vào một khung cảnh bình thường, đơn giản, thuần hậu - Ở đó, mọi tác động đều chân thực, mọi ngôn ngữ đều dễ dàng, mọi ý nghĩ đều tự nhiên, ít cầu kỳ, khúc mắc. Thiện không chi li, phân tích tỉ mỉ từng nhân vật, từng hoàn cảnh. Anh chỉ vẽ phác những khuôn mặt của đời sống -

đời sống mà cái đơn giản nhất, tầm thường nhất vẫn thường ẩn giấu những nội dung sâu xa, thâm thúy nhất. Có lẽ vì thế mà khi mới đọc, người ta khó thấy ngay cái độc đáo trong văn Thiện. Phải chăng người ta thường dễ bị lôi cuốn bởi những truyện ngắn có những lời đối thoại triết lý, có những đoạn văn phân tích, mổ xẻ dài dòng về tâm trạng, ý nghĩ của nhân vật ? Dù sao, giá trị của một tác phẩm không hẳn chỉ hệ tại ở sự lôi cuốn tức thời đó.

Đọc văn Thiện, người ta bắt gặp những xúc động thật nhẹ nhàng, ngay cả những xúc động về những hình ảnh chiến tranh, có lẽ vì Thiện có một lối nhìn ngắm đời sống dễ dãi, tự nhiên, thân mật.

oOo

Trên đây là ý nghĩ của một người đọc đối với *Một Cách Buồn Phiền*, tác phẩm đầu tay của Lê Văn Thiện - một cây bút trẻ -, do cơ sở Văn giới thiệu. Là ý nghĩ nên tôi không nghĩ là tôi đã phê bình, hiểu như sự phê bình phải dựa trên một quan điểm nào đó làm nền tảng. Có thể Thiện đã không khỏi vấp vấp những khuyết điểm về kỹ thuật (lối diễn tả nhiều khi quá đơn giản và khô) cũng như văn Thiện đã không lột tả được trọn vẹn cái phong phú của đời sống – và do đó không đưa người đọc đến chỗ say sưa, thích thú như chính họ đã sống cái sống của nhân vật. Tuy nhiên, đòi hỏi quá nhiều ở một tác phẩm in đầu tay (của một cây bút trẻ) cũng có phần quá đáng. Dù sao, Thiện không thể dừng lại thỏa mãn với MCBP. Anh có thể tiến xa hơn, phải tiến xa hơn trong những tác phẩm sau. Đó là ý nghĩ cuối cùng về MCBP, và qua đó, về Lê Văn Thiện, (tháng 5.69)

Nói chuyện với Lê Văn Thiện

Nglu và KĐ thực hiện

Khoảng sân rộng trong khu vườn rộng và căn nhà rường cũ kỹ. Ánh trăng thượng tuần không đủ soi rõ mặt nhau, nhưng lại soi rõ về quá khứ. Cái quá khứ âm ỉ đau thương một thời, theo ánh trăng mờ mờ hiện về trước mặt ba đứa chúng tôi. Khuất Đầu tóc đã bạc nhiều Lê Văn Thiện vẫn gầy nhỏ, hóp hóp, đen đúa bởi những chịu đựng về cuộc đời anh phải gánh trải bao nhiêu năm ròng rã. Và tôi, cũng có chút âm ỉ đau riêng không thể giải bày. Chúng tôi xoay quanh câu chuyện văn nghệ với Lê Văn Thiện.

-18 tuổi anh đã có truyện ngắn đầu tay: Ngoại lệ đăng trên Văn, một tạp chí văn chương danh giá nhất một thời ở miền Nam mà không hẳn ai cũng “chen chân” vào được cả. Hẳn nhiên đây là một truyện ngắn tuyệt vời như Thư từ Tuy Hòa của Cảnh Cửu, trước anh?

-Năm 18 tuổi tôi có truyện ngắn đầu tay được đăng, nhưng tôi đã viết nó khá lâu trước đó, hai ba năm trước gì đó, không còn nhớ rõ. Có điều khi truyện được đăng, nhận báo biểu trong quân trường kèm theo nhuận bút và lá thư của ông Trần Phong Giao, tôi sướng đến run người. Sướng và run không chỉ vì truyện của mình được đăng trên Văn mà hơn thế, lần đầu tiên tôi kiếm ra tiền bằng công sức của mình. Chẳng nhiều nhội gì, nhưng đó là dấu mốc quan trọng của cuộc đời: Lần đầu tiên tôi có tiền trong tay từ chính công sức của mình. Cái cảm giác đó tới giờ vẫn còn. Sướng đến ba ngày sau không thấy đói, như bay trên mây; vì cả cuộc đời tôi là đói triền miên, nghèo triền miên, quá sức chịu đựng của nhiều người.

Nội dung truyện Ngoại lệ chẳng có gì. Tôi chỉ ghi lại

những gì xảy ra trong làng mà tôi chứng kiến. Ở cái làng nhỏ bé và nghèo này, có cái tục qua cửa miệng: Hễ có một người nào chết thì lập tức dân làng xì xào rằng sẽ có người chết tiếp, mà người ta gọi là huông. Trong truyện đã có người chết như vậy rồi thì theo huông sẽ có người chết tiếp sau đó không lâu. Nhân vật thứ hai bị bệnh thập tử nhất sinh, bà con chòm xóm tới thăm, ngoài những bàn tán về huông thì họ còn khuyên gia đình nên lo hậu sự, vì cái làng này từ xa xưa đã xảy ra như vậy rồi. Nhưng cuối cùng nhân vật đó không chết. Vẫn sống nhăn răng. Sống thành ra Ngoại lệ.

-Những năm anh học ở Trung học Võ Tánh, Nha Trang anh sống, sinh hoạt ra sao?

-Bình thường như bao nhiêu học sinh khác, nhưng đặc biệt ở chỗ là nhà quá nghèo nên tiền bạc cha gửi vào chi đủ để ăn cơm thường trực ở quán cơm xã hội. Tôi cố kiếm vài công việc gì đó để làm kiếm thêm tiền nhưng không kiếm ra chuyện gì để làm. Vậy là chúi đầu vào học. Học chán thì ra tiệm cho thuê truyện mượn truyện về nhà đọc.

-Anh vừa nói không đủ tiền để học, ăn vậy tiền đâu ra để thuê truyện, hay chủ tiệm cho ah đọc không?

-Tất nhiên thiếu thốn mọi thứ, nhưng tôi cố dè xèn để có tiền đọc sách và đọc rất nhanh để giảm bớt chi phí.

-Anh đọc những loại sách nào?

-Tự Lực Văn Đoàn. Tôi đọc gần như không sót một ai trong nhóm này. Ở thời điểm đó mà có những nhà văn như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam... quả thật là tuyệt vời, quá tuyệt vời so với những những Nam Phong hay gì gì đó tôi đọc văn học sử.

-Vậy anh thích tác phẩm nào của nhà văn nào trong TLVĐ?

-Thạch Lam. Ông là nhà văn tuyệt vời. Chỉ phớt qua vài câu vài chữ về nhân vật, về hành động, tính cách, nội tâm thậm chí miêu tả cảnh ông không nhiều lời mà sâu, truyện của ông càng đọc càng thấm. Tôi thích tất cả những truyện ngắn của Thạch Lam. Các anh đọc lại Nhà mẹ Lê coi. Tuyệt vời!

-Tôi còn nhớ, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan có nhận xét như thế này về Thạch Lam: “Ông có một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỉ mỉ những cái rất nhỏ và rất đẹp, những cảm tình, cảm giác con con nẩy nở và biểu lộ ở đủ các hạng người, mà ông tả một cách thật tinh vi. Phải là người giàu tình cảm lắm mới viết câu này: “Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non đối với chàng đều có ý nghĩa riêng” (Những ngày mới, trg 25). Ý nghĩ đây là những ý nghĩ gây nên bởi cảm giác đối với ngoại vật và cảm tình của người ta đối với một hoàn cảnh thích hợp với mình” (Vũ Ngọc Phan, Nhà văn hiện đại, trg 1149-1150, nxb Thăng Long, Sài Gòn 1959). Từ những nhận xét của Vũ Ngọc Phan, tôi có ý nghĩ này: Đọc những truyện ngắn của Thạch Lam và truyện Lê Văn Thiện, hình như cái “phong cách” phảng phất đến tinh vi của 2 nhà văn cách xa nhau nhiều thế hệ, như là “phong cách” riêng của họ. Tôi không dùng từ “ảnh hưởng” để chỉ trong truyện của anh?

-Tôi chỉ viết những gì xảy ra quanh tôi, khi tôi nhìn thấy, nó gây cảm xúc, tôi rồi chạm nó gây ngọt ngào hay đau đớn... Và tôi đưa nguyên những cảm xúc ấy vào truyện, hạn chế đông dài, dẫn dắt kiểu truyện feuilleton trước kia trên nhật báo. Nhưng mà điều này để cho độc giả nhận xét thì hay hơn, chính xác hơn.

-Đó. Anh cũng lại vừa nói anh chỉ viết những gì xảy ra chung quanh anh, nó gây cảm xúc... Vậy trong 7 năm đánh nhau, chết sống chỉ trong gang tấc lại không thấy tiếng súng đạn, hô xung phong, hay nhà cháy hay chết

chóc thê thăm?

-Tôi tham dự rất nhiều trận đánh. Trận kinh hoàng nhất là trận Đắc Tô, KonTum khoảng năm 1970-1971 gì đó. Chúng tôi đánh nhau đến đến độ Đại Tá Đạt, Tư lệnh SĐ 22BB phải chạy vào rừng đến mất cả giày và mất tích luôn, không hề có tin tức bị bên kia bắt sống hay chết? Cả Bộ TL mà còn vậy thì đám lính dưới này thế nào, hãy tưởng tượng đi. Kinh hoàng.

Và năm Mậu Thân Tiểu đoàn tôi vào giải vây thị xã TH, ở chỗ ngã năm, trước khi chúng tôi tiến qua chiếm mấy dãy nhà bên khu Phan Đình Phùng, đứng trên lầu một tiệm buôn, tôi thấy có một cái xác người ai đó đặt trên chiếc võng mắc giữa thân cây bên lề đường và cửa sắt, hai chân thòng xuống đất, chiếc chiếu đắp lên trên. Dân chúng bỏ chạy tán loạn xuống miệt biển, nơi an toàn của thị xã. Rồi khi qua được con hẻm bên kia đường, toán lính của tôi tông cửa vào một ngôi nhà trong con hẻm, tôi suýt buông rớt súng khi nhìn thấy cảnh tượng thức ăn ngày tết bày ra trên chiếc chiếu lớn trải trên nền nhà. Hình như gia đình chỉ mới ngồi vào chiếu ăn, chưa thấy đụng thứ gì, vẫn còn nguyên vẹn, nhưng có một đứa bé chết quì, máu nhuộm đỏ cả đĩa bánh tét. Chỉ có một mình thằng bé chết ngồi, cả nhà chạy hết. Nhìn máu nhuộm đỏ cả đĩa bánh tét và loang sang các đĩa thức ăn khác, tự dưng tôi lạnh cả người. Trong đời binh nghiệp, lần đầu tôi có cảm giác sững sờ, buồn nôn đó. Thê thảm quá! Từ đó tôi không bao giờ dám ăn bánh tét. Cái chết của đứa nhỏ ám ảnh cả đời tôi. Bây giờ các anh nói tôi viết lại cảnh chiến tranh khủng khiếp đó. Viết dễ thôi. Nhưng viết rồi sẽ đăng báo. Đăng báo và báo sẽ trả nhuận bút? Vậy là tôi kiếm tiền trên xác của thằng bé bất hạnh, trên cái chết đau thương của thằng bé cả nhà đã hoảng loạn bỏ chạy không kịp mang theo? Không. Không bao giờ tôi làm được điều này! Bảy năm đánh nhau tôi chứng kiến hàng trăm cái chết như vậy, đủ kiểu, nhưng để viết một truyện ngắn kiểu này thì tôi không thể, mặc dù 100 hay 200 trang cho đề tài này thì quá dễ dàng. Chiến tranh quá phi lý. Tôi ghê tởm nó.

-Nhưng anh có thể viết ở dạng khác, nghĩa là một góc cạnh nào đó trong cái toàn thể kia để lên án nó mà?

-Không chỉ có văn chương mới đủ khả năng lên án chiến tranh, ở nhiều lĩnh vực khác người ta cũng có thể lên án được. Tuy nhiên, cuối cùng thì nó có chịu dừng lại hay tiếp tục với mức độ cao hơn, đẩy hàng vạn người chết tức tưởi?

Có điều này, theo tôi: chiến tranh là do bọn điên và ngu chỉ huy. Hồi đơn vị tôi được điều động về rừng Cô Tô thuộc quận Tri Tôn, Châu Đốc giải tỏa một đơn vị du kích nằm dưới hóc núi. Có lẽ tay quận trưởng cũng quá mệt mỏi với đơn vị nhỏ này nên báo cáo lên Tiểu khu rồi Quân đoàn là có đến một Tiểu đoàn VC nằm trong hang hóc núi Cô Tô. 2 Tiểu đoàn của SĐ 9 được điều tới. Chúng tôi nằm ở đó gần 2 tháng và phát hiện chỉ có một dúm nhỏ, không thể đánh được, vì núi Cô Tô toàn đá chồng chất thành nhiều tầng, ít nhất 7,8 tầng thì đánh đấm thế nào. Chui vào tầng này thì họ luồn vào tầng khác, kiểu mèo đuổi chuột. Tiểu đoàn báo cáo lên SĐ, rồi SĐ báo lên QK, nhưng mấy vị ở QK nghĩ sao đó điều cả mấy chiếc chinook chở xăng thả xuống. Đơn vị tôi chỉ chui vào tầng thứ 3 tính từ trên xuống mà có sao đâu, hướng chỉ mãi tận dưới sâu, chỉ làm trò cười cho họ. Bên trên lửa cháy ngút trời, còn sâu dưới kia, tôi nghĩ lúc đó họ mắc võng đu đưa và ca vọng cổ! Sự chỉ huy ngu ngốc đó khiến phe ta hao binh tổn tướng, mất thời gian, phung phí tiền của mà thôi.

-Và anh không viết gì về chiến tranh trực diện cả?

-Không.

-Một người bạn văn nhờ tôi hỏi anh rằng: Có lẽ anh Trần Phong Giao, thư ký báo Văn sự mất Lê Văn Thiện ngoài chiến trường như đã từng mất một Y Uyên, nên đã ấn hành 2 tập truyện ngắn của anh nhằm tìm cách đưa nhà văn về nơi an toàn, để còn có tác phẩm văn học đến với độc giả. Đây là một sự ưu ái đặc biệt đối với một cây bút

trẻ như anh?

-Tôi chẳng hay biết chuyện anh Trần Phong Giao ưu ái tôi. Chỉ biết 2 tập truyện được in trước sau một năm và có chút tiền nhuận bút gửi về cho mẹ già và em gái. Còn cố gắng kéo tôi về nơi an toàn, nói có vong linh anh Giao, tôi không thấy ảnh biên thư nói gì cả. Có lẽ ảnh cũng âm thầm vận động sao đó, nhưng không xong. Tính cách anh Giao không bao giờ nói trước chuyện giúp ai điều gì. Chỉ khi thành sự rồi mới báo tin và có lẽ không thành. Tôi vẫn phải đi đánh nhau một cách buồn cười suốt cho đến khi tan hàng. Vậy thôi.

*-Có việc này, và xin lỗi anh trước, là trong truyện ngắn **Một cơn gió mát**, lúc đầu nhân vật Thức là một quân nhân đi tù cải tạo khi đăng trên tạp chí *Thư Quán Bản Thảo*, nhưng đến khi in thành sách ở VN thì nhân vật này là một người đi buôn chuyển và trong một bữa rượu với bạn bè, Thức đã dùng vỏ chai bia đập lên đầu bạn nhậu. Hậu quả người kia mất trí còn Thức phải ra tòa và ở tù mấy năm. Tại sao có chuyện kỳ lạ này?*

-Đói. Do đói. Số là khi đưa cho nhà xuất bản, họ đọc và đề nghị thay đổi lại nhân vật, hoặc là bỏ hẳn. Bỏ đi thì quyển sách mỏng, khó coi, còn thay đổi chút đỉnh như các anh vừa nói thì vẫn giữ được cấu trúc của truyện. Điều tôi muốn nói là hai nhân vật nữ, một là Hiền Chi, gái qua đêm còn biết đến tình nghĩa khi hay tin Thức đi tù (tù cải tạo hay tù đánh nhau) đã lặn lội mấy trăm cây số đến thăm, dù chỉ một lần duy nhất. Còn nhân vật nữ thứ hai là người tôi hằng yêu thương, vậy nhưng những ngày trong tù, không thấy bóng dáng Xuân Hà đâu cả. Cốt yếu là ở chỗ tình nghĩa của một cô gái qua đêm so với một cô giáo?

-Và anh đồng...

-Đúng tôi đồng ý thay đổi tính cách và nhân thân của nhân vật vì tôi cần tiền cho 2 con ăn học. Vả lại ở nơi khác, các anh có thể tự do viết gì cũng được. Còn trong nước muốn

viết phải lách. Lách sao cho khéo.

-Nhưng anh lách không khéo chút nào, khiến nhiều anh em thất vọng chút đỉnh?

-Chuyện đó để độc giả nhận xét.

-Sau này anh có thời gian làm cán bộ HTX, rồi đi điếu tìm trâm?

-Trong làng tôi là người có chút chữ nghĩa, biết tính toán cộng trừ nhân chia, nên họ bầu tôi làm đội phó sản xuất. Chẳng ra gì. Cái HTX sản xuất nông nghiệp ấy, xã viên cặm cùi rông rã 4, 5 tháng trời người nào giỏi được tạ lúa, còn thì năm sáu chục ký thì làm sao bao tử cặm cùi nổi. Cái HTX kia là một anh địa chủ kiêu mới. Tàn bạo, ma mãnh, giảo hoạt... Mấy năm sống trong cái làng đó, tôi có dịp gửi gắm tâm sự qua bài viết về một vài truyền ngán của THT. Nhưng cũng từ đó, từ chỗ khốn cùng của dân làng, tôi tạm có mấy chữ, gọi là “tổng kết”: Từ không tưởng, ngây ngô đến điên rồ, tàn bạo. Đúng là u minh, cộng súc.

Đi điếu thì chỉ đủ trả nợ áo cơm và học hành của con cái, không có may mắn giàu lên. Mèo vẫn hoàn mèo.

-Và bây giờ?

-Chúng nó thành đạt, đều tốt nghiệp Bách khoa Sài Gòn, có công ăn việc làm ổn định. Có điều 2 con dâu của tôi đều là người Bắc, một Hải Dương, một Ninh Bình, Cô con dâu sau là con một ông Trung tá Hải quân Nhân dân. Ngộ chưa?

Nói xong anh ngửa cổ cười thoải mái. Chúng tôi cũng cười ha hả. Cười đến chảy nước mắt với niềm vui chia sẻ cùng anh và sự nổi đau cay xè anh cố giữ lại trong lòng.

Tháng 6-2010

(Nglu và KĐ thực hiện)

Sáng tác của Lê văn Thiện

Một lỗi tiện lợi

(VĂN số 114, tháng 9.1968 chủ đề Những Cây Bút Trẻ)

Ngự đến ngồi bên trái tôi, chị kín đáo ngó xuống hai gò mình, vuốt nhanh mấy sợi tóc phủ trước trán rồi mới cầm đũa. Bà cụng bung cây đèn lớn từ nhà trên đem đặt lên tủ ăn. Độ này điện hay cúp bất thường nên phải phòng hờ. Tiền đang xóc đũa lọc xóc, thấy vậy la lên:

-Cụ lo xa quá, chắc chi điện tắt mà cụ lo.

Phàm trừng mắt:

-Lo thì sao. Mà chọn gì trong bó đũa dữ vậy, ồn ào.

-Tìm hai chiếc đũa đồng nhau, ăn đũa so le xóc hông – nó cau mặt – đùa tí, gì mà ồn ào bà.

-Mày đùa với cụ hờ? Phàm sùng sộ.

Viết bung chén xới xới cho cơm rời, la:

-Thôi giảng hòa đi. Mời anh Trạng, mời quý vị.

Bà cụng ra ngoài, Tiền thấy, kêu đón:

-Ồ, cụ không dùng cơm luôn.

-Tôi tao ăn sau. Mới làm miếng bánh lúc xế, giờ còn nằm trong ổ.

Chị Ngự nói:

-Lâu lâu lại nghe bảo thức ăn nằm nơi ổ. Bánh chặn ổ mà cụ thờ được.

-Có lý chứ. Miếng bánh chỉ kẹt dính một nửa thực phẩm thôi, bên nửa còn lại trống tha hồ thờ – Tiền nói xong cười hích hích.

Cái bàn rộng bằng hai chiếc mâm, vừa dùng làm bàn

vừa làm mâm. Chân nó quá thấp nên người ngồi thật khó tìm một lối ngồi thích hợp. Lần đầu ăn chung với tập đoàn này, tôi cố tạo cho mình một tư thế vững vàng, đẩy sự ngượng ngập đi xa, để khỏi mất mặt. Dù gì mình cũng là phái mạnh. Lại nữa là lính, lính tráng yếu chúng cười vào mũi. Tôi cẩn thận lừa cơm, cẩn thận gắp cá, và từ tốn múc canh chua. Tiền vẫn giữ tính làm rộn của nó:

-Ngày nay có mấy người để chị Phàm?

Phàm giả lơ, chăm chăm ăn, dù hai người ngồi gần, tay muốn thúc vào hông nhau.

-Mùa lạnh thiên hạ gieo giống, để mùa nóng gặt. Bây giờ còn là mùa nóng – Tiền gật gù như ngẫm nghĩ, rồi thêm – trách gì thấy chị Phàm làm phờ người ra.

Viết xì:

-Tiên sư, bà đốt. Sắp tháng chín mà kêu mùa nóng. Trời xẹt xẹt muốn trút nước đến nơi kia.

Chị Ngự ăn uống chậm rãi, không chú ý đến bọn nhỏ.

-Mùa mưa lính khổ lắm anh Trọng hỉ – Viết hỏi.

Tôi ậm ừ:

-Khổ, thường bị ướt.

Tiền bắt bẻ:

-Như anh ai nói không được. Khổ là khổ làm sao chứ. Khổ thường bị ướt, dở quá, hì!

Hai đứa, Tiền và Viết xòa ra cười. Tôi cũng cười.

-Khổ lắm, nhưng thấy không có gì đáng nói. Ai cũng khổ cả. Như mọi người đang túng đói vì lương quá ít, mà mấy ai kêu than. Họ sao mình vậy.

Tôi lừa miếng cơm chót chén thứ ba xong đứng dậy, chị Ngự khẽ hỏi:

-Thôi à.

-Thôi.

-Anh mắc cỡ hả – Viết ghẹo.

Tôi nheo một mắt, làm như nguýt. Mấy đứa nhỏ để

làm người ta mất bình tĩnh.

Xong bữa, trừ bà cụ, mọi người dời lên nhà giữa.

Phạm đem ra cho tôi hai tờ nhật báo và tập truyện.

Ngự mang chiếc xách đồ bày giữa nhà để làm thêm một ít, theo thói quen trước khi ngủ. Chị soạn vung vãi những dao kéo, bột hồ, cùng từng xấp giấy báo lấy từ tạp chí cũ của Mỹ. Chị cắt, xếp, dán rất nhanh được hàng loạt túi vừa nhỏ vừa lớn. Túi dùng chứa nhiều món tạp nhạp tại mấy sạp hàng lẻ ngoài chợ.

Phạm kể hôm nay trực nhưng rất nhàn, chẳng có bà thân chủ nào lê tới làm rộn. Chắc hẳn nhằm ngày xấu nên thiên hạ không thèm đi. Nghề nào cũng lúc khổ lúc sướng. Có hôm từ sáng tới tối làm bù đầu, chẳng rồi để dùng cơm nữa. Một lúc đến ba bà sinh, năm bà chuyển bụng, và hàng tá đang thập thò đợi thăm thai. Tôi biết Phạm có mấy cô bạn đồng nghiệp khá xinh, tôi hỏi:

-Trông bà con sinh nở khôn khổ như vậy, quý vị chắc ngán vụ lấy chồng?

Phạm nhúu mũi mấy cái liền, nhún vai:

-Sao lại ngán?

Như để nghĩ chín chắn Phạm không tiếp ngay, tôi thích thú chờ.

-Ai cũng rõ chuyện đấy, nhưng rõ chỉ để mà biết rồi lo tí tí thôi. Nếu sợ thì nay dám không còn người để ... để đáp ứng nhu cầu chiến tranh.

Tôi cười cười. Phạm bạo dạn và ranh mãnh. Không hiểu do bản tính hay ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Bữa trước Phạm hỏi tôi:

-Tháng rồi về phép anh bắt cái vợ chưa?

Tôi lắc đầu. Phạm tỏ ý không tin.

-Tôi nghĩ sẽ phải lấy vợ miền này quá – Tôi vờ nói với giọng nghiêm trang.

-Có triệu chứng gì chưa mà nghi đấy? Nhưng anh

đùa, sức mấy mà chê gái quê mình. Trâu ta ăn cỏ...
Mẹ tôi vẫn thường nhắc nhở về chuyện này. Mẹ nói vụ vợ con để trong nhà mẹ liệu cho. Hễ mày ừ là khi về có sẵn vợ mà dùng. Đừng lấy gái người – không hiểu vì sao mẹ chú trọng chuyện ấy. Mẹ bảo, sống phải biết tùy thời, mẹ ngại tôi chần chừ gia tộc sẽ tuyệt tự. Con một như sao treo bằng chỉ mảnh, dễ đứt dễ rơi. Mẹ làm như chuyện mua bán không bằng, thích lúc nào tậu ngay lúc đó.

Phàm bảo:

-Anh cũng chẳng lo gì, trai tráng sướng, không sợ muộn. Cực thân đàn bà con gái. Như bà Ngự bây giờ, hâm thiêu ế ẩm ngó mà ngán... nay đến nước cùng chưa chắc beo mà lấy.

-Cô bi thảm hóa vấn đề.

-Thèm bi quan. Tính toán thực tế đấy chứ. Này, bấm đốt ngón tay làm con tính nhô thì biết. Các ông thi nhau ngẫm...

Tôi kêu:

-A! Phải rồi, con trai cũng có cái lo lớn đó chứ, lo ngẫm...

Im một lúc Phàm nói:

-Nghĩ thật kỳ, sao lại cần đàn ông đến như vậy hỉ. Sống son son một thân không nỡ, không kham.

Rồi tán phét:

-Thời trước, thiên hạ nói, có vùng nọ toàn đàn bà ở một nơi rất cách biệt với các xã hội loài người khác. Họ cũng tổ chức qui củ, có vua quan thần dân đảng hoàng. Họ sống với nhau độc lập tự chủ như thế được khá lâu. Nhưng bỗng một ngày có lẽ một ngày giông bão mưa to gió lớn, vị vua không phải là đàn ông ấy ra lệnh cho đám thuộc hạ rằng trong vòng bảy ngày phải tìm cho vua một tên phái mạnh. Quá hạn không có sẽ lãnh tội mất đầu. Lăn lộn ra đi từng người.

Nhưng rồi lần lượt những kẻ đó được xem như mất tích. Chẳng rõ chúng bị lạc đường, chết theo bờ bụi. Hay tìm không được sợ, nên trốn. Hoặc giả, các y thì tìm thấy mà lười mang về vua, để riêng một mình khai thác. Chỉ biết vương quốc sau đó cạn người. Nữ hoàng buồn võ vàng rồi tịch... Tóm tắt, thì đàn bà sau trước cũng giống u mê, bụng luôn thích đòi bị trị. Chị Ngự làm có vẻ không chăm lắm nhưng đều đặn. Trông Ngự ngồi có cái đáng cần cù nhẫn nhục. Chị đã ngồi như thế trong bao năm với sập tạt hoá ngoài chợ. Hồi mới quen Hiếu, một lần tôi thấy ảnh chị Ngự trong ví nó. Tôi tưởng bấy ngờ là bồ nó. Chị Ngự đẹp nhất nhà, chị trẻ, đáng điệu quý phái. Thấy thật không hợp chút nào với số tuổi lớn lao mà chị phải mang. Thăng Hiếu thương chị nhất. Bởi chị làm có tiền.

Hiếu thân tôi trong những ngày còn ở quân trường. Sau ra tôi được đổi về quê nó, nhưng nó thì lại theo một đơn vị ở xa, quá xa nếu phải về thăm nhà theo đường bộ. Con đường bị cắt đứt từng đoạn, như sợi cao su răng cưa chẳng chịt, tưởng không xài được nữa. Ba năm Hiếu chỉ về được một lần bảy ngày. Mỗi lần tôi ghé thăm, bà cụ lại nhớ Hiếu, và buồn. Sau đó tôi đi. Bà khóc. Bà cụ nói nhà đông người nhưng thật ra thì bên trong trống rỗng. Nếu chị Ngự không muộn màng chị đã theo chồng con từ lâu, chỉ còn mỗi một Viết. Chị em Phàm thì sống tùy ý thích, khi buồn thì hai đứa lại kéo nhau về nhà ở với mẹ. Bà cụ nhận xét lũ con gái chúng nó chỉ tạo nên một sự nhộn nhịp vui vẻ từng đợt. Có lúc thì ầm ĩ vang vầy, nhưng sau đó vắng ngắt, buồn lạnh. Nhà thiếu bóng đàn ông. Tôi nghĩ, chắc là đúng. Đàn bà con gái sống với nhau có lẽ khó tìm được sự thương mến thân mật thật tình. Ngày mới quen, một lần Phàm dịu giọng nói với tôi:

-Bà cụ em ruột mẹ Phàm. Tội con Ngự là em, vai em, nhưng chúng ưa làm cha lắm đấy nghe.

Tôi không hiểu ưa làm cha ra sao, tôi vẫn gật tỏ rằng đây hiểu. Tôi thừa rõ nếu chẳng cần nhờ vả thì chắc Phàm không trọ bên di.

Nhà Phàm trước ở làng quê, cách với tỉnh lỵ. Thời này nằm ngay trong ruột phố may ra, chứ có gần chẳng nữa cũng vẫn dễ ngại. Làng quê gần thành phố, hay xa thành phố, cũng là làng quê. Nơi chứa sẵn ít nhiều khuấy động, bất an. Nay sợ giặc, còn trước kia thời mới xáo trộn thì sợ lũ độc mồm. Người mạnh khoẻ rục rịch đi hết, nên những đứa chức phận chút đỉnh còn rúc lại được dịp lên chân. Có những đứa lên đến nỗi đám bô lão, đàn bà, con nít nằm lại đã kiêng dè chúng còn hơn kiêng dè đám giặc núi. Làng xa quận nửa ngày đường bộ, cộng thêm rừng cây, ruộng cát cùng sự ngu dốt của đám dân. Nên chỉ những giấy tờ muốn xin được mau phải nộp tiền, tiền trăm hay ngàn, gọi là lộ phí trả công các ngài chức việc. Công đáp xe đi làm giấy cho. Thư người xa gửi về có thể sẽ không được nhận một cách bình thường, nếu trước đã làm các vị mịch lòng. Ai có con đi lính Quốc gia được nể một ít. Nhưng thành phần ấy cũng chịu phép lắm. Bởi ngại là nếu sau gặp buổi mặt, con tử trận thì vẫn còn có thể sống yên được. Quyền thế ấy muốn giam nhốt thiên hạ lúc nào tùy hứng. Ai mở mồm lớn hơn người khác thì kẻ ấy chính là địch nằm vùng. Cách thế yên thân, là im lặng dọn đi, bỏ nhà, dời lên phố trú ngụ. Phàm sợ một hôm nào sẽ bị gán ghép chức vụ này nọ, đại loại nữ giao liên, hay ráp tâm dụng kẻ mỹ nhân phá hoại. Nên giục mẹ đùm tùm đi trước. Với lại, lên đây gần sở làm.

Trầm ngâm vài phút, Phàm lại nói về Ngự. Nói theo giọng tâm sự, nhỏ:

-Quanh năm lết ở chợ mòn đất. Sắp-ba-mươi đến nơi chẳng ai chịu khó rước cho xong.

Nhiều ngày tôi đã nghĩ mông lung về cái sắp-ba-mươi của Ngự. Ngự thật ít nói. Hay phải nói quá nhiều với đám đông hỗn độn từ sáng tới xẩm, rồi về chị không còn thích nói nữa. Ngự có nụ cười thật đẹp, nhưng Ngự không mấy khi cười. Hay là cái sắp-ba-mươi đã khiến Ngự chẳng thể nào cười được.

Tiền rủ Phạm ra quán. Nhường chị đi trước, Tiền lùi lại tới rí tai tôi:

-Có một chuyện đại bí mật

Nó liếc chừng chị Ngự, véo tai tôi một cái:

-Muốn đây tiết lộ không?

Tôi ngờ vực, sợ mắc lừa. Tiền nhắm tít một mắt, cái miệng đẹp của nó chun lại nghịch ngợm.

-Này, mấy tháng vừa rồi ông lính không ghé thăm con Viêt nó nhớ, nhớ muốn phát đau. Báo hại phải nghỉ học gần tháng.

Tôi nạt:

-Xuyt, đa sự, bậy!

Cô nàng vụt chạy và cười đắc chí.

Đêm mai giờ này không rõ mình sẽ nằm ở đâu. Trên một ngọn đồi không cây, cỏ tranh phủ mịt, cuộn áo mưa lạnh ngủ đất. Hay trong một ngôi nhà sụp đổ nào của những xóm làng bỏ hoang. Hai ngày nghỉ qua lẹ không ngoài theo kịp. Trọn ngày ngủ yên trí chẳng ngại bị đánh thức bất thần, vì chó sủa, vì súng nổ, vì di chuyển. Đêm được quyền cởi bỏ đồ ngoài, chỉ mặc quần cộc áo thun. Nằm ngủ mà tai còn mơ hồ nghe tiếng máy hát nhà bên cạnh, tiếng chiếc đồng hồ bàn gõ nhẹ và đều, bầy ngỗng sau chuồng kêu bất chợt. Những thứ ấy tầm thường quá mà lâu lắm mình mới được gần.

Tay chị Ngự đưa lên đưa xuống, chồng bao giấy

thành hình được xếp ngay ngắn cạnh lon hồ. Tôi sung sướng được sống những ngày thanh nhàn nơi đây. Bà cụ thương tôi như thương Hiếu. Hôm tháng Giêng sau lần đụng giặc dữ nơi làng nhỏ sát nách tỉnh lý, chúng tôi được nghỉ một ngày. Bà cụ sai chị Ngự ra thăm xem tôi yên lành không. Ngự đi xe đạp, đem thêm mấy phong bánh với bốn tập truyện. Gặp tôi Ngự mừng rỡ nhưng hơi lúng túng. Lũ bạn đồng đảo của tôi lập ló đằng sau làm chị nhát nói. Tôi cảm động, lần đầu tôi thấy Ngự ngượng nghịu. Tay mân mê bọc giấy làm như sợ mấy sợi cao su bong mất, chị thường phải quay nhìn nơi khác. Trưa đó, dù chị từ chối tôi cũng kéo được vào một ngôi nhà gần đó, bắt chị ăn một bữa cơm lính. Lũ anh em tỏ ý nghi ngờ, Ngự không có vẻ gì là chị tôi cả.

Bà cụ xem tôi như người nhà. Cụ thổ lộ, không hiểu đường tình duyên của Ngự ra sao mà gian nan bạc bẽo vậy. Từ mới lớn đến giờ cũng có vài nơi đánh tiếng, nhưng tất cả bất thành. Con nho lạ, nó không chịu ai hết. Nồi ngu độn, còn nằm chờ chi nữa. Từ ấy, đã mười năm hơn. Hay do cái tuổi Dần nó trót đa mang. Sách chép đàn bà tuổi Dần cao số. Kỳ tháng Chạp có người muốn thăm dò con Viết. Nhưng đâu được, để nó học. Với tiện thể để chờ chị nó ít lâu – mười năm nay. Mười năm. Một thời gian đủ để người ta thực hiện được vài chương trình thuộc phạm vi quốc gia, qui mô dài hạn. Bao nhiêu dâu bể. Từng ấy ngày đủ để những nhà cách mạng hoàn thành nghiệp cả. Nhưng, cũng số năm tháng đó đã không đem lại cho Ngự được một tấm chồng.

Chị em Phàm mang về bốn ly chè đá. Chị Ngự kêu còn no. Tôi cũng lắc đầu. Nhưng Phàm đã kéo tay tôi ra, nhét ly chè vào, ép buộc. Tôi kêu ép dầu ép mỡ ai nỡ ép chè. Tôi không cầm ly chè, mà bóp nhẹ tay

Phàm. Mấy ngón tay thuần và xinh. Tiền thì bỏ nhỏ:
-Ăn đi nào, chờ người ta dứt từng muống sao... Ồ,
mà có làm vậy cho nhau cũng chờ lúc vắng vẻ đã
chớ.

Điện phụt tắt. Tiền kêu ồ thích thú. Phàm xuống mồi
đèn xong bỏ đi ngủ. Chị Ngự dời lại gần tôi hơn, gần
ánh đèn, làm lì tiếp tục công việc. Tôi ngắm chiếc áo
cánh trắng điểm rải rác những hoa nhỏ xanh nhạt, cái
gáy trắng nhón nhọt màu đèn, mấy sợi tóc đi lạc. Bất
thần Ngự ngừng lên, bắt gặp hai mắt tôi. Ngự cúi mặt
ngay, và chớp mắt.

-Khuya rồi, ngủ chứ Ngự – tôi nói, giọng dại đi, mơ
hồ.

-Ngự không buồn ngủ.

Tôi nhớ, cũng câu đó nhưng nếu là trước kia thì Ngự
sẽ nói “Tôi không buồn ngủ”. Ngự thu dọn đồ lại một
góc. Tôi vẫn thật nhỏ ngọn đèn, rồi ra ngoài, xuống
sân. Tôi nghe tiếng chân Ngự nhẹ nhàng về hướng lu
nước. Nhanh hơn, tôi tới giựt lấy chiếc gáo, đem móc
lên cao. Không hiểu Ngự loay hoay thế nào, nhưng
sau đó thì bị tôi ôm được vai. Ngự run lên trong bóng
tối. Ngự run quá làm tôi lúng túng. Tôi chợt nhớ nụ
cười thật đẹp của Ngự lúc ban ngày. Vội vàng tôi hôn
lên nơi làm ra nụ cười đó.

Một tay vòng sau lưng tôi, bầu chặt bên hông phải,
Ngự nói như hơi thở:

-Chúng nó sẽ cười anh... anh Trạng.

Nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới chuyện cười chê mà
chợt lại thoáng nhớ đến mẹ tôi ở nhà. Và nghĩ rằng
tôi mai chắc mình chưa phải ngủ núi hay ngoài làng
quê. Tôi sẽ còn ở đây, còn ở lại nơi bình yên này vài
hôm nữa.

LÊ VĂN THIÊN

Một cách buồn phiền

Miếng chanh quay mòng theo luồng nước xoáy, mấy hột chanh cũng quay. Dưới đáy ly tùm đường cát tung lên, thấy rõ mấy đốm đen rác rưởi lẫn trong thứ đường không được sạch. Khuấy nhiều vòng cho đường tan, Nhưn hóp thử một ngụm.

- Dở quá

Anh lính bàn ngoài ngược lên. Anh ta viết thư, tờ giấy manh nhàu nhụi, Có lẽ mới lôi trong túi quần ra. Anh gỡ nhẹ cây bút chì vỏ màu vàng ngấn cùn xuống bàn, nhìn lơ qua cửa sổ, chiếc nón nhựa nằm ngửa nhúc nhích theo nhịp gõ.

- Dở quá, cô Bàng.

Cô gái đến, hỏi chậm như trêu :

- Việc gì đấy, ông anh thân ái ?

Nhưn nhăn nhó :

- Đường nhiều ngọt quá, còn chanh coi như không có, không chua chút nào.

- Sao tôi thường gặp khách khó tính vậy.

- Đây uống vào đau bụng, lại tốn tiền. Phải công nhận thành thật là cô làm nước chanh rất tốt.

Lấy thêm một cái chanh, cắt đôi, cô hàng đến ngồi đối diện khách, vắt chanh vào ly. Miếng chanh bẹp giữa ngón tay cái và ngón trỏ rất trắng, hai cái hột bắn ra rớt nhẹ xuống đáy. Bàng nói :

- Tính ly này hai chục, nghe ông.

- Bao nhiêu cũng được. Nhưng này, cái tay...

Ngập ngừng :

- Đề nghị cô tìm phương sách nào để vắt chanh. Vắt thế kia, cái tay... thật mất vệ sinh.

Anh bật cười, cười không vui, không chủ định. Bàng trợn, cô nàng ngạc nhiên.

- Sao lại dơ, dơ à. A...

Cô ta xoè tay, ngửa trước mặt Nhun :

- Khám đi, sạch lắm.

Nhun không nhìn.

- Cũng được, thôi.

Bàng rút tay về, dám cô gái nghĩ ông này điên. Anh lính ngưng viết một lúc, nghe hai người nói. Chiếc máy tiếp tục hát, một tuồng cải lương dài, đến hồi nhân vật chính sắp vinh quang, người em tàn ác đã chiếm ngai vàng của anh một thời đang xuống giọng ăn năn chịu tội thật mùì, tiếng đàn dồn. Anh lính nhíp chân. Nhun bảo :

-Tắt đi cô, mở thứ khác nghe, tin tức bình luận chẳng hạn. Loại ca hát kia buồn quá.

- Không được đâu, người ta ưa, ông lính ưa. Mà nhiều người mê hát lắm chớ. Tắt nửa vời ông lính tới ụp mũ nhựa lên đầu.

Bàng chụp tay lên đầu, cười.

Tiếng hát lớn thêm. Nhun cúi hóp mấy hóp nước, viên đá tan chỉ còn một miếng mỏng hình chiếc lá. Cô gái chống cằm.

- Thương anh lắm nghe, nhưng không thỏa mãn được đâu. Ồi, không thỏa mãn sự yêu cầu của anh, bắt buộc. Thông cảm nghe.

- Có ngu mới tin cô thương.

- Không, thật đấy mà.

- Thương thì không nói ra là thương... chộc tôi hoài.

Anh lính gọi một ly cà-phê sữa đá. Cái thư viết qua trang hai vẫn chưa xong, chắc có điều quan trọng cần viết cần trọng nên anh thường nghỉ từng lúc đôi ba phút. Đã tốn khoảng ba điều thuốc, một chai nước ngọt, và giờ ly cà-phê cối cho hơn một trang thư. Bàng lại đến với ông khách quen. Chiếc nút cổ cao nhất chọt bật ra, Nhun thấy rõ mảnh ngực trắng hẹp và viên đạn dễ thương đeo trên dây chuyền vàng. Viên đạn nhỏ xiu được mài lì đầu làm khoen dễ luồn vào dây, ít người được thấy vì nó nằm bên trong áo.

- Bàng thích đánh nhau à.

- Ai thích đại vậy, nhưng anh tôi ở trong lính.

- ...

- Anh khó tính quá nên chậm có vợ là phải, lớn rồi.

- Lo gì, còn chờ ông tơ bà nợ quyết định.

Nhưn nói xưa đến giờ đã không có ít tình nhân, nhưng không gặp vợ. Nhưn kể ngay một chuyện tình đầu, rất ướn cho Bằng nghe. Năm nói lớn Nhưng đã biết thương yêu này nợ với một cô bé. Mùa hè ấy Nhưn theo chị gái đi đồng coi trâu, Nhưng gặp cô bé, hai đang khoái nhau. Cô bé bé quá, chưa kịp thấy các dấu hiệu đàn bà hiện ra, nhưng mặt mũi rất xinh. Hai đùa lầy nhau suốt một mùa hè, như vợ chồng.

Coi trâu cũng có nhiều điều vui thích, đáng nhớ. Như bắt ốc. Ốc buu bám ven bờ ruộng, đóng dày dưới lỗ xói của những trổ thông nước từ ruộng này qua ruộng khác. Nấu chín ruột ốc sẵn lại, nhơn nhớt, chấm muối ớt thì khó chê vào đâu. Đứa nào yếu ăn nhiều có thể đau bụng, trạo trọc không tiêu – Như gà chim. Bắt sáo, cưỡng con nuôi lớn để tập nói, cu đất để làm chim mồi. Cưỡng sáo thường xây trên ngọn dừa, cau, các lùm tre cao. Có đứa thơ thần rình mò hai ba ngày trong bụi vẫn chưa bắt được một con cu mái mê ấp trứng, nó tinh quái biết vào ổ và trở ra bằng phía lỗ trống, không thềm mắc lưới. - Vào một độ nào đó trong năm, lũ chẵn trâu ngả ra chơi vạ. Những con vạ đẹo bằng cây ổi cây đuối chạy lảng quăng làm mê một bọn trẻ. Vạ hay bán cũng được tiền, bọn khách hàng học trò rất khoái đánh tuy không biết làm. Loại nhỏ giá ba đồng năm đồng. Cỡ lớn được hai chục hay hơn. Hai chục đồng ăn quả nửa tháng mới hết - Những trưa nắng chói chan cả bọn cỡi trâu ủa xuống nước giăng cá. Địa lờ nhiều nơi người ta đã bỏ từ lâu, vẫn còn một ít cá. Nước địa cao tòi bụng đặc quánh rong rêu cỏ mục, dầm người lâu sẽ ngứa ngứa gãi sần da. Các tay lưới đều rách bướm, người lớn phê bỏ chỉ dùng để giăng quanh những luống hành, rau cải ngứa gà bươi phá, nên lội bì bõm trọn buổi chỉ tóm được vài con cá lả, đôi ba cặp cá phi lớn bằng hai ngón tay tréo đen sì - Mùa lúa cao dưới đồng không còn

chỗ tốt, bò trâu được thả lên rừng. Đó là thời gian lũ trẻ nhàn nhả nhất. Trâu được đánh thẳng vô rừng, thả mặc muốn ăn đâu tùy chúng. Từng bầy chúng kéo nhau rút sâu vô núi. Đám chủ rúc lại ngoài bìa rừng đùa nghịch. Những bữa cơm sơ sài ngon miệng nằm trong khăn, gói trong mo cau. Trước khi ăn bày tất cả trong đất, cắm đũa lên cơm vài phút, một lối cúng vái kẻ khuất mặt. Chúng nó tin hành động đó sẽ giúp bầy trâu của mình chiều đến trở ra đầy đủ, mau mắn, không bị cộp phá, không nằm núi hay ngã hố... Nay miền quê đó đã được nhìn qua những lớp ruộng cỏ cao đến gối, những bờ bụi đen tối ám muội. Đám trâu bò rong ăn ngoài đồng xa, những dân cày cặm cùi từ sớm đến tối được thay bằng toán lính địa phương đội mũ rừng, mũ lưỡi trai, đầu trần, mũ nhựa quần áo khác nhau, chậm chạp lầm lũi ra vào. Một số đồng thanh thiếu niên sau này sẽ không biết thế nào là những êm dịu mặn mà đẹp thắm kín của dòng nước ruộng, của quãng đồng thân yêu... Nhưng nghĩ cho cùng thì - Nhưn nói - nếu hông gặp cô bé tươi ngon kia, thì dù vui, Nhưn cũng không theo bầy trâu hết ba tháng. Cô bé biết điều, khôn khéo, dịu dàng như một chị đàn bà. Kết luận Nhưn cho rằng mình đã biết lắng mạn, lả lướt rất sớm.

Bàng kêu :

- Gớm ghiếc, trời ơi. Vậy mà ông làm được, lại còn nói có vẻ hứng thú lắm.
- Thú chứ, nó đẹp quá.

Một tốp khách mới ủa vào, mang theo một khối nào động dữ dội. Hai chiếc bàn giữa được kéo khít lại. Ba chiếc ghế còn lại ở bàn Nhưn, một chiếc ngựa dài và một ghế nhỏ bên bàn anh lính đều được trưng dụng cả. Chỉ có bốn người mang súng, một số đội nón sắt, vài người đầu trần. Họ bỏ nón còm cộp, xếp ghế, sắp ly. Bàng khuôn ra một chồng ly cao, nhiều kiểu, đủ cỡ. Trong quán không còn chiếc ghế trống. Anh lính bên cửa sổ liếc đám khách mới một thoáng.

Đám đông ồn ào cho biết họ cần mười ba chai bia nhỏ,

một chai nước ngọt. Trong bọn có một tu sĩ không xài rượu. Và chỉ bỏ đá trong chín ly, đến năm người không uống đá. Quán huyền ảo như đang chứa ba bốn chục người. Anh lùn người đeo đồng hồ bên tay phải cười lớn nhất bọn. Chốc lát nữa anh sẽ mẹp, ngã dài không gượng dậy nổi, các bạn anh ra giá như vậy. Anh ta mới được thăng cấp. Chắc chắn chỉ là một cấp bậc nhỏ, những hạng lớn dĩ nhiên không đời nào ăn khao ở một nơi như nơi này. Quần người nào cũng vậy bùn lấm tẩm từ ống chân trở xuống, giày bê bết cả nhưng đất đã khô thành trắng xám. Họ còn báo trước cho Bằng là số bia sẽ tăng lên gấp ba gấp tư hay hơn nữa, tùy theo độ vui của bữa nhậu. Vui gì âm ỉ vậy, trong đời không còn lúc nào đáng vui hơn thế này sao, một lũ bần cùng. Bằng gói đá trong chiếc khăn trắng cũ rách viền, đập vụn, vạch ra bóc từng nắm cho vào từng ly. Anh lính ngồi sau gờ tay vuốt từ ốt đến thất lưng Bằng, vuốt xa chưa chạm áo. Rồi xoa hông, xoa chưa chạm, hai cái hông lớn đen muốt. Mấy người bên cạnh cười toe tán đồng.

Bằng tươi cười với khách, hai cái răng vàng rạn vỡ hằn lên. Nhun ực liền hai hơi hết nửa ly đá. Hai cái răng vàng trong chiếc miệng có môi trên hơi nhếch của Bằng. Chúng đã có từ lâu, đã làm cho Bằng được một nét đặc biệt khi cười. Nhun biết nhưng thường không nhớ chúng. Lúc nói chuyện, đối diện nhau, lạ là Nhun ít chú ý hai cái răng. Bằng ưa tìm những mẫu chuyện không ra gì để nói, những mẫu chuyện chứa nhiều chi tiết ngược ngạo làm Nhun bực bội. Nhun không kìm hãm được tật nói lớn, nên thường to tiếng như cãi cộ. Bằng được thể càng nói trót thêm nữa, chọc giận. Hai cái răng vàng nằm cách nhau bởi một cái răng thường, sát bên khoé mép trái hàm dưới. Lúc này Nhun thấy rõ chúng nó nhất. Đám lính nhìn dán vào chúng, vào miệng cô quán mà cười...Trên hai năm nay, Nhun lấy làm lạ, gần như ngày nào mình cũng ghé vào đây một lần, đôi khi hai lần. Vào uống đá chanh, nước dừa, ăn bánh lá nóng, nước ngọt, nhiều nhất là ghé để nghỉ mát nói chuyện suông chẳng mua gì cả. Và Bằng

không bao giờ lưu tâm đến chuyện ông khách cô cừu của mình cần thức gì không khi vào cửa, nên hay cười chào hơn là sẵn đón. Nhưng Nhun cũng đã tốn quá nhiều tiền cho quán này, cho những lần ghé lại chủ đích hình như không phải để ăn uống này. Chiếc quán lá đa khéo nằm lẩn ra đường, hàng ngày đếm không sót một chiếc xe, một người, một đàn bò nào qua lại. Nhun lên xuống mỗi ngày nhiều bận. Không ghé lại hình như không được. Đó đã thành thói quen, chừng nào thì trở thành cái tật, và một cái tật như vậy không hiểu tốt hay xấu. Hai bánh xe đạp của Nhun đã mòn trên con đường từ nhà lên phố. Và nếu có một chiếc máy tính vi để soi thì chắc sẽ tính được Nhun đã ngồi mòn bao nhiêu ly những mặt ghé trong quán.

Đôi lần Bằng thắc mắc không hiểu được tính nhẩn nại của Nhun. Mướn một căn phòng dưới phố có phải tiện hơn chẳng. Đi đi về về trên con đường đất bốn cây số này hứng thú chỗ nào. Bằng ngạc nhiên về cái lòng có nghĩa của Nhun. Nhun không nỡ để ông chú ở một mình ? Tin được không bây giờ còn kẻ bụng dạ như thế. Nhà đó ngày trước Nhun trọ học, ông chú họ ở một mình trong cái nhà nhỏ nhưng ngôi vườn thì rất rộng. Cái nhà cổ xưa ấy hấp dẫn Nhun, hay vườn cây hay nơi đó khơi lại những ngày tuổi nhỏ vàng bạc ? Chiều đạp xe về phố ngủ. Mai, ăn sáng rồi đi làm việc, ăn cơm trưa ngoài tiệm quen, làm tiếp. Chiều ký cộp đạp về nhà, ăn một bữa với ông chú cô độc, rồi trở xuống ngay. Phiên phức, khổ nhưng chưa bao giờ Nhun làm khác, chưa lúc nào Nhun ở lại ngủ đêm. Dù sao cũng phải đi trước khi trời tối.

- Chú anh đẹp trai lắm hờ ? - Bằng hỏi.
- Ông sáu mươi lăm rồi, bà. Chi vậy ?
- Anh si ông ấy... Không si sao không rời ông ta được.
- Chỉ tại tôi thích.

Bằng giả rùng mình :

- Ghê gớm cái ý thích của ông. Có khi nào ông ngại rằng nẫu sẽ giở trò đón ngõ thiên ông không. Không hờ... giả dụ hôm nào đấy nẫu về nán lại một ngày ngoài vườn,

chờ ông về ra tóm ngay chóc.

- Tôi đâu phải chủ tịch xã, trưởng ấp, lính.

- Lên để ông đâm chích, dạy môn về sinh ăn ngủ. Họ hàng trên đây là ổ sốt rét... Cũng nên thân phục tài đập xe của anh, đúng càng già càng dẻo. Càng già càng lắm cầm.

Bàng vội bụm miệng, lờ lờ. Theo Nhun thì còn ba tuổi nữa mới bốn mươi mình chưa phải là già. Bốn mươi trở lên mới già. Ba mươi bảy không phải bốn mươi. Một bữa hai người đã cãi nhau cực lực về vấn đề ấy. Sau cùng Bàng chịu nhận Nhun chưa đến nỗi già.

Bàng ăn nói bất tử, như không bao giờ chịu khó chỉ nói sau khi đã nghĩ tròn câu, tròn ý. Nhun vẫn nghĩ nàng không thể giữ kín việc gì, từ nhỏ đến quan trọng. Con gái tối kỵ ăn nói bộp chộp. Hai cái răng vàng chắc đã giúp Bàng khỏa lấp bớt điểm yếu đó, tạo được cảm tình với nhiều người, nhất hạng với lớp khách ăn nhậu chơi chơi. Giờ, bịt răng thấy lỗi thời. Nhưng miệng Bàng sao ngon mát, chẳng lỗi thời tí nào.

Tiệc rượu qua giai đoạn gay cấn. Số chai rỗng đã tăng lên gấp ba, ngã lỏng chồng dưới nền. Một người đã bắt đầu gọi cô quán : " Em ơi, tới đây coi em gái ơi !" " Bàn tiếp hậu của em gái lảng cón !" Bàng cười luôn với họ. Ba chiếc xe gắn máy rất mới vù qua, tốc một dãy bụi xám. Anh lính bên cửa sổ bịt mũi miệng. Chiếc xe đầu đèn tới hai cô gái, họ ôm chặt nhau, mũ tóc bay ngược về sau. Họ đang đua. Anh lùm đeo đồng hồ tay phải gọi giật anh lính đơn độc :

- Bạn, bạn cũng biết bụm mũi tránh bụi hờ ? Loài rùa thì chóc nữa lặn xuống ao sẽ sạch ngay !

Anh lính im thít. Nhun vẫy Bàng tới.

Bàng nói :

- Anh kêu ngược kêu xuôi coi chừng bọn nó *tấn*. Không sợ ?

- Này, lúc này cô bốc đá bằng tay, ghê lắm.

Bàng đạp dế lên chân ông tướng lẫn thẩn.

- Chúng nó khoái . Anh bị lũ vi trùng trong sách ảnh nặng rồi... Anh chàng viết thư kia xứng lông thấy chưa ?

Nhưn gõ muổng xuống bàn cộc cộc.

- Cô tưởng tôi thỏ lắm chắc ?

- Tưởng với tượng. Ngay việc gõ muổng đã tóc áo, phơi lung anh ra - Bàng cười xòa, bỏ đi.

Nhưn bẻ đốt tay răng rắc. Bàng không nghĩ kỹ, không thềm uốn lưỡi lấy một lần trước khi nói. Chẳng thế nào Bàng kín đáo được.

Bàn giữa la lổn náo nhiệt. Tiếng nói ồm ồm kéo dài, khối tiếng cười nghe chói tai. Nhưn ra ngoài, đến dựa bên cửa sổ. Còn quá sớm, xuống chợ chẳng biết làm gì tiêu hết hơn hai giờ, chờ tối. Nhóm bốn chiếc trục thẳng kiêu cũ, của ta, bay thấp gào lớn, khó thấy những người bên trong. Bàng bước ra chống nạnh trước mặt Nhưn.

- Trả tiền nước ông khách.

- Chịu một lần được không... Trước giờ chưa bao giờ uống chịu ở đây đấy nghe - Nhưn nắn túi áo - còn tiền rất nhiều.

Anh lính bên trong hỏi Bàng xin một chút hồ dán thư. Không cở hồ, cũng hết cả com nguội.

Anh ta hỏi nhỏ :

- Chàng về chưa ?

- Nội trong bữa nay và ngày mai. Nay đến giờ không thấy kể như không về. Chắc mãi...Anh hai tôi cũng chưa - Bàng vén tóc nhét bên mép tai - Anh ấy nói sẽ cố gắng hết sức để về. Trường hợp không có anh, ngựa xấu đấy, thì vẫn cứ làm. Linh, lại ở xa quá, làm sao biết chắc.

Bàng xoay nhẹ chiếc nón nhựa để ngựa. Trong nón có mấy bao thư mới loại của lính Mỹ, hai con tem rời vẽ những trái cây xanh.

- Trước, khi sắp tới ngày tôi nóng nảy còn cào cả ruột gan, bút rút chịu không được, cứ trông mau tối mau sáng... Những đêm chót, khi nhà bắt đầu trang hoàng thì tôi không ngủ được nữa ! Cô Bàng có như vậy không, sao nó bộ tính quá ?

Bàng lắc đầu. Nhun nhìn chằm cái miệng rộng của anh lính cười, cái cười ồ ồ ọc như nước lù chảy, nham nhở. Bàng lùi lại, bắt chọt với tay vỗ túi Nhun :

-Thôi tặng ly nước, không lấy tiền. Mai em đóng cửa quán rồi... Nay là ngày cuối.

- Ngày cuối ?

Buổi chiều của một ngày nghỉ, đường thưa xe đi lại. Quảng đồng trước mặt loăng mờ, rộng quá. Bàng còn nói vài câu gì đó, những tiếng cuối lỏn chỏn không rõ. Nay Bàng xưng em, " Mai em đóng cửa quán ".

Trong nhà chọt nghe một tiếng ly vỡ, tốp lính vụt dậy cười oang oang, rầm rầm như sấm động. Anh lính ngoài này gom giấy tờ nhét vào túi áo ấm, nói băng quơ :

- Vài hôm nữa cưới rồi mà trông cô nàng như thường, hay nhỉ.

Di sản văn học miền Nam

THANH TÂM TUYỀN VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN -
TRƯỚC KHI CÓ TẠP CHÍ SÁNG -TẠO...

Người viết: Dương nghiêm Mậu

1

Sau năm 1975 cho tới những năm đầu thế kỷ 21, ở nước ngoài cũng như ở trong nước đã có những tác giả viết hoặc lên tiếng về văn học Miền Nam Việt Nam 1954 - 1975 như Võ Phiến, Thụy Khuê, Trần văn Nam, Phạm Xuân Nguyên, Vương Trí Nhàn, Nguyễn Hưng Quốc...Người thì viết về toàn cảnh sinh hoạt, người viết về các tác giả, người viết về thơ Tự do, người viết về tiểu thuyết hoặc những đề tài thu hẹp khác. Những bài viết này thường nhắc đến sự có mặt của Tạp chí Sáng-tạo do Mai Thảo chủ trương biên tập. Đã có những đánh giá ban đầu về chỗ đứng của Tạp chí Sáng-Tạo. Bài viết này không hướng vào tạp chí Sáng-tạo mà nhằm làm rõ nét một số tác giả chính của tạp chí này trước khi nó ra đời, cùng lúc tìm hiểu về những mối liên hệ của mỗi cá nhân trong một thời điểm đặc biệt của lịch sử Việt Nam.

2

Theo những bài viết và những trang tiểu sử ngắn đã được in ra lúc sinh thời, chúng ta được biết: Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur Văn Tâm, sinh tại Vinh (Nghệ An) ngày 13 tháng 3 năm 1936 học bậc tiểu học tại Gia Định, ra Hà Nội đầu năm 1949 học bậc trung học. Năm 1952 dạy học tại trường Minh Tân (thị xã Hà Đông). Đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo Thanh Niên (Hà Nội).

Năm 1954 di cư vào Nam. Hoạt động trong Hội sinh viên, cùng Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Quốc Sỹ chủ trương nguyệt san Lửa Việt (Sài Gòn). Năm 1955 cùng các bạn làm tuần báo Dân Chủ của Vũ Ngọc Các và Tuần báo Người Việt.

Tuần báo Người Việt giới thiệu dưới đây là Tuần báo Người Việt bộ mới chỉ ra được bốn số vào cuối năm 1955.

Tuần báo Người Việt bộ mới phát hành ngày thứ năm hàng tuần :

- Số 1 ra ngày 27 tháng 08 năm 1955 có 36 trang.
- Số 2 ra ngày 15 tháng 09 năm 1955 có 42 trang.
- Số 3 ra ngày 01 tháng 10 năm 1955 có 42 trang.
- Số 4 ra số đặc biệt với chủ đề SÁNG -TAO có 66 trang và có quảng cáo cho số 5 xuất bản vào thượng tuần tháng chạp dương lịch nhưng không thấy ra.

Người Việt bộ mới in cỡ 20cm x 27 cm, bìa hai màu, Duy Liêm vẽ bìa và minh họa. Bìa một, trong một khung vuông có in tám chữ cỡ lớn đậm nét: DIỄN ĐÀN TIỀN PHONG ĐAU TRANH VĂN HÓA, tám chữ này cho thấy phần nào nội dung mà tờ báo hướng tới. Người Việt bộ mới hiện diện ở nửa sau của năm 1955 là một tập hợp đầu tiên giữa Thanh Tâm Tuyền với những người bạn: Mai Thảo, Quốc Sỹ, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại .

Thời điểm tuần báo Người Việt có mặt là một năm sau hiệp định Geneve: chia Việt Nam làm hai ở vĩ tuyến 17, lấy sông Thạch Hãn làm ranh giới. Miền Bắc đã và sẽ có một chính quyền theo đường lối của cộng sản đệ tam. Miền Nam đang thành hình một chính quyền của những người không cộng sản, hướng tới dân chủ. Nền Cộng Hòa được khai sinh, chấm dứt hẳn chế độ phong kiến. Vì thế những chuyển đổi trong xã hội tại miền Nam khác với miền Bắc. Báo chí cũ vẫn tiếp tục xuất bản, nhưng nay có

thêm nhiều báo mới của những cây bút di cư và những người bỏ hàng ngũ bên kia trở về ở Sài gòn, báo chí có một đời sống rất sinh động. Những báo chuyên về văn nghệ có: *Tờ Văn Nghệ Tự Do* với các cây viết: Nguyễn Hoạt, Như Phong, Bùi Xuân Uyên, Triều Đầu, Tam Lang ... *Tờ Quan Điểm* với các cây bút: Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Vương Văn Quảng ... Tại Huế, thủ phủ của miền Trung, có tờ *Mùa Lúa Mới* của Đỗ Tấn, Võ Phiến ... Nguyệt san *Văn Nghệ Mới* của Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Trần Lê Nguyễn (I) ... Những diễn đàn này, với những thể hiện khác nhau cho thấy sự lựa chọn của họ. Tờ Người Việt đặt những vấn đề như: *Phải bảo vệ nền độc lập văn hóa, Thực chất văn nghệ Cộng Sản, Chủ nghĩa Mác với văn nghệ Việt Nam*. Nguyễn Văn Xuân trên tờ Văn Nghệ Mới trình bày một luận thuyết dài: *Để xây dựng một nền văn nghệ dân chủ tiến bộ*.

Tuần báo Người Việt bộ mới có những cây bút chính là: Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Quốc Sỹ, Nguyễn Sĩ Tế, Quách Thoại, Mai Thảo ... Nhưng sáng tác của họ chiếm phần lớn số trang của tờ báo. Nhưng là một diễn đàn tiên phong đấu tranh văn hóa nên tờ báo không thể không lên tiếng về những vấn đề thiết thân của xã hội đương thời. Sau đây là bản liệt kê những bài viết về các lãnh vực giáo dục, xã hội, văn hóa chính trị (Con số ghi ở sau đầu đề bài viết là số báo Người Việt)

- *Hòa bình và Hội nghị Geneve* (số 1)
- *Phải bảo vệ nền độc lập văn hóa* (số 1)
- *Những sự kiện lịch sử* (số 1)
- *Góp ý kiến về công cuộc. tổ chức Trường Đại học Văn Khoa Việt Nam* (số 1)
- *Đặt vấn đề mục đích của giáo dục* (số 2)
- *Vấn đề giai cấp xã hội* (số 2)
- *Hiện trạng xã hội và kinh tế Việt Nam* (số 2)
- *Hiến pháp luật giản yếu* (số 2)
- *Vấn đề giai cấp* (số 3)
- *Nhân sinh quan của người Việt* (số 4)

- *Kinh tế nhu yếu* (số 4)

Phần nhỏ trang báo trong bốn số Người Việt còn có những mục tinh tinh :

- Điểm sách báo, Điểm phim , Đãi lọc , Tâm tình , Lượn lật bốn phương , Phê bình ...

- *Nam Hải Di Nhân Liệt Truyện* của Thiết Bản Đạo Nhân (Trần Việt Hoài)

- *Những tâm trạng bị thương*, phóng sự của Trọng Lang

Dịch thuật : Trong bốn số báo Người Việt đã giới thiệu truyện ngắn và thơ có chọn lọc phù hợp với nội dung tờ báo. Người Sông Thương (Nguyễn Sỹ Tế) giới thiệu truyện ngắn *Niềm Im Lặng Của Biển Cả* của Vercors. Chiến Hữu giới thiệu *Quê hương* của Majorie Honès. Về thơ đã giới thiệu thi phẩm của: Walt Whitman, Paul Eluard, Garcia Lorca, Pablo Neruda, Tristan Tzara

Trong lãnh vực văn học nghệ thuật có những bài chính sau đây :

- *Thực chất văn nghệ cộng sản* (1) .

- *Đặt đúng vấn đề thơ Tự Do* (2)

- *Những sự kiện mới của văn hóa* (3)

- *Góp phần xây dựng văn nghệ* (3)

- *Nửa thế kỷ văn nghệ tôi đời* (4)

- *Văn nghệ và cách mạng* (4)

- *Chủ nghĩa Mác với văn nghệ Việt Nam* (4)

Chỉ đọc qua những đầu đề chúng ta cũng thấy ý hướng của các tác giả. Bài: *Thực chất của văn nghệ cộng sản*, Đỗ Thạch Liên viết: "*Đi vào cái sống nhờ cây, dựa trên kinh tế, để vào sâu trong cái chết hủy diệt, văn nghệ cộng sản chối từ vai trò sáng tạo của nó. Văn nghệ có những liên hệ khăng khít với bên ngoài nhưng cũng có cuộc sống biệt lập của nó với một bản thể phong phú và nhiệm vụ riêng biệt. Bản thể đó là sự rung cảm đòi sáng tạo, hay cách mạng cũng vậy. Nhiệm vụ đó là góp một phần trong sự tạo*

thành con người một phần chính yếu chứ không phụ thuộc như lý luận mắc xít. Văn nghệ nào tách rời với bản thể và quên nhiệm vụ là đi vào đường tàn lụi. Văn nghệ làn lụi lôi theo sự đổ vỡ của con người. " .

Trong bài *Những sự kiện mới của văn hóa*, Đỗ Thạch Liên viết: "*Nhà văn Bernanos trong một buổi nói chuyện với đám sinh viên Ba Tây đã can đảm thú nhận những lỗi lầm hư hỏng của thể hệ đã qua khiến cho những thế hệ sau gặp bao nhiêu khó khăn gai góc, rồi ông nhân danh một người thuộc thế hệ cũ xin lỗi những thế hệ sau (....) Cũng trong buổi nói chuyện kể trên, Bernanos nói rằng: trọng trách của những thế hệ sắp tới là dành lại Tự Do. "*

Trong bài viết: *Góp phần xây dựng văn nghệ*, Âu Âu Thành Đô đã nhìn lại những sự kiện trên thế giới từ khi chủ nghĩa Mác-xít xuất hiện, tác giả nhận định : "*chủ nghĩa Mác đã rèn luyện môn đồ thành con người chỉ biết suy nghĩ (luận) theo có một chiều duy vật biện chứng) chỉ biết có hành động (luật) theo có một hướng (độc tài vô sản) nên con người đó phải thui chột hết tình cảm ...Mà con người đã không rung động thì làm gì còn có tính chất con người nữa ?(...) Mà một chủ nghĩa đã không dựng trên nền tảng tình cảm thì không tài nào đi sâu vào lòng người được ?"*

Trong bài viết: *Văn nghệ và cách mạng*, Đỗ Thạch Liên viết: "...Để văn nghệ có thể hoạt động đắc lực với nhiệm vụ lớn của nó tất nhiên phải có những điều kiện thuận lợi để phát triển. Điều kiện căn bản cần thiết nhất vẫn là Tự Do Cởi Mở (...) A. Einstein nói rất đúng: Tất cả mọi sự sáng tạo vĩ đại đều là công trình của cá nhân trong tự do. "

Nguyễn Sỹ Tế nhìn lại lịch sử với bài viết *Nửa thế kỷ văn nghệ tôi đòi*. Tác giả viết: "*Tôi có ý nói nửa thế kỷ văn nghệ tôi đòi mà không nói 80 nô lệ như người ta thường nói là vì riêng về địa hạt văn nghệ, chúng ta có thể bỏ lại*

phần nửa thế kỷ trước.

Trong nửa thế kỷ đó, cuộc thống trị của thực dân đang ở vào giai đoạn bình định chưa bước sang giai đoạn khai thác với đầy đủ hệ thống giấy xích của nó. Sau đó tác giả lướt qua những chính sách của thực dân Pháp. Chính sách chia để trị : Nam thuộc địa, Bắc Trung bảo hộ. Đàn áp nhân dân. Chính sách ngu dân, hạn chế phổ biến văn hóa phẩm trong cả nước. "

Trên đây, qua mấy trích dẫn trong một số bài viết, chúng ta đã thấy quan điểm tổng quát của tuần báo Người Việt được trình bày trên diễn đàn.

Vào thời điểm 1955 , Thanh Tâm Tuyền và những người bạn còn rất trẻ mới bắt đầu khởi hành trên con đường sáng tác của mình, nhưng trên diễn đàn của họ lại có hai tên tuổi đã thành danh từ thời tiền chiến: Trọng Lang và Nguyễn Đức Quỳnh.

Ngoài ra, còn có những tác giả khác như: Minh Đạo, Lam Sơn, Tuệ Mai ,Hoàng Hoa, Tổ Lữ, Phan Đông Hồ, Hoàng Linh, Nguyễn Văn Cần, Việt Hải, Duy Sinh, Lục An Châu, Việt San Xã Việt, Đoàn Thoại Sơn, Âu Âu Thành Đô, Tâm Thu, Chiến Hữu, Duy Năng, Hương Việt Hương, Trần Việt Hoài, Đỗ Thạch Liên, Ninh Sơn ... Tên những tác giả này có thể là tên của tác giả khác vì sau này nhiều bút danh không còn thấy xuất hiện. Dưới đây là phần tìm hiểu những sáng tác của Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trên bốn số báo Người Việt.

Trước khi đăng những sáng tác trên báo Người Việt , Thanh Tâm Tuyền đã viết trên báo Thanh Niên, báo Lửa Việt, báo Dân Chủ và báo Người Việt bộ cũ. Về những sáng tác đầu đời này, chúng ta chưa thể tiếp cận. Trong 4 số báo Người Việt Thanh Tâm Tuyền đã cho in thơ, truyện ngắn, ký, kịch.

THANH TÂM TUYỀN VÀ THƠ TỰ DO

Về thơ, có lẽ để khẳng định đây là thơ tự do nên những trang thơ đều ghi ở trên: Thơ Tự Do, có tất cả 4 bài:

- *Phiên khúc 20* (1)

- *Mắt biếc* (3)

- *Bài thơ chữ số* (4)

- *Thành phố* (4)

Bốn bài thơ này đều được in lại trong tập thơ *Tôi không còn cô độc* do Người Việt xuất bản năm 1956 tại Sài gòn. Riêng bài *Phiên khúc 20* khi in trên Người Việt có bị kiểm duyệt 6 hàng từ câu thứ 6 cùng với câu thứ 16, nhưng khi in vào tập thơ những câu thơ bị kiểm duyệt không thấy được phục hồi và còn một chi tiết nhỏ: khi in trên báo, mỗi đầu câu thơ khi xuống hàng đều viết chữ hoa. Sau đây xin trích dẫn phần mở đầu của bài *Phiên khúc 20* và bài *Bài thơ chữ số*.

PHIÊN KHÚC 20

Tặng những người đã ngã xuống cho phiên khúc 20

*Ta vừa hai mươi tuổi
Nhân loại cũng hai mươi
Ôi nhân loại hai mươi
Thóc gặt dư ăn
Bột xay thừa nặn bánh*

(kiểm duyệt bỏ 6 giòng)

*Ta kêu lên hờn căm
Khi quá thể chúng cất tình ruột thịt
Hồi mẹ hiền nhìn mẹ rưng rưng
Yêu chẳng được yêu khóc không giám khóc*

(kiểm duyệt)

Hôm nay ta xông ra ngoài phố

(...)

BÀI THƠ CHỮ SỐ

Tặng M. T.

Bát ty: 14-7

89

Mùa thu tháng 8

19-45

Phần nộ bùng bùng, nắm tay kháng khí

19-12-46

Con số như 74 người đã chết hiện thành

Nhục nhũ 20-7-54

Và 17

Như kia 38

Khắc sâu tâm khảm

Những dãy số vô nghĩa đến đón sau

80

13

27-6-30

2.000.000

Còn những lượng không sao nói được

Vỡ Bát ty

Trang tự do tuyên ngôn quyền người hờn hờ

Tung xích cùm

Tổ quốc thân yêu cười vui lạ

Trả bằng hơi thở trái tim

Nhận mình làm số không

Người mến thương thành vô lượng

Đất nước đẹp bao la

Hãy nhớ 10 năm

Đừng làm lỡ 45

Tin từ bây giờ 55 hy vọng

Mất hôm nay

Hà Nội kinh hoàng

*Lực lượng ngày mai dậy lên
Ghi tình yêu không chữ số.*

Bốn bài thơ trên Người Việt chắc chắn là trong số những bài thơ đầu tiên của Thanh Tâm Tuyền được phổ biến tới quần chúng và để người đọc tiếp cận được thơ của mình, ngay trong số báo thứ 2 Người Việt bộ mới, Thanh Tâm Tuyền đã cho in bài: *Đặt đúng vấn đề thơ tự do*. Tác giả mở đầu bài viết: "Cho đến hôm nay vấn đề thơ tự do ở miệt Nam vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa. Trong khi vấn đề này ở ngoại quốc hầu như không còn ý nghĩa. Thi sĩ nước ngoài khi viết không bao giờ nghĩ rằng mình đang viết một bài thơ tự do, chỉ gọi gọn là thơ mà thôi (. . .) Thơ tự do là một thực tại nghệ thuật không ai chối cãi được điều đó. Muốn hay không thơ tự do đã thành hình theo nhu cầu của nghệ thuật và xã hội. Không thể chối nhận sự thực khách quan này."

Sau đó tác giả lướt qua những ý kiến về thơ mới, thơ cũ, về hình thức của thơ, vấn đề bình cũ rượu mới, cái ta trong thơ cũ và cái tôi trong thơ mới cùng quá trình sinh thành của thơ tự do. Tác giả trình bày: " *Vậy trên những sự kiện xã hội nào nhu cầu nghệ thuật đòi hỏi thể thơ tự do* " ? Thơ cũ đứng ở cái ta bằng bạc trên ngoại cảnh vũ trụ. Thơ mới vào sâu cái tôi riêng lẻ cá nhân, khép kín. Thơ tự do bước thêm nữa thoát ra khỏi cái tôi chật hẹp nhưng không đến cái ta mông lung, mà là cái chúng ta cụ thể làm giàu thêm cái tôi không khép kín và cái ta mơ hồ (...) Qua những tác phẩm đã ra đời, ta có thể phân biệt được hai nguyên tố cơ bản.

1 - Hiệu lực màu nhiệm của tiếng (Pouvoir magique des mots)

2 - Ý thơ (Idée poétique)
(....)

Tóm lại những nguyên tố cơ bản cấu tạo thơ tự do là muốn vật chất hóa bài thơ, một bài thơ tự do sẽ được sáng tạo cũng như thường ngoạn giống như một pho tượng, một bức họa, một bản nhạc (...)

Bản vị - ý tưởng cùng tiết điệu - của bài thơ tự do không đặt trên mỗi câu mà đặt trên từng từ khúc (strophe) đã được khuôn định sẵn để gò ép cảm hứng mà là thứ từ khúc ấn định theo nguồn cảm hứng.

Nếu ta đọc một câu :

*- Một mảnh tình riêng ta với ta
hay*

- Người đâu gặp gỡ làm chi

Ta biết ngay đó là câu thơ. Bản vị của thơ ngày trước là câu thơ. Nhưng nếu chúng ta chỉ đọc " Thềm cũ ", Hà Nội "Ơi núi rừng" (II) thì thật hoàn toàn vô nghĩa. Phải trả chúng vào sự cấu tạo riêng biệt của bài thơ.

Mỗi từ khúc là sự liên hợp những ý thơ những hình ảnh - những phần tử này có sự biệt lập tương đối được nối liền khăng khít bằng một ý tưởng thống nhất của từ khúc.

(...)

Có một câu hỏi cũng cần trả lời nốt: Liệu thơ tự do có hoàn thành được nhiệm vụ mình thỏa mãn được nhu cầu nghệ thuật thời đại không ?

Điều đó không thành vấn đề: nó đã sinh ra và nó cứ sống đến khi nào nó chết. Lịch sử phán đoán sau. Có hoàn tất được nhiệm vụ không còn tùy ở những người sáng tạo và thường ngoạn nghĩa là những người đòi nó ra đời. Nói thế chứ ít nhất là cũng đừng quên những Whitman Lorca, Eluard Neruda."

Ở trên chúng ta đã nói đến những bài thơ tự do đầu tiên của Thanh Tâm Tuyền và bài viết về thơ tự do của ông trên báo Người Việt năm 1955. Sau đó, trên con đường sáng tác thơ, Thanh Tâm Tuyền đã cho in: *Tôi không còn cô độc* (1956) *Liên - Đêm - Mặt trời tìm thấy* (1964) *Thơ ở đâu xa* (in tại Mỹ năm 1990). Thơ của ông còn nhiều

trên các báo và trong di cảo chưa được xuất bản. Sau năm 1955, hơn một lần Thanh Tâm Tuyền còn lên tiếng về thơ như bài viết: *Nỗi buồn trong thơ hôm nay* (Sáng Tạo số 31 tháng 9 năm 1959), *Nói chuyện về thơ bây giờ* (Sáng Tạo số 3 bộ mới, tháng 8 năm 1960). Cuộc đời của Thanh Tâm Tuyền như gắn kết với thơ, khi ở trong tù, lúc ra nước ngoài ông vẫn không ngừng sáng tác.

Ở trên chúng ta đã nói đến những bài thơ tự do đầu tiên của Thanh Tâm Tuyền và bài viết về thơ tự do của ông trên báo Người Việt năm 1955. Sau đó, trên con đường sáng tác thơ, Thanh Tâm Tuyền đã cho in: *Tôi không còn cô độc* (1956) *Liên - Đêm - Mặt trời tìm thấy* (1964) *Thơ ở đâu xa* (in tại Mỹ năm 1990) . Thơ của ông còn nhiều trên các báo và trong di cảo chưa được xuất bản. Sau năm 1955, hơn một lần Thanh Tâm Tuyền còn lên tiếng về thơ như bài viết: *Nỗi buồn trong thơ hôm nay* (Sáng Tạo số 31 tháng 9 năm 1959), *Nói chuyện về thơ bây giờ* (Sáng Tạo số 3 bộ mới, tháng 8 năm 1960). Cuộc đời của Thanh Tâm Tuyền như gắn kết với thơ, khi ở trong tù, lúc ra nước ngoài ông vẫn không ngừng sáng tác.

THANH TÂM TUYỀN VỚI BÚT KÝ : ĐỒN BA- MÍT

Ngay trong số 1 tờ Người Việt, Thanh Tâm Tuyền cho in *Bút ký chuyển đi vào sâu đất nước: Đồn Ba Mít*, ông mở đầu bài ký:

"Đi thật là vội vã bất ngờ, hành lý của tôi vốn vẹn niềm tin yêu mãnh liệt. Hãy phả đầy hồn niềm tin yêu mãnh liệt ấy mà đọc những dòng này. Người khe khẽ sẽ cho những hình ảnh, những ấn tượng tôi chụp lại dưới đây quá chủ quan. Tôi không chối, còn tự hào về cái chủ quan của mình (...). Và tôi viết.

Chiếc xe “díp” lặn vào con đường đất hẹp hai bên cỏ xanh cao ngát. Nói là đường bởi vì bánh xe lặn được trên

đó, thực ra chỉ có hai vết mòn dài làm bởi bánh xe còn ở giữa vẫn là cỏ. Chúng tôi đi như thế mất mười năm phút. Nắng cao rộng.

Rồi xe chui vào khoảng dâm mát dằng dặc (...) Làng ở đây không quay tròn mà kéo dài hai bên. Những gian nhà, lều thì đứng hơn, lui vào sâu dưới bóng cây, chỉ trước mặt cây còn quang đãng một chút vì tay người sửa sang ... Người ta bỏ dở công việc đón chúng tôi một cách thăm lặng hoan hỉ. Những cụ già ngả nón chào chúng tôi làm chúng tôi phải đáp lễ luôn... Chúng tôi tạt vào đồn Ba Xe ... Các đồn ở đây sơ sài hơn ngoài Bắc. Đồn cũng xây cất hờ hênh dễ dãi tỏ cho có mặt mà thôi(...)

Tôi tỉnh dậy, ánh nắng xuống khỏi mái rung rinh. Mọi người đã bắt đầu làm việc. Những màu đen thô sơ của đồng ruộng lẫn với màu vàng kạch của quân đội, có những tấm lưng cháy nắng. Dân chúng đến phụ lực buổi nay khá đông. Trước đây quân đội viễn chinh Pháp không dám đóng đồn ở vùng này. Dân chúng sống trong sự áp bức bóc lột ghê gớm.

- Cây cam nhà tôi bán được ba trăm, thằng Tư Đầy nó thu hai trăm - một ông cụ đã nói với tôi khi tôi gặp cụ bên chợ - bây giờ quân đội ta về dễ chịu, mùa này tha hồ mà ăn trái cây. Thóc gặt một trăm dạ chúng thu hai mươi. Bởi vậy quân đội lập đồn chúng tôi hoan nghênh và tình nguyện giúp sức. Buổi đông thì bảy, tám mươi người, vắng thì ba bốn mươi người.

- Cây cau làm cột cờ kia là của nhà tôi - anh nông dân ngừng đầu nhìn chót vót há cả miệng - nó cao những 14 thước, tôi phải cưa bớt đi.

Quân đội xin một cây cau, dân chúng cho ba, xin một cây tre dân chúng cho mười (...)

Trong cuốn sổ tay tôi đã ghi lại về chuyến đi này một ý nghĩ: “muốn yêu một cái rộng lớn trù tuợng phải bắt đầu yêu từ những cái nhỏ bé cụ thể.”

Trên đây là lược trích bút ký Đồn Ba Mít in hai kỳ trên

báo Người Việt số 1 và số 2 ghi lại chuyến đi tới một vùng nông thôn ở vào thời điểm miền Nam đang khởi đầu công cuộc bình định và xây dựng sau khi đất nước bị chia đôi.

TRUYỆN NGẮN: NGƯỜI BỆNH GIỮA MÙA XUÂN

Nhân vật chính trong truyện *Người Bệnh Giữa Mùa Xuân* là một vị chủ tịch sống trong một dinh thự giữa một thành phố đang đổi thay. Vị chủ tịch bỗng lâm bệnh, ông thấy như cái chết đang tới gần, ông xuống phố, nhận ra những sự thật và ông quay trở về. Dưới đây là lược trích truyện *Người Bệnh Giữa Mùa Xuân*:

“Mùa đông đã qua đi từ lâu và bây giờ người ta đang ở giữa mùa xuân. Thành phố không vui vẻ thêm chút nào, trái lại càng âm đạm. Dân chúng lặng lẽ rời bỏ thành phố ngày một nhiều (...) Bây giờ cảnh vật không người chết rũ. Buổi chiều nay chết lịm trong im vắng. Gió len qua bờ cây rì rào. Đứng trên tầng gác cao của dinh thự vị chủ tịch của cái chính phủ hiện cai quản thành phố nhìn qua cửa sổ thu tất cả sự chết chóc vào trong thân thể mình. Vì nhìn trên người ông già mầm hủy hoại đang nhú lên... Ông ngả người xuống nệm, người nhẹ lảng lảng và ông chột thờ dài.

Tiếng gõ cửa rụt rè. Ông khó chịu lên tiếng:

- Cứ vào.

- Thưa đồng chí chủ tịch, đồng chí bí thư trung ương đang muốn được vào thăm chủ tịch.

- Tôi đã báo không ai được vào cả - ông đập tay xuống giường kêu to - không một ai được vào nghe chưa? Để cho tôi yên một mình.

Ông kêu to quá và nước mắt tự nhiên dần dụa. Ông mệt muốn đứt hơi (...) Cùng lúc ông đưa tay vuốt má chùi những giọt nước mắt, nhận thấy da mình nhăn nheo ghê rợn. Và ông rùng mình ngấy ngấy với cảm giác ve vuốt triu mến. Thế là được thể, giác quan và trí nhớ của ông mở rộng để đón một lượt những xúc cảm và hình ảnh xô bồ. Hình ảnh thuở ấu thơ mẹ và chị săn sóc khi ông ốm, tiếng chân rón rén ở sau lưng, bàn tay ấm áp đặt lên trán

sâm sấp mồ hôi. Rồi ông bỗng thêm khát âu yếm, muốn gần dần bà. (...) Ông choàng thêm áo và do ngõ cửa bí mật dành riêng, ông rời dinh thự xuống phố (...) Ông bỗng bắt gặp một cặp trai gái tình tự sau gốc cây khuất bóng, nhìn dáng điệu ông nhận ra ngay đó là một cán bộ: - A, ông kêu nhỏ trong cổ và tự nhiên ông hổ thẹn như một đứa trẻ con trước cảnh ấy. Ông vội vã rảo bước. Qua một căn nhà làm trụ sở hợp khu phố, cửa đóng kín, tiếng rào rào đưa ra. Ông ghé mắt nhìn vào và trông thấy ảnh mình treo trên tường giữa phòng (...) Hình dung lại cảnh tượng ông mới thấy là nó giả tạo quá (...) Đường phố vắng ngắt. Mùi tạt bệnh thốc lên mũi, ông lợm giọng. Người ông giẫy lên, ruột như bị lộn ngược: - Thất bại... Ông nhắm mắt nhanh và khụy xuống bờ tường ngắt bật. Khi vị chủ tịch tỉnh lại ông thấy mình nằm trên chiếc chõng trong một căn nhà lá. Ngoài trời mưa lớn và vẫn là đêm (...) Ý nghĩ ông ngừng lại ngay, ông nín thở hé mắt. Hai vợ chồng chủ nhà vừa vào, ông định được ngày thành phần giai cấp của họ: lao động thành thị.

- thế nào, các con xong xuôi chứ...
- chúng nó đi tàu sáng nay với bác cả rồi (...) – Đây này, lúc tôi về ngang trên phố gặp ông cụ này ngắt ở hè đường. Thương hại tôi chở về đây. Chắc cụ trốn ở khu tư ra đòi quá mà bỏ vợ... Vị chủ tịch nhắm nghiền mắt. Hai vợ chồng đến bên giường. Hơi thở ấm của người đàn bà sát da mặt người ốm. Nhịp thở bỗng gấp hơn. Vị chủ tịch vẫn nằm yên. Tiếng chân hấp tấp xa ra đầu nhà. Tiếng thì thầm:

- Nhà nó không để ý gì à?
- Gì?
- Chủ tịch... U nó để đấy cho tôi...
- Mình – tiếng chị vợ thất thanh – mình định làm gì?

- Làm gì à? giết nó đi trả thù cho mình với bao nhiêu người nữa chứ.

- Mình, nhờ không phải thì sao? Không lẽ ông ta lại nằm ngoài đường. Vô lý (10).

(...) Bàn tay ấm đặt lên trán. Ông nhớ mẹ và chị tha thiết.

Bàn tay ấy xoa dầu vào thái dương ông. Ông nằm im muốn chết (...) Người đàn bà lấy áo mưa đắp cho ông. Mưa ngoài trời trên mái lá:

- *Cụ đi với chúng con nhé – người vợ ghé sát tai vị chủ tịch – vào Nam ấy mà (...) Vị chủ tịch nắm lấy tay người đàn bà và khóc, khóc nức nở như trẻ nít (...)*

Ngày thứ ba, vị chủ tịch lén bỏ trốn vợ chồng ân nhân về dinh thự khi đã khỏe mạnh. Và ngay buổi tối hôm ấy cặp vợ chồng lao động tốt bụng bị bắt tại nhà trong khi chưa kịp rời thành phố sang bên kia. Những đứa con đã đi trước không bao giờ gặp lại bố mẹ yêu quý nữa.

Vị chủ tịch thể không bao giờ xuống thành phố nữa và mùa xuân trôi qua bình thản trên phố phường câm nín hơi thở.”

Ở trên là lược trích truyện ngắn *Người Bệnh Giữa Mùa Xuân* in trên báo *Người Việt* số 2. Ngoài thơ, Thanh Tâm Tuyền còn sáng tác nhiều tác phẩm văn xuôi thuộc nhiều thể loại. Ông đã cho in: *Bếp Lửa* (truyện dài – 1957), *Khuôn Mặt* (truyện ngắn – 1964), *Cát Lầy* (truyện dài – 1966), *Dọc Đường* (truyện ngắn – 1966), *Mù Khơi* (truyện dài – 1970), *Tiếng Động* (truyện dài – 1970), *Tạp Ghi* (phiếm luận – 1970).

Ngoài ra ông còn viết nhiều đoản văn, truyện dài trên các báo chưa được in thành sách. Sau năm 1975 người ta không còn thấy văn xuôi của Thanh Tâm Tuyền.

THANH TÂM TUYỀN VÀ KỊCH: BỨC HỌA

“Kịch 1 màn – các vai: Liên, Huy, Thu

Không gian và thời gian: một buổi tối mùa đông trên căn gác nhỏ giữa thành phố Hà-Nội sau ngày quân đội Việt Minh chiếm đóng.

Bài trí: Hai cái ghế bành cũ, một vài tấm ảnh cắt ở báo Tây dán trên tường. Hành lý gọn gàng xếp ở một góc. Cửa sổ mở ra một mái ngói.

Màn kéo lên; Huy đứng trước giá vẽ. Liên ngồi trên tay ghế. Thu ngủ trong lòng ghế. Nhịp cười trong trẻo thanh thoát vọng từ hậu trường rồi bị bịt nghẽn.

HUY (sùng sốt) – Cô Liên...

LIÊN – Dạ

HUY – Tôi nhớ ra rồi...

LIÊN – Anh nhớ cái gì?

HUY – Tôi nhớ ra rồi. Trở về Hà-Nội gặp cô không chút gì thay đổi nhưng tôi vẫn cảm thấy thiếu thiếu một cái gì cần thiết lắm.

LIÊN – Một chút gì cần thiết lắm, tiếng cười phải không anh?

HUY – Đúng đấy cô ạ. Ngày trước cô hay cười ròn rã và vui lắm. Phải, tôi nhớ chắc chắn như thế. Sao bây giờ cô không cười. Không khí này làm cô nghẹn ngào? (...)

HUY – Ấy, cô cứ cười nữa đi, tôi nhớ ra tất cả, mười năm, mười năm...

LIÊN – Mười năm? Có quan hệ gì tới tiếng cười của tôi?

HUY – Mười năm, có lẽ hơn một chút. Tôi đã vẽ dở cho cô bức chân dung. Ngày ấy cô còn đi học và cắt tóc. Tôi cũng kê giá vẽ ở chỗ này. Nhưng cô không phải ngồi ở chỗ ấy, Cô ngồi gần cửa sổ kê bàn học của anh Thắng, ngoài trời xanh lơ mùa xuân. Cô cười... (...)

HUY – Vâng xin cô ngồi xuống, hơi nghiêng một chút... Tôi cố vẽ cho xong đêm nay để mai sớm cô đi (...) Mười năm tôi không làm sao hoàn thành nổi một tác phẩm. Bức nào nữa vời tôi cũng hủy đi...

LIÊN – Có, anh có hoàn thành được một bức...

HUY – Bức nào? Sao tôi lại không nhớ?

LIÊN – Thế mà tôi nhớ. Sau trận Đông Khê – Thất Khê, anh Thắng chết...

HUY – Phải, anh Thắng chết, Thắng chết, xác chết nằm trên người tôi.

LIÊN – Vì thế anh phát điên trở về hậu phương tỉnh dưỡng...

HUY – Tôi nhớ... Tôi nhớ... Làm sao?

LIÊN – Anh Hoàng từ khu bốn ra thăm anh và từ biệt anh vào thành. Bữa ấy anh ngồi bùng măt khóc. Anh gọi tên anh Thắng. Nước mắt ròn ròn anh lấy viết chì vẽ khuôn mặt tôi.

HUY – Vẽ cô? Sao cô biết?

LIÊN – Anh Hoàng về kể lại và trao cho tôi bức vẽ...

HUY – Bức vẽ nữa.

LIÊN – Anh vẽ tôi một mắt và có râu xồm... (...)

HUY – Tại sao cô lại nghĩ đến tôi, đến tác phẩm của tôi?

LIÊN – Vì anh Thắng đã chết, vì anh Hoàng ở trong kia, vì tác phẩm có hình bóng tôi, tác phẩm chung của anh Thắng, anh Hoàng, anh và tôi. Tôi không muốn tác phẩm bỏ dở. Chính ra tôi ở lại gặp anh để giúp tác phẩm này. Tôi đoán biết trước anh trở về Hà-Nội với tác phẩm ấy trong tâm tư. Cần có thôi cho nó thành hình. Anh hiểu rõ vì sao tôi còn nán lại đón anh chứ? (...)

(Tiếng còi tàu vang trong đêm khuya)

THU – Mai ta đi tàu ấy phải không chị?

LIÊN - Ừ

HUY – Có phải đó là chuyến tàu phiêu lưu?

LIÊN – Không phải, đây là chuyến tàu đưa kẻ phiêu lưu về quê hương (...)”

Trên đây là lược trích vở kịch một màn in trên tuần báo Người Việt số 4. Về kịch: năm 1965 Thanh Tâm Tuyền cho xuất bản tập kịch *Ba Chị Em*, kịch của ông chưa từng được đưa lên sân khấu.

Trên báo Người Việt, Thanh Tâm Tuyền còn ký những bút hiệu khác, bút hiệu Cô Tâm Thu cho phần dịch thuật và trả lời thư bạn đọc, ông đã dịch thơ của Lorca, Trítan, Tzara, Eluar, Whitman sang Việt ngữ.

Chúng ta đã điếm qua những tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền in trong 4 số báo Người Việt. Với những sáng tác và những quan điểm đã đưa ra tự nó đã phác thảo một chân dung Thanh Tâm Tuyền ngay từ lúc lên đường của mình. Từ 1955 tới khi từ trần ngày 22 tháng 3 năm 2006 tại tiểu bang Minesota – Mỹ, Thanh Tâm Tuyền đã liên tục sáng tác, và chính những sáng tác ấy đã khắc họa đậm nét chân dung một nhà thơ tiên phong, một nhà văn hôm nay. Ông đã sống như bao con người Việt khác, chính đời sống của ông và những tác phẩm đã xác quyết: không có tự do thì không có sáng tạo. Người làm văn nghệ không thể không: ghi lại, phản ánh, làm chứng cho thời đại mình sống, hơn thế nữa phải nói lên: những ước vọng và bước về phía trước. (Còn tiếp)



Tranh Thanh Hằng

SÁNG TÁC MỚI

HOÀNG XUÂN SƠN

L Ụ C B Á T T H Á N G B A

C Á N H T R Á I

Trèo tường. bẻ trộm bông hoa
chợt nghe thanh khuyến
bên nhà đông lân
tình đưa cầu mộc lên ngàn
giả sơn hứng giọt nước tràn
mì cong
mùa tranh êm. cảm ngộ lòng
ngón hương thâm kín
bay vòng cánh sen
áo ai như lụa thở
mềm
trên lưng cánh gió
đầu thêm cúc hoa
vàng trưa óng mượt tam tòa
hỏi riêng ngực nắng
còn tha thiết nhìn
thôi thì bỏ kết chân chim
mai rừng tóc gội
khuất chìm
đáng xiêm.

16 mars.2010

ĐỘC THOẠI NGUYỄN TRUNG DŨNG

Đứng trên sân khấu trước cái “micro”, hắn nói: “Thưa quý vị khán thính giả. Ngồi ở những cái ghế quý vị ngồi, quý vị đang nôn nóng đợi xem những màn trình diễn. Quý vị đã đến đây đêm nay, và đêm nay sẽ có những show rất hấp dẫn làm quý vị hài lòng. Nếu quý vị hi vọng và tin tưởng về điều đó, xin thưa với quý vị, điều đó quý vị sẽ không bao giờ thấy được. Vâng. Không bao giờ thấy được. Bởi vì vở kịch được trình diễn trên sân khấu đêm nay, nó là mặt trái của cuộc đời, nó lột trần truồng sự thật, nó là cái gai nhọn đâm thủng mắt quý vị, nó là chất phân bã trát đầy mặt mũi quý vị, nó là mùi khai khú tanh tươi mà mũi quý vị sẽ phải ngửi, nó là ... vâng, nó là ...”

Hắn dừng dừng trước những tiếng xì xào lại nói tiếp:

”Thưa quý vị, dưới mắt tôi, tôi thấy những con rắn ngo ngoe đầu đu đưa. Tôi thấy những con bọ hung và những con bọ cạp bò lổm ngổm trên bãi cát. Tôi thấy những con kiến lửa, những con thằn lằn, những con rắn mối và những con châu chấu cào cào. Tôi thấy những con dơi, những con cú mèo, những con vẹt mỏ đỏ, những con chuồn chuồn ngô, những con quạ đen, và ... và.... và . . .

Thưa quý vị, vậy thì mọi vật bất bình thường trong cái bình thường mà quý vị tưởng là bình thường. Không. Tất cả đều biến dịch như quả đất đứng mà quay. Cuộc đời này đổi màu sắc và dạng hình nhưng ít ai trong quý vị nhận thấy. Quý vị là con cù, con rối, con cung quăng, con giã nhân, con khi”.

Lại có tiếng xì xào nhưng hắn thây kệ.

“Vâng. Thưa quý vị. Nghề chữa bệnh gọi là lương y. Nghề cứu nhân độ thế như đấng Chúa và Phật tổ. Thế nhưng, cái nghề đó đã được quý vị đổi trắng thay đen, bẻ thẳng thành cong, lấy thiện thành dữ. Nghề bác sĩ của quý vị mà quý vị đã tuyên thệ, với bàn tay đưa cao, với lời nói ở miệng, quý vị đã quên nó trước đồng tiền ma quỷ. Lương tâm của quý vị đã bị bôi đen trước những đồng tiền ma quỷ đó. Cũng bàn tay đưa lên với một lời thề, thì nay, bàn tay của quý vị chỉ biết thọc sâu vào túi tiền con bệnh, mò tìm và vơ vét nó. Quý vị có nhà cao trên núi. Nhà khang trang rộng rãi. Phòng ốc với đồ đạc sang trọng. Và muốn vậy, tiền là cứu cánh cho phương tiện”.

Nhiều người đứng lên từ dãy ghế bỏ về. Cửa mở rồi đóng. Hấn vẫn nói như khoan một mũi khoan nhọn.

“Quý vị nha sĩ. Nghề nhổ răng, trám răng, thân chủ đến phòng mạch của quý vị đã mất răng còn mất tiền. Quý vị đồ thừa cho những phí tổn về công khó học hành, phòng mạch phải thuê mướn, vật dụng phải mua sắm, nhân viên phải trả lương, để cộng trừ nhân chia việc nhổ răng trám răng cho khách hàng”.

Có tiếng xô đẩy ghế. Nhiều người đứng dậy bỏ ra khỏi rạp. Cửa lại mở và khép ở cuối hội trường.

“Quý vị luật sư. Thưa quý vị. Nghề của quý vị sống nhờ cái lưỡi. Lưỡi quý vị dẻo và mềm. Quý vị cãi cho kẻ bị kết án. Giải tội cho những người oan ức. Phán xét công minh những kẻ phạm pháp để luật pháp trừng trị. Thiên chức nghề nghiệp của quý vị rõ ràng và dứt khoát như thế. Nhưng, thưa quý vị, quý vị có bao giờ cãi không công cho ai bao giờ chưa. Chưa. Quý vị chỉ đồng ý bênh vực cho thân chủ của quý vị khi giá cả đã được quý vị bằng lòng. Còn không, quý vị không hề động tâm trước kẻ khổ”.

Ghế lại xô động. Người ta đứng dậy bỏ về. Cửa ra vào cuối căn phòng mở rồi đóng. Hấn vẫn hăng say đứng nói.

Hắn nói về những bậc tu hành, những linh mục nhà thờ, những nhà giáo ở trường học, những ông nhà văn nhà thơ, những người làm truyền thông báo chí, tất nhiên toàn là những lời lẽ phỉ báng chê bai phạm thượng. Bấy giờ, dưới hàng ghế trong rạp đã không còn ai ngồi nghe hắn nói. Người ta đứng dậy rồi ùn ùn kéo ra mé cửa. Hắn thấy những con bọ hung, những con kiến lửa, những con dơi quạ, những con bò cạp, những con thằn lằn, những con rắn hổ gầm, những con đĩa trâu, những con quạ đen, những con sói rừng ... ngồi chật hội trường. Rồi sóng thần ủa đến biển rạp hát thành biển. Hết biển rồi đến sa mạc. Với cát trắng và những cây xương rồng, sa mạc dưới ánh nắng của mặt trời đỏ. Mầu đỏ như mầu lửa trong lò thiêu xác. Với mầu đỏ của lửa đỏ, hỏa diệm sơn phun lên rồi chảy xuống sườn núi dốc. Phún thạch là chất nhựa lỏng bò đi như một con trần gió. Gặp rừng, rừng với cây bốc cháy. Gặp bất cứ vật gì nó gặp, những vật đó đều cháy rụi thành than tro.

“Thưa quý vị, hắn vẫn gào lên, quả đất này đã nẫu như một quả cam ủng thối. Bám trên vỏ quả đất là những sinh vật đi bằng hai chân và bò bằng bốn cẳng. Nền văn minh tiến hóa đã thăng tiến vượt bậc, bên cạnh những cái tốt, có những cái xấu đáng ghê tởm. Con người phát sinh lòng ham muốn bất chính, tính thượng tôn cá nhân, vị kỷ, vụ lợi, từ đó đưa đến hận thù. Chiến tranh với thứ vũ khí tối tân và hiện đại giết hại hàng loạt. Nước mạnh đè bẹp nước yếu với sức mạnh của bom đạn. Kẻ quyền thế hiếp đáp dân xứ mình. Kẻ bị trị phải cúi đầu trước bạo lực sống như kiếp nô lệ. Kinh sách rao giảng ngày Tân thế. Trận Đại Hồng Thủy sẽ đến với thế giới để hủy diệt và tân tạo cái khác thay thế. Thưa quý vị, sự biến thiên theo dịch lý của trời đất là một định luật. Như bất cứ cái gì đã có, sinh phải tử, hiện hữu phải vô hữu.

Vậy, thưa quý vị, quý vị còn chờ gì không hóa thân trước khi quả đất này sẽ nổ tung. Nổ như một trái cầu lửa. Nó có sức công phá mạnh hơn sức mạnh của những quả bom nguyên tử thả xuống hai thành phố ở Nhật. Do con người

Vẫn mấy tiếng “Thưa quý vị”, hấn gào thét. Đêm trong căn phòng tối, lúc hấn tỉnh, hấn thấy sọ não nhức như có người búa lên đầu. Hấn thấy dồi. Hấn thấy sán. Và, hấn không còn thấy chính hấn. Hết tỉnh, hấn lại mê man. Mưa lúc rạng đông. Con mưa phùn. Hồn hấn thoát ra khỏi cái vỏ. Con bướm bay lên cao.

Kẻ bắt cóc chỉ đã chết trước khi bóng tôi bỏ đi, mặt trời bắt đầu mọc .

Rạch Miếu chiều mưa

*bên hiên nhà ai vắng
cây cỏ còn băng khuâng
chút tình xưa chắc nặng
nên mưa chiều lằng lằng*

tới lui đường xưa quanh
lau lách kín ngõ qua
sân rêu bàn chân lạnh
bóng người thôi đã xa

Mưa chiều che Rạch Miễu
đám bân xưa ngã nghiêng
ta với đời những nhiều
một ngày mưa dưới hiên

thờ dài trên bến vắng
con đò không đi qua
mái chèo khua tắt hẳn
sóng xô bờ cỏ xa

Ôi một chiều Rạch Miễu
lao xao bóng ta gầy
mưa qua còn thấy thiếu
dáng người dưới bóng cây

06-2010

KHUẤT ĐẦU TRONG SUỐT NHƯ KHÍ TRỜI

Lúc ấy là buổi chiều. Những cột khói quần quai tuôn ra từ các ngôi nhà bị pháo kích khiến cho một phần bầu trời của bờ nam tôi ám như có cả triệu con mực đang xả nước đen để trốn chạy. Ánh nắng thẳng tắp trong vạt là thể bỗng trở nên đục ngầu, sủi bọt..

Chiếc T54 lồm lỉ qua cầu, nòng pháo của nó chia thẳng vào những công sự vừa mới xây vội bằng bao cát. Những thân người suốt mấy ngày qua thiếu ngủ thiếu ăn và hiện đang thiếu đạn bị hất tung lên. Trung đội trưởng cố hết sức gào to trong tiếng đạn nổ: thôi anh em tan hàng, cố mà về với vợ con. Người binh nhì chưa kịp hiểu ra cái lệnh lạ lùng ấy thì một tiếng nổ nhỏ vang lên và vị chỉ huy đã ngã gục xuống bên cạnh. Khẩu súng colt vẫn chưa rời khỏi tay. Anh cúi xuống định nâng ông ta dậy, nhưng một ngọn lưỡi lê cắm phập vào lưng, tiếp theo là một báng súng nện vào đầu. Anh chỉ kịp kêu lên hai tiếng Mẹ ơi! trước khi thấy mình mỏng manh bay lên như khói thuốc!

Con bà sao chưa về? Người cán bộ thôn hỏi với giọng hạch hỏi chứ không phải thăm hỏi. Người đàn bà vội dẩu tấm hình ra sau lưng nói, tôi làm sao biết được. Tiếng nói nhỏ nhưng vẫn đủ sức làm cho không khí rung động như những gợn sóng trên mặt ao. Vậy là chạy theo thằng Mỹ rồi. Đã ba năm mà chưa về chắc là nhập bọn với tụi Fulro. Liệu hồn đấy. Cái cách hăm dọa của ông ta làm cho mặt đất bỗng nhiên nghiêng

hắn khiến người thì cao tít trên mái nhà, người thì thấp tận đáy giếng. Ông ta đi rồi mà bà vẫn còn hụt hơi như ngộp thở. Bà áp tấm hình lên ngực và sau làn áo đầm mô hôi, hai cái vú khô chột thức dậy sau hai mươi năm, như có đôi môi bé bỏng chạm vào.

Đợi cho tất cả lặng yên, bà lại lật ngửa tấm hình ra xem. Trong buổi sáng hôm nay bà đã xem đến mười chín lần nhưng vẫn không biết chán. Bởi vì, bà nhớ rất rõ, đây là buổi sáng sinh nhật của đứa con trai bà. Bức hình chụp một anh lính mặt non choẹt cổ làm ra vẻ bụi bặm để cho xứng với bộ đồ lính rộng thùng thình và khẩu súng đang cầm trên tay. Đằng sau anh ta là cái cổng quân trường Dục Mỹ. Chỉ có vậy thôi nhưng bà thấy anh ta như đang cười với mình và bà nghe được sau đôi môi khô đang bậm lại như có tiếng gọi mẹ. Có người bảo anh ta đã chết mất xác nhưng bà vẫn không tin. Chết thế nào được! Nó chưa cưới vợ. Với lại nó hứa khi về phép sẽ lại lợp cho tôi mái nhà. Nó đã hứa thì như đinh đóng cột ấy mà.

Anh ta đã chết trước một ngày khi tổng thống Dương Văn Minh cùng toàn bộ nội các đầu hàng không điều kiện trong dinh Độc Lập. Xác anh ta vì thế trở thành xác vô thừa nhận. Bộ thương binh xã hội không còn nên chẳng thể gửi tới cho mẹ anh một giấy báo tử. Xác anh ta được lạng lẽ thu gom cùng với xác chuột chết mèo chết, và cùng với hàng ngàn tấn rác để thành phố sạch đẹp đón mừng chiến thắng. Năm xương vô định của anh vùi lấp đâu đó ở ngoại ô nhưng hồn mộng của anh vẫn lang thang khắp nơi trong thành phố.

Đây là lần đầu tiên anh được biết Sài Gòn. Thành phố với những con đường dài ngút mắt, những ngôi nhà cao trật ốt, những dòng xe ngược xuôi vô tận và những cô gái tỏa mùi hương thâm kín dưới những tấm áo mỏng. Gió từ bến Bạch Đằng lồng lộng thổi vào

nâng anh lên như một quả bóng. Từ trên cao nhìn xuống, anh trông thấy những mái nhà cao thấp bập bênh trong những cơn sóng màu đỏ của cờ và khẩu hiệu. Anh biết là mình đã thua trận. Không buồn, không vui. Anh chỉ lo là mùa mưa tới mà chưa lợp được mái nhà cho mẹ.

Hôm nay là một ngày đặc biệt nên cô gái bên cạnh nhà đem đến cho bà một xôi bánh tro. Những chiếc bánh bé xíu gói bằng nếp và đậu trong một chiếc lá tre. Mùi nước tro hăng hăng nhưng trong thư anh viết về cho mẹ đã được cô gái đọc giúp, anh nói anh mê cái mùi hăng hăng ấy. Anh còn bảo mùi mồ hôi trên áo mẹ cũng có mùi y như vậy và anh nhớ mẹ xiết bao. Người mẹ kẹp chiếc bánh vừa mới bóc giữa hai ngón tay, định đưa lên miệng nhưng vội bỏ xuống đĩa để lật ống quần ra lau nước mắt. Bà nói, thôi cháu ăn giùm bác. Nó chưa về, bác nuốt sao trôi. Cô gái ngồi nhìn bà khóc cũng muốn khóc theo. Tần ngần một lúc rồi cô lí nhí xin về.

Ngoài ngõ có tiếng lao xao. Hai người đàn ông và một người đàn bà đi vào sân. Một chiếc nón cối, một chiếc nón lá và một mũ tai bèo. Chào bà Hai, một người trong bọn họ lên tiếng. Không dám, bà loay hoay tìm ghế mời họ ngồi. Đứng cũng được, người đội nón cối nói, chúng tôi làm việc nhanh thôi, bà có bốn công ruộng, hai công đất thổ cư mà chỉ có một nhân khẩu nên thừa nhiều lắm. Có hai chữ sao lại một, bà nói. Con trai bà đi lính ngụy đến nay chưa về trình diện là coi như không có hộ khẩu ở đây. Cho dù sau này có về cũng không được nhập. Nhà bà là nông hộ độc lập, hai công đất vườn là đủ, chúng tôi phải lấy ruộng để chia cho người khác. Nhưng đó là ruộng của ông bà để lại chứ đâu phải của tôi. Ruộng đất nào giờ cũng là của nhân dân, bà không biết sao. Xin bà ký vào đây. Tôi không biết ký. Thôi được, để chúng

tôi giúp bà. Một người kéo ống bơm xe đạp, một người nắm ngón tay trở của bà lặn trên trục bơm nhón nhót dầu, một người chìa cuốn sổ. Người đàn bà cầm ngón tay dính đầy chất dơ của bơm xe đạp lắc qua lắc lại trên nền giấy trắng đục. Những đường vân tay mờ hiện ra, khuyết một chút vì hạt nếp của chiếc bánh còn dính lại. Vậy là xong rồi đó, bọn họ lên tiếng, từ nay bà cứ việc yên ổn mà làm ăn.

Bọn họ đi rồi mà bà vẫn chưa hết bàng hoàng. Mình bị ma ám hay sao không biết, bà nghĩ. Sao mình lại chịu lặn, có cái dầu đó thì biết làm sao ăn nói với con. Thế nào nó cũng rầy rà cho mà xem. Nhưng họ chụp lấy tay mình chứ mình có muốn đâu. Phải như có con trai ở nhà thì bọn họ đâu có dám làm như vậy. Nhà không có đàn ông đúng là không có cây cột cái. Chẳng biết ngã sụm xuống lúc nào. Mà sao hòa bình lâu rồi mà nó chưa về. Chẳng lẽ nó bị bắt và đi tù. Nó mới đi có mấy tháng thôi mà. Nó đã làm gì nên tội đâu mà phải trả nợ máu cho nhân dân. Còn đi theo Fulro là theo tội nào. Tổng thống mà còn bỏ chạy huống hồ là thằng Fulro. Hay là nó có vợ và con vợ giữ rịt không cho về. Con nhỏ chắc đẹp dữ, có thể nó mới chưa chịu về. Cái thằng giống cha bất ghét. Cũng có thể nó chết rồi. Bà rùng mình ôm mặt khóc. Con chết trước mẹ là mang tội bất hiếu đó con. Mẹ sống làm sao được!

Ngay buổi chiều hôm đó, linh hồn anh đã bỏ lại cái xác nặng nề của mình như con bướm bay ra khỏi cái kén. Còn hơn con bướm vì anh trong suốt như khí trời, ánh sáng và bóng tối đều xuyên suốt qua anh. Xuyên qua hết nên cái nhìn của ba người cán bộ và của mẹ anh cứ thông thốc như gió thổi qua ống bi. Chẳng có vật gì cản dù nhỏ nhất như một sợi lông mày nên chẳng ai biết được là đang có anh. Anh nghe hết, trông thấy hết, nhất là lúc người nữ cán bộ cảm

lấy ngón tay mẹ anh lăn qua lăn lại trên giấy. Anh tưởng mình là trang giấy đỏ và ngón tay mẹ anh như bánh xe hủ lô chà xát trên đường.

Phải đến ba năm sau ngày mất, linh hồn anh mới biết là mình đã về tới nhà. Ba năm ấy anh bị gió, có lúc đưa anh lên tận núi rừng Trường sơn, có lúc quăng anh vãi trên những ngọn sóng mặn chát ở biển Đông. Linh hồn không mất nhưng cũng không thể tự chủ được. Không phải linh hồn nào cũng tìm được đường về. Có hàng triệu linh hồn bị thổi dạt vào các lũng sâu, các hốc núi, nằm chồng chất lên nhau như lá rụng mùa thu. Tất cả bọn họ mỏng quá, nhẹ quá. Nhẹ và mỏng bằng không nên đã quên mất đường về. Với anh, dường như nỗi ân hận không lọt được mái nhà cho mẹ sắp đến mùa mưa đã làm cho linh hồn anh mỗi lúc một nặng thêm. Anh đã biết nương theo gió, chui vào các toa xe lửa Bắc Nam vừa mới thông suốt để về với mẹ

Dù người thân duy nhất còn lại trên đời không biết có anh nhưng hồn anh vẫn cảm thấy rất xúc động. Anh ôm choàng lấy mẹ, nhưng không như lúc còn sống chỉ ôm đôi vai, mà giờ đây anh bao bọc từ đầu đến chân, áp sát vào đôi má đôi môi của mẹ, ngay cả đôi mắt anh cũng ôm sát đến nỗi anh cảm được vị mặn của nước mắt. Giờ đây trước mặt sau lưng, bên phải bên trái mẹ đều có anh. Anh thức ngủ, đi đứng nằm ngồi cùng một lúc với mẹ. Chết mà được như thế này, anh không mong gì hơn. Chỉ có điều hồn anh được an ủi nhưng mẹ anh thì héo hắt buồn.

A, chào cháu, mẹ anh nói. Dạ chào bác, cô gái nói, nhà có bát canh ngon, mẹ cháu sai cháu đem mời bác. Vậy à, canh thơm quá, cho bác gửi lời cảm ơn mẹ cháu. Bác buồn quá không sang bên ấy chơi được, thật là tệ! Mẹ cháu nói có ông thầy ở thôn đông hay lắm, không biết bác có muốn xem bói không, mẹ cháu

sẽ mời giúp bác. Mẹ anh lắc đầu làm cái khăn len rơi xuống để lộ một cái sọ nhỏ, như một quả dừa xiêm nhăm nhám những sợi tóc vừa mới mọc. Vậy là mẹ anh đã cạo đầu, không biết có quy y hay là để cho mát. Dù sao thì anh vẫn thấy nhớ cái mùi bồ kết còn ủ trong tóc mẹ mỗi khi anh sà vào lòng bà. Bói toán mà chi, bác chẳng tin đâu, con trai mà, hết chiến tranh thì đi giang hồ một bận chứ về sớm làm gì. Nói là vậy nhưng bà vẫn rơm rớm nước mắt.

Cô gái kín đáo thờ dài nhìn ra ngõ. Ba năm trước cô mười lăm và đã có lần anh nắm lấy tay cô nhưng cô run quá rút tay lại. Chỉ có vậy thôi mà sao mỗi lần nhớ tới cô cảm thấy như nghẹn ở ngực.. Gần như ngày nào cô cũng rẽ hàng rào qua nhà anh và cô tưởng chừng lần thứ một trăm lẻ mấy này thế nào cũng gặp anh. Cô không biết sẽ phản ứng như thế nào? Bỏ chạy về nhà hay đứng như trời trồng rồi ngã xuống trong tay anh? Có lẽ nào anh đi giang hồ vật mà lâu đến như vậy. Hay là anh đã xuống tàu di tản. Dù gì thì cũng cho mẹ anh ở nhà biết chứ. Người gì đâu mà lạ, đã đi là đi biệt để người ta trông chờ muốn chết.

Rõ ràng là anh đang rời mẹ ôm lấy cô. Anh ôm sát đến nỗi anh cảm thấy làn da mỏng và ẩm của bầu ngực non tơ làm cho không khí như nóng lên. Mười bảy tuổi cảm sung và bị ném ra chiến trường, anh chưa kịp theo bạn bè để biết được giữa hai chân và trên đầu gối của người nữ là bí mật gì mà đêm đêm vẫn không thôi tơ tưởng..Giờ đây anh có thể vòng qua sau ót để hôn trộm cái gáy trắng của cô, có thể luôn xuống áp môi áp má lên ngực cô và ai cấm cản được anh lần mò tìm ra cung cấm. Nhưng để mà chi khi anh gần như bằng không, khi anh đã tan ra tưởng như hòa cùng hơi thở thịt da của cô nhưng chưa một lần khiến cô nhận biết là có anh đang ở bên cô. Lúc này, anh còn tệ hơn một cái cây!.

Xin phép bác, cháu về. Cô gái vừa nói vừa đứng dậy. Ủ, cảm ơn cháu, mẹ anh nói.. Những câu nói của người sống giờ lao xao như tiếng của lá rụng. Những âm thanh mỏng, khô rất gần với sự mục rã. Mẹ anh cố ăn hết bát canh thay cơm. Bà ăn vì không thể từ chối lòng tốt của người hàng xóm. Và ăn cũng là để cho con bé vui chứ bà chẳng thiết gì đến ăn uống. Con bé chóng lớn quá, mới ngày nào bà còn bồng giúp cho mẹ cô đi cấy, giờ đã cao hơn cả bà. Nó càng lớn càng xinh và bà biết rõ vì sao nó cứ chạy sang nhà bà. Biết nhưng bà coi như không, sợ hé ra con bé mắc cỡ. Trời ơi, thằng nhỏ nhà mình mà về, nhất định là chạy qua nhà con nhỏ đến cả chục bận cho mà xem. Trai đó, gái đó chỉ cách nhau một hàng dâm bụi, ai mà cấm cản được. Mà việc gì phải cấm cản, chỉ việc đem trầu rượu sang là xong ngay.

Ăn xong bà tự đi rửa bát, phơi trên thềm giếng để trả cho cô bé. Lưng bà chưa còng nhưng đôi tay đã hơi run khi cố kéo gàu nước lên khỏi giếng. Trời nắng gắt. Ánh nắng giữa ngọ chiếu qua người bà để lại trên thềm giếng một cái bóng đen như hắc ín. Mặt trời cũng chiếu qua anh nhưng chẳng để lại một chút gì. Mẹ anh khoác nước xoa đầu, rửa mặt rồi chậm rãi đi vào nhà. Bà nằm lên võng, khẽ đưa. Nắng rải lên người bà những đốm sáng đến nhức mắt. Bà thiu thiu muốn ngủ.

Chưa bao giờ trong giấc mơ bà gặp được anh trở về mặc dù hề chớp mắt là bà nằm mơ. Bà mơ thấy những hạt lúa to như những con heo con ỉn ỉn chạy vào nhà, mơ thấy những trái mướp dài như một con trăn, mơ thấy đi ra đi vào trong nhà lợp ngói. Nhưng ác mộng thì lúc nào bà cũng thấy anh. Có một lần bà thấy mình đang gánh con tất tả theo đoàn người chạy giặc. Anh hãy còn là đứa bé lên ba, được bà đặt ngồi trong một cái thúng, lúc đầu thích chí cười nắc nẻ nhưng sau đó

thì khóc ngẩn ngất.. Đoàn người chạy mãi suốt cả tháng không dừng lại. Nhiều người chết bốc mùi hôi mà vẫn cứ chạy. Những đứa bé khát sữa cắn nát cả vú mẹ rồi bú luôn cả máu. Con bà không đủ hơi sức gào khóc chỉ kêu rí rí như dế gáy: con đói mẹ ơi! Tiếng kêu mỏng và bén hơn dao cứa đứt bà từng khúc ruột khiến nó lòng thòng trệch đường. Bà thấy người ta giẫm lên ruột mình, rồi ngay cả chính bà cũng đạp nát ruột mình. Đó là giấc mơ hãi hùng nhất, không phải vì ruột bị xéo giầy mà vì tiếng kêu đói đứt ruột của con bà. Tiếng kêu kinh hoàng còn hơn cả tiếng bom rơi đạn nổ. Vì vậy lúc nào ăn cơm với con bà cũng ép anh ăn thật nhiều. Bà lại để sẵn khi củ khoai khi trái chuối bên bàn học. Trong chạn bao giờ cũng hãy còn một chén cơm, khi đói anh cứ việc ăn mà không cần phải gọi mẹ. Ngày anh đi lính bà lo nhất là anh ăn không đủ no. Giờ đây, tuy anh chưa về nhưng bữa cơm nào bà cũng nấu thêm phần cơm cho anh. Bà lại bày thêm chén bát và đôi lúc nói ăn đi con, ăn thử món này coi, mẹ mới làm ngon lắm. Cô gái bên kia lại ngóng tai nghe tường là anh đã về.

Bên ngoài trời đang chuyển mưa. Những tầng mây thấp ở lưng chừng núi vụt căng phồng lên ôm kín cả bầu trời. Gió đẩy những đám mây sừng nước đen kịt sà xuống mái nhà. Có tiếng sấm rền. Bà vội dậy đóng cửa và tìm thau chậu để hứng nước mưa. Anh bị gió ép sát vào trong góc nhà, đu đưa giống như mạng nhện. Rồi sét đánh âm tường chừng xé mặt đất ra làm hai. Mưa bắt đầu nặng hạt và một lúc sau chìm ngập cả đất trời. Thau chậu tràn đầy nước. Mái nhà mục nát không còn đủ sức chống đỡ những giọt mưa có sức tàn phá như đạn. Mẹ anh lạnh run ngồi thu lu trên một chiếc ghế gỗ mà nước mưa cứ nhảy chồm chồm muốn lòi bà ngã xuống. Từ đôi môi run rẩy của bà bật ra tiếng kêu: con ơi, con ở đâu sao không về giúp mẹ!

Làm sao anh cất tiếng dạ được, làm sao anh chờ che

được mẹ. Phải chi anh có thể trải hồn mình ra che chắn những chỗ đột cho mẹ. Anh ân hận là lúc sống đã không ngó ngang gì đến nhà cửa. Một đôi lần anh còn khó chịu với căn nhà của mẹ. Anh nói, xô quách xuống cho rồi, cất cái khác. Nhưng mẹ anh bảo tiền đâu, lo ăn còn chưa nổi huống hồ là cất nhà. Anh lại bảo, nghèo, nghèo mãi, sao không làm giàu như người ta. Được rồi mai một con sẽ cất cho mẹ một cái nhà ngói, chừng đó trời mưa thì mẹ cứ nằm mà ca vọng cổ. Mẹ anh hơi mỉa mai, tao cũng mong được như vậy. Nhìn mẹ ngồi co ro anh thấy thương quá nhưng chẳng biết làm sao. Anh cảm thấy một linh hồn chưa chết thật vô vị. Thà hòa tan trong nước mưa, thấm vào lòng đất rồi theo ngọn rau, hạt lúa mà nuôi mẹ trong lúc tuổi già, còn hơn là lơ lửng giữa đất trời.

..

Một luồng gió mạnh bỗng xô bật cửa. Một ánh chớp lóe lên sáng rực cả nhà. Người mẹ bất ngờ trông rõ hình dáng đứa con trai: nó vẫn mặc áo lính, khuôn mặt đậm địa cả nước mưa và nước mắt..

Lại một tiếng sét, ngôi nhà đổ sụm và linh hồn bé nhỏ của anh bị nước cuốn đi. Lần này là mãi mãi.

22/5/2010

NAM HUÂN

Nhưng Chỉ Là Giấc Mơ Thôi.

Ba mươi tuổi tôi vẫn còn trinh. Không. Tôi không xấu xí cũng không có quan niệm bảo thủ phải giữ gìn trinh tiết cho đến khi lấy chồng. Quan niệm này đã chỉ thịnh hành vào thế kỷ trước và ở Việt Nam. Tôi không còn ở Việt Nam và không muốn lãng phí thì giờ nghĩ đến những phong tục tập quán đã lỗi thời. Tất cả thì giờ và sức lực tôi dành cho việc học rồi đến công việc. Tôi muốn thành công và có địa vị vững chắc trước khi nghĩ đến tình yêu hay hôn nhân. Tôi không cho tôi có cơ hội bị xao lãng ý chí nên không tìm hiểu hay quan hệ sâu đậm với ai cả. Một đôi lần đi chơi, uống cà phê hay vào quán rượu với những người cùng lứa tuổi tôi đều có cảm giác thất bại, ngượng ngùng, và lạt lẽo. Có một cái hàng rào vô hình nào đó ngăn cách tôi với những người Âu Mỹ, toàn một tụi Jame và John, hay những Rob và Rex. Cũng cái hàng rào đó đã ngăn cách tôi với những người Á châu trẻ tuổi lớn lên trong văn hóa Tây phương như gã người Nhật Wantanabe, và hay tên Đại Hàn Huang. Huang là thằng bé thành thật nhất. Nó nói “em giống người Indian (thổ dân Mỹ) với mái tóc đen.” Lúc ấy tôi đang mặc cái áo đầm trắng đeo xâu chuỗi đá màu xanh turquoise và nó nhìn tôi không chớp mắt. Thật ra, tôi nghĩ nó đang ngắm bộ ngực đầy đặn của tôi vì cổ áo cắt hơi sâu. Sau vài lần đi ăn trưa nhàm chán nó nói “tôi không muốn có người yêu là con một sách!” Đôi khi đi ngoài đường gặp nhau nó nhìn qua khỏi đầu tôi để không nhìn thấy tôi. Thằng John trong nhóm làm lab với tôi khoe có cà phê ngon, bảo tôi nếu đến

gian nhà trọ của hắn, hắn sẽ đi. Ly cà phê chưa uống xong và khi tôi đi rửa tay ngang qua phòng ngủ thấy nó đứng trần truồng cạnh giường, tay cầm cái của quý và miệng cười thật tươi trên. Lúc ấy tôi ước gì đó chỉ là một giấc mơ để tôi có thể chỉ tay vào nó và bảo rằng mày hãy biến mất đi thằng quý và tôi sẽ mỉm cười sung sướng nhìn thấy nó tan rã từ từ từng mảng như một khúc phim bị cháy. Sau đó, tôi càng trở nên khép kín hơn. Tôi không buồn nhiều chỉ thấy mình mất thì giờ cho những chuyện không đâu. Chúng nó đều nói y hệt như nhau và tôi cũng đồng ý với chúng nó là tôi giống như người lạc loài từ thế kỷ xa xôi nào trước. Cứ mỗi lần đi ngang một nhóm đàn ông, là tôi lại tưởng tượng người ta đang xì xào. Con nhỏ đó không được bình thường. Nó lạnh như một con cá chết. Có lẽ nó vẫn còn trinh đấy. Thế là nó có vấn đề rồi. Phải có vấn đề gì đó nếu không là tâm lý thì phải là sinh lý. Hay nó là một con nhỏ lesbian? Với tụi con trai Mỹ tôi còn Việt Nam nhiều quá. Với đám con trai Việt Nam tôi bị xem là whitewashed bị tẩy não đến độ tưởng như mình cũng là dân da trắng. Tôi không biết chịu đựng hay nũng nịu, những đức tính đáng yêu của một cô gái Việt Nam. Tôi biết là tôi không có vấn đề trục trặc về tâm lý hay sinh lý. Tôi quen nhận chìm những thèm muốn của thể xác vào sự đam mê công việc. Tôi không nhát nhúa thẹn thùa nhưng quả là tôi ít nói đến cục mịch. Tôi luôn luôn suy nghĩ về một chuyện gì đó và thích trình bày suy nghĩ của mình bằng cách viết hơn là lời nói. Không sao, tôi vẫn còn trẻ. Ở xứ này, thời đại này, ba mươi tuổi mà vẫn chưa biết mùi đàn ông thì có lẽ người ta xem tôi như bất bình thường không phải là chuyện lạ. Trên bắp tay trái của tôi bẩm sinh có một bớt hình con bọ cạp màu đỏ. Chị Fumiko bảo là giống dấu Thủ Cung Sa, chỉ những trinh nữ người thời xưa mới có. Con bọ cạp này hằng đêm cắn rút bắp tay tôi ngứa ngáy đau nhức lắm. Nếu quả thật nó là dấu hiệu của gái còn trinh thì tôi cần phải mất trinh để bôi xóa nó.

Ông chủ bút tờ báo địa phương, Hùng Đông, bảo tôi viết

về chủ đề tình yêu qua internet. Ông muốn biết quan điểm của tôi về cách người ta quen nhau và yêu nhau bằng phương tiện truyền thông này. Tình yêu qua internet có thành công không. Lần đầu tiên họ gặp nhau như thế nào. Từ lúc quen nhau đến gặp nhau rồi yêu nhau mất bao nhiêu lâu. Khi nào người ta đi đến chỗ làm tình với nhau. Qua cách ông đặt giới hạn của bài viết, tôi thấy, ông có quan niệm chuyện yêu đương phải theo một thứ tự cố định, quen rồi mới yêu, yêu rồi mới làm tình. Tôi không muốn cãi ông. Ở Việt Nam trước kia, người ta cưới rồi mới làm tình, cưới mà không yêu là chuyện thường. Cưới trước yêu sau; còn yêu trước hay sau khi làm tình thì có lẽ tùy theo trường hợp. Thế hệ của tôi, cuối thế kỷ hai mươi đầu thế kỷ hai mươi mốt, là thế hệ của internet, của e-mail và bloging, của Final Fantasy và World of Warcraft, chúng tôi là những tinh cầu cô lập. Người ta có thể làm tình mà không cần phải yêu, chỉ cần say. Trong đại học chuyện ngủ với nhau một đêm rồi ngày mai giả vờ không biết nhau là chuyện bình thường. Lắm khi, giữa chuyện yêu thương và chuyện làm tình không có sợi tơ liên hệ nào dù mong manh. Tình yêu làm no tâm hồn. Tình dục thỏa mãn thể xác. Cái nào phải đi trước cái nào? Vì người ta yêu say đắm nên cảm giác nhục dục thăng hoa? Hay cái hòa hợp của thể xác mở đường đến tình yêu? Tôi không biết! Không biết mà dám nhận viết về chủ đề này. Viết về cái mà mình không có kinh nghiệm là một thử thách to lớn, và chính cái thử thách này là điều hấp dẫn tôi.

Cũng như bao nhiêu người cùng thế hệ với tôi, mạng là nước và tôi là cá. Có lúc tôi từng nghĩ nếu không có mạng chắc là tôi không sống nổi. Mạng thường bị mang tiếng oan là nơi ẩn náu của những người gian dối. Ngày nào người ta cũng dèm xiêm chuyện người dối gạt người lừa đảo tình yêu và tiền bạc. Thật ra những chuyện lừa đảo người ta đã có từ khi chưa có mạng. Biết bao nhiêu chuyện phụ tình người ta bỏ rơi người yêu khi nàng vừa mang thai. Tuy nhiên tôi phải công nhận mạng có thể làm những người ít nói ít giao thiệp có cơ hội vui mình trong

những trò chơi điện tử mà càng trở nên xa lánh xã hội. Rất nhiều người trong thế hệ chúng tôi là những người nghiện mạng. Thậm chí ở Đại hàn có người bỏ con chết đói vì mãi chơi trò chơi điện tử. Tôi không thuộc vào nhóm người ấy. Mạng là phương tiện như tiền hay xe hơi, hay quyền lực, biết dùng đúng cách nó giúp ích rất nhiều. Lạm dụng nó thì nó có thể là liều thuốc độc. Những gì cần thiết cho việc làm và cuộc sống, những mua bán thông thường, nghiên cứu biên khảo từ những chứng bệnh thông thường đến những chữ lỏng ngôn ngữ trên hè phố tôi đều dùng mạng. Mạng mang những người ở xa nhau cách nhau nửa vòng trái đất có thể quen nhau và trở thành bạn thân với nhau. Ngay cả những người bạn tôi nói chuyện nhiều nhất, thân mật nhất, chơi đấu game điện tử hằng ngày cũng là những người tôi quen trên mạng. Quen nhưng chưa hề biết mặt hay gặp nhau. Tôi có thể bắt đầu chuẩn bị cho bài viết này bằng cách phỏng vấn hai người viết blog tôi đọc khá lâu nên trở thành bạn. Hai người này quen nhau qua blog, gặp nhau, yêu nhau, và kết hôn với nhau. Thật ra tôi không biết chắc chắn là họ yêu nhau trước rồi gặp nhau hay gặp nhau rồi mới yêu nhau. Tôi vào blog của họ mới nhận ra là sau khi họ cưới nhau hai người post hình lên blog, bạn blog đến chúc mừng, hai người đi hưởng tuần trăng mật. Sau đó họ không còn viết blog nữa. Tôi còn một nguồn tài liệu khác là Nobu, bạn blog.

Nobu là họa sĩ. Tranh của ông gồm những đường thẳng, hẹp, có góc cạnh sắc bén, nét mạnh và táo bạo, ông dùng nhiều màu đỏ đậm và vàng sậm ngả sang nâu, phảng phất nét vẽ của Bernard Buffet. Khi ông vẽ phụ nữ khỏa thân những sợi lông lờm chờm tua tủa như những cọng kìm gai. Nét vẽ lạ và bắt mắt. Ông cũng làm thơ và ngược lại với những đường nét trong tranh, thơ ông có vẻ yên tĩnh như thơ của thiền sư. *“Ta sống xa trần thế. Ngược mắt nhìn chỉ thấy núi cao. Trong giấc mơ tỉnh mịch. Bên dòng suối chảy xiết. Bài hát của ta là tiếng gió thoảng. Và lời thì thấm êm đêm của những giọt mưa. Hoa nở rồi lá tả rơi*

trên mặt đất. Người đến rồi đi. Năm tháng trôi qua Cuộc đời vẫn tiếp tục. (1) Tôi thường hay “chat” với Nobu. Những đêm mất ngủ tôi thường gửi ông một lời nhắn và ông lên mạng trò chuyện với tôi. Tôi thích nghe ông nói về thơ và về hội họa. Ông bảo rằng ông thích đọc blog của tôi vì tôi có cái nhìn về cuộc đời rất hiền lành đôi khi ngây thơ. Đường như, chúng tôi là những tâm hồn rơi lại từ thế kỷ trước, lạc loài trong cuộc sống thật. Sự sống thật cho tinh thần nằm trong thế giới ảo của internet. Một thế giới chỉ cần nhấn nút, tắt điện, những hoạt động nối liền thế giới cũng tắt theo. Biến mất như chưa bao giờ có mặt.

Nhưng tôi chờ mãi mà chẳng thấy ông. Những câu nhắn gửi đi không được hồi đáp. Nobu biến mất như chưa bao giờ hiện diện làm cho tôi vật vờ lao đao. Đang ngủ tôi thức giấc tìm ông. Buổi sáng tôi vào mạng chờ ông. Sập sừ vì thiếu ngủ. Trước đây thỉnh thoảng ông bận việc biến mất một đôi ngày, nhưng luôn luôn báo trước, hay giải thích lý do vắng mặt sau đó. Buổi trưa tôi tìm. Buổi tối tôi tìm. Tôi mong một e-mail, bài mới trên blog của ông, một câu nhắn tin, hay cái chấm xanh chấm vàng trên Google chat. Gì cũng được để tôi biết là ông có mặt. Cái vắng mặt của một người tôi chưa hề gặp mặt lại hiện hữu trong tôi thật đậm nét. Tôi nghiện ông hay tôi nghiện internet?

Tôi sợ có chuyện gì xảy ra. Hay là ông đã chết? Không, không thể được. Tôi chỉ có ông là bạn, là thầy, là người cho tôi tâm sự những khi tôi bị mất ngủ. Nếu ông ấy chết làm sao tôi biết được? Nhưng tôi có cần phải có sự hiện diện của ông không? Tôi có thể viết bài báo mà không cần đến sự giúp đỡ của ông, nhưng tôi không chịu được sự vắng mặt của ông. Bỗng dưng sự vắng mặt của một người trong thế giới ảo lại trở nên một chỗ trống đậm nét trong cuộc sống thật của tôi. Tôi nhớ một người tôi chưa hề quen chưa hề biết mặt quay quắt. Kỳ lạ nhỉ. Cái thế giới tưởng chỉ cần bấm nút là nó biến mất lại đầy tràn trong đời sống thật làm đảo lộn chuyện ăn uống ngủ nghỉ. Nếu cả cuộc đời trăm năm là vô thường thì những đau đớn

hằng ngày của cuộc đời như đau răng đau bụng đau tim đau tình đều có thật. Fumiko nhìn thấy cái quần quai vật vã trong tôi nên an ủi. Tôi rên rỉ. “Chuyện gì xảy ra? Tại sao ông ấy biến mất không từ giả như thể em chẳng hề có mặt trên đời vậy.” Fumiko đẩy cái mũ che vàng trán của chị, ngược mắt “Thì đời nó như thế. Người ta làm blog, chán rồi thì người ta bỏ đi, đoạn tuyệt với những người quen biết. Đóng một cái blog này mở một cái blog khác, như bắt đầu một cuộc sống mới. Thế giới blog chỉ là thế giới ảo. nơi người ta có thể dối trá, khoác lên người những hình ảnh huy hoàng tốt đẹp mà trong cuộc sống thật người ta hằng mơ ước. Ông ta chẳng là gì của cô cả.” Đúng là ông ấy chẳng có liên hệ gì với tôi tuy nhiên tôi không đồng ý với chị thế giới blog chứa đựng toàn ảo tưởng và dối trá. Tôi rất thành thật và tôi tin là Nobu cũng thành thật như tôi. Thật ra thế giới trên mạng là nơi tôi dễ sống thật với chính tôi nhất. Tôi không hề mơ ước gì ở ông. Nobu cũng không hứa hẹn gì với tôi. Chúng tôi như hai người láng giềng cách nhau qua một tấm vách vô hình. Hoặc có lẽ tấm vách là có thật và chúng tôi là bóng ma. Hay có phải mạng là mặt hồ trong và chúng tôi là những con chim bói cá ngấm và câu mãi vàng trắng của mình ở dưới đáy hồ?

Tôi thêm thường và chờ đợi nhưng không biết mình thêm gì và chờ đợi gì mà ruột gan thất thèo như có gì cấu xé. Tôi sẽ hóa đá nếu tôi không gặp ông. Tôi sẽ bốc cháy nếu tôi mất ông. Ô hay, mây điên rồi Bé ạ. Mây không thể mất cái mây không có. Chẳng làm sao mây trở về thời kỳ mây chưa hề biết ông. Thử chưa có ông tôi không có khoảng trống trong tâm hồn. Bây giờ không tìm thấy ông khoảng trống sao quá mênh mông. Tôi cần có ông để tôi nói đủ thứ chuyện vớ vẩn, quyển sách hay, cuốn phim hấp dẫn, thời tiết nơi chúng tôi ở. Đã ăn trưa chưa, ăn chiều chưa, hôm nay ăn món gì, có ngon không, cho tôi ăn với, nơi tôi đã đi qua, nơi tôi mong ước được đến thăm trước khi chết. Chính những chuyện không tên này đã đưa chúng tôi đến gần nhau. Có lẽ vì ở xa nhau, không biết nhau, không chờ

đợi mong ước gì ở nhau, những điều chúng tôi trò chuyện với nhau là những điều rất thật, những điều người ta không dễ nói khi người ta đối diện nhau. Người ta thường cho là tôi lập dị, không hòa hợp với mọi người. Thật ra tôi chỉ là người sống nội tâm, mang mặc cảm là mình không khéo giao tiếp nên không được mọi người yêu mến. Tôi không thấy, ở ông cũng như ở tôi, cái nhu cầu phải gây ấn tượng cho đám đà, hay cần phải đánh bóng bản thân mình. Để làm gì? Trong thế giới ảo này nhan sắc, tài sản và địa vị không có chỗ đứng ngoại trừ khi chúng tôi lôi nhau ra đời sống thật, đốt cháy nhau bằng ánh sáng thật của cuộc đời. Chúng tôi nói với nhau những điều chúng tôi thích và những điều chúng tôi không thích. Điều phù hợp giữa ông và tôi là được nói thật ý nghĩ của mình, được viết về cảm xúc lẫn suy nghĩ của mình. Chúng tôi cùng không thích đám đông. Giữa đám đông tôi lạc lõng, nhỏ bé, vô duyên, dị hợm. Thường khi, người chung quanh chán ghét sự có mặt của tôi và tôi cũng chán ghét sự có mặt của tôi khi bị người vây quanh. Tôi chỉ thấy thông thả tự nhiên khi tôi nói chuyện với ông. Rất nhiều khi tôi ước gì có thể vói vào trong computer rồi kéo ông ra bên ngoài, ôm mặt ông và hôn ông cho đến khi mềm môi. Rất nhiều đêm tôi ao ước được nằm trong lòng ông dúi đầu vào ngực ông, tưởng tượng mùi của ông. Nếu tôi điên thêm một chút nữa có lẽ tôi sẽ tin là tôi có thể biến vào trong cái computer để đi tìm ông. Chờ ông trên mạng tôi thấy mỗi mòn. Khi tôi ngã ốm vì tuyệt vọng thì ông lại xuất hiện. Bing! Cái đèn xanh bên cạnh khung cửa sổ trên màn ảnh computer như một nụ cười duyên.

“Chào bé. Cô có khỏe không?”

“Tôi kiệt sức!”

“Tại sao?”

“Thiếu ngủ!”

“Tại sao không ngủ?”

“Uhm! Có một bài cần phải viết mà không viết được vì không yên tĩnh.”

“Nếu muốn, cô có thể dùng cái xương họa của tôi để

đường sức vài ngày. Ở đây cô phải viết vì không có gì để chỉ phối. Không Tivi, rất yên tĩnh! Cô có thể vào mạng bằng cell phone nếu hãng phone cô dùng có cung cấp dịch vụ ở vùng này. Ở giữa thung lũng chung quanh nhiều núi nên không bắt sóng dễ dàng, bất tiện nhưng lại tiện vì sẽ ít đi một cái có khả năng chỉ phối tư tưởng của mình.”

Ông e-mail kèm theo cả bản đồ chỉ đường tôi đến chỗ xưởng họa của ông. “Cô cần cái bản đồ về tay này vì sau khi ra khỏi quốc lộ 115 và tỉnh lộ 806 rồi vào hương lộ cô sẽ phải dùng những con đường không có bảng tên. Cô phải lái xe vì nơi đây không có đường giao thông công cộng. Cô sẽ phải đậu xe ở con đường chính và đi bộ chừng vài hai cây số để đến nơi.”

Tôi nhận lời. Xưởng họa của ông nằm trong một khu rừng ở phía Tây Bắc cách nơi tôi ở chừng hai giờ lái xe.

Nằm giữa rừng cây, xưởng họa của ông là một ngôi nhà nhỏ kiểu Tudor tường đá, cửa chính và các cửa sổ cũng như dọc theo mái nhà có những đường viền sơn màu xanh lá cây. Dọc theo cửa sổ là những sợi dây ivy bắt đầu chuyển sang màu đỏ thẫm. nắng xuyên qua lá thành một màu vàng anh dịu mắt. Căn nhà có dáng dấp của những căn nhà trong cổ tích thần tiên, như thể tôi vừa lạc vào một thế giới trong tranh của Thomas Kincaid. Tôi như đang đứng trong một vùng hào quang. Lòng tôi lâng lâng và thêm được ngủ một giấc dài. Đối với những người có bệnh mất ngủ đây là một cảm giác rất đáng mừng. Tôi rà ngón tay dưới thảm lót chân lấy chìa khóa theo lời ông dặn, tự mở cửa vào nhà. Bên trong rộng hơn tôi nghĩ. Phòng khách có lò sưởi. Gỗ dùng để đốt sưởi chất ngoài hiên nhà. Trong nhà khá lạnh, bụi phủ đầy, dường như ít được dùng. Ngôi nhà sáng sủa nhờ có nhiều cửa sổ. Bên trong trang trí rất đơn giản với rất nhiều tranh treo trên tường. Sơn màu và cọ vẽ để ở một góc nhà lộn xộn bừa bãi. Vài ba tấm vải trên khung vẽ dở dang. Dường như chủ nhân làm nhiều việc cùng một lúc hay rất mau chán

nên không tiếp tục công trình của mình khi mất hứng. Phòng to nhất được dùng làm phòng vẽ. Phòng nhỏ hơn có để một giường nhỏ, khăn trải giường màu nâu sẫm, treo trên tường đá của phòng ngủ là một bức tranh thật to vẽ rừng cây lá với những chùm nắng màu xanh xuyên qua lá. Tôi bật một công tắc đèn, ánh sáng màu indigo dịu dịu tỏa ra từ góc phòng. Ánh sáng làm bức tranh đổi màu. Tôi qua phòng vẽ, mở đèn. Ánh đèn rọi vào một tấm tranh sơn dầu còn dang dở trên giá vẽ hình một đồng cỏ rộng bát ngát trong trời hoàng hôn màu cam sẫm và một con đường lát gỗ dài dẫn hun hút vào chân trời. Tôi có cảm giác bức tranh này còn thiếu một cái gì đó. Một con ngựa trắng chẳng hạn.

Tôi đi vòng quanh, chiêm ngưỡng cái lò sưởi với ống thông khói làm bằng đá, sờ vào tường mân mê những kẻ đá. Trời vào thu mau tắt nắng nên bên trong hơi lạnh. Tôi thấy mệt. Nếu được ngủ có lẽ giấc ngủ sẽ rất dài. Tôi loay hoay nhóm lò sưởi nhưng không biết cách.

Thật ra chúng tôi không biết gì về cuộc sống cá nhân của chúng tôi ngoài blog hiệu ai cũng đoán là tên giả. Nobu là tên tôi gán cho ông dựa theo một nhân vật trong một quyển truyện nổi tiếng nói về một nàng kỹ nữ Nhật. Nhân vật Nobu là một người thông minh, giàu tình cảm, hơi cộc cằn nhưng rất chân thật, nhất là trong tình yêu. Nhân vật này bị cắt một tay và mặt ông có sẹo vì bị bỏng trong chiến tranh. Tôi tự hỏi không biết ông có xấu xí như Nobu không. Liệu tôi có hãi sợ ông khi mặt ông có sẹo và tay ông bị cắt? Liệu ông có thất vọng khi gặp mặt tôi? Chúng tôi chưa bao giờ định nghĩa liên hệ giữa chúng tôi, tình bạn hay tình yêu. Fumiko bảo rằng nếu đó là tình yêu thì chỉ là tình yêu giả. Yêu giả là gì? Là tưởng mình yêu mà thật ra mình không yêu? Hay yêu mà không nghĩ đến hôn nhân? Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ tự hỏi mình điều này. Thà yêu giả còn hơn ghét thật như tôi đã từng ghét mấy thằng bạn trai, phải không chị Fumiko?

Fumiko can ngăn tôi.

“Có biết hẳn ta như thế nào mà đi gặp. Gặp kẻ xấu nó lừa cho. Không sợ người ta bắt làm nô lệ phục vụ tình dục, bỏ đói và trói cô vào trong tủ đứng à?”

“Chị cứ lo sợ hãi.”

Vì biết tính chị nên tôi không nói thật dụng ý của tôi trong chuyến đi này ngoài việc tôi cần viết về một mối tình trên internet. Có lẽ chị không bao giờ ngờ được một người con gái khép kín như tôi lại muốn làm chuyện táo bạo, tìm người để đánh mất trinh tiết, như thế này. Tôi đoán Fumiko sẽ nói như thế này “Kể cả đàn bà Tây phương cũng không làm chuyện điên rồ như thế. Những người tính chuyện lâu dài không bao giờ ngủ với người đàn ông ngay buổi đầu gặp gỡ. Biết bao nhiêu phụ nữ Hồi Giáo và phụ nữ Trung Hoa tìm cách may vá lại màng trinh còn em tự tìm cách phá trinh. Phá trinh để làm gì? Để được bọn con trai xem em là người bình thường? Và như thế có nghĩa là em công nhận em không bình thường?” Ở đại học tôi sợ nhất là trò chơi quay cái chai khi miệng chai chỉ trúng người bị chỉ phải khai lần đầu tiên đã làm gì để mất trinh như thế nào. Các bạn tôi mất trinh ở trên giường bố mẹ lúc mười sáu tuổi với bạn học, trong nhà tắm, trong cầu tiêu của Câu Lạc Bộ đánh tennis. Tôi thường tìm cách đi lấy thức ăn, nước đá, nhức đầu, đau bụng, cần gọi điện thoại cho ai đó, hay đi tiểu và chuồn. Ha, có lẽ lời phê phán của bọn con trai làm tôi nao núng. Và lại trước sau gì cũng một lần mất thì mất với Nobu có lẽ dễ chịu hơn. Tôi cần phải có một kế hoạch để chuyện xảy ra một cách tự nhiên. Nhưng tại sao lại chọn ông mà không là một người nào khác? Thứ nhất là bởi vì tôi thích ông hơn bất cứ người nào tôi đang quen biết. Thứ hai là tôi tin cậy ông. Ông dịu dàng, thông minh, và chân thật. Nếu ông không thích tôi và không muốn làm tình với tôi ông sẽ không làm tôi xấu hổ và đau đớn.

Fumiko không phải là người thân của tôi. Chị chỉ là con búp bê kokeshi cao chừng sáu tấc đội mũ lụp xụp. Tôi chưa bao giờ kể cho bất cứ ai biết sự hiện diện của chị bởi

vì sẽ chẳng ai tin tôi và người ta sẽ cho là tôi điên. Tôi gặp chị ở một chợ trời. Đó là một con búp bê bằng gỗ có đường kính bằng cái ly uống nước. Tôi có cảm tưởng là con búp bê nhìn theo tôi và tôi nghe như có người nói thầm bên tai “Cô bé ơi cô nên mang tôi về, tôi sẽ là bạn tốt của cô đấy.” Theo lời Fumiko, chị được tạc từ loại gỗ Ent sống trong rừng Bắc Âu thời cổ xưa. Ent là giống cây biết đi biết nói. Có một nhánh cây bị sét đánh gãy cành rơi xuống suối rồi ra sông rồi ra biển. Nhánh cây này được một nhà chuyên môn làm đồ chơi bằng gỗ tạc thành một con búp bê. Vào một dịp khác tôi sẽ kể cuộc đời lưu lạc của Miko nhưng ở đây tôi chỉ xin giới thiệu vắn tắt. Tên của chị dài cả chục mẫu tự với nguyên âm phụ âm đứng lộn xộn tôi không thể nào nhớ hết nên tôi đặt tên chị là Fumiko có nghĩa là giấc mơ. Vì được khắc từ một nhánh cây Ent bị sét đánh chị mất khả năng đi đứng nhưng chị có thể xoay vòng tròn cúi đầu ngẩng đầu. Chị vẫn còn giữ được khả năng nói chuyện, thật là may mắn cho tôi. Tôi không biết tuổi chị nhưng trông đáng chừng năm mươi. Khôn ngoan và dịu dàng, Fumiko nhanh chóng trở thành thân nhân duy nhất của tôi. Chị bảo đừng nói về thân thế của chị cho bất cứ người nào biết vì sẽ chẳng ai tin đâu. Và lại chỉ có những người đã từng chết đi sống lại như tôi mới có khả năng nghe và thấy chị nói.

Fumiko không cần phải dặn vì tôi chẳng có ai thân để kể. Tôi có thể hòa nhập vào cuộc đời ở mức độ nhất định như khi phải làm việc tuy nhiên tôi không thể thân mật với ai hết. Chuyện gì nếu tôi không nói với Fumiko thì tôi nuốt ực vào trong lòng. Thế giới của tôi là thế giới ảo. Ở đó không ai biết tôi giàu hay nghèo, đẹp hay xấu, dễ thương hay đáng ghét. Tôi lang thang trong thế giới blog xem người ta làm bạn, kể chuyện, làm thơ, ca hát, đôi khi nói lên nói xấu thậm chí chửi bới nhau. Tình cờ tôi bắt gặp blog của ông, họa sĩ biết làm thơ. Blog ông vắng vẻ tưởng chừng bỏ hoang. Tôi để một bình luận không ngờ ông phúc đáp. Tôi tò mò về hội họa và thích thơ ông. Tôi không biết hình dáng ông nhưng qua thơ tôi đoán là ông

rất già. Bỗng nhiên ông trở thành người thân thứ hai của tôi nhưng tôi không nói cho ông biết điều này. Fumiko không thích thế. Tôi đặt chị trên kệ gỗ phía sau lưng tôi. Ngăn kệ cao hơn đầu tôi nên ở vị trí của chị nhìn thấy mọi trò chuyện của tôi và ông trên computer. Chị phản đối toan tính của tôi kịch liệt. Nếu tôi còn mẹ hay có chị thì mẹ và chị tôi chắc chẳng buông tha. Ôi ôi lẽ nào cột lại tìm trâu. Nhờ ông ta có vợ thì sao?

Đó là cách suy nghĩ của những người thuộc thế hệ cũ. Thời bây giờ các bạn gái của tôi thường xuyên là những người đi bước trước, tấn công trước, chúng nó, đám con gái tự tin và thành công là những người chủ động tìm kiếm chọn lựa và nếu cần họ cũng ra tay cướp giật. Tôi là người lạc loài từ thế kỷ trước. Và tôi đâu có toan tính chuyện lâu dài thì ông có vợ hay không đâu có ăn nhằm gì. Fumiko nói: “Em yêu ông ấy mất rồi, sao lại đi yêu một cái bóng ảo như thế. Tỉ như ông ấy xấu trai, mặt sẹo và cụt tay?” Tôi trấn an chị. “Không đâu, em chỉ dùng xương họa của ông để viết bài cho yên tĩnh.” Chị cười khẩy vì câu nói dối vụng về của tôi. Tôi nói thêm như để cổ thuyết phục chị. “Ồ chỗ ông không có gì để chi phối tư tưởng của em như ở đây, internet, công việc, phone, tiếng xe chạy chẳng hạn.” Tôi nghĩ là tôi chưa hề yêu ai và tôi cũng không biết là tôi có yêu ông không. Tôi chỉ thấy là tôi nhớ ông khi ông vắng mặt. Tôi nghĩ về ông như buổi sáng tôi nhìn thấy sao mai trước khi nhìn thấy mặt trời. Và trong đêm nhìn qua cửa sổ sao mai lấp láy làm tôi nghĩ đến đôi mắt của ông ở một nơi xa xôi nào đó.

Khi tôi thức giấc căn nhà đã ấm hẳn. Lò sưởi đã được nhóm. Tôi nghe tiếng củi nổ lách tách mùi củi cháy thật thơm; đó là hương mùa thu. Thoang thoang từ phòng ngoài tôi ngửi thấy mùi nước táo vắt được hâm nóng. Trên giường là một cái áo kimono bằng vải trắng thật dày và hơi thô. Mùi vải thơm giản dị. Trời bên ngoài đã tối. Tôi với lấy cái kimono vào phòng tắm. Nước nóng làm tôi dễ chịu. Lòng tôi rộn rã cùng với một chút lo lắng. Nhờ mà

ông không thích tôi?

Tôi lúng túng chìa tay ra. Ông nắm khê tay tôi rồi kéo nhẹ tôi vào người ông. Tôi đưa má cho ông hôn, cả hai bên. Tôi ngửi thấy mùi thơm nhẹ nhàng của vỏ chanh và quế trong kem cao râu của ông. Chiều cao trung bình nhưng vì quá gầy nên thoát trông ông có vẻ cao. Tóc húi ngắn, trắng gần hết. Da rám nắng rần rỏi. Màu tóc phản ánh màu da trông rất hay. Áo polo màu đỏ, quần khaki. Không đoán được tuổi ông có vẻ của người chừng năm mươi mà cũng có thể là bảy mươi. Không giống Nobu trong óc tưởng tượng của tôi chút nào. Một người đàn ông đứng tuổi rất đẹp trai. Tuy mới gặp lần đầu nhưng chúng tôi như đã quen nhau từ lâu lắm. “Ông đến lúc nào, bằng gì, đậu xe ngoài đường rồi đi bộ vào rừng?” Ông nheo mắt cười. Tôi cỡi ngựa, con ngựa trắng đang ở ngoài sân dưới gốc cây. Tôi ngó ra cửa sổ nhưng không thấy gì. Ngang qua bức tranh có con đường gồ ghề dài chạy vào chân trời hoàng hôn màu cam sẫm tôi nhìn thấy có một con ngựa trắng. Tôi quay mặt đi, cho rằng vì lo lắng và bị kích động tôi trông gà quá cước. Cũng có thể vì tôi quên không uống thuốc trị bệnh thần kinh.

Tôi bị bệnh hoang tưởng. Tôi thường nhầm lẫn giữa thật và mơ. Và đó là một trong những lý do đã khiến tôi không thể thân mật với ai. Đôi khi tôi yêu mến một anh con trai nào đó rồi chợt khám phá ra đó chỉ là nhân vật mà tôi tưởng tượng ra. Lâu dần tôi tập cho mình nhận biết người nào là người thật và người nào là người tôi sáng tạo ra. Người nào luôn luôn chiều ý tôi, biết cách làm tôi cười, luôn luôn có mặt khi tôi cần, và biến mất khi tôi bảo anh ta tôi cần yên tĩnh để làm việc, đó là người giả do tôi tưởng tượng ra. Nobu là người thật, tôi biết, vì ông chỉ đến lúc nào ông có thể đến, ông không chiều ý tôi, giữa tôi và ông là một không gian rất ảo. Ông thật nhưng cũng rất giả vì tôi biết ông mà vẫn chưa biết ông là ai. Bất cứ chuyện gì xảy ra giữa tôi với Nobu trong lần gặp nhau này tôi sẽ dùng làm kinh nghiệm cho bài viết. Kinh nghiệm

sống. Chuyện có thật và có thể chứng minh.

Ông chiên cơm và khui chai wine. Rượu làm tôi ấm người, má hơi nóng, người tôi râm ran dễ chịu. Lò sưởi cháy âm ỉ, ông tắt đèn đốt nến. Chúng tôi nói chuyện vãn vơ như đã nói chuyện với nhau qua mạng. Ông dọn chỗ ngủ của ông ngay phòng khách cạnh lò sưởi. Ông nhường phòng ngủ cho tôi. Ốc tôi quay cuồng tìm cách quyến rũ ông. Không thể mượn rượu làm bộ say vì cả hai chúng tôi đều không uống nhiều và nếu uống cho say thì tôi sẽ say trước ông. Tôi muốn mời ông khiêu vũ nhưng không biết bắt đầu như thế nào. Một màn tango hay rumba để gợi thèm và khiêu khích. Rumba là một điệu vũ của tình yêu mà. Nói như một nhân vật trong một bộ phim khiêu vũ tôi yêu thích là với Rumba người ta ném trái tim tan tác lên sàn nhảy và dày xéo nó để cái đau đớn của mối tình hiện lên những bước chân. Còn với Tango tôi có thể ngồi lên đùi ông khi chân của ông ở giữa hai chân tôi, và tôi sẽ nhón chân lên mà hôn ông. Nhưng ông không có vẻ gì muốn khiêu vũ. Nếu tôi rủ mà ông không biết khiêu vũ thì có thể làm ông ngượng. Tôi có nhạc khiêu vũ trong laptop nhưng các đĩa nhạc của ông chỉ có nhạc giao hưởng, vĩ cầm và hắc tiêu. Ông bảo, “cô bé ngủ ngon nhé, tôi có hứng muốn vẽ đêm nay. Cô nên tự nhiên, muốn mở đèn để viết lúc nào tùy ý. Bao giờ viết xong bài thì hãy về.”

Tôi vào phòng vẫn mặc cái áo kimono màu trắng ông đưa cho tôi. Đây là giường là chăn của người đàn ông đầu tiên tôi muốn bước vào đời tôi. Tôi trần trở mãi không biết làm sao để dẫn ông vào giường. Tôi nghĩ đến những nàng cung nữ ngày xưa đã thả lá dâu để xe kéo bằng dê đưa vua đến với họ. Tôi không có gì để mời gọi ông. Tôi không muốn khi quay về nhà tôi vẫn còn là xử nữ. Ông sẽ phản ứng ra sao nếu tôi cứ ra ngoài phòng khách ôm lấy ông mà hôn và lột trần ông ra? Tôi hồi hộp tay chân lạnh ngắt. Tôi sợ à? Vô lý! Hay là tôi cứ nói thẳng với ông là tôi muốn ông ngủ với tôi. Đàn ông mà, họ có thể làm chuyện ấy cho dù họ không yêu thương người đàn bà, đúng

không? Wine thường có phản ứng kỳ cục trong cơ thể tôi. Nó làm tôi buồn ngủ nhưng không ngủ được ngon giấc. Tôi mở computer nghe nhạc.

Ông gõ, cửa phòng mở hé. “*Cô bé còn thức à? Nhạc hay đấy cho tôi mời cô một bài khiêu vũ nhé.*” Tôi tung chăn thăm nghĩ ước gì ông vào phòng leo lên giường với tôi. Tôi mở bài Santa Maria to hơn. Tiếng nhạc nghe như tiếng tim đập dồn dập. Tôi qua bên phòng vệ. Tranh, cọ vẽ được dồn qua một góc. Ông cầm bàn tay trái của tôi nâng ngang tầm vai, ngón tay cái của ông ấn phía dưới xương bả vai phải của tôi một chút, vững chắc, điệu nghệ, lưng và cổ thật thẳng, chân hơi rùn xuống. Ông đưa tôi đi theo tiếng nhạc bằng bước chân của loài báo. Ông xoay người tôi nửa vòng xô ra, ông cuốn người tôi nửa vòng quay trở lại trong vòng tay ông, nhún người nghiêng về phía sau, những *dip*, những *promenade*, tôi theo bước ông diu như đi trong mơ, bụng dưới chúng tôi tưởng như chạm mà không chạm dù tôi nghe hơi ẩm từ người ông toát ra lan đến bụng tôi. Bước tiên bước lùi đôi chân chúng tôi hoàn toàn đan vào nhau va chạm ở phía bên trong đùi gần háng làm người tôi rạo rực. Người tôi nóng hừng hực và ẩm ướt. Đôi lúc má chúng tôi áp vào nhau. Tôi nghe hơi thở ông nồng mùi thú hoang, làm tôi muốn cắn, muốn nhai nuốt ông. Tôi muốn giả vờ ngã và kéo ông đè lên người tôi, hay là tôi đè lên người ông. Ý nghĩ mới vừa thoáng qua mà bản nhạc sắp chấm dứt. Nốt nhạc cuối ông bẻ người tôi ngửa ra phía sau. Ôi tôi đã để lỡ cơ hội rồi Chân ông duỗi dài và tôi lỡ trớn phải ngồi lên đùi ông. Tôi thảng thốt cảm thấy phía dưới mình trống trải. Cái kimono buông thả và tôi trần trụi. Ngực tôi đập loạn xạ và tôi tỉnh ngủ. Chỉ là giấc mơ thôi sao? Sao mà giống thật thế. Tôi hay có những giấc mơ không đầu không đuôi vô nghĩa không mạch lạc nhưng chi tiết rất sống động. Giấc mơ này ngoài vừa mạch lạc vừa sống động làm tôi thấy tiếc nuối ước gì được mơ lâu hơn. Chưa khi nào tôi được diu trên sàn nhảy như thế. Sau một lúc bàng hoàng tôi tự cười mình, đã mong muốn mãnh liệt đến độ cái mơ ước

chạy vào trong giấc mơ mà sao tôi lại sợ hãi khi thấy cảm thấy mình trần trụi. Kỳ cục chưa.

Tôi ra đứng cạnh ông. Ông mặc quần pajama màu xanh và cởi trần. Trên giá vẽ bức tranh có bầu trời hoàng hôn màu cam và bên cạnh con đường gỗ chạy dài tới chân trời đã thấp thoáng đường nét của của một con ngựa trắng thứ hai. Mùi sơn thật nồng. Tôi lấy một cây cọ nhỏ chấm vào một mảng màu và soi gương tự vẽ một cái hoa trắng trên má. Rồi tôi vẽ một cái mặt cười màu trắng trên mu bàn tay trái. Khi ông nhìn thấy tôi vẽ lên cổ chân tôi, ông hỏi: *“Em có cho phép tôi vẽ thư pháp lên người không?”* Tôi mừng rỡ, đây là một phương tiện giúp tôi quên rũ ông nhưng tôi bỗng sợ ông khinh tôi. Chuyện kỳ lạ. Chỉ có những người thuộc về thế kỷ trước mới có nỗi lo sợ như thế. Tôi tự thuyết phục. Họa sĩ vẽ người mẫu trần truồng là chuyện thường. Đáng lý ra tôi nên lo sợ đây cũng chỉ là giấc mơ. Thấy tôi đứng tần ngần lưỡng lự ông trấn an. *“Em có thể mặc cái kimono mà hai vạt áo xoay ra phía sau lưng. Như thế phía trước của em vẫn được che kín. Tôi sẽ đốt lò sưởi to hơn để giữ cho em ấm áp.”* Ông dùng một loại sơn khác, màu khô và không mùi hóa chất. Ông nặn trong ống sơn ra hai màu trắng và đen. Tôi vào phòng xoay cái kimono từ trước ra sau rồi ra ngoài ngồi xoay lưng về hướng lò sưởi để ông vẽ chữ lên người tôi bằng một cái bút lông có ngọn to bằng đầu đũa. Ông viết từ trên xuống dưới từ phải qua trái. Ngọn bút lông chấm sơn mát lạnh mon trớn trên da trần của tôi làm tôi xôn xao ngứa ngáy, bụng tôi nóng hừng hực. Ông bảo ông viết một bài thơ Đường trên lưng tôi. Tôi xin ông chụp ảnh lưng tôi nhưng ông bảo là ông không có máy ảnh. Thường thường tôi mang máy ảnh đi khắp nơi nhưng lần này tôi lại quên. Tôi chỉ cần ông đặt bàn tay lên eo tôi và chạy dài xuống đường cong của bờ mông tôi để tôi có thể mạnh dạn kéo ông ngã xuống ngay trước lò sưởi nhưng ông vẫn giữ một thái độ rất tự nhiên thoải mái. Ông khen tôi có làn da rất đẹp cho bức họa. Tôi muốn kéo dài thời gian và tìm cách để ông thêm muốn tôi nên tôi đề nghị ông vẽ

phía trước ngực tôi. Ông đôi cây bút lông đầu nhỏ hơn viết mười bảy chữ hài kú trên vú trái của tôi. Ngón táy út của ông chạm khẽ lên da tôi để làm điểm tựa. Tôi muốn ông vẽ lên phía đùi trong của tôi ông vẽ một bài thơ bốn câu bảy chữ màu đen. Mặt ông thật gần với thân người tôi. Hơi thở từ mũi ông chạm vào da đùi non của tôi làm tôi thấy nhột nhột và nóng người. Đường như sơn trắng đã biến thành kem vanilla và tất cả những mực đen biến thành chocolate và ông biến thành một kẻ thích thức ăn ngọt. Tôi muốn ghi đầu ông và gác chân lên cổ ông nhưng về tính táo đường hoàng thần nhiên của một họa sĩ làm tôi sợ. Vẽ xong, ông rót cho tôi thêm chút wine, bảo rằng tôi nên đi ngủ kéo mệt. *“Nếu cô sợ lạnh thì nên mở cửa phòng để hơi ấm từ lò sưởi vào phòng. Nếu cô quần tắm khăn giường lên người thật kín và đừng lẫn lộn thì vết sơn trên người sẽ không phai.”*

Tôi âm ức vào phòng và biết mình đã lỡ cơ hội thêm lần nữa. Computer của tôi đang phát ra một bản nhạc dành cho các cô bé mới bắt đầu lớn, Kiss The Girl trong phim The Little Mermaid. Tiếng gió luồn qua đám sậy. Tiếng trống bập bùng của nhạc vùng Caribbean. Giọng hát trầm ấm của ông già da đen, hồi thúc chàng hoàng tử nhanh lên hôn cô gái câm, phải hôn cô để cô không mất linh hồn vào tay bà phù thủy khi cô bán giọng hát như tơ trời của cô để đổi lấy đôi chân, ru tôi vào giấc ngủ. Âm ức nhưng tôi vui vì biết Nobu không phải là một nhân vật do tôi tưởng tượng. Tất cả những gì tôi làm đều do sự điều động chỉ dẫn của ông. Nếu ông là nhân vật do tôi tưởng tượng chắc chắn là ông phải biết ý nghĩ tôi muốn đánh mất cái trinh nguyên với ông và vâng lời tôi. Có thể là tôi đã yêu ông. Tôi không biết tình yêu ra sao nhưng tôi nhớ ông rất nhiều. Tôi luôn mang ông trong trái tim tôi trong những bước chân lang thang ngoài phố. Đôi khi tôi thèm được nắm tay ông chạy băng qua đường, ngồi với ông ở một công viên có hợp chợ lộ thiên cùng ăn chung với ông một cái hot dog, ông cắn một đầu và tôi cắn đầu bên kia. Tôi muốn nói cho ông biết tôi thèm nằm bên cạnh ông dưới

một gốc cây có bóng mát thật to để nghe ông hát rằng xưa có gã từ quan lên non tìm động hoa vàng ngủ say.

Có lẽ tôi ngủ không lâu. Ánh sáng chập chùng ở phòng bên ngoài. Gió rú chung quanh nhà. Tiếng gió nghe như tiếng chó tru hay tiếng những con mèo rưng rưng. Hay đó là lời than thở của những con ma áo thụng mặt trắng không mắt không mũi vẫy quanh nhà. Tôi thấy rờn rợn trên lưng và nhói buốt ở gan bàn chân. Tôi đi ra phòng vệ ông đang nằm trên tấm nệm trải dưới đất trước lò sưởi. Tôi kéo chăn leo vào nằm cạnh ông, úp mặt vào lưng ông. Tôi ngửi thấy mùi xà bông và thoảng có mùi của lá sồi khô. Như thế ông phải là người thật bởi vì những nhân vật do tôi tưởng tượng thường không có mùi. Còn những thanh niên thật mà không hợp với tôi thì họ có đủ thứ mùi cả phê, thuốc lá, và mùi không tắm. Nằm im một lúc thật lâu ông trở mình quay sang ôm tôi.

“Bé không ngủ được?” Ông hỏi chuyện đời tôi. Người tôi yêu là ai. Tuy tôi lười không muốn nói nhưng tôi cũng kể sơ qua cho ông biết về Fumiko. Đôi khi tôi nghĩ Fumiko chỉ là sản phẩm tưởng tượng của tôi. Tôi tự cấu tạo một bóng ma để làm bạn. Ông cười khẽ chế nhạo tôi là tôi chỉ là một cô bé sợ cuộc sống thật, nên tìm chỗ trú ẩn trong ảo tưởng. Không dám yêu ai vì sợ bị người ta chê. Tôi cũng nói thoáng qua cho ông biết về cái bệnh hoang tưởng của tôi, những người tôi sáng tạo ra để đóng vai trò người yêu tôi. *“Bé phải bước cả hai chân vào cuộc sống. Bé phải đi tìm hạnh phúc chứ không thể chờ hạnh phúc đến với mình.”* Tôi kể ông nghe mỗi lo sợ của tôi là ông chết trước khi tôi có cơ hội gặp ông thì ông cười khẽ: *“nếu tôi có chết tôi cũng sẽ tìm về với bé.”* Tôi rướn người hôn lên môi ông. Chúng tôi hôn nhau chậm và rất lâu. Tôi áp mặt vào ngực ông thấy dễ chịu vì hơi ấm. Tôi nghe người mình âm dần và nghe nhịp đập của tim ông. Tôi chìm và chìm vào giấc ngủ. Tôi mơ hồ nghe tiếng trống như tiếng trống người tiền sử khiêu vũ trước đồng lửa, rừng rú, kích động, càng lúc càng nhanh. Tiếng trống chuyển sang như

tiếng trống của những vũ khúc múa bụng của các nàng vũ nữ Ai Cập, hoan lạc gợi tình. Tôi vuốt tay lên người ông. Tôi kéo tay ông đặt lên bụng tôi. Dường như tôi không còn biết đất trời gì nữa. Tôi muốn leo lên người ông kẹp ngang bụng ông và biến thành quận chúa phi con ngựa trắng, tóc bay trong gió, má tôi áp vào cổ ngựa và chúng tôi sẽ bay suốt cánh đồng cỏ thật xanh. Ông trở mình lật tôi nằm nghiêng qua bên trái. Ông ở phía sau tôi, đầu tôi gối lên cánh tay ông. Tay trái của ông khóa kín tay trái của tôi. Tay phải của ông nắm chặt cổ tay phải của tôi. Tiếng trống chuyển sang điệu trống vùng biển Caribbean, vui nhộn, hoan lạc, rậm rục. Tôi mơ hồ nghe tiếng nói của Michael Cain “Blame it on Rio.” Tôi mất thể chủ động. Tôi ám ức muốn lỏng lẻo, muốn khuấy cho lửa cháy thật nhanh cho người tôi tan loãng thành những giọt mật rã rời. Như một kỵ mã tài ba biết ghìm cương ngựa ông nắm cứng những ngón tay tôi, dùng chính cườm tay tôi chườm khắp người tôi. Tôi leo đỉnh cao của hoan lạc rồi chới vối rơi vào vực thẳm của đam mê. Và khi tôi điếng ngất, rã rời, thì ông làm chủ tôi. Toàn vẹn. Tôi hoàn toàn khuất phục. Góc tường cuối phòng tỏa ánh sáng màu indigo thật dịu mắt. Trên tường trong ánh sáng indigo hiện ra hình ảnh đôi thiên nga cời lưng nhau lặn xuống nước. Từng đôi bướm chờ nhau đi. Hoa hướng dương cúi mình xuống ôm lấy cái hoa thấp hơn. Lá phong mùa thu đỏ thắm trông giống như những rừng hoa azelas nở đầu mùa xuân. Tôi thấy mình đang rơi thật chậm vào hố sâu của giấc ngủ. Tôi thấy êm ả, hạnh phúc, và bình an. Tôi chưa bao giờ có cảm giác dễ chịu an tâm như thế này. Ước gì tôi được ở trong cảm giác bình yên trong vòng tay của ông mãi mãi. Nếu có ai bắt tôi định nghĩa tình yêu là gì thì tôi sẽ không ngần ngại nói rằng tình yêu là cái cảm giác bình yên đưa tôi vào giấc ngủ.

Khi tôi thức giấc không còn thấy ông bên cạnh. Tôi vào phòng ngủ viết một mạch mười trang giấy về chuyện hai người quen nhau trên mạng. Tôi giữ lại chi tiết hai nhân vật nam nữ đã yêu nhau trong ánh sáng lung linh của lò

sưởi và tiếng trống bao trùm căn nhà. Đây là điều tôi muốn giữ riêng cho tôi. Tuy nhiên tôi mở ngõ là rất có thể người ta yêu nhau và làm tình với nhau ngay từ lần gặp đầu tiên. Chuẩn bị ra về tôi đi ngang phòng vẽ. Trong tấm tranh có một người đàn ông áo đỏ đang cỡi con ngựa trắng và con ngựa nhỏ bên cạnh dậm chân có vẻ như chờ đợi tôi. Tôi bàng hoàng. Như thế có nghĩa là Nobu cũng chỉ là một nhân vật do tôi tưởng tượng. Những cảm giác yêu thương say đắm đầy tin cậy đó chỉ là ảo ảnh thời sao? Bất công quá. Ông là tất cả những mơ ước tôi gói ghém suốt cuộc đời, người thầy và người bạn, xa mà gần, ảo mà thật, vừa cổ xưa vừa hiện đại, vừa lãng mạn vừa thực tế. Và như thế là tôi sẽ mất ông mãi mãi? Tôi thấy đau đớn đến độ mệt mỏi buông xuôi. Tôi quỳ xuống trước tấm ảnh. Trước khi chìm vào cơn mê tôi thấy bàn tay của Nobu từ trong tranh đỡ tôi đứng lên.

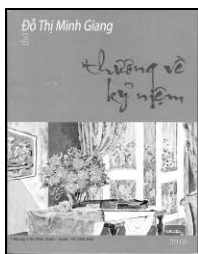
Cô bạn gái se phòng, Fumiko, gọi xe cứu thương đưa cô gái tên Thường Mơ vào bệnh viện. Thường Mơ bị bệnh mất ngủ trầm trọng đã đi tìm giấc ngủ bằng wine và thuốc ngủ mạnh. Cô rơi vào cơn hôn mê ngủ hai ba ngày chưa tỉnh giấc. Những bài nhạc và tiếng trống trong computer Thường Mơ đã xếp đặt cho lập lại suốt mấy ngày nay làm Fumiko điên tiết nên cuối cùng cô vào phòng của Thường Mơ để tìm hiểu. Fumiko khai với bác sĩ là, Mơ bị yếu thần kinh thường hay lẫn lộn giữa ảo tưởng và sự thật. Cô thường tưởng lầm Fumiko là một con búp bê và đôi khi cô nghĩ là cô yêu một người ở bên kia mặt hồ của ảo giác. Khi khám bệnh cho Mơ vị bác sĩ hỏi Fumiko có biết ai đã vẽ những thư pháp lên người Thường Mơ không. Fumiko ngạc nhiên. Sống chung phòng với Mơ đã một năm, Fumiko chưa hề nghe Mơ nói về người bạn nào làm họa sĩ cả.

⁽¹⁾ Dịch từ bài thơ The Hermit của nhà thơ Trung Quốc Hsu Pen (Richard Lewis dịch sang tiếng Anh)

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Phụ trách: Phạm Văn Nhân

(LTS: Mục giới thiệu sách báo do anh Phạm Văn Nhân phụ trách. Chúng tôi hứa sẽ cố gắng đọc kỹ, và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị có nhã ý gởi tặng. Xin gởi về địa chỉ: 2004 Heather St/ Amarillo, TX 79107.)



Thi tập: **Thương Về Kỷ Niệm** của Đỗ Thị Minh Giang. Đây là thi phẩm đầu tay của một nhà thơ nữ định cư tại New Orleans. Trước 1975 chị cũng đã từng làm thơ, từ năm 1966 đến 1974. Thi tập *Thương Về Kỷ Niệm* là tập thơ gọi lại những kỷ niệm của một thời xa xưa. Thời của những mơ ước. Thời của những cô nữ sinh áo trắng ngây thơ và rất dễ thương ấy. Với những con chữ hồn nhiên trong thơ Đỗ Thị Minh Giang làm cho người đọc có cảm tình khi đọc tập thơ đầu tay của chị. “lớp học kẻ bên hay gặp gỡ/ Gương ngừng ao ước lúc trời mưa” hay: “ Tuổi mơ ước mộng nữa vời/ Nụ hoa hé nở bên trời thiên thanh/ Cõi lòng trang giấy tình anh/ Thơ tình chưa viết mực xanh chưa nhòa”. Nhà thơ ĐTMG đã đưa người đọc trở lại thời mộng mơ của một nữ sinh đầy mộng mơ và thưở học trò có quá nhiều kỉ niệm mà ai cũng một thời trải qua. Thi tập không thấy ghi giá bán. Độc giả TQBT cần tìm lại những kỉ niệm xưa thời áo trắng liên lạc với tác giả qua địa chỉ
Đỗ Minh Giang

5829 S.Oak dr.
Marrero,LA 70072
email: minhgdo@hotmail.com

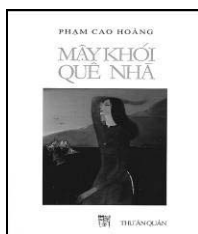


Những Con Mưa Mùa Đông: tập truyện vừa của Lữ Quỳnh do Nam Dao Sài Gòn xuất bản năm 1974. Năm 2010 Thư Ấn Quán tái bản trong “tủ sách di sản văn chương miền Nam” . Truyện gồm 11 chương. Bối cảnh: cuộc chiến tranh Việt Nam.

Đọc *Con Mưa Mùa Đông* của Lữ Quỳnh, độc giả thấy được cuộc chiến Việt Nam mà những con người, nhất là ở nông thôn phải sống giữa hai lần đạn hay giữa hai ý thức hệ mà dưới ngòi bút của LQ phân tích từng nhân vật đã đưa độc giả thấy được cái “khổ đau, dằn vặt” của từng nhân vật trong truyện.

Lữ Quỳnh không lạ gì với độc giả miền nam trước 1975. Tác giả được may mắn vì *Những Con Mưa Mùa Đông* đã được thư viện đại học Cornell lưu giữ và được anh THT bỏ công sưu tập trong Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam. Có điều tập truyện của anh THT: "Nỗi Bơ Vơ của Bầy Ngựa Hoang" do Ý Thức xuất bản năm 1969, thì chúng tôi tìm không ra. Ngày tôi về VN (tháng 3-2010) tôi có hỏi anh Nguyễn Minh người chủ trương in tập truyện này, và một số bạn bè cầm bút cũ nhưng vẫn không ai còn. Độc giả nào còn giữ tập truyện NBVCBNH xin gửi về TQBT. Thành thật cảm ơn.

Độc giả TQBT cần tập truyện này. Liên lạc với tác giả :
e.mail: luquynhnhung@yahoo.com



Mây Khói Quê Nhà: tập thơ của Phạm Cao Hoàng.

Đây là tuyển tập thơ của anh gồm những bài thơ hay đã làm trước 1975 được anh tuyển chọn lại, cùng với những bài anh viết về bạn bè. Về thơ: từ đó tên tuổi của anh đã đi vào lòng độc giả yêu thơ cũng như bạn bè anh một thời qua các tạp chí văn học ở Sài Gòn. Những bài thơ đáng được trân trọng của một nhà thơ trẻ nay được anh góp lại thành tập : Mây Khói Quê Nhà.

Sách dày 123 trang in trên giấy tốt. Bìa và phụ bản: Đinh Cương. Do Thư Ấn Quán xuất bản năm 2010. Không thấy ghi giá bán. Độc giả Thư Quán Bảo Thảo cần có tập thơ này liên lạc nhà xuất bản: tranhoaitu@verizon.net



Thử Bút Chàng Nho Sinh Dưới Góc Tàng của Lữ Kiều.
Đây không phải là túy bút. Không là tản mạn văn chương.

Không phải là tán vãn; mà là những cảm xúc từ một người cầm bút đã hơn 40 năm, vừa một nhà văn, nhà viết kịch, người họa sĩ, vừa là một thầy thuốc. Những giòng chữ trên trang giấy trong tập *Thư Bút* của anh, có thể là cảm hứng, có thể là ngẫu hứng, có thể là những xúc động bất chợt trong một sát na mà tạo nên những con chữ ghi thành sách dưới cái nhìn đứng đắn của một người nghệ sĩ kiêm thầy thuốc.

Hơn 40 năm cầm bút, dưới con mắt của người thầy thuốc. Lữ Kiều Thân Trọng Minh, ta hãy đọc những giòng chữ của Bác Sĩ Đỗ Hồng Ngọc viết về anh: *..dưới con mắt thầy thuốc dẫn đo, cái hồn thi sĩ mang mang, trái tim hiền triết đông phương. Tuổi đôi mươi tự vấn vãn chương, số phận, ý nghĩa đời người...rồi “xuôi dòng” với bao bờ bến lạ. Có những phút tưởng thoát ra được. Dằn xé, hoang mang. Cuối cùng vẫn không thoát. Chàng chỉ là kẻ chỉ sống với cảm tính. Nếu có nhận ra một điều gì đó như là một khẳng định thì ấy chính là “chỉ có văn nghệ là vượt thoát, là giúp con người tử tế với nhau”*

Vâng, câu nói này của Lữ Kiều Thân trọng Minh. mà ngày tôi về gặp anh câu nói vẫn còn đọng trong tôi, trên căn gác nhỏ của NM. Vâng, chỉ có văn nghệ là giúp con người tử tế với nhau mà thôi.

Sách dày 227 trang. Dành tặng thân hữu. Tranh bìa Thân Trọng Minh Ý Thức xuất bản năm 2009.



Hát Đạo Bên Trời thi tập của Trần Dạ Lữ. Do nhà xuất bản Trẻ TP/HCM phát hành năm 1995. Tập thơ được anh thai nghén trên ba mươi năm. Nay *Hát Đạo Bên Trời* là đứa con đầu lòng của anh sau 1975. Với sự hỗ trợ, hà hơi

tiếp sức của bạn bè, thi phẩm HDBT của Trần Dạ Lữ mới hình thành.

Với Trần Dạ Lữ độc giả miền Nam không xa lạ và rất yêu mến thơ anh từ lâu. Như trong Lời Tựa của tập thơ mà nhà văn Cung Tích Biền đã viết về Lữ: *"...có đủ chất tố, tuy thường hằng, nhưng chất tố ấy là sườn cốt hồn linh để thơ Lữ sống lâu bền qua nhiều thế hệ người đọc. Bởi, giữa một biển đời giàu chất quý, lắm dạng ma, luôn huyền ảo, huyền động, nồng cay trong từng lời mật ngọt. Trần Dạ Lữ đã biết - và rất khéo - âm thầm tách riêng, dần mình vào một thế giới mật ngữ: kín đáo, tỏa rộng, thuần khiết, mộc mạc mà đa nội dung. Vì thế, thơ Lữ đến có chừng mực với người đọc hôm nay sẽ còn sức thân thiết lâu bền tới mai kia.."*

Với Lữ, tháng 3-2010 gặp anh vẫn từ tốn, nhỏ nhẹ của một người Huế qua "lời ăn tiếng nói" dạo nào; Mà: *Năm năm rồi chiếc bóng/ Heo hút chốn hải hồ/ Buồn tẻ cơn trường mộng/ Đâu là mái nhà xưa.* Gặp anh bên tách trà trên căn gác nhỏ của Nguyễn Minh, có Nguyễn Lệ Uyên, Lữ Kiều, Khuất Đầu . Tôi thay mặt nhóm chủ trương tặng anh TQBT số 32 chủ đề về anh.



Bắt Nắng: của Vũ Hoàng Thư. Do Quê Mẹ, Paris ấn hành tháng 11. 2009. Giới thiệu Thi Vũ. Không thấy ghi giá bán.

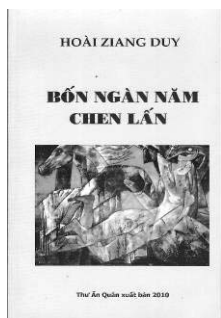
Với Vũ Hoàng Thư, trước 1975 ở quê nhà không thấy xuất hiện trên các tạp chí. Nhưng sau 1975 ở Hải ngoại có một Vũ Hoàng Thư cuối thập niên 90 trên các báo: Quê Mẹ (

pháp), Văn học, Khởi hành...(lời giới thiệu).

Bất năng: văn phong vượt thoát, khác lạ so với những gì mà độc giả đọc được qua những tác giả khác ở trong và ngoài nước. Văn của anh như hơi thở, thoáng nhẹ như mặt nước hồ thu vào buổi ban mai. Như cơn gió thoảng qua, như một cánh hoa mới nở vào sáng sớm còn đọng hơi sương. *Bất Năng* làm mê lòng người qua những con chữ chắc lọc, truyền cảm nhẹ nhàng dưới ngòi bút của Vũ Hoàng Thu.

Giới thiệu *Bất Năng* chưa đủ. Phải đọc và phải tìm đọc để tìm thấy một văn phong nhẹ nhàng như thơ của một cựu SQ/HQ miền Nam cũ . Liên lạc với Vũ Hoàng Thu qua e.mail: vuhoangthu@yahoo.com hay:

5126 W.138th Street
Hawthorne, CA 90250
Giá 15 Mỹ kim



Bốn Ngàn Năm Chen Lấn: của nhà văn Hoài Ziang Duy. Do Thư Ấn Quán xuất bản. Trình bày bìa: Nguyễn Khai. Sách dày 277 trang. Giá bán 15 Mỹ kim. Được biết đây là tập truyện ngắn thứ 5 của anh được xuất bản ở Hải ngoại.

Bốn Ngàn Năm Chen Lấn là tên của một truyện ngắn được anh chọn làm tựa cho tập truyện . Lại mà thực. Câu chuyện kể từ một gia đình. Mà, tác giả viết: *Đất nước này có nhiều nghề khó hiểu mà vẫn sống được...* Đọc truyện của

Hoài Ziang Duy mới thấy được cái lý lẽ đời thường trong xã hội vừa bi vừa hài này.

Dưới cái nhìn của anh. Vừa sắc bén nhưng cũng vừa bao dung. Tạo nên một tác phẩm hay gửi đến độc giả .

Liên lạc: Hoài Ziang Duy qua email: ho aizduy@yahoo.com

hay; Bình Do

4466 Limelight ct

Annandale, VA2003



Đặc San Hội Ngộ Phan Bội Châu 2010: do nhóm cựu học sinh trường Phan Bội Châu Phan Thiết ấn hành tại San Jose, California. Đặc san dày 200 trang . Gồm nhiều bài vở, tùy bút và hình ảnh thầy cô phong phú của nhiều thế hệ khác nhau học dưới mái trường này. Đây là ngôi trường trung học đầu tiên tại thị xã Phan Thiết thành lập giữa năm 1952. Niên khóa đầu tiên 1952-1953 gồm hai lớp Đệ thất mở ra tại trường tiểu học Đức Thắng. Và, trường Phan Bội Châu trước 1975 đã đào tạo nhiều học sinh thành đạt trong nhiều ngành cho một miền nam cũ.

Một Đặc San góp mặt nhiều cây viết “học trò” ngày nào của tỉnh nhà; mà những giọng thơ của Quảng Ngôn Lê Ngữ nổi lên được nổi bật hồi khi hội ngộ: *mười năm nữa, tao thời bây chực/ Còn thằng kia chắc cũng ngang ngang?/ Và thằng này chống gậy chống càn/ Mừng hội ngộ mà chân tay run rẩy..*

Những câu thơ chân thật của Quảng Ngôn Lê Ngữ, một PBC 69 đàn em của người giới thiệu sách đã làm tôi cũng bồi hồi khi nhìn lại mái trường xưa, thầy cũ. Tháng 3-

2010 tôi về và dừng lại, đứng trước cổng trường im lặng. Các em đang tụ năm tụ ba trong sân trường dưới tán những tàn cây trong cái nắng của PT. Tôi im lặng tìm lại hình bóng mình hơn 55 năm qua trong khoảng sân trường ấy. Một góc nhỏ thôi trong ký ức. Và, Phan Bội Châu hôm nay, ngôi trường đã mở rộng.

(Vì trang báo có giới hạn. Những tác phẩm trong và ngoài nước gửi đến chúng tôi nhận được trong tháng 6-7 năm 2010, chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu tiếp trong số 44. Xin chân thành cảm ơn các tác giả đã gửi báo biểu đến TQBT chúng tôi.)

GIỮA TÒA SOẠN VÀ THÂN HỮU



Truyện dài đăng trên TQBT đã được đưa lên Mạng

Trong thời gian qua, chúng tôi đã đưa lên mạng Talawas truyện dài *Cúi Mặt* của Bùi Đăng, *Những Tháng Năm Cuồng Nộ* của Khuất Đầu, *Người Giữ Nhà Thờ Họ* của Khuất Đầu, *Những cơn mưa mùa đông* của Lữ Quỳnh.

Muốn đọc xin lên địa chỉ:

Địa chỉ: <http://talawas.org>

(search những tác giả muốn tìm)

Mặt khác những truyện này cũng đã được in thành sách. Muốn nhận, xin gửi tem thư cước phí về tòa soạn.

Riêng truyện dài *Cúi Mặt* không còn tiếp tục trên TQBT vì cần nhiều trang cho những mục cần thiết khác. Đổi lại, chúng tôi đã in thành sách và post trên talawas.

Trân trọng

Thư của bạn T. (CA):

Những Năm Tháng Cuồng Nộ đăng trên talawas đúng vào lúc diễn đàn này có chương trình gửi bài vở qua email, đến những độc giả không có khả năng vượt tường lửa – ở Việt Nam. Nhờ đó, em nhận được thư từ của vài người quen cho biết họ đã có cơ hội theo dõi, một cách thích thú, truyện của anh Khuất Đầu. Trước đó, tác phẩm này gần như chỉ được phổ biến trong anh em chúng ta thôi.

Em chợt nghĩ thêm rằng những sáng tác khác của anh em, ở quê nhà, cũng nên phổ biến theo cách này anh ạ. Nhìn lại [Tủ sách talawas](#), sách xuất bản tại miền Nam trước 1975, em thấy cô Phạm Thị Hoài cũng rất thiết tha trong vấn đề này. Cách làm việc cẩn trọng của talawas cũng khiến chúng ta tin tưởng được.

Chớ cứ tiếp tục TQBT thì nặng nề cho quý anh quá, về thời gian cũng như tiền bạc, mà sức khoẻ của mọi người đều không được như xưa nữa. Chiều rồi.

....

Trả lời:

- Như T theo dõi, trong thời gian qua, Talawas đã post liên tiếp những truyện dài do Thư Quán Bản Thảo sưu tập của các tác giả Bùi Đăng, Khuất Đầu, Lữ Quỳnh. Tòa soạn đã nhận được rất nhiều thư chia sẻ, nhất là từ trong nước. Tuy nhiên, việc post trên talawas không phải dân dị. Thứ nhất bài vở phải đạt tiêu chuẩn, có giá trị cao. Thứ hai, phải có sự đồng ý của tác giả nếu tác phẩm không nằm trong tủ sách di sản văn chương miền Nam. Vì talawas là một diễn đàn mà guồng máy nhà nước hiện hữu tìm cách bức phá, bao vây bằng tường lửa, nên chúng tôi rất thận trọng khi post bài lên mạng này, sợ ảnh hưởng đến anh em cầm bút ở trong nước.

Qua những phản hồi và những thư @, chúng tôi được biết TQBT là một tạp chí mà nhiều người mong ước được đọc. Vì vậy, không thể bỏ nó, T. à. Bỏ nó thì sống bằng gì bây giờ !

Đính chánh:

Trên TQBT số 42, cuối trang 213, ghi chú 13, tác giả Cao Thế Dung nhầm tên Quách Thoại: ông ấy tên Đoàn Thoại chứ không phải Đoàn Tường, là tên nhà văn Lý Hoàng Phong, anh ruột Quách Thoại.

Ngoài ra Đoàn Phú Tứ, không phải là Đoàn Phú Thứ (trang 189)

(xin được cảm ơn nhà phê bình ĐT)

